

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOA LINH

----------

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
“KHU SẢN XUẤT THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM
BỔ DƯỠNG”**

Địa chỉ: Lô B3, CCN Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM HOA LINH



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. TRẦN NGỌC ÁNH

Hà Nội, Tháng 11 - năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	iii
DANH MỤC HÌNH	iv
MỞ ĐẦU	1
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	2
1. Tên chủ cơ sở	2
2. Tên cơ sở	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	6
3.3. Danh mục thiết bị sản xuất chính	21
3.4. Sản phẩm của cơ sở	25
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	25
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	26
4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện trong quá trình hoạt động của cơ sở....	28
4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước trong quá trình hoạt động của cơ sở...	29
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	32
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG.....	35
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	35
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	37
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	39
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	39
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	39
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	40
1.3. Xử lý nước thải.....	44
1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt.....	44
1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m ³ /ngày đêm	45
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	50
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	54
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	54
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	55
4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	57
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	59
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố	60
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	65
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	65

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	70
1. Nội dung cấp phép đối với nước thải	70
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	70
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	71
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	72
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	72
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	73
Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	77
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	77
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	77
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	77
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	78
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	78
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	79
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	80

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Toạ độ điểm giới hạn khu đất của Cơ sở.....	2
Bảng 1. 2. Công suất sản xuất các sản phẩm của cơ sở (quy đổi ra tấn/năm).....	6
Bảng 1. 3. Danh mục thiết bị sản xuất chính của cơ sở.....	21
Bảng 1. 4 Công suất và tính năng của các máy móc được sử dụng trong Công ty	23
Bảng 1. 5. Thống kê nguồn nguyên liệu được sử dụng tại cơ sở	26
Bảng 1. 6. Bảng danh mục hóa chất sử dụng của cơ sở	27
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng điện trong 6 tháng gần nhất của cơ sở	28
Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn tiêu thụ nước của cơ sở	29
Bảng 1. 9. Nhu cầu thoát nước theo hóa đơn phí thoát nước của cơ sở.....	30
Bảng 1. 10. Bảng cân bằng nước sử dụng của cơ sở (hiện tại)	31
Bảng 1. 11. Bảng cân bằng nước sử dụng của cơ sở (hoạt động hết công suất)	32
Bảng 1. 12. Các hạng mục công trình của cơ sở	32
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom, thoát nước mưa	39
Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom, thoát nước thải	44
Bảng 3. 4. Thông số các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải	49
Bảng 3. 5. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.....	49
Bảng 3. 6. Thông số các hạng mục công trình của hệ thống xử lý khí thải	52
Bảng 3. 7. Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở	55
Bảng 3. 8. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở (kg/năm)	57
Bảng 3. 9. Tóm tắt các nội dung có thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được cấp của cơ sở.....	66
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2024 của cơ sở.....	72
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2023 của cơ sở.....	73
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí đợt 1 năm 2024 của cơ sở.....	73
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí đợt 2 năm 2024 của cơ sở.....	74
Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí đợt 1 năm 2023 của cơ sở.....	75
Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí đợt 2 năm 2023 của cơ sở.....	75
Bảng 5. 7. Kết quả quan trắc môi trường khí thải của cơ sở	76

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh	3
Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ chiết xuất dược liệu	7
Hình 1. 3. Sơ đồ công nghệ sản xuất thuốc đông dược.....	8
Hình 1. 4. Sơ đồ công nghệ sản xuất kem thuốc, kem mỹ phẩm.....	11
Hình 1. 5. Sơ đồ công nghệ sản xuất thuốc nước dùng ngoài.....	13
Hình 1. 6. Sơ đồ công nghệ sản xuất thuốc thực phẩm bổ dưỡng	15
Hình 1. 7. Sơ đồ công nghệ xử lý nước lọc tinh khiết	18
Hình 1. 8. Hình ảnh một số khu vực sản xuất của cơ sở.....	21
Hình 1. 9. Hình ảnh một số sản phẩm của cơ sở.....	25
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cơ sở.....	39
Hình 3. 2. Sơ đồ mặt bằng thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở	40
Hình 3. 3. Quy trình thu gom và thoát nước thải của Cơ sở.....	41
Hình 3. 4. Sơ đồ mặt bằng thu gom và thoát nước thải của Cơ sở	42
Hình 3. 5. Sơ đồ bể tự hoại 03 ngăn của cơ sở	44
Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m ³ /ngày đêm của cơ sở	46
Hình 3. 7. Một số hình ảnh tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.....	49
Hình 3. 8. Sơ đồ xử lý khí thải lò hơi.....	51
Hình 3. 9. Một số hình ảnh tại hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	53
Hình 3. 10. Kho chứa CTR công nghiệp thông thường tại cơ sở	57
Hình 3. 11. Hình ảnh kho chứa Chất thải nguy hại của cơ sở.....	59

MỞ ĐẦU

“Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng” do Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh làm chủ đầu tư được thực hiện tại Lô B3, CCN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Cơ sở đã được UBND tỉnh Hà Tây chấp thuận cho phép đầu tư tại công văn số 2163/UBND-HT cấp ngày 19/5/2006. UBND thành phố Hà Nội đã cấp chứng nhận đầu tư số 01121000990 chứng nhận ngày 19/5/2011 cho Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh thực hiện dự án đầu tư “Dự án đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng đạt tiêu chuẩn GMP”. Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và môi trường TP Hà Nội phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với “Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng” của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh tại Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng tại quyết định số 96/QĐ-STNMT ngày 06/02/2013. Sau một số lần điều chỉnh, hiện tại chủ đầu tư của cơ sở là Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh (theo Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101225867 đăng ký lần đầu ngày 18/10/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 16/10/2024).

Cơ sở đang hoạt động có phát sinh nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của CCN, ngoài ra cơ sở phát sinh khí thải lò hơi (dùng nguyên liệu than) phải xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường. Vì vậy theo Khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Mục tiêu sản xuất của Cơ sở là sản phẩm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng. Cơ sở có vốn đầu tư là 35 tỷ đồng (theo Chứng nhận đầu tư số 01121000990 chứng nhận ngày 19/5/2011), theo Khoản 2, Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, cơ sở thuộc dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Căn cứ theo Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Theo đó quy mô của cơ sở thuộc Nhóm III theo quy định của Luật BVMT số 72/2020 ngày 17/11/2020.

Căn cứ điểm c, khoản 3 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND thành phố Hà Nội. Ngày 10/7/2024, UBND TP Hà Nội đã ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết và Quyết định 05 thủ tục hành chính tại quyết định số 3596/QĐ-UBND. Vì vậy, cơ sở thực hiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình Sở tài nguyên và môi trường TP. Hà Nội thẩm định và cấp phép.

Cơ sở đang hoạt động, cấu trúc và nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở được trình bày theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh
- Địa chỉ: 56 Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Trần Ngọc Ánh
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- Điện thoại: 024.37676986 - 024.33638165
- Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000990, đăng ký ngày 19 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban nhân dân TP Hà Nội cấp .
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số 0101225867 đăng ký lần đầu ngày 18/10/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 27/09/2019 với tên công ty “Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh”.
- Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101225867 đăng ký lần đầu ngày 18/10/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 16/10/2024 với tên công ty “Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh”.
- Công ty đã ban hành Thông báo số 01/TB-CPHL ngày 17/10/2024 về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng
 - Địa điểm cơ sở: Lô B3, CCN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
 - Phạm vi, diện tích của dự án
- Khu vực thực hiện Dự án tại Lô B3, CCN thị trấn Phùng – Đan Phượng – Hà Nội với tổng diện tích khoảng 10.000 m² gần UBND huyện Đan Phượng là khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng, có các hướng tiếp giáp như sau:
- + Phía Đông: Giáp với đường nội bộ CCN
 - + Phía Tây: Giáp với Công ty Cổ phần Thực phẩm Richy Miền Bắc (Nhà máy số 2)
 - + Phía Bắc: Giáp với đường nội bộ cụm công nghiệp
 - + Phía Nam: Giáp với Công ty TNHH Kỹ thuật Chín Lan Shing Rubber Hà Tây
 - Tọa độ khép góc của Cơ sở theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰45’ được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 1. Tọa độ điểm giới hạn khu đất của Cơ sở

TT	Tọa độ theo trục X (m)	Tọa độ theo trục Y (m)
1	2333209	569956
2	2333173	570034

TT	Tọa độ theo trục X (m)	Tọa độ theo trục Y (m)
3	2333068	569985
4	2333105	569907

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)



Hình 1. 1. Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh

b, Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 063588 ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Công ty TNHH dược phẩm Nata (Ngày 06/4/2023 điều chỉnh tên thành Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0101225867 đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 16/10/2024 với tên Công ty Cổ phần dược phẩm Hoa Linh.

- Hợp đồng thuê đất số 527/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 834/TD-PCCC ngày 30/7/2018 của cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội – Bộ

Công an.

- Văn bản số: 128/PC07-CTPC ngày 04/02/2021 về việc nghiệm thu PCCC của Phòng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an thành phố Hà Nội-Bộ Công an.

c, Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: các giấy phép môi trường thành phần

- Quyết định số 96/QĐ-STNMT ngày 06/02/2013 của Sở tài nguyên và môi trường TP Hà Nội về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với “Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng” của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh tại CCN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội.

- Quyết định số 223/GXN-STNMT ngày 19/11/2014 của Sở tài nguyên và môi trường TP Hà Nội về việc: xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng” tại địa chỉ: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số 01.000590T

d, Quy mô của cơ sở:

Tổng vốn đầu tư của dự án là 35 tỷ đồng → Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Tình hình hoạt động của cơ sở:

Cơ sở được khởi công xây dựng vào cuối năm 2006 và hoàn thành đi vào hoạt động vào tháng 9 năm 2008. Hiện nay, số lượng cán bộ công nhân viên của cơ sở là 157 người.

Trên cơ sở phát huy thế mạnh về công nghệ, quan hệ, kinh nghiệm và tiềm năng phát triển trong lĩnh vực sản xuất và phân phối các sản phẩm dược phẩm và mỹ phẩm, cơ sở quyết định đầu tư sản xuất và kinh doanh hai nhóm sản phẩm chính ban đầu là:

Nhóm đông dược có nguồn gốc từ dược liệu thiên nhiên:

- + Thuốc viên ngậm ho
- + Thuốc viên đau dạ dày
- + Viên bao đường bổ gan
- + Viên bao phim bổ gan
- + Viên bao đường tăng lực
- + Thuốc uống Sirô ho
- + Thuốc uống hoạt huyết
- + Ống uống nhân sâm Linh chi
- + Ống uống bổ gan

Nhóm thuốc tân dược dùng ngoài

+ Kem trị mụn trứng cá

+ Kem trị nám

+ Kem chống ngứa

Nhóm mỹ phẩm

+ Dầu gội đầu dưỡng tóc

+ Dầu gội thảo dược trị nám

+ Dung dịch vệ sinh phụ nữ

+ Lăn khử mùi hôi

+ Xịt khử mùi hôi

Nhóm sản phẩm đông dược có nguồn gốc từ dược liệu thiên nhiên được bào chế dưới các dạng viên bao phim, bao đường, viên hoàn mềm, sirô, viên hoàn uống và thuốc nước.

Nhóm thuốc dùng ngoài gồm thuốc nước, kem, gel.

Nhóm sản phẩm mỹ phẩm bao gồm dầu gội đầu các loại được bổ sung các dược chất có tác dụng điều trị một số bệnh về tóc và da đầu đóng gói dưới dạng gói sử dụng một lần và chai nhựa. Các sản phẩm chăm sóc da như sữa tắm (đóng gói dưới dạng gói sử dụng một lần và chai nhựa), kem bôi dưỡng da các loại ngoài tác dụng giữ độ ẩm cho da, làm đẹp da còn có tác dụng trị một số bệnh ngoài da như mụn, nám, da khô, da kích ứng, chàm, lang ben v.v... Các sản phẩm này được đóng gói dưới dạng tuýp, Gel và gói nhỏ dùng một lần.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-STNMT ngày 06/02/2013 của Sở tài nguyên và môi trường TP Hà Nội về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết, công suất của cơ sở như sau:

- Thuốc:

+ Thuốc viên: 109.375.000 viên/năm;

+ Thuốc nước: 437.500 lít/ năm;

- Mỹ phẩm:

+ Dầu gội, sữa tắm các loại: 109.375 lít/năm;

+ Kem các loại: 46.875 lít/ năm.

Công suất sản xuất các loại sản phẩm của Cơ sở giai đoạn hiện tại và theo Đề án BVMT đã được duyệt như sau:

+ Tổng sản phẩm của năm 2023 khoảng 750 tấn.

Bảng 1. 2. Công suất sản xuất các sản phẩm của cơ sở (quy đổi ra tấn/năm)

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng theo đề án BVMT	Quy đổi đơn vị (tấn/năm) theo đề án	Công suất hiện tại (tấn/năm)
1	Dầu gội sửa tắm các loại (chủ yếu là Dung dịch vệ sinh các loại)	lít	109.375	112	100
2	Kem bôi	kg	46.875	47	30
3	Thuốc viên	Nghìn viên	109.375	225	190
4	Thuốc nước	lít	437.500	481	430
	Tổng			895	750

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

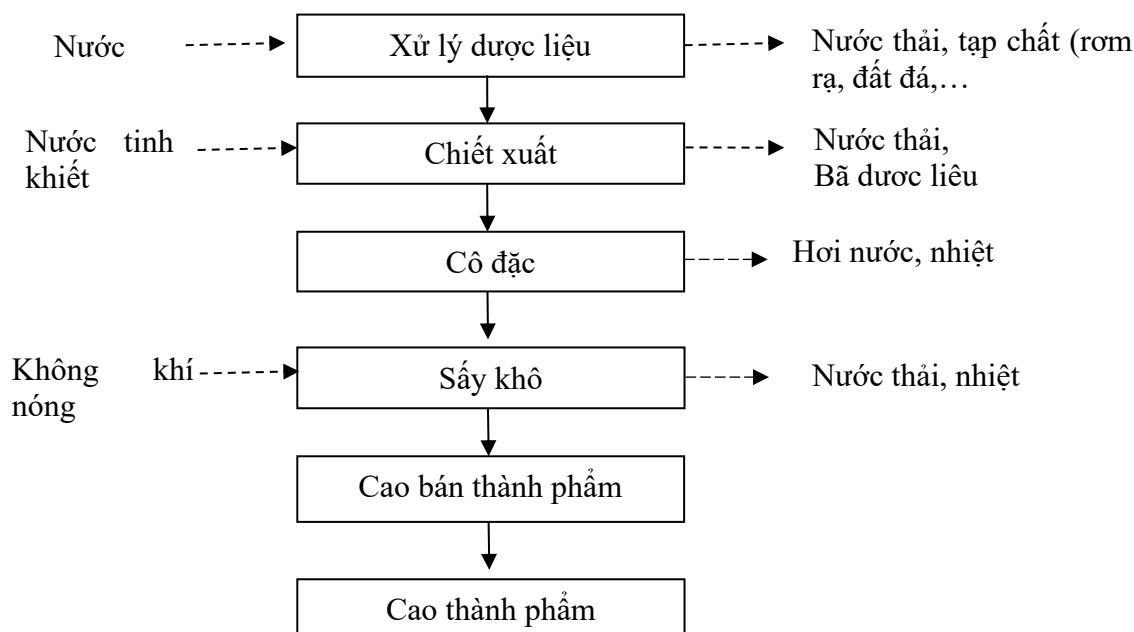
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Do đặc trưng sản phẩm của Dự án là Dược phẩm, Mỹ phẩm và Thực phẩm bổ dưỡng có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người nên việc sản xuất phải theo công nghệ cao về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn. Quy trình sản xuất đều được thiết kế theo chu trình khép kín theo nguyên tắc một chiều và tự động hoá cao nhằm giảm thiểu sự can thiệp của môi trường bên ngoài và sự tấn công của các yếu tố gây hại. Tất cả các khâu của quy trình sản xuất đều phải được kiểm định bởi bộ phận bảo đảm chất lượng và được lắp đặt các thiết bị theo dõi an toàn có độ tin cậy cao.

Trên cơ sở yêu cầu của sản phẩm giải pháp công nghệ được lựa chọn cho từng dây chuyền sản xuất.

Công nghệ sản xuất các loại sản phẩm của Cơ sở giữ nguyên so với đề án bảo vệ môi trường chi tiết được Sở TNMT TP Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 96/QĐ-STNMT ngày 06/02/2013, ngoài ra bổ sung làm rõ các dòng thải của từng quy trình sản xuất cụ thể như sau:

a) Sơ đồ công nghệ chiết xuất dược liệu dùng để sản xuất thuốc đông dược, mỹ phẩm và thực phẩm bổ dưỡng



Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ chiết xuất dược liệu

Thuyết minh quy trình:

Bước 1: Xử lý dược liệu

Nguyên liệu đầu vào của quy trình bao gồm các dược liệu thô (gồm các loại hoa, lá, thân, cành, củ, quả,...) được nhập từ các nhà cung cấp theo tiêu chuẩn và Dược điển VN5 sẽ được mang đi xử lý sơ bộ. Dược liệu thô được rửa sạch, loại bỏ tạp chất, sơ chế như cắt nhỏ hoặc nghiền để chuẩn bị cho bước chiết xuất. Quá trình này phát sinh nước thải từ việc rửa sạch và chất thải rắn như tạp chất, rơm rác, đất đá,....

Bước 2: Chiết xuất

Dược liệu sau khi được xử lý sơ bộ được đưa vào thiết bị chiết xuất. Quá trình sử dụng nước để hòa tan và tách các hoạt chất quan trọng từ dược liệu. Trong quá trình này một số chất thải phát sinh như nước thải chứa dư lượng dung môi, chất thải rắn từ bã dược liệu và hơi nhiệt.

Bước 3: Cô đặc

Dung dịch chiết xuất được chuyển sang thiết bị cô đặc nhằm giảm lượng dung môi, làm tăng nồng độ hoạt chất. Tại đây dịch chiết được cô ở nhiệt độ thấp (khoảng 60°C – 70°C, áp suất giảm từ 0,07Mpa đến 0,03Mpa), dịch cô luân chuyển động tuần hoàn trong thiết bị. Do vậy, thời gian cô rất nhanh, và không làm thay đổi tính chất hóa học cũng như hoạt tính sinh học của hoạt chất. Giai đoạn này phát sinh nước thải, mùi và nhiệt.

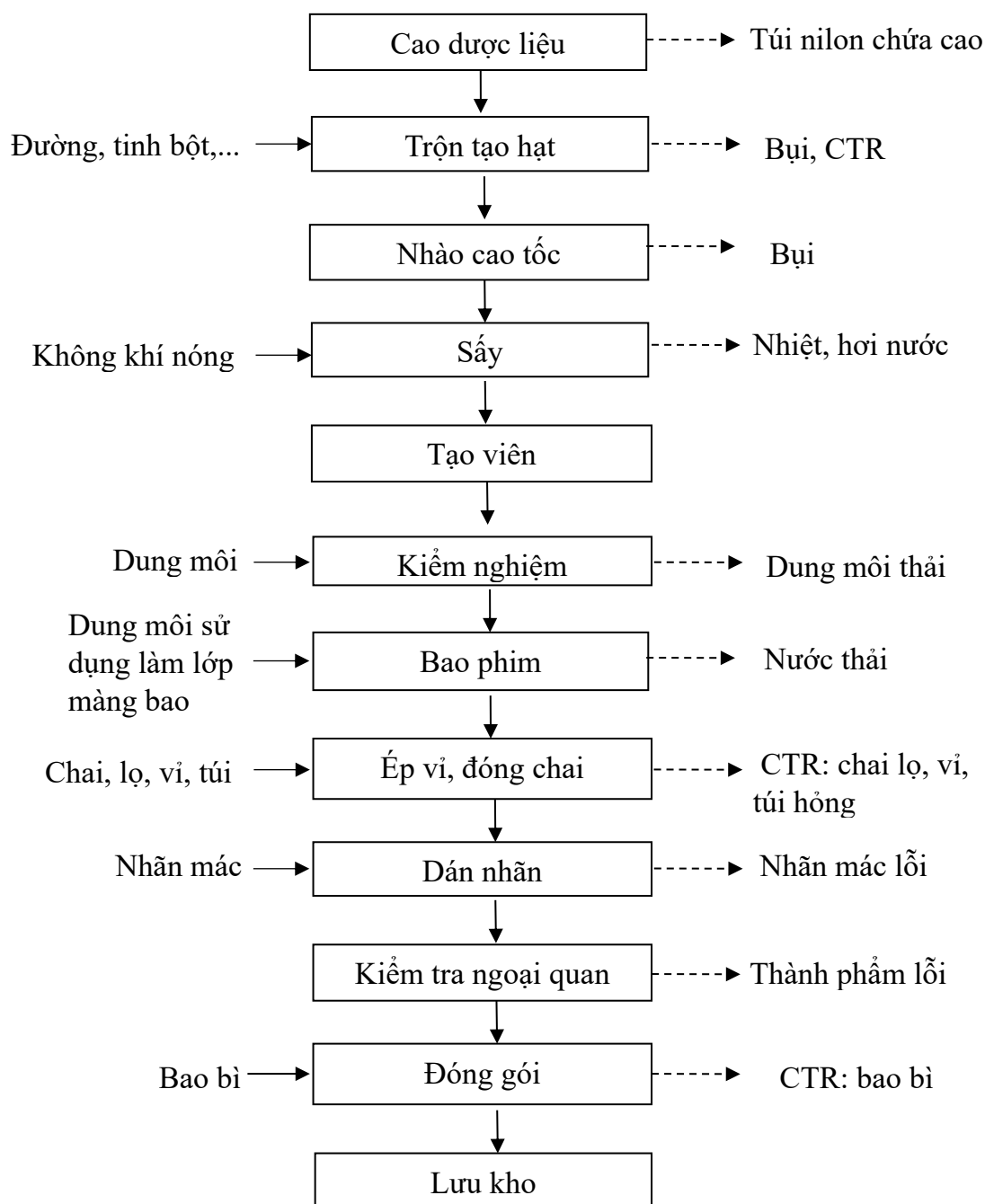
Bước 4: Sấy khô

Cao cô đặc sau đó được sấy khô để loại bỏ hoàn toàn hơi ẩm, tạo thành cao bán thành phẩm bằng máy sấy tầng sôi cấp hơi nhiệt từ lò hơi. Quá trình này tạo ra nước thải

từ hơi ẩm và nhiệt dư thừa. Cao sau khi sấy khô sẽ được kiểm tra chất lượng và tạm thời đóng gói thành cao bán thành phẩm. Trong bước này, cao bán thành phẩm được gia công, kiểm tra chất lượng và đóng gói thành cao thành phẩm phục vụ cho các quy trình sản xuất của cơ sở.

➤ Ở đây, cơ sở áp dụng phương pháp chiết xuất dược liệu dưới áp suất giảm và thu hồi dung môi. Với công nghệ chiết xuất mới này, các sản phẩm từ đông dược vẫn giữ được tác dụng, mùi vị.....thời gian chiết xuất nhanh, dung môi được thu hồi liên tục sẽ tạo điều kiện cho giá thành sản phẩm thấp, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường.

b) Sơ đồ công nghệ sản xuất thuốc đông dược



Hình 1. 3. Sơ đồ công nghệ sản xuất thuốc đông dược

Bước 1: Trộn tạo hạt

Nguyên liệu chính được sử dụng là cao dược liệu (cao thành phẩm). Cao dược liệu được đưa vào máy trộn tạo hạt cùng với các phụ liệu cần thiết như chất kết dính và các thành phần bổ sung khác: đường; tinh bột; ... được trộn thành hỗn hợp đồng nhất. Bước này đảm bảo hỗn hợp đạt được sự đồng nhất cần thiết để chuyển sang các giai đoạn tiếp theo. Trong quá trình này, có thể phát sinh bụi từ quá trình bổ sung nguyên liệu vào và bỏ bao bì chứa nguyên liệu bổ sung.

Bước 2: Nhào cao tốc

Hỗn hợp từ bước trộn sẽ được đưa qua máy nhào cao tốc để tạo ra khối hạt dẻo đồng nhất với độ kết dính cao dưới tác dụng của cánh trộn máy nhào. Quá trình này phát sinh một lượng bụi đáng kể từ nguyên liệu.

Bước 3: Hấp sấy

Hỗn hợp sau khi nhào sẽ được chuyển tiếp sang giai đoạn hấp sấy bằng máy sấy tầng sôi. Giai đoạn này loại bỏ hơi ẩm dư thừa, giúp hạt đạt được độ ổn định và kích thước chuẩn. Không khí bên ngoài được đưa qua bộ phận đốt nóng để gia nhiệt lên tới nhiệt độ sấy cần thiết. Không khí sau khi được gia nhiệt và làm sạch, được dẫn vào từ phía dưới bởi máy dẫn gió, thông qua tấm lưới sàng phía dưới bình chứa nguyên liệu đi vào buồng làm việc tháp chính, đẩy hỗn hợp hạt vật liệu ẩm lên đỉnh thiết bị, do trọng lượng hạt chảy xuống thành dòng, vừa đi vừa tiếp xúc với không khí nóng, phần ẩm có trong vật liệu bay hơi nhanh chóng, hạt được sấy khô. Thời gian sấy mỗi mẻ từ 30-45 phút.

Bước 4: Tạo viên

Sau khi sấy khô, hỗn hợp sẽ được đưa vào máy dập viên quay tròn. Viên thuốc được định hình thành dạng viên nén hoặc viên nang tùy theo thiết kế sản phẩm. Việc tạo hình viên đòi hỏi sự chính xác cao để đảm bảo rằng các viên thuốc có kích thước, trọng lượng và độ bền cơ học đồng đều vì vậy sử dụng máy móc tự động hóa.

Máy dập viên hoạt động như sau: Hạt cốm chảy từ phễu chứa hạt xuống khoang phân phối hạt, tại đây chúng được đong vào các cối. Tại thời điểm cuối cùng thì chày dưới trong khoang phân phối chày dưới được nâng lên một ít và cối được đong đầy hạt, phần hạt dư được khoang phân phối gạt giữ lại nhờ đó mà tiết kiệm nguyên liệu, ngay sau lúc đó chày dưới được hạ thấp một ít. Chày trên cũng được hạ xuống, khi tới miệng cối thì chày dưới được nâng lên và viên được nén từ hai phía trên và dưới. Sau đó cả hai chày đều đi lên và viên được đẩy ra khỏi cối. Viên nén được thanh gạt, gạt ra khỏi máy.

Bước 5: Kiểm nghiệm

Sau khi tạo viên, sản phẩm sẽ trải qua giai đoạn kiểm nghiệm để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt. Quá trình kiểm nghiệm bao gồm việc kiểm tra độ rã, độ bền, và hàm lượng hoạt chất để xác nhận rằng mỗi viên thuốc đáp ứng đầy đủ

các yêu cầu an toàn và hiệu quả. Những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn trong bước kiểm nghiệm này sẽ bị loại bỏ để đảm bảo chất lượng toàn bộ lô sản xuất.

Bước 6: Bao phim

Sản phẩm đạt yêu cầu từ bước kiểm nghiệm sẽ tiếp tục được chuyển sang giai đoạn bao phim tùy thuộc loại sản phẩm, một lượng viên nén được đem bao phim. Quá trình này sử dụng máy bao phim viên thuốc để đảm bảo lớp bao đồng đều, mịn và chắc chắn. Thuốc ở dạng viên nén được nạp vào thùng quay của máy bao phim qua cửa nạp liệu. Dịch bao phim bao gồm PVA, PEG, Titan dioxyd, Ethanol,...được bơm vào hệ thống đường dẫn, ra qua các súng phun dịch bao phim. Hệ thống đường ống dẫn và súng phun này nằm ở giữa của thùng quay. Khi thùng quay, các viên nén bị đảo trộn, dịch bao phim đồng thời được phun bởi hệ thống súng phun, bao bọc lấy viên nén. Trong khi đó, dưới tác dụng của phần xả khí, áp suất của phần khí nóng được cung cấp bởi khoang xả khí (không khí được đưa qua bộ phận đốt nóng để gia nhiệt) được xả ra từ cánh quay của thùng quay, sản phẩm sau bao phim được dẫn vào máng dẫn, theo cửa lấy sản phẩm ra ngoài.

Giai đoạn này phát sinh một lượng chất thải rắn từ quá trình bao phim hoặc các viên thuốc không đạt yêu cầu.

Bước 7: Ép vỉ, đóng chai

Sau khi hoàn thiện lớp bao phim, các viên thuốc sẽ được chuyển sang bước ép vỉ hoặc đóng chai tùy thuộc vào yêu cầu đóng gói của sản phẩm. Trong giai đoạn này, các viên thuốc được đóng gói thành các vỉ hoặc chai nhựa để bảo quản và dễ dàng vận chuyển. Quá trình phát sinh ra một số chất thải rắn như các vỉ hỏng, chai lỗi hoặc bao bì không đạt chuẩn.

Bước 8: Dán nhãn

Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được dán nhãn. Nhãn dán bao gồm các thông tin quan trọng như mã vạch, mã sản phẩm, ngày sản xuất, tên thương hiệu và các thông tin cần thiết khác để đảm bảo sản phẩm có thể được nhận diện và truy xuất nguồn gốc khi cần.

Bước 9: Kiểm tra ngoại quan

Trước khi sản phẩm được đóng gói hoàn thiện sẽ được kiểm tra ngoại quan tổng thể sản phẩm bằng mắt thường và xác nhận rằng sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn trước khi xuất xưởng.

Bước 10: Đóng gói, lưu kho

Sản phẩm đạt yêu cầu cuối cùng sẽ được đưa vào giai đoạn đóng gói. Các thùng giấy, bìa carton được sử dụng để đựng sản phẩm, bảo quản và dễ dàng vận chuyển. Bao bì thừa hoặc lỗi từ giai đoạn này cũng được xử lý như CTR để đảm bảo vệ sinh khu vực sản xuất. Cuối cùng, sản phẩm hoàn thiện được chuyển vào kho lưu trữ chờ xuất xưởng.

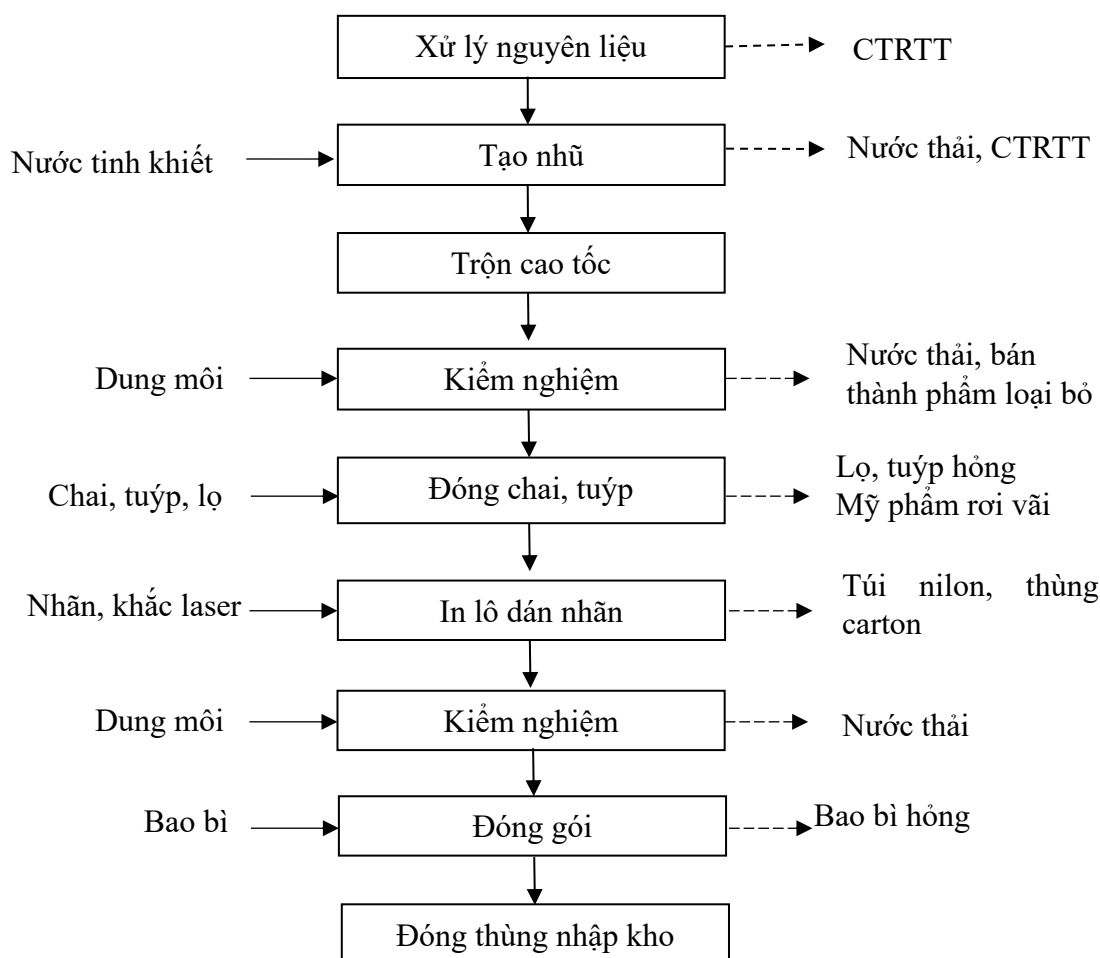
Lưu ý:

Chai và lọ nhựa sạch sau khi mua về được tiến hành rửa bằng nước cấp, tráng lại bằng nước RO và sấy theo đúng quy trình trước khi đưa vào sản xuất. Các thiết bị, dụng cụ sau một ngày sản xuất được vệ sinh, rửa sạch bằng nước cấp và tráng lại bằng nước RO.

- Công đoạn vận chuyển nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm từ thiết bị này sang thiết bị khác: nguyên liệu, bán thành phẩm đóng trong các thùng chứa sạch, được công nhân vận chuyển bằng xe đẩy sang các khu vực lân cận.

Mặc dù là các sản phẩm đông được nhưng Công ty áp dụng các phương pháp bảo chế hiện đại để vừa đảm bảo được tính năng, tác dụng của bài thuốc cổ truyền vừa thuận tiện trong quá trình sử dụng và bảo quản thuốc.

c) Sơ đồ công nghệ sản xuất kem thuốc, kem mỹ phẩm



Hình 1. 4. Sơ đồ công nghệ sản xuất kem thuốc, kem mỹ phẩm

Thuyết minh quy trình:

Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu

Nguyên liệu sau khi được kiểm tra đủ chất lượng sẽ được cân đo và tính toán để phù hợp với thông số kỹ thuật sản phẩm. Các nguyên liệu không đạt yêu cầu được trả lại nhà cung cấp.

Bước 2: Tạo nhũ

Nguyên liệu sau khi được kiểm tra chất lượng sẽ được nhũ hóa bằng máy trộn. Hệ thống máy trộn nhũ hóa được dùng để sản xuất các dạng kem, gel ... Sản phẩm sản xuất đạt yêu cầu về chất lượng, hạn chế hư hao trong quá trình sản xuất, đảm bảo đồng đều mọi thành phần, không có bọt khí và tạp chất giúp giữ chất lượng sản phẩm trong thời hạn sử dụng, không bị hỏng và oxy hóa.

Bước 3: Kiểm nghiệm, đóng chai/tuýp

Bán thành phẩm được lấy mẫu để kiểm tra chất lượng. Nếu không đạt yêu cầu, hủy bỏ lô bán thành phẩm. Sau khi đã kiểm tra đạt yêu cầu chất lượng về màu sắc, công dụng, tính chất, mùi vị, trạng thái, độ pH, bán thành phẩm dạng dung dịch được chuyển đến bộ phận chiết rót và đóng tuýp/chai theo quy định của sản phẩm với 02 loại máy: Máy chiết chai và máy đóng tuýp. Đảm bảo mỗi mẻ sản xuất mỹ phẩm phù hợp với thời gian đóng bao bì, hạn chế bán thành phẩm dư và tồn trữ.

Bước 4: In lô dán nhãn

Sản phẩm sau khi đóng chai/tuýp sẽ được chuyển qua máy in số lô. Cơ sở in lô số các thông tin cần thiết của sản phẩm như tên sản phẩm, ngày sản xuất, hạn sử dụng, hướng dẫn sử dụng, thành phần,... bằng máy khắc laser.

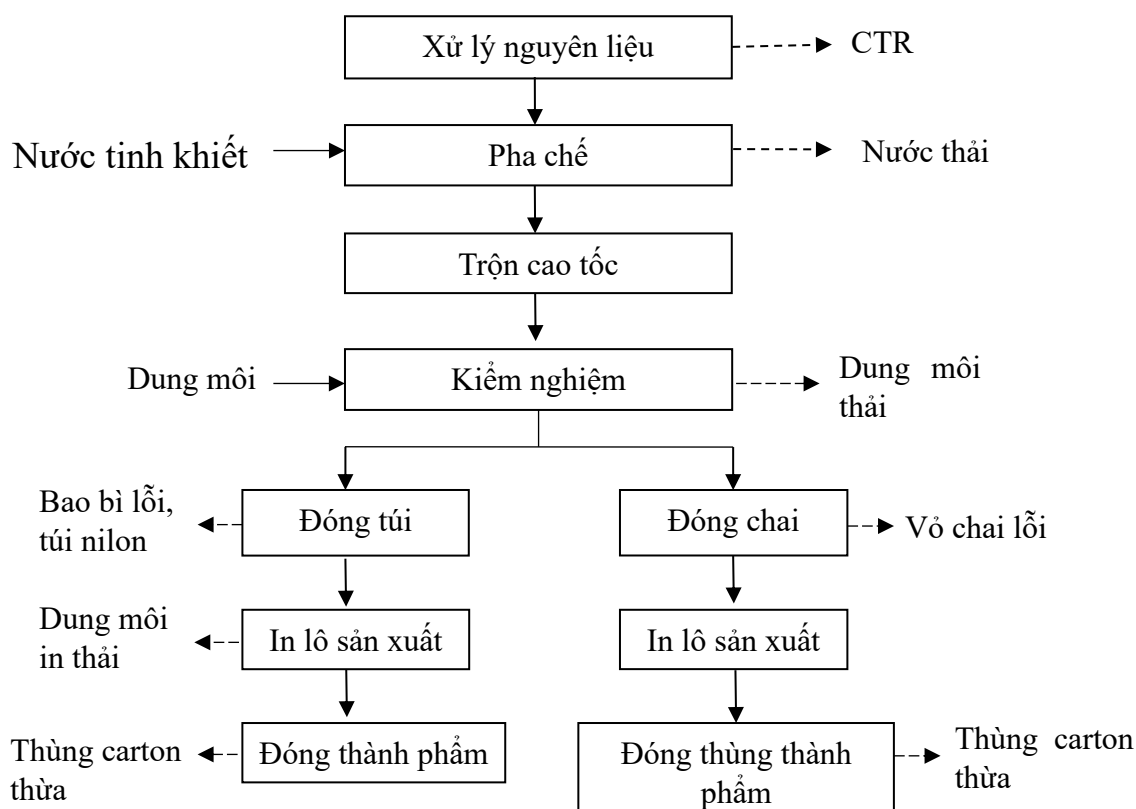
Bước 5: Kiểm nghiệm

Sau khi dán nhãn, sản phẩm được kiểm nghiệm lần cuối để đảm bảo đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn chất lượng và an toàn trước khi xuất xưởng. Các chỉ tiêu kiểm nghiệm cuối bao gồm chất lượng tổng thể, tính đồng đều, và khả năng bảo quản của sản phẩm.

Bước 6: Đóng gói và lưu kho

Sản phẩm đạt yêu cầu kiểm nghiệm cuối cùng được đóng gói trong các thùng lớn và nhập kho thành phẩm chờ xuất hàng.

d) Sơ đồ công nghệ sản xuất thuốc nước dùng ngoài



Hình 1. 5. Sơ đồ công nghệ sản xuất thuốc nước dùng ngoài

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Bước 1: Xử lý nguyên liệu

Nguyên liệu đầu vào bao gồm Ethanol, Glycerin,... được kiểm tra và loại bỏ các tạp chất trước khi đưa vào quy trình sản xuất. Bước này đảm bảo nguyên liệu đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật.

Bước 2: Tiến hành pha chế

Nguyên liệu đã qua xử lý được đưa vào giai đoạn pha chế. Các thành phần chính được hòa trộn với tá dược và dung môi theo tỷ lệ nhất định để tạo ra một hỗn hợp đồng nhất. Quá trình pha chế thường yêu cầu kiểm soát chặt chẽ các thông số như nhiệt độ, tỷ lệ pha trộn và thời gian để đảm bảo chất lượng. Trong quá trình này, một lượng nước thải phát sinh từ việc làm sạch thiết bị và dư lượng dung dịch trộn

Bước 3: Trộn cao tốc

Hỗn hợp sau khi pha chế được đưa vào máy trộn để tăng độ đồng đều và độ kết dính. Việc sử dụng máy trộn giúp tiết kiệm chi phí nhân công, tránh sự tiếp xúc trực tiếp với hóa chất, nâng cao hiệu quả làm việc.

Bước 4: Kiểm nghiệm

Sau bước trộn cao tốc, hỗn hợp sản phẩm sẽ được kiểm nghiệm để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng. Giai đoạn này sử dụng dung môi để thử các sản phẩm. Quá trình kiểm nghiệm bao gồm kiểm tra các chỉ tiêu như độ đồng đều, thành phần hoạt

chất, độ bền cơ học và các yếu tố hóa lý khác. Những hỗn hợp không đạt yêu cầu sẽ bị loại bỏ hoặc điều chỉnh lại trước khi tiếp tục sản xuất.

Bước 5: Đóng túi, đóng chai

Sau khi kiểm nghiệm đạt yêu cầu, sản phẩm được chia thành 2 hướng đóng gói:

+ Đóng túi: Sản phẩm được đóng gói vào các bao bì nhỏ, màng túi để bảo quản.

Trong quá trình đóng gói có thể phát sinh bao bì lỗi hoặc túi nilon hỏng.

+ Đóng chai: Sản phẩm được đóng vào các chai hoặc lọ nhựa để đảm bảo kín đáo và an toàn. Các vỏ chai lỗi hoặc chai hỏng sẽ được thu gom.

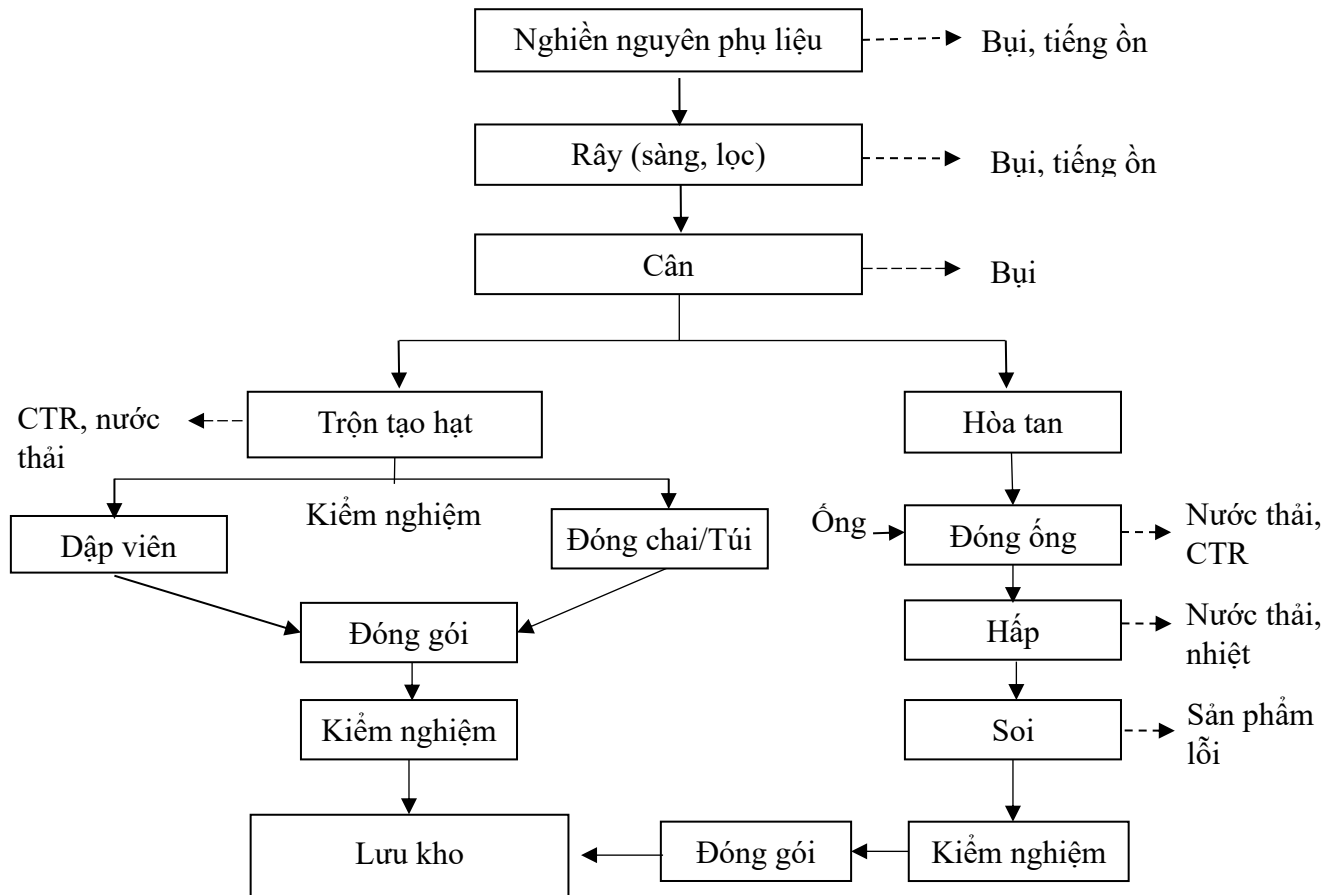
Bước 6: In lô sản xuất

Sau khi đóng gói, sản phẩm được in mã số lô sản xuất để cung cấp thông tin về ngày sản xuất, hạn sử dụng và các chi tiết quan trọng khác. Việc in lô sản xuất đảm bảo rằng sản phẩm có thể được truy xuất nguồn gốc một cách chính xác và hiệu quả. Bước này cũng giúp cơ sở quản lý lô hàng một cách dễ dàng trong trường hợp cần kiểm tra hoặc thu hồi sản phẩm. Cơ sở sử dụng máy khắc laser để in thông tin lên bao bì sản phẩm.

Bước 7: Đóng thành phẩm

Sản phẩm đã được đóng túi hoặc chai sẽ được chuyển vào thùng carton để bảo vệ và lưu trữ trước khi xuất xưởng.

e) Sơ đồ công nghệ sản xuất thuốc thực phẩm bổ dưỡng



Hình 1. 6. Sơ đồ công nghệ sản xuất thuốc thực phẩm bổ dưỡng

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Nghiền nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất được kiểm tra và đưa đến khu vực nghiền mịn tạo ra kích thước theo đúng kỹ thuật.

Rây (sàng, lọc) và cân chia: Nguyên liệu đã nghiền sau đó được chuyển sang khu vực rây để sàng lọc các kích thước hạt theo quy định và chuyển sang cân chia theo đúng công thức, tỷ trọng và tiến hành pha chế theo các công đoạn sau:

• Đối với pha chế dạng viên nén

- Trộn tạo hạt: Bột dược liệu được nạp vào bồn trộn của máy nhào tạo hạt và được trộn đều dưới tác dụng của cánh trộn khi nắp của bồn trộn được đóng kín. Dịch tạo hạt (tá dược dính) được đưa vào qua phễu ở phía trên của bồn trộn và được cấp vào trong bồn tùy theo nhu cầu của mỗi loại sản phẩm. Tại đây, nguyên liệu được đảo trộn đều và trở thành hỗn hợp bột ẩm. Tiếp theo, khi cánh trộn đã đảo trộn đều hỗn hợp bột và tạo được liên kết giữ chúng thì cánh hoạt động đồng thời và cắt nhỏ hỗn hợp bột ẩm để tạo ra các hạt nguyên liệu có kích thước xác định.

Trong quá trình này, có thể phát sinh bụi từ quá trình bổ sung nguyên liệu vào và bỏ bao bì chứa nguyên liệu bổ sung.

- Kiểm nghiệm: sau khi trộn tạo hạt đều mẫu được đưa đi kiểm tra chất lượng tại khu vực kiểm tra chất lượng đúng tỷ lệ theo yêu cầu. Sau khi đạt yêu cầu được chuyển qua đóng gói:

- Đóng gói:

+ Dập viên để tạo thành viên nén bằng máy dập viên quay tròn. Viên thuốc được định hình thành dạng viên nén hoặc viên nang tùy theo thiết kế sản phẩm. Việc tạo hình viên đòi hỏi sự chính xác cao để đảm bảo rằng các viên thuốc có kích thước, trọng lượng và độ bền cơ học đồng đều vì vậy sử dụng máy móc tự động hóa.

Máy dập viên hoạt động như sau: Hạt cốm chảy từ phễu chứa hạt xuống khoang phân phối hạt, tại đây chúng được đong vào các cối. Tại thời điểm cuối cùng thì chày dưới trong khoang phân phối chày dưới được nâng lên một ít và cối được đong đầy hạt, phần hạt dư được khoang phân phối gạt giữ lại nhờ đó mà tiết kiệm nguyên liệu, ngay sau lúc đó chày dưới được hạ thấp một ít. Chày trên cũng được hạ xuống, khi tới miệng cối thì chày dưới được nâng lên và viên được nén từ hai phía trên và dưới. Sau đó cả hai chày đều đi lên và viên được đẩy ra khỏi cối. Viên nén được thanh gạt, gạt ra khỏi máy.

+ Đóng vào túi nhôm hoặc chai tùy theo loại sản phẩm.

Quá trình phát sinh ra một số chất thải rắn như các túi hỏng, chai lỗi hoặc bao bì không đạt chuẩn.

+ Sản phẩm sau đó được đóng gói và các bao bì, thùng giấy. Các bao bì, thùng giấy, bìa carton được sử dụng để đựng sản phẩm, bảo quản và dễ dàng vận chuyển. Bao bì thừa hoặc lỗi từ giai đoạn này cũng được xử lý như CTR để đảm bảo vệ sinh khu vực sản xuất.

- Kiểm tra ngoại quan: Sau khi đóng gói sản phẩm được kiểm tra ngoại quan tổng thể sản phẩm bằng mắt thường và xác nhận rằng sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn trước khi xuất xưởng. Cuối cùng, sản phẩm hoàn thiện được chuyển vào kho lưu trữ chờ xuất xưởng.

• Đối với pha chế dạng dung dịch

- Hòa tan: Bột dược liệu được cân chia đúng tỷ lệ và nạp vào bồn chứa cấp thêm nước RO để hòa tan. Tại đây, nguyên liệu và nước được khuấy trộn đồng nhất hỗn hợp để tạo thành dịch thuốc nước.

- Đóng ống, hấp, soi: Dịch thuốc nước sau đó được đóng và ống và chuyển sang hấp tiệt trùng và soi kiểm tra độ kín của sản phẩm.

- Kiểm nghiệm: Sản phẩm được chuyển sang kiểm nghiệm về chất lượng, hình thức đúng theo yêu cầu kỹ thuật. Nếu mẫu không đạt yêu cầu, hủy cả lô bán thành phẩm. Tỷ lệ hoa hụt của quy trình này là 1%.

- Đóng gói và lưu kho: Sản phẩm sau đó được đóng gói vào các bao bì, thùng giấy. Các bao bì, thùng giấy, bìa carton được sử dụng để đựng sản phẩm, bảo quản và dễ dàng

vận chuyển. Bao bì thừa hoặc lỗi từ giai đoạn này cũng được xử lý như CTR để đảm bảo vệ sinh khu vực sản xuất. Cuối cùng, sản phẩm hoàn thiện được chuyển vào kho lưu trữ chờ xuất xưởng.

Lưu ý:

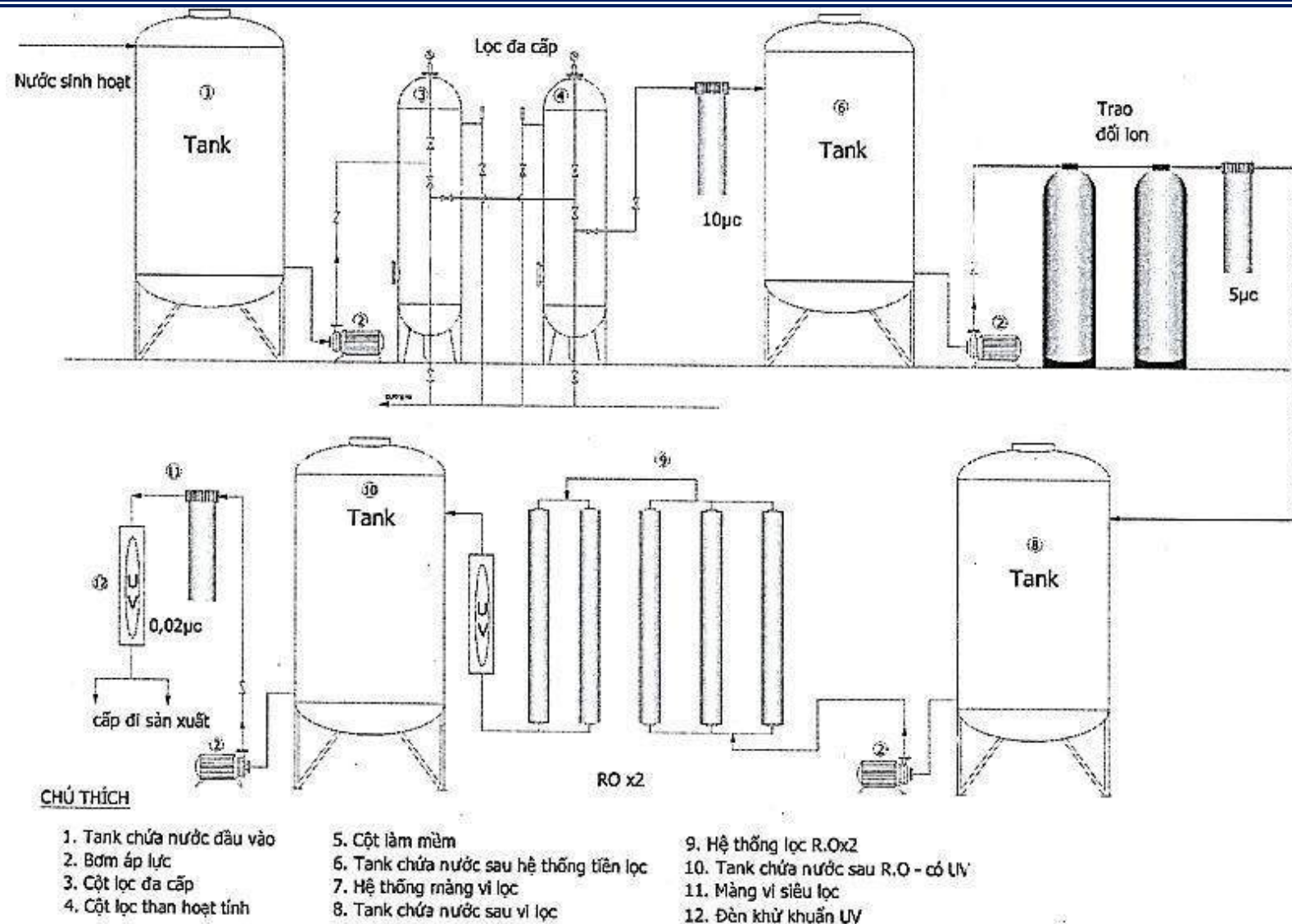
Chai và lọ nhựa sạch sau khi mua về được tiến hành rửa bằng nước cấp, tráng lại bằng nước RO và sấy theo đúng quy trình trước khi đưa vào sản xuất. Các thiết bị, dụng cụ sau một ngày sản xuất được vệ sinh, rửa sạch bằng nước cấp và tráng lại bằng nước RO.

- Công đoạn vận chuyển nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm từ thiết bị này sang thiết bị khác: nguyên liệu, bán thành phẩm đóng trong các thùng chứa sạch, được công nhân vận chuyển bằng xe đẩy sang các khu vực lân cận.

f) Sơ đồ công nghệ xử lý nước lọc tinh khiết

Trong quá trình sản xuất của cơ sở yêu cầu về chất lượng nước cấp cho sản xuất thuốc và các chủng loại khác là cao, nghiêm ngặt. Vì vậy, cơ sở đã đầu tư lắp đặt hệ thống lọc nước tinh khiết.

Quy trình xử lý nước tinh khiết như sau:



Hình 1. 7. Sơ đồ công nghệ xử lý nước lọc tinh khiết

Quá trình lọc nước như sau:

Nước cấp của thị trấn được chứa trong tank chứa nước đầu vào sau đó bơm qua các hệ lọc như sau:

- Cột lọc đa cấp: chứa cát thạch anh; cát mangan; sỏi đá. Cát thạch anh xử lý các chất cặn lơ lửng, có kích thước lớn. Cát Mangan hấp thụ ion kim loại lên bề mặt vật liệu, xử lý triệt để thành phần kim loại nặng có trong nước.

- Cột lọc than hoạt tính và túi lọc thô 200 μm . Sử dụng nhiều loại than hoạt tính, với khối lượng riêng và diện tích tiếp xúc bề mặt lớn. Tại đây than sẽ hấp thụ Clo dư, các hợp chất hữu cơ khác có trong nước, đồng thời khử mùi, màu có trong nước.

Nước sau lọc đa cấp vào Tank chứa và đưa qua cột trao đổi ion.

- Cột trao đổi ion: Chứa các hạt trao đổi ion của DOW, Lanxes, Purolite,... Tại đây các cation gốc Na^+ sẽ trao đổi với các ion Mg^{2+} , Ca^{2+} , cation Kim loại khác có hóa trị cao lên bề mặt của các hạt trao đổi, làm giảm độ cứng của nước, nước sau làm mềm có độ cứng $< 1\text{mg CaCO}_3/\text{L}$, do đó nước đầu ra của cột này sẽ đạt tiêu chuẩn nước mềm.

Nước sau đó dẫn vào Tank chứa, qua hệ thống lọc RO

- Hệ lọc RO: gồm lõi lọc 5 μm và màng lọc RO. Rồi qua qua hệ thống lọc ROx2 gồm lõi lọc 1 μm và màng lọc ROx2. Áp dụng cơ chế thẩm thấu ngược, nâng hiệu suất lọc nước của màng lên tới 96.95%. Nguồn nước đầu ra của màng đảm bảo là nước tinh khiết do đã tách bỏ hoàn toàn các ion lạ, vi khuẩn, nấm, tảo.

Cuối cùng nước sau lọc RO2 vào Tank chứa, qua màng vi siêu lọc

Màng vi siêu lọc: cột trao đổi cation; anion gồm lõi lọc 0,2 μm và đèn UV. Nguyên lý của quá trình là hệ khử ion. Làm việc dựa trên nguyên lý trao đổi ion giúp loại bỏ tất cả các loại muối hòa tan trong nước, theo đó tổng chất rắn hòa tan (TDS) được loại bỏ từ nước thông qua quá trình trao đổi ion bằng cách sử dụng các hạt nhựa cation và anion điều khiển các ion trong nước. Các hạt nhựa giống như một nam châm điện, hạt cation sẽ thu hút các Ion dương (Ca^{++} , Mg^{++} , Na^+ , ...) và giải phóng Ion H^+ , hạt Anion sẽ hút các ion âm (HCO_3^- , Cl^- , SO_4^{2-} , ...) và giải phóng Ion OH^- . Các ion H^+ và OH^- sau đó kết hợp với nhau để tạo thành nước ($\text{H}^+ + \text{OH}^- = \text{H}_2\text{O}$).

Nước sau lọc cuối cùng được đưa đến khu vực sản xuất.

Tỷ lệ nước lọc đạt đến 96,95%, nước lọc RO được trữ vào tank chứa (tank chứa nước RO), nước thải sau lọc RO đạt yêu cầu chất lượng nước cấp cho hoạt động lò hơi nên được đưa về tank chứa nước sử dụng cho lò hơi (tank chứa nước lò hơi).

Các sản phẩm của cơ sở là Dược phẩm, Mỹ phẩm và Thực phẩm bổ dưỡng có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, do đó phải được sản xuất theo công nghệ cao về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn. Do đòi hỏi này, mọi khâu của quy trình sản xuất đều được thiết kế theo chu trình khép kín theo nguyên tắc một chiều và tự động hoá cao nhằm giảm thiểu sự can thiệp của môi trường bên ngoài và sự tấn công của các yếu tố gây hại.

Tất cả các khâu của quy trình sản xuất đều phải được kiểm định bởi bộ phận bảo đảm chất lượng và được lắp đặt các thiết bị theo dõi an toàn có độ tin cậy cao.

Như trên đã phân tích, mục tiêu của cơ sở là sản xuất ra những sản phẩm có tính cạnh tranh cao đáp ứng nhu cầu hội nhập và tiến tới xuất khẩu, do đó cơ sở sẽ áp dụng hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), Thực hành bảo quản tốt (GSP) và Thực hành thí nghiệm tốt (GLP) của WHO. Tùy theo tình hình kinh doanh, cơ sở sẽ triển khai hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và ISO 14002 về môi trường.

Trong quá trình sản xuất công tác kiểm tra được thực hiện theo 3 khâu:

- + Kiểm tra nguyên liệu, bán thành phẩm đầu vào;
- + Kiểm tra sau từng bước nguyên công;
- + Kiểm tra sản phẩm cuối cùng.





Hình 1. 8. Hình ảnh một số khu vực sản xuất của cơ sở

3.3. Danh mục thiết bị sản xuất chính

Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất của cơ sở không thay đổi so với hồ sơ đề án báo vệ môi trường chi tiết, cụ thể như sau:

Bảng 1. 3. Danh mục thiết bị sản xuất chính của cơ sở

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng theo đề án	Tình trạng	Xuất xứ	Số lượng hiện tại
A	Xưởng sản xuất mỹ phẩm & thuốc dùng ngoài					
1	Máy tank trộn	Chiếc	2		Đài Loan	2
2	Máy chiết chai	Chiếc	2	HĐ ổn định	-	2
3	Máy đóng túi	Chiếc	2	HĐ ổn định	-	2
4	Máy tank chứa	Chiếc	3	HĐ ổn định	-	3
5	Máy dẫn nhãn tự động	Chiếc	2	HĐ ổn định	-	2
6	Máy in phun số lô	Chiếc	2	HĐ ổn định	-	2
7	Máy đo độ nhớt	Chiếc	1	HĐ ổn định	Đức	2
8	Máy đo độ pH	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	2
9	Tủ sấy	Chiếc	1	HĐ ổn định	Nhật	1
10	Lò nung	Chiếc	1	HĐ ổn định	Hàn Quốc	1
11	Máy nhũ hoá	Chiếc	2	HĐ ổn định	Trung Quốc	1
12	Máy đóng tuýp nhựa	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
13	Máy đóng tuýp nhôm	Chiếc	2	HĐ ổn định	-	2

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng theo đề án	Tình trạng	Xuất xứ	Số lượng hiện tại
B	Xưởng sản xuất đông dược và thực phẩm					
1	Máy trộn cốm	Chiếc	2	HĐ ổn định	Đài Loan	2
2	Máy sấy tầng sôi	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
3	Máy nhào cao tốc	Chiếc	2	HĐ ổn định	-	2
4	Máy dập viên	Chiếc	2	HĐ ổn định	-	2
5	Máy bao phin	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
6	Máy bao đường	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
7	Máy ép vi	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	2
8	Máy đóng nang	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
9	Máy chiết chai đóng nắp tự động	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
10	Hệ thống kiểm nghiệm (HPLC, cân, tủ sấy, đo quang học, hồng ngoại...)			HĐ ổn định	Pháp	1
11	Máy rây	Chiếc	1	HĐ ổn định	Việt Nam	1
12	Máy trộn	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
13	Máy hoà tan	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
14	Máy đóng kín	Chiếc	1	HĐ ổn định	Trung Quốc	2
15	Máy đóng bột	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
16	Cân	Chiếc	2	HĐ ổn định	EU	3
17	Nồi hấp	Chiếc	2	HĐ ổn định	Việt Nam	2
18	Máy dập viên	Chiếc	1	HĐ ổn định	Trung Quốc	1
19	Máy rửa chai	Chiếc	1	HĐ ổn định	Việt Nam	1
20	Máy sát hạt	Chiếc	1	HĐ ổn định	-	1
C	Thiết bị phục vụ quản lý, phụ trợ					
1	Máy biến áp 630KVA - 35/0,4KV	Chiếc	1	HĐ ổn định	Việt Nam	2
2	Lò hơi	Chiếc	2	HĐ ổn định	-	2
3	Quạt thông gió công nghiệp	Chiếc	6	HĐ ổn định	-	8
4	Hạng cứu hoả	Chiếc	12	HĐ ổn định	-	15
5	Máy bơm nước	Chiếc	5	HĐ ổn định	-	10
6	Thiết bị văn phòng hỗ trợ khác			HĐ ổn định		
7	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	1	HĐ ổn định		1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng theo đề án	Tình trạng	Xuất xứ	Số lượng hiện tại
8	Điều hòa không khí CN	Hệ thống	1	HD ổn định		04
D	Hệ thống chiết xuất dược liệu	TQ	1	HD ổn định	Trung Quốc	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

Bảng 1. 4 Công suất và tính năng của các máy móc được sử dụng trong Công ty

TT	Tên thiết bị	Công suất (KW)	Thông số kỹ thuật	Tính năng, tác dụng
A	Xưởng sản xuất mỹ phẩm & thuốc dùng ngoài			
1	Máy tank trộn	3	3.000 lít	Pha chế, khuấy trộn
2	Máy chiết chai	2	2.000 chai/h	Đóng rót dung dịch vào chai
3	Máy đóng túi	2	3.000 gói/h	Đóng dung dịch vào gói
4	Máy tank chứa	0.5	5.000 lít	Trữ dung dịch bán thành phẩm
5	Máy dán nhãn tự động	0.5	5.000 nhãn/h	Dán nhãn lên chai
6	Máy in phun số lô	0.5	10.000 đv/h	In ngày tháng, SKS, HD lên bao bì
7	Máy đo độ nhớt	0.1		Kiểm tra độ nhớt của dung dịch
8	Máy đo độ pH	0.1		Kiểm tra độ pH của dung dịch
9	Tủ sấy	2	0.6m ³	Kiểm tra nguyên liệu đầu vào
10	Lò nung	2	0.5m ³	Kiểm tra nguyên liệu đầu vào
11	Máy nhũ hoá	2	200 kg	Máy tạo nền kem
12	Máy đóng tuýp nhựa	2.5	2.000 tube/h	Máy đóng kem vào tube nhựa
13	Máy đóng tuýp nhôm	2.5	1.500 tube/h	Máy đóng kem vào tube nhôm
B	Xưởng sản xuất đông dược và thực phẩm			
1	Máy trộn cốm	1	100kg/mẻ	Trộn cốm hạt khi dập viên
2	Máy sấy tầng sôi	2.5	300kg/mẻ	Máy trộn tạo hạt
3	Máy nhào cao tốc	3	300kg/mẻ	Máy sấy hạt
4	Máy dập viên	1.5	20.000 viên/h	Để tạo viên thuốc
5	Máy bao phim	1	20.000 viên/ca	Máy bao phim viên thuốc
6	Máy bao đường	1	10.000 viên/ca	Máy bao đường viên thuốc

TT	Tên thiết bị	Công suất (KW)	Thông số kỹ thuật	Tính năng, tác dụng
7	Máy ép vỉ	3	2.000 vỉ/h	Máy đóng vỉ thuốc
8	Máy đóng nang	1.5	10.000 viên /h	Máy đóng thuốc và nang
9	Máy chiết chai đóng nắp tự động	1	2.000 chai/h	Máy đóng thuốc viên vào chai
10	Hệ thống kiểm nghiệm (HPLC, cân, tủ sấy, đo quang học, hồng ngoại...)			Phục vụ kiểm tra thuốc
11	Máy rây	0.5	1.000 kg/h	Máy rây bột thuốc
12	Máy trộn	1	200kg	Máy nhào trộn bột thuốc
13	Máy hoà tan	0.2	300 lít	Máy hoà tan hoạt chất
14	Máy đóng kín	0.5	500 Đv/h	Đóng túi hàn kín
15	Máy đóng bột	1	3.000 gói/h	Đóng bột vào túi
16	Cân	0.1	5kg, 10kg, 20kg	Phục vụ cân hoá chất, dược liệu
17	Nồi hấp	1	100 lít	Tiệt trùng ống thuốc
18	Máy dập viên	1.5	15.000 viên/h	Dập tạo viên thuốc
19	Máy rửa chai	1	5.000 chai/h	Rửa chai đựng thuốc
20	Máy sát hạt	1.5	200 kg/h	Máy sát hạt tạo viên
21	Hệ thống kiểm nghiệm	2	1.5m ³	Phục vụ kiểm tra vi sinh vật
C	Thiết bị phục vụ quản lý, phụ trợ			
1	Máy biến áp 630KVA - 35/0,4KV	02	630 KVA	Máy hạ thế dùng cho nhà máy
2	Lò hơi	02	5m ³ , 15at	Phục vụ cấp hơi nhiệt
3	Quạt thông gió công nghiệp	08	200 m ³ /h	Thông gió
4	Hạng cứu hoả	15		Dùng để cứu hoả
5	Máy bơm nước	10	380V/55 Hz	Bơm nước phục vụ sản xuất
6	Thiết bị văn phòng, vi tính hệ thống điện nội tuyến	2	220 V/55 Hz	Phục vụ kiểm tra và quản lý
7	Hệ thống xử lý nước thải		60m ³ /ngày. đêm	Xử lý nước trước khi thải
8	Điều hòa không khí CN	800	380V /55Hz	Ổn định môi trường sản xuất

TT	Tên thiết bị	Công suất (KW)	Thông số kỹ thuật	Tính năng, tác dụng
D	Hệ thống chiết xuất dược liệu	01	Hệ thống	Chiết xuất dược liệu

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

3.4. Sản phẩm của cơ sở

Căn cứ đề án bảo vệ môi trường chi tiết được Sở TNMT TP Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 96/QĐ-STNMT ngày 06/02/2013, các sản phẩm của cơ sở cụ thể như sau:

- Thuốc:
- + Thuốc viên: 109.375.000 viên/năm;
- + Thuốc nước: 437.500 lít/ năm;
- Mỹ phẩm:
- + Dầu gội, sữa tắm các loại: 109.375 lít/năm;
- + Kem các loại: 46.875 lít/ năm.



Hình 1. 9. Hình ảnh một số sản phẩm của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ Môi trường Envicon

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu là nội địa được mua khắp các tỉnh thành trong cả nước. Cụ thể:

- Dược liệu thu mua tại các tỉnh phía Bắc và Nam Trung Bộ
- Tinh dầu và một số loại dược liệu khác mua từ các trung tâm chiết xuất dược liệu
- Hoá chất được mua tại các nhà máy sản xuất và kinh doanh hoá chất trên toàn quốc

Ngoài ra, nguyên liệu có thể được mua bổ sung thêm từ nguồn nhập khẩu từ nước ngoài.

Cụ thể nguồn nguyên liệu được thống kê tại bảng dưới đây:

Bảng 1. 5. Thống kê nguồn nguyên liệu được sử dụng tại cơ sở

TT	Tên nguyên vật liệu	ĐTV/ năm	Khối lượng theo đề án BVMT	Khối lượng thực tế	Khối lượng khi hoạt động đủ công suất
1	Đường trắng	kg	420.000	240.000	286.400
2	Acid Sorbic	kg	14.000	13.000	15.513
3	Aluminium clorohydrat	kg	78.400	55.000	65.633
4	Benzanlkonium clorid	kg	2.240	2.000	2.387
5	Betamethazol	kg	2.400	0	0
6	Ceto stearyl alcol 20	kg	24.000	6.000	7.160
7	Ceto stearyl alcol 21	kg	24.000	6.000	7.160
8	Cloramphenicol	kg	6.000	0	0
9	Dược liệu các loại	kg	500.000	300.000	358.000
10	Kẽm clorid	kg	22.400	20.000	23.867
11	Menthol	kg	280	300	358
12	NaCl	kg	2.800	3.000	3.580
13	NaCMC	kg	8.400	12.000	14.320
14	Natri lauretsulfat	kg	14.000	24.000	28.640
15	PEG	kg	12.000	12.000	14.320
16	Tinh bột	kg	300.000	200.000	238.667
17	Tween 80	kg	12.000	12.000	14.320
18	Ethanol	kg	160.000	120.000	143.200
19	Hương liệu	kg	16.000	6.000	7.160
20	Propylen glycol	kg	16.240	15.000	17.900
21	Vitamin B5	kg	1.640	1.800	2.148

TT	Tên nguyên vật liệu	ĐTV/ năm	Khối lượng theo đề án BVMT	Khối lượng thực tế	Khối lượng khi hoạt động đủ công suất
22	Vitamin E	kg	680	650	776
24	Bao bì, nhãn dán	kg	-	20.000	23.867
Tổng		kg	1.637.480	1.068.750	1.275.375

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

- Nhiên liệu để phục vụ cho quá trình sản xuất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh chủ yếu là than dùng cho lò hơi.

Lượng than tiêu thụ 1 ngày vào khoảng 300 kg. Khi hoạt động hết công suất khối lượng dự kiến là 350kg/ngày.

- Nhu cầu sử dụng hóa chất

Hóa chất sử dụng cho hoạt động của cơ sở được sử dụng cho hoạt động của phòng kiểm nghiệm nhằm kiểm nghiệm chất lượng của nguyên liệu và thành phẩm. Khối lượng hóa chất sử dụng khoảng 11 kg/tháng. Các loại hóa chất được Công ty sử dụng cho mục đích kiểm nghiệm với các loại như sau:

Bảng 1. 6. Bảng danh mục hóa chất sử dụng của cơ sở

TT	Tên hóa chất sử dụng	Công thức hóa học	Đơn vị	Khối lượng hiện tại	Khối lượng hoạt động hết công suất
I	Phòng kiểm nghiệm				
1	Acetinoiril	C ₂ H ₃ N	Kg/năm	40	47,73
2	Methanol	CH ₃ OH	Kg/năm	40	47,73
3	Ethanol	C ₂ H ₆ O	Kg/năm	20	23,87
4	n-butanol	CH ₃ (CH ₂) ₃ OH	Kg/năm	10	11,93
5	Ethyl acetat	C ₄ H ₈ O ₂	Kg/năm	10	11,93
6	Cloroform	CHCl ₃	Kg/năm	10	11,93
7	Acid hydrocloric	HCl	Kg/năm	0,2	0,24
8	Acid sulfuirc	H ₂ SO ₄	Kg/năm	0,2	0,24
9	Acid phosphoric	H ₃ PO ₄	Kg/năm	0,5	0,60
10	Natri clorid	NaCl	Kg/năm	0,2	0,24
11	Kali clorid	KCl	Kg/năm	0,2	0,24
12	Kali permanganat	KMnO ₄	Kg/năm	0,1	0,12
13	Sắt (II) sulfat	Fe ₂ O ₄ .H ₂ O	Kg/năm	0,1	0,12

TT	Tên hóa chất sử dụng	Công thức hóa học	Đơn vị	Khối lượng hiện tại	Khối lượng hoạt động hết công suất
14	Sắt (III) sulfat	Fe ₂ (SO ₄) ₃	Kg/năm	0,1	0,12
	Tổng		Kg/năm	131,6	157,04
II	Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải				
17	FeSO ₄ .12H ₂ O	FeSO ₄ .12H ₂ O	g/ngày	300	358
18	PAC	[Al ₂ (OH) _n C _{16-n}] _m	g/ngày	200	238,67
19	H ₂ O ₂	H ₂ O ₂	g/ngày	360	429,6
20	Vôi sữa	Ca(OH) ₂	g/ngày	600	716
21	Chất trợ lắng	C ₃ H ₅ N	g/ngày	20	23,87
	Tổng		g/ngày	1.480	1.766,14
III	Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải				
22	Vôi sữa	Ca(OH) ₂	Kg/năm	200	238,67
23	Than hoạt tính	C	Kg/năm	50	59,67
	Tổng		Kg/năm	250	298,34

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

- Nguồn cung cấp: Dược liệu được mua từ các đơn vị cung cấp trong nước. Các nguyên vật liệu còn lại được mua trong nước hoặc nhập khẩu từ Mỹ, Nhật, Malaysia, Hàn Quốc, Pháp...

4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện trong quá trình hoạt động của cơ sở

Nguồn điện: lấy từ lưới điện cao thế kéo vào trong Cụm công nghiệp Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội. Công ty đã lắp đặt 02 trạm biến áp có công suất 630 KVA và trạm biến áp công suất 560KVA cùng các thiết bị đóng ngắt và tủ phân phối độc lập.

- Nhu cầu về cấp điện: Căn cứ theo hoá đơn điện của cơ sở trong 6 tháng gần nhất: từ tháng 05/2024 đến tháng 10/2024 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh, nhu cầu sử dụng điện của cơ sở dao động khoảng 120.000kWh đến 220.000kWh/tháng.

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng điện trong 6 tháng gần nhất của cơ sở

STT	Tháng/2024	Lượng điện sử dụng (kWh/tháng)	Lượng điện sử dụng TB ngày (kWh/ngày)
1	Tháng 5/2024	218.160	8.390,77
2	Tháng 6/2024	175.880	6.764,62
3	Tháng 7/2024	158.400	6.092,31

STT	Tháng/2024	Lượng điện sử dụng (kWh/tháng)	Lượng điện sử dụng TB ngày (kWh/ngày)
4	Tháng 8/2024	154.920	5.958,46
5	Tháng 9/2024	126.360	4.860,00
6	Tháng 10/2024	143.200	5.507,69
Trung bình		162.820	6.262,31

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước trong quá trình hoạt động của cơ sở

- Nhu cầu về cấp nước: Hiện tại, cơ sở sử dụng nước sạch do Công ty CP đầu tư nước sạch và môi trường Đan Phượng cấp để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- Mục đích sử dụng: Sử dụng cho sinh hoạt và sản xuất.

- Căn cứ theo hoá đơn nước 6 tháng gần nhất: từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh, nhu cầu sử dụng nước như sau:

Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn tiêu thụ nước của cơ sở

STT	Tháng sử dụng	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /tháng)	Trung bình ngày
1	Tháng 5/2024	1.583	60,88
2	Tháng 6/2024	1.241	47,73
3	Tháng 7/2024	1.371	52,73
4	Tháng 8/2024	1.219	46,88
5	Tháng 9/2024	1.172	45,08
6	Tháng 10/2024	1.500	57,69
Trung bình		1.347,67	51,83

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

Diễn giải nhu cầu sử dụng nước chi tiết như sau:

Nước sạch được cấp từ nguồn qua hệ lọc RO của nhà máy. Tỷ lệ lọc của hệ đạt 96,95%.

Như vậy với khối lượng nước cấp trung bình 51,83m³/ngày, nước lọc chiếm 50,25m³/ngày, nước thải lọc chiếm 1,58m³/ngày.

Nước sau lọc cấp cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

Nước thải lọc cấp cho lò hơi.

- Nhu cầu cấp nước sinh hoạt:

Căn cứ số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy là 157 người. Căn cứ TCVN 13606:2023 Về cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế: Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp đối với phân xưởng tỏa nhiệt tính cho một người trong một ca là 45 (l/người/ca). Lượng nước cấp cho quá trình hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên được tính như sau:

$$Q_{\text{sinh hoạt}} = 157 \text{ người} \times (45 \times 10^{-3}) \text{ m}^3/\text{ngày} = 7,07 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nước cấp cho nhà bếp nấu ăn ca cho 157 người (định mức 25 lít/người) khoảng $4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- **Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sản xuất**

Nước thải lọc sau hệ lọc RO khoảng $1,58 \text{ m}^3/\text{ngày}$ cấp cho lò hơi.

+ Nước cấp cho lò hơi được sử dụng tuần hoàn, dự kiến lượng nước cấp hàng ngày cho lò hơi chỉ khoảng 10% lượng nước cần thiết:

$$10\% \times 15 \text{ m}^3 = 1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nước sau lọc RO cấp cho sản xuất khoảng $39,18 \text{ m}^3/\text{ngày}$, sử dụng trong các công đoạn sau:

+ Nước tinh khiết sử dụng cho công đoạn trộn, nhào nguyên liệu trong quy trình sản xuất thuốc rạng rắn, nang mềm: Theo tính toán của phòng thí nghiệm đưa ra thì lượng nước sử dụng cho công đoạn này vào khoảng $3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ → Không làm phát sinh nước thải.

+ Nước tinh khiết sử dụng cho công đoạn pha chế thuốc dạng lỏng: Theo tính toán của phòng thí nghiệm đưa ra thì lượng nước sử dụng cho công đoạn này vào khoảng $4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ → Không làm phát sinh nước thải.

- Nước sử dụng cho công đoạn vệ sinh chai lọ: Theo ước tính của dự án vào khoảng $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Nước sử dụng cho quá trình rửa dược liệu thô: Dược liệu thô nhập về sẽ được rửa sạch đất cát, tạp chất. Lượng nước sử dụng cho quá trình này ước tính khoảng $15,67 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước sử dụng cho quá trình rửa, vệ sinh máy móc, thiết bị: sau mỗi ca sản xuất công nhân sẽ tiến hành vệ sinh máy móc, thiết bị. Lượng nước sử dụng cho quá trình này ước tính khoảng $8 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước sử dụng cho công đoạn trong phòng thí nghiệm: Lượng máy móc, thiết bị kiểm nghiệm của dự án sử dụng là ít và chủ yếu là máy nhỏ nên lượng nước dùng để vệ sinh chỉ vào khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước cấp để thí nghiệm khoảng $0,01 \text{ m}^3/\text{ngày}$

- **Nhu cầu sử dụng nước cho tưới cây, rửa đường, mục đích khác:** khoảng $3 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- **Nhu cầu xả nước thải:**

Bảng thống kê nhu cầu thoát nước của nhà máy theo hóa đơn phí thoát nước thải trong 6 tháng gần nhất như sau:

Bảng 1. 9. Nhu cầu thoát nước theo hóa đơn phí thoát nước của cơ sở

STT	Tháng/2023	Nhu cầu sử dụng ($\text{m}^3/\text{tháng}$)	Trung bình ngày ($\text{m}^3/\text{ngày}$)
1	Tháng 5/2024	1.177	45,27

STT	Tháng/2023	Nhu cầu sử dụng (m ³ /tháng)	Trung bình ngày (m ³ /ngày)
2	Tháng 6/2024	1.121	43,12
3	Tháng 7/2024	976	37,54
4	Tháng 8/2024	950	36,54
5	Tháng 9/2024	958	36,85
6	Tháng 10/2024	1.090	41,92
Trung bình		1.045,33	40,21

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

- Bảng cân bằng nước của toàn nhà máy giai đoạn hiện tại (157 người, công suất sản xuất 750 tấn/năm) như sau:

Bảng 1. 10. Bảng cân bằng nước sử dụng của cơ sở (hiện tại)

TT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày đêm)	Xả thải (m ³ /ngày đêm)	Ghi chú
I	Cấp cho sinh hoạt	11,07	11,07	Xả thải 100%
II	Cấp cho sản xuất	40,76	29,17	
1	Nước cấp cho công đoạn trộn, nhào nguyên liệu trong quá trình sản xuất	3	0	
2	Nước cấp cho công đoạn pha chế thuốc dạng lỏng	4	0	
3	Nước cấp cho công đoạn vệ sinh chai lọ	5	5	
4	Nước cấp cho quá trình rửa dược liệu thô	15,67	15,67	
5	Nước cấp cho quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị	8	8	
6	Nước cấp cho phòng thí nghiệm	0,51	0,5	
7	Nước cấp bù cho lò hơi	1,58	0	Nước thải lọc
8	Nước cấp cho mục đích sử dụng khác	3	0	
	Tổng	51,83	40,24	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

*** Cơ sở khi hoạt động hết công suất với 165 người, công suất sản xuất 895 tấn/năm (theo đề án BVMT). Nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải (tính toán theo hệ số thực tế phát sinh) như sau:**

Bảng 1. 11. Bảng cân bằng nước sử dụng của cơ sở (hoạt động hết công suất)

TT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày đêm)	Xả thải (m ³ /ngày đêm)	Ghi chú
I	Cấp cho sinh hoạt	11,55	11,55	Xả thải 100%
II	Cấp cho sản xuất	48,64		
1	Nước cấp cho công đoạn trộn, nhào nguyên liệu trong quá trình sản xuất	3,58	3,58	
2	Nước cấp cho công đoạn pha chế thuốc dạng lỏng	4,77	4,77	
3	Nước cấp cho công đoạn vệ sinh chai lọ	5,97	5,97	
4	Nước cấp cho quá trình rửa dược liệu thô	18,7	18,7	
5	Nước cấp cho quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị	8	8	
6	Nước cấp cho phòng thí nghiệm	0,51	0,5	
7	Nước cấp bù cho lò hơi	1,58		Nước thải lọc
8	Nước cấp cho mục đích sử dụng khác	3		
	Tổng	60,19	53,07	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

- Tổng diện tích khu đất: 10.000 m² (hợp đồng thuê đất số 527/HĐTD-STNMT-CCQLĐĐ ngày 01/9/2017 và GCN QSD đất số AD 063588).

- Hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và các công trình khác cụ thể như sau:

Bảng 1. 12. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích theo đề án	Ghi chú (Hiện tại)
I	Công trình chính			
1	Xưởng sản xuất mỹ phẩm	m ²	900	840
2	Xưởng sản xuất Đông dược 1	m ²	900	900
3	Xưởng chiết xuất dược liệu	m ²	300	300
4	Nhà văn phòng 3 tầng và kỹ thuật kiểm nghiệm	m ²	500	315

STT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích theo đề án	Ghi chú (Hiện tại)
5	Nhà trưng bày sản phẩm & kỹ thuật kiểm nghiệm	m ²	250	0
6	Xưởng sản xuất Đông dược 2	m ²	0	840
7	Xưởng sản xuất Đông dược 3	m ²	0	1056
II	Các công trình phụ trợ			
6	Kho	m ²	600	0
7	Nhà để xe (ô tô, xe đạp, xe máy)	m ²	150	150
8	Nhà ăn ca	m ²	150	120
9	Trạm biến áp	m ²	32	32
10	Nhà nồi hơi	m ²	150	150
11	Cổng (2 cổng)	bộ	02	02
12	Tường bao (150m ²)	m ²	150	150
13	Bể nước	m ²	100	100
14	Bồn hoa cây cảnh các công trình phụ trợ khác	m ²	200	200
III	Các công trình BVMT			
15	Hệ thống thoát nước	HT	-	-
16	Hệ thống cấp điện, nước	HT	-	-
17	Sân đường nội bộ	m ²	4.363	4.000
18	Cây xanh	m ²	650	500
19	Hệ thống xử lý nước thải	m ²	175	50
20	Khu chứa chất thải: trong đó kho chứa CTR sinh hoạt diện tích 25m ² , kho chứa CTR công nghiệp thông thường diện tích 55m ²	m ²	80	80
21	Kho chứa CTNH	m ²	15	15
22	Kho chứa hóa chất	m ²	9,0	9,0
23	Bể tự hoại	Bể	03 bể 4,6 m ³ /bể (2m x1,9m x1,2m)	03 bể

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

- Tổ chức quản lý vận hành

- Tổ chức nhân sự:

Tổ chức nhân sự của cơ sở bao gồm: Ban giám đốc và bộ phận sản xuất, bộ phận hành chính nhân sự, bộ phận kinh doanh,...

- *Nhu cầu lao động*: Hiện tại cơ sở hoạt động số lượng cán bộ, công nhân viên khoảng 157 người. Sau khi hoạt động hết công suất theo đề án BVMT, số lượng cán bộ công nhân viên là 165 người.

- *Chế độ lao động*:

Công ty hoạt động theo nhu cầu của thị trường và đặc tính của sản phẩm. Thời gian làm việc 01 ca/ngày theo chế độ làm theo ca 8 giờ, người lao động được ký hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động, những ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước và của Công ty. Tổng số ngày hoạt động của Công ty tuân thủ theo luật lao động.

Người lao động tại Công ty được hưởng các chế độ theo luật lao động và theo quy định của nhà nước: được đóng BHXH, BHYT, công đoàn và tham gia các tổ chức xã hội khác.

Nhân viên được trang bị đầy đủ các thiết bị phòng hộ lao động cần thiết khi làm việc, Công ty tạo điều kiện và môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên. Đồng thời đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho người lao động. Ngoài ra, lao động tại công ty còn được đóng bảo hiểm y tế và tham gia các tổ chức xã hội khác.

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh được xây dựng trong CCN Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội. Thành phố luôn chủ trương và khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đầu tư sản xuất, kinh doanh vào các CCN tập trung. Do vậy việc đặt cơ sở tại CCN là phù hợp với chủ trương, quy hoạch phát triển của thành phố.

CCN Thị trấn Phùng đã được đầu tư về cơ sở hạ tầng (giao thông, trạm điện, hệ thống cấp nước, thoát nước, HTXL nước thải tập trung) do vậy đặt cơ sở sản xuất tại khu vực đã được đầu tư hoàn thiện về cơ sở hạ tầng là rất thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

Cơ sở phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hà Nội một số văn bản thể hiện sự phù hợp cụ thể:

- Quyết định Số: 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định Số: 1823/QĐ-TTg ngày 24/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Cơ sở nằm trong CCN Phùng đã được UBND huyện Đan Phượng cấp GPMT số 255/GPMT-UBND ngày 30/8/2024, một trong các ngành nghề thu hút đầu tư có ngành nghề sản xuất các sản phẩm dược phẩm. Do vậy, địa điểm của cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch chung của CCN thị trấn Phùng.

- * Khái quát về quy hoạch và hiện trạng đầu tư vào CCN:

- CCN Thị trấn Phùng cách trung tâm Hồ Hoàn Kiếm 21km, cách Mỹ Đình 8km. Cụm công nghiệp Thị trấn Phùng nằm giữa 2 trục đường chính nối với trung tâm Hà Nội. Trục giao thông chính qua cụm công nghiệp thị trấn Phùng là đường 32 với quy hoạch xây dựng là 35m và đường Hoàng Quốc Việt kéo dài với dự kiến xây dựng là 40m.

CCN thị trấn Phùng có tổng diện tích là 32,254 ha nằm tại thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng CCN là: Công ty cổ phần Tư vấn, Đầu tư và

Thương mại Tân Cương đã tuân thủ các quy định về đầu tư và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo các Quyết định số 255/GPMT-UBND, ngày 30/8/2024 của UBND huyện Đan Phượng, Phê duyệt báo cáo GPMT dự án CCN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Hiện tại có 20 doanh nghiệp đã đầu tư và đi vào hoạt động, chủ yếu là gia công cơ khí, lắp ráp điện tử, sản xuất thuốc, chế biến lương thực thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp ...

CCN thị trấn Phùng đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý nước thải công nghiệp và sinh hoạt của các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp với công suất thiết kế là $400\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, đầu tư xây dựng đi vào hoạt động năm 2007. Hiện nay 100% các doanh nghiệp đã đầu nối hệ thống thu gom thoát nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN.

* Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải và vệ sinh môi trường

a) *Hệ thống thoát nước mưa:*

Được bố trí dọc các tuyến đường nội bộ của CCN với chế độ tự chảy từ trong nền các lô đất về hệ thống thoát nước mưa xung quanh. Nước mưa chảy vào các hố ga thu nước của hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

b) *Hệ thống thu gom và thoát nước thải:*

- Nước thải của 20 doanh nghiệp trong CCN Thị trấn Phùng sau khi xử lý sơ bộ tại cơ sở sẽ được thu gom về hệ thống cống thu gom nước thải kích thước D300mm, D400mm và D600mm và 160 hố ga kích thước 700x700; 14 hố ga 1000x1000 chạy xung quanh khu công nghiệp dẫn về 1 hố ga tập trung có kích thước 1000x1000 rồi theo cống D400 về HT XLNT của CCN có công suất $400\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Đến thời điểm hiện tại, các nhà máy xí nghiệp đầu tư tại CCN đều thu gom và xử lý cục bộ tại cơ sở đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp - loại B đối với nước thải công nghiệp trước khi đầu nối vào tuyến cống thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.

- Hiện trạng CCN đã đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý là $400\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải cho cả CCN. Theo kết quả đánh giá hiện trạng lưu lượng nước thải của CCN khoảng $303\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Giải pháp công nghệ của Trạm xử lý nước thải tập trung của thị trấn Phùng sử dụng công nghệ “Công nghệ xử lý sinh học hiếu khí kết hợp Aerotank”. Kết quả nước thải sau khi xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A và chảy qua bể chứa trước khi xả theo mương thoát nước dẫn ra nguồn tiếp nhận là kênh tiêu T1-3 ĐP (nhánh 1) thuộc thị trấn Phùng.

Bùn lắng từ đáy bể được bơm sang sân phơi bùn để tách nước, bùn sẽ đạt độ khô

cần thiết theo phương pháp khô tự nhiên.

c) Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải:

- Chất thải rắn từ các nhà máy trong CCN được phân loại riêng ngay tại nguồn phát sinh. Việc phân loại đảm bảo tách riêng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Các loại chất thải này được thu gom tập trung, lưu trữ tại từng nhà máy thành viên và các đơn vị này tự hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý với các đơn vị chức năng theo quy định chung về quản lý CCN.

d) Môi trường và cây xanh:

- Chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng CCN rất chú trọng đến việc quy hoạch trồng nhiều cây xanh trong và xung quanh mặt bằng CCN (trên các trục đường giao thông và các vị trí mặt bằng đất trống) để tạo cảnh quan và làm sạch môi trường.

- Diện tích dành cho hệ thống cây xanh trong CCN chiếm >14% diện tích đất CCN. Ngoài ra, theo quy định chung của CCN, các ô đất công nghiệp khi triển khai xây dựng đều bố trí diện tích đất cây xanh cảnh quan và tiêu chuẩn đảm bảo $\geq 15\%$ tổng diện tích đất thuê.

Cơ sở phù hợp với mục tiêu đầu tư, lĩnh vực và ngành nghề thu hút đầu tư của CCN thị trấn Phùng nói riêng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội nói chung.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh của các doanh nghiệp trong CCN thị trấn Phùng được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung với tổng công suất 400 m³ /ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột A, K_q = 0,9, K_f = 1,1: Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội trước khi thải ra kênh tiêu T1-3 ĐP (nhánh 1) thuộc thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội bằng đường ống PVC D110mm. Ngoài ra, kênh tiêu T1-3 ĐP không được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, do vậy nước thải của cơ sở sau xử lý không ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận cuối cùng. Kênh tiêu T1-3 ĐP (nhánh 1) tại khu vực thị trấn Phùng có dòng chảy ổn định, đảm bảo lưu thông toàn bộ lượng nước thải từ cơ sở, lượng nước thải là ổn định và không gây ảnh hưởng đến chế độ thoát nước và dòng chảy của kênh tưới tiêu.

Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN thị trấn Phùng hiện tại đang tiếp nhận và xử lý nước thải cho 20 doanh nghiệp đang hoạt động trong CCN. Tổng lượng nước thải hiện nay đang xử lý của trạm XLNT của CCN thị trấn Phùng là 303 m³/ngày đêm (đã bao gồm nước thải phát sinh tại cơ sở đã đăng ký và đã ký HĐ dịch vụ xử lý nước thải số 03/HĐ ngày 28/12/2006).

Khí thải: Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp: lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng, hệ thống xử lý khí thải lò hơi xử lý khí thải phát sinh đảm bảo nằm trong quy

chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường, vệ sinh thường xuyên cơ sở, do vậy giảm thiểu tối đa hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

Chất thải: Toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom vào các kho chứa sau đó thuê đơn vị chức năng tới vận chuyển theo quy định do vậy không gây ảnh hưởng đến môi trường.

Do đó tại thời điểm lập báo cáo xin cấp Giấy phép môi trường thì cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng tiếp nhận của môi trường khu vực.

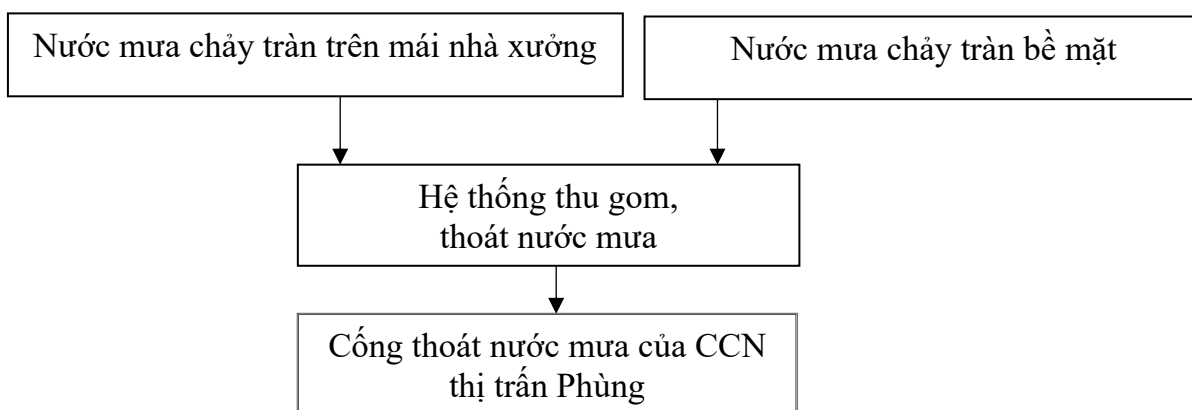
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa hiện trạng của cơ sở như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cơ sở

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa trên mái của cơ sở được thu gom bằng các đường ống đứng D90 và chảy xuống hệ thống rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt của cơ sở rồi thu gom và thoát nước mưa vào cống thoát nước mưa của thành phố nằm trên đường nội bộ CCN trước cổng ra vào cơ sở.

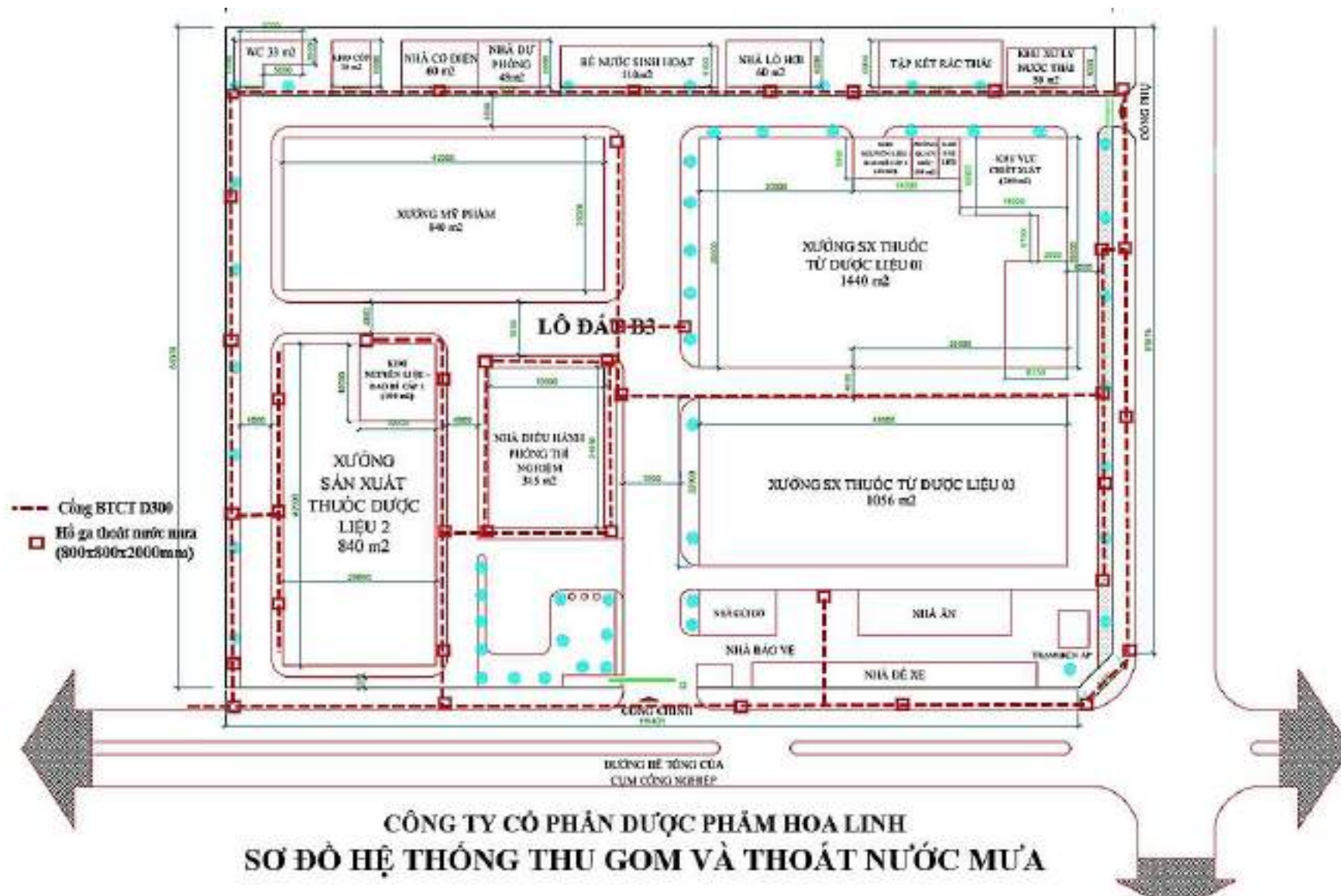
Hệ thống thu gom và thoát nước mưa từ đường nội bộ: nước mưa chảy tràn trên bề mặt trực tiếp vào hệ thống cống tròn bê tông đúc sẵn đường kính D300. Nước chảy trong cống theo nguyên tắc tự chảy. Nước mưa chảy vào các hố ga tập trung (các hố ga được thiết kế có thể tích 1,28m³ (kích thước 0,8m x 0,8m x 2m)) để tách cặn lắng và thoát vào cống thoát nước mưa của CCN thị trấn Phùng trước cổng ra vào cơ sở qua 01 điểm xả.

Hệ thống cống thoát và hố ga tập trung thoát nước mưa được định kỳ kiểm tra nạo vét 04 lần/tháng, phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sửa chữa kịp thời. Không để các loại giấy rác thải, đất, cát,... làm tắc hệ thống thoát nước. Thực hiện tốt công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống BTCT D300	m	522
2	Gối đỡ ống D300	m	370
3	Điểm xả nước mưa	Hố ga	4

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

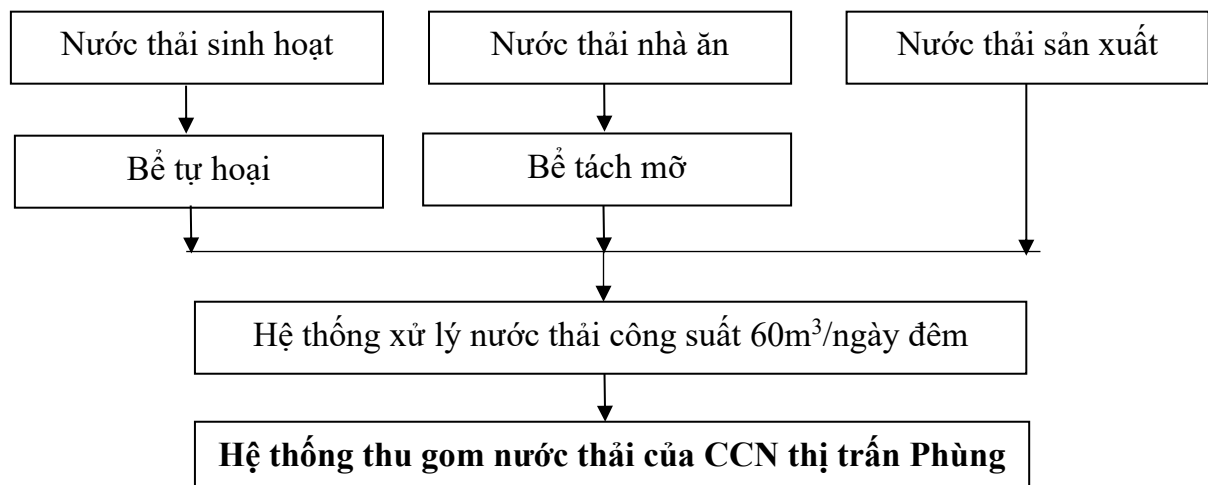


Hình 3. 2. Sơ đồ mặt bằng thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở

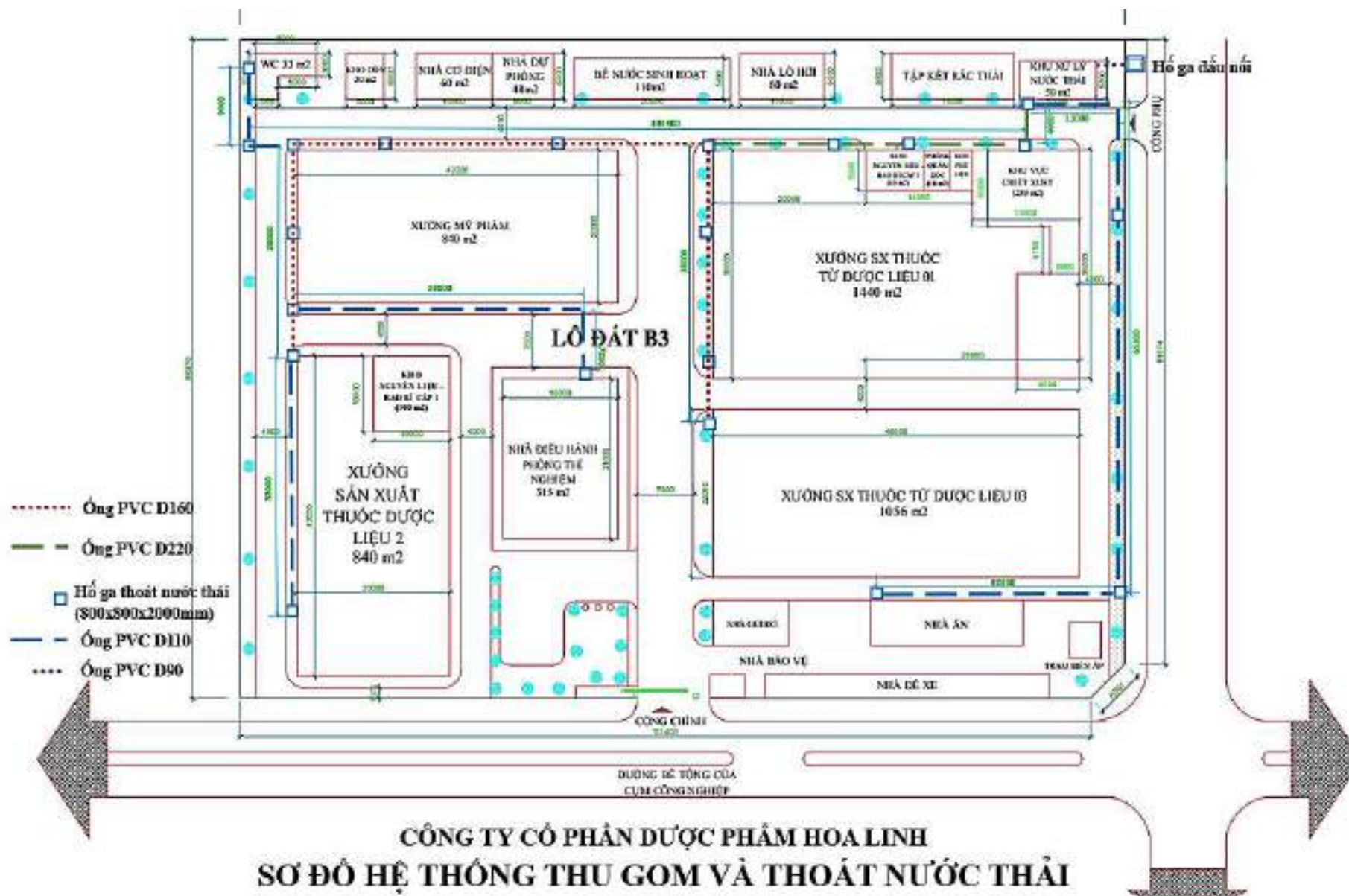
1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải của cơ sở phát sinh từ 2 nguồn chính là nước thải sinh hoạt (từ các khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải từ nhà ăn xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ) và nước thải sản xuất (từ quá trình rửa dược liệu, rửa thiết bị sản xuất, rửa chai lọ đựng sản xuất, phòng thử nghiệm). Toàn bộ lượng nước thải từ các nguồn thải được thu gom theo hệ thống ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của CCN thị trấn Phùng sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN tại 01 điểm xả.

Hệ thống thu gom và thoát nước thải của cơ sở được thể hiện như sau:



Hình 3. 3. Quy trình thu gom và thoát nước thải của Cơ sở



Hình 3. 4. Sơ đồ mặt bằng thu gom và thoát nước thải của Cơ sở

- Nguồn phát sinh nước thải của cơ sở bao gồm 2 nguồn chính:
 - Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, nhà bếp.
 - Nguồn số 2: Nước thải sản xuất
 - Thu gom, thoát nước thải:
 - Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 1:
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại khu nhà xưởng, nhà ăn, nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại ba ngăn (03 bể tự hoại dưới nhà xưởng, nhà ăn, nhà văn phòng); theo đường ống thu gom bằng đường ống PVC D110 – D160 - D220 về các hố ga sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày đêm để xử lý. Tổng chiều dài đường ống thu gom nước thải khoảng 256,7m.
 - + Nước thải khu nhà bếp qua song chắn rác bồn rửa và bể tách mỡ bể tách dầu mỡ (V=0,4m³) sau đó theo đường ống PVC (D110, l=108,3m) dẫn về Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm để xử lý.
 - Nước thải sản xuất phát sinh từ nguồn số 2:
 - + Nước thải tại khu vực rửa dược liệu qua song chắn rác, sau đó chảy theo đường ống PVC D110 – D160 - D220 về các hố ga sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày đêm để xử lý. Tổng chiều dài đường ống thu gom nước thải khoảng 243m (cùng đường ống thu gom chung của nước thải sinh hoạt).
 - + Nước thải rửa thiết bị sản xuất, nước rửa chai lọ được thu gom theo đường ống PVC D110 – D160 - D220 về các hố ga sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày đêm để xử lý. Tổng chiều dài đường ống thu gom nước thải khoảng 235,8m (cùng đường ống thu gom chung của nước thải sinh hoạt).
 - + Nước thải phát sinh tại phòng kiểm nghiệm (nước rửa dụng cụ, vệ sinh thiết bị, chai lọ, nước rửa tay... có chứa nhiều hóa chất, thuốc) được thu gom theo đường ống PVC D110 – D160 - D220 về các hố ga sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày đêm để xử lý. Tổng chiều dài đường ống thu gom nước thải khoảng 207,7m (cùng đường ống thu gom chung của nước thải sinh hoạt).
- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn của CCN thị trấn Phùng được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của CCN thị trấn Phùng bằng đường ống PVC D90, chiều dài khoảng 10m tại 01 điểm xả.
- Điểm xả nước thải sau xử lý:
- + Vị trí xả thải: Hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của CCN thị trấn Phùng.
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải của cơ sở (theo hệ tọa độ VN 2000):
 $X(m)= 2333209; Y(m)= 569959.$
- Cơ sở đã ký hợp đồng dịch vụ số 03/HĐ ngày 28/12/2006 về dịch vụ xử lý nước

thải với Công ty Cổ phần tư vấn, Đầu tư và Thương mại Tân Cường - đơn vị quản lý CCN thị trấn Phùng.

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom, thoát nước thải

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống nhựa D110	m	200
2	Ống nhựa D160	m	115
3	Ống nhựa D220	m	50
4	Ống nhựa D90	m	10
5	Hố ga (800x800x2000mm)	Cái	21
6	Điểm đầu nối	Hố ga	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

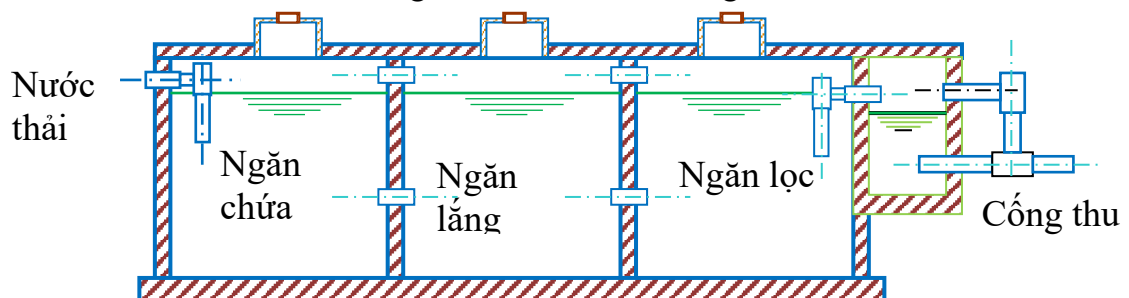
1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

* *Xử lý nước thải sinh hoạt*

Cơ sở đã xây dựng 03 bể tự hoại 03 ngăn dưới nhà vệ sinh bên ngoài nhà xưởng, khu văn phòng và khu vực nhà ăn để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải từ nhà vệ sinh của cán bộ công nhân viên, dung tích bể 4,6 m³/bể (DxRxC = 2m x1,9m x1,2m)

Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn được thể hiện trong hình sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ bể tự hoại 03 ngăn của cơ sở

Mô tả quy trình công nghệ:

Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: phân huỷ cặn hữu cơ và lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân huỷ, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan.

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn chứa – lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ các vách ngăn, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất bẩn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của vi sinh vật.

Các vách ngăn cho phép tách riêng hai pha (axit hóa và metan hóa). Quần thể vi sinh vật trong từng ngăn sẽ khác nhau và có điều kiện phát triển thuận lợi. Ở những ngăn đầu, các vi khuẩn tạo axit sẽ chiếm ưu thế, trong khi ở những ngăn sau, các vi khuẩn tạo CH_4 sẽ là chủ yếu.

Với quy trình vận hành này, bể cho phép tăng thời gian lưu bùn và nhờ vậy hiệu suất xử lý tăng trong khi lượng bùn cần xử lý lại giảm. Các ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải.

Bùn thải sinh ra từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt của bể tự hoại được đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, xử lý định kỳ đúng quy định.

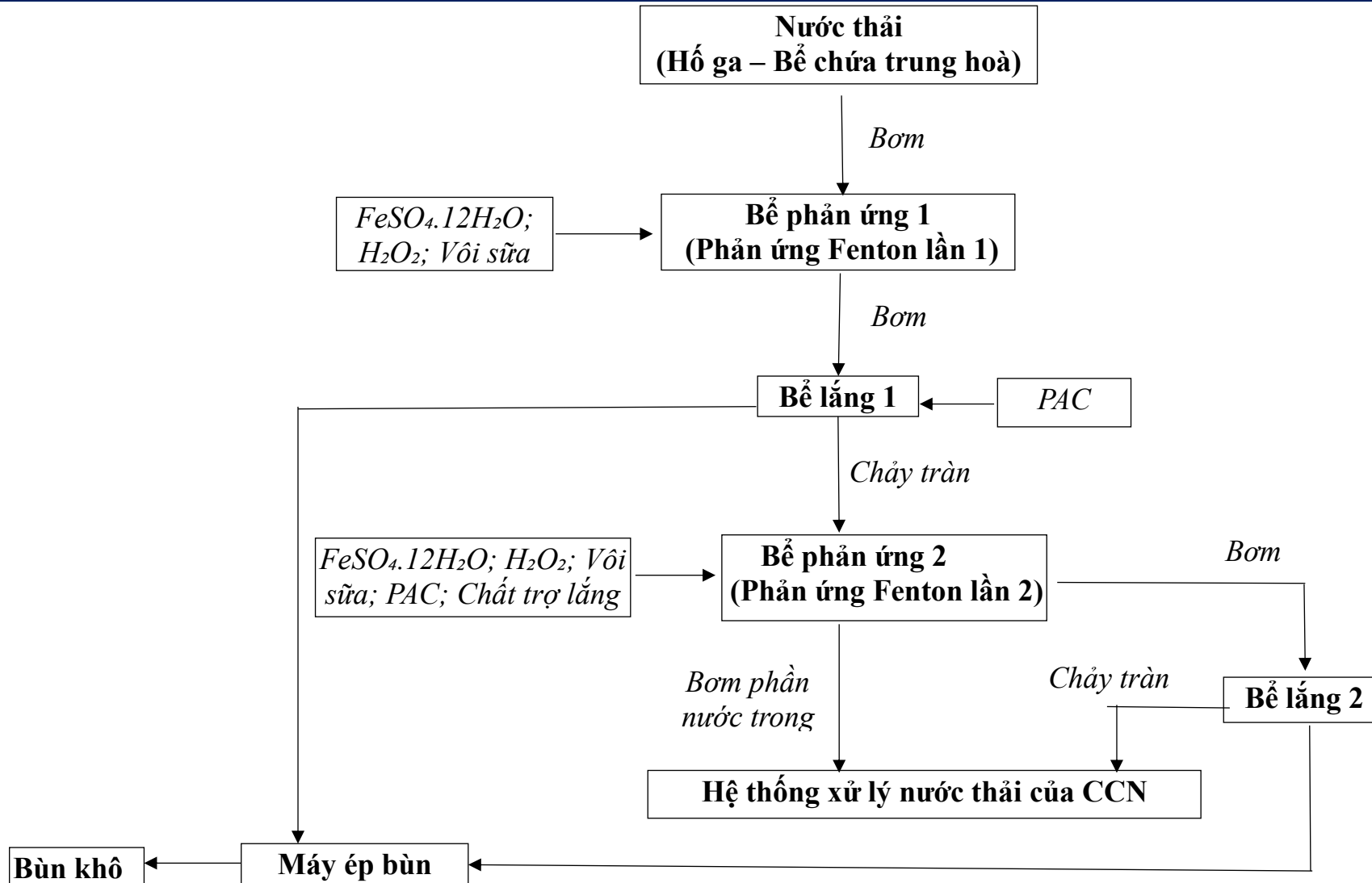
Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ từ các bể tự hoại được đưa về hệ thống XLNT của cơ sở để xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của CCN trước khi được thu gom về Trạm XLNT tập trung của CCN thị trấn Phùng để tiếp tục xử lý.

1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm

Cơ sở xử lý nước thải bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60m³/ngày đêm. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt Tiêu chuẩn của CCN thị trấn Phùng trước khi xả ra hệ thống thoát nước thải chung của CCN.

+ Phương pháp xử lý: Sử dụng phương pháp hóa lý.

Sơ đồ hệ thống XLNT công suất 60m³/ngày đêm được thể hiện như sau:



Hình 3. 6. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm của cơ sở

Mô tả quy trình công nghệ:

1. Nước thải (Hố gom – Bể chứa trung hoà):

NTSH và NTSX phát sinh được thu gom vào hố gom và bơm về bể chứa trung hoà được lưu giữ tạm thời trước khi đưa vào hệ thống xử lý. Hố ga thu gom được coi như 1 Bể trung hòa có tác dụng điều hòa về lưu lượng cũng như nồng độ nước thải để chuẩn bị cho bước xử lý tiếp theo.

Sau đó nước thải được bơm lên Bể phản ứng 1 để bắt đầu quá trình xử lý với mục đích loại bỏ các chất ô nhiễm hữu cơ và vô cơ.

2. Bể phản ứng 1 (Phản ứng Fenton lần 1):

o Tại đây xảy ra phản ứng Fenton, sử dụng sự kết hợp của $\text{FeSO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$ (sắt sunfat) và H_2O_2 (hydro peroxid) để tạo ra các gốc hydroxyl ($\cdot\text{OH}$), là chất oxy hóa mạnh. Các gốc hydroxyl này giúp phá vỡ các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Phản ứng Fenton giúp phá vỡ các liên kết phức tạp trong các chất hữu cơ khó phân hủy, làm giảm hàm lượng các chất độc hại và tăng khả năng xử lý của các bước tiếp theo. Sau khi xử lý qua Bể phản ứng 1, nước thải chứa các chất cặn được bơm sang Bể lắng 1.

o Thêm hóa chất:

- $\text{FeSO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$: Cung cấp ion sắt (Fe^{2+}) cần thiết cho phản ứng Fenton.
- H_2O_2 : Tác nhân oxy hóa, khi phản ứng với ion sắt, sẽ tạo ra các gốc hydroxyl có khả năng oxy hóa mạnh mẽ các chất hữu cơ.
- Vôi sữa: Được thêm vào để điều chỉnh pH, đảm bảo môi trường phản ứng phù hợp cho hiệu quả oxy hóa cao nhất.

3. Bể lắng 1:

▪ Quá trình này giúp tách các chất rắn lơ lửng và các tạp chất không tan ra khỏi nước thải. Giúp loại bỏ các chất rắn lơ lửng, giảm độ đục của nước và chuẩn bị nước thải cho quá trình xử lý Fenton lần 2.

▪ PAC (Poly Aluminium Chloride) được thêm vào để tạo các bông keo (floc) giúp các hạt cặn nhỏ kết dính lại với nhau, hình thành các hạt lớn hơn và dễ dàng lắng xuống đáy bể.

4. Bể phản ứng 2 (Phản ứng Fenton lần 2):

o Nước thải từ Bể lắng 1 chảy tràn qua Bể phản ứng 2 để tiếp tục được xử lý. Phản ứng Fenton lần 2 nhằm hoàn tất quá trình oxy hóa và keo tụ, xử lý các chất bẩn còn sót lại trong nước thải. Lúc này, các chất ô nhiễm trong nước đã bị giảm đến mức tối thiểu. Sau Bể phản ứng 2, nước thải được đưa vào Bể lắng 2 để loại bỏ các chất lơ lửng còn lại.

o Thêm hóa chất:

- $\text{FeSO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$ và H_2O_2 : Tiếp tục cung cấp ion sắt và hydro peroxid để tiến hành phản ứng Fenton lần hai.
- Vôi sữa: Điều chỉnh pH của nước, đảm bảo hiệu quả của phản ứng.

- PAC: Giúp tiếp tục quá trình keo tụ, hỗ trợ tạo bông cặn mới.

- Chất trợ lắng: Thường là các polyme hữu cơ có tác dụng tăng cường quá trình kết bông và lắng của các hạt cặn. Dưới tác dụng của hóa chất này và hệ thống motor cánh khuấy. Các bông cặn li ti từ bể phản ứng sẽ chuyển động va chạm dính kết và hình thành nên những bông cặn tại bể keo tụ tạo bông có kích thước và khối lượng lớn gấp nhiều lần các bông cặn ban đầu tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lắng ở bể lắng hóa lý.

5. Bể lắng 2:

Quá trình lắng: Các bông cặn và tạp chất hình thành từ Bể phản ứng 2, tách các chất lơ lửng còn sót lại, tiếp tục lắng xuống đáy bể. Bùn cặn có trọng lượng riêng lớn hơn nước sẽ lắng xuống đáy bể nhờ trọng lực.

Bùn từ đáy bể lắng ổn định được bơm lên máy ép bùn để tiếp tục tách nước ra khỏi bùn hay để làm khô bùn. Phần bùn khô sau ép được đơn vị mang đi xử lý theo quy định.

Phần nước trong sau khi qua Bể lắng 2 được bơm tiếp vào hệ thống xử lý nước thải chung của CCN.





Hình 3. 7. Một số hình ảnh tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

- Danh mục công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3. 3. Thông số các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên hạng mục	Thể tích (m ³)	Số lượng	Kết cấu
1	Hố gom	1,73	1	BTCT
2	Bể chứa trung hòa	37,22	1	BTCT
3	Bể phản ứng 1	38,75	1	BTCT
4	Bể lắng 1	38,75	1	BTCT
5	Bể phản ứng 2	18,46	1	BTCT
6	Bể lắng 2	18,46	1	BTCT

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục công trình/ thiết bị	Đơn vị	Xuất xứ	Số lượng
1	Máy khuấy bể phản ứng, tạo bông, keo tụ... Tốc độ khuấy 75v/p Công suất 0,4kw Trục khuấy dài 1,4m; cánh khuấy D=0,4m	Cái	Asia	2
2	Bơm tuần hoàn bùn: Công suất động cơ 0,35kw Lưu lượng 5 m ³ /giờ Cột áp 8m H ₂ O	Cái	EU	1
3	Bơm nước thải HT XLNT sinh hoạt: Công suất động cơ 0,35kw Lưu lượng 5 m ³ /giờ Cột áp 8m H ₂ O	Cái	EU	2

TT	Hạng mục công trình/ thiết bị	Đơn vị	Xuất xứ	Số lượng
4	Bơm trung chuyển nước thải: Công suất động cơ 1,25kw Lưu lượng 5 m ³ /giờ Cột áp 8m H ₂ O	Cái	EU	2
5	Bơm chìm bùn (lắng hóa lý): Công suất động cơ 0,35kw Lưu lượng 5 m ³ /giờ Cột áp 8m H ₂ O	Cái	EU	1
6	Bơm định lượng hóa chất: Công suất động cơ 0,25kw Lưu lượng 1-50 lít/giờ Áp suất 6 bar	Cái	USA	1
7	Bồn chứa hóa chất: Thể tích 150 lít Chất liệu nhựa 3 lớp, dạng đứng	Cái	Việt Nam	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trong hoạt động sản xuất của cơ sở, nguồn phát sinh khí thải chủ yếu từ lò hơi, ngoài ra khí thải và bụi còn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông.

* Đối với khí thải lò hơi:

- Cơ sở có 02 lò hơi:

+ 01 lò hơi công suất 1 tấn hơi/giờ đang hoạt động đi kèm 1 hệ thống xử lý khí thải đồng bộ công suất xử lý 12.000m³/giờ.

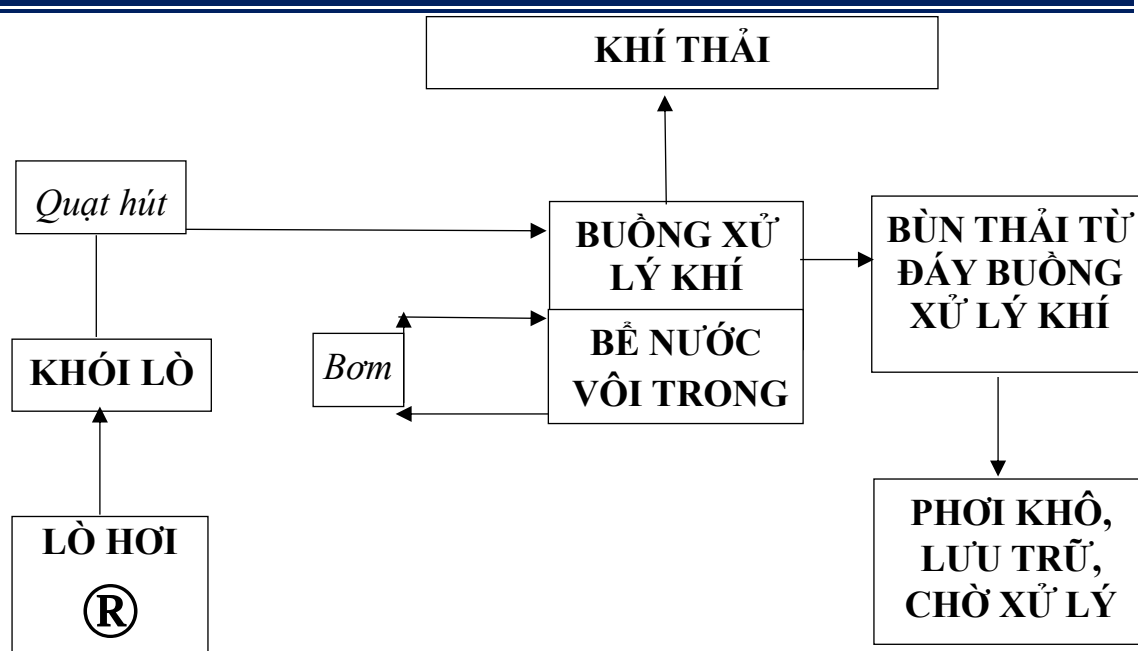
+ 01 lò hơi công suất 0,5 tấn hơi/giờ dự phòng lò hơi 1 tấn hơi/giờ xảy ra sự cố để không phải dừng sản xuất (đi kèm bộ thiết bị xử lý khí thải đồng bộ công suất 4.000m³/giờ). Cấu tạo lò hơi dự phòng và hệ thống xử lý khí thải đồng bộ này tương tự với lò hơi đang sử dụng. Trong quá trình hoạt động, cơ sở chưa xảy ra sự cố lò hơi vì vậy hệ xử lý khí thải này không hoạt động.

- Nguyên liệu Công ty sử dụng cấp nhiệt cho lò hơi là than đá. Công suất của lò hơi tại cơ sở khoảng 01 tấn/giờ. Thành phần khí thải lò hơi bao gồm: khói, tro bụi, CO, CO₂, SO₂ và NO_x.

- Để xử lý khí thải cơ sở đã lắp đặt hệ thống đồng bộ, trong đó có lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ và khử bụi ướt

+ Công suất xử lý 12.000m³/giờ.

Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải như sau:



Hình 3. 8. Sơ đồ xử lý khí thải lò hơi

Mô tả quy trình công nghệ:

Trong quá trình đốt gia nhiệt cấp cho nồi hơi, các loại khí thải và khói được sinh ra, chứa nhiều chất ô nhiễm, bao gồm khí CO₂, SO₂, NO_x, khói và bụi tro xỉ.

Khói và khí thải từ lò hơi sẽ được dẫn qua hệ thống đến quạt hút để đẩy khí thải đi vào buồng xử lý khí. Quá trình này giúp đảm bảo khí thải từ lò hơi không bị thoát ra ngoài mà được kiểm soát chặt chẽ, tránh ô nhiễm môi trường.

Tại buồng xử lý khí, dòng khí sẽ được đưa từ dưới lên, dung dịch hấp thụ sử dụng là dung dịch sữa vôi Ca(OH)₂ được phun dưới dạng sương từ trên xuống, khi dòng khí thải từ bên dưới đi lên gặp các hạt sương xảy ra phản ứng tạo muối của Ca và H₂O (CaSO₂; CaCO₃), các thành phần tro bụi được giữ lại ở dưới. Tại bể nước vôi trong (Ca(OH)₂) đã trung hòa các thành phần axit trong khí thải. Khí thải chứa SO₂ sẽ phản ứng với nước vôi để tạo ra bùn thải CaSO₄ (thạch cao), từ đó giảm thiểu sự phát thải SO₂ ra môi trường. Quá trình này giúp giảm tính axit của khí thải, ngăn ngừa các tác động gây ăn mòn. Bơm sẽ liên tục tuần hoàn nước vôi trong buồng xử lý để đảm bảo sự tiếp xúc đều giữa khí thải và nước vôi, giúp tối ưu hóa hiệu suất xử lý, đảm bảo tất cả khí thải đều được trung hòa axit và lọc sạch đến 98% trước khi xả ra ngoài không khí.

Bùn thải sinh ra từ quá trình xử lý khí sẽ được thu gom tại bể chứa này. Bùn thải chủ yếu là CaSO₄ (thạch cao) và các chất cặn bã từ khí thải. Bùn thải sau khi thu gom sẽ được phơi khô để dễ dàng trong việc xử lý và lưu trữ.

Khí thải được xử lý đạt quy chuẩn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Danh mục công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3. 5. Thông số các hạng mục công trình của hệ thống xử lý khí thải

TT	Tên hạng mục	Đang hoạt động		Dự phòng		Kết cấu
		Thể tích (m ³)	Kích thước (DxRxH)	Thể tích (m ³)	Kích thước (DxRxH)	
1	Bể nước vô trùng	10,08	3,0x2,4x1,4	10,08	3,0x2,4x1,4	BTCT
2	Buồng xử lý khí	3,6	3,0x1,2x1,0	3,6	3,0x1,2x1,0	BTCT
4	Khu vực phơi bùn thải	4,5m ²	3,0x1,5	4,5m ²	3,0x1,5	BTCT
5	Ống thoát khí	-	D320, h=10m		D200, h=4m	thép
6	Quạt hút	12.000 m ³ /giờ	-	4.000 m ³ /giờ		-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)



Hình ảnh lò hơi dự phòng và thiết bị xử lý dự phòng



Hình ảnh lò hơi đang sử dụng và thiết bị xử lý khí thải
Hình 3. 9. Một số hình ảnh tại hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Ngoài ra chủ cơ sở áp dụng một số biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí như sau:

- Trang bị cho công nhân lao động các phương tiện BHLĐ cần thiết và có chất lượng tốt như: Khẩu trang, quần áo BHLĐ, găng tay, giày, dép,.. Tổ chức tuyên truyền, vận động cho công nhân lợi ích của việc sử dụng trang thiết bị BHLĐ, cũng như ảnh hưởng của bụi, khí độc đến sức khỏe công nhân. Thường xuyên giám sát quá trình sử dụng của trang thiết bị BHLĐ của công nhân.

- Lắp đặt quạt thông gió, quạt công nghiệp làm thông thoáng nhà xưởng và khu vực văn phòng, đảm bảo thoáng mát cho cán bộ công nhân viên trong quá trình làm việc.

- + Quá trình sản xuất được lập trình theo chu trình khép kín, dây chuyền gần như đồng bộ, hạn chế được các rủi ro trong quá trình sản xuất.

- + Nguyên liệu sản xuất là nguyên liệu sạch, đạt tiêu chuẩn và được phân loại cẩn thận từ nhà cung cấp.

Giải pháp công nghệ của Công ty vừa đảm bảo được chất lượng sản phẩm, hạn chế các nguồn ô nhiễm bụi, hơi khí độc hại, nhiệt độ cao đến sức khỏe người lao động, giảm thiểu được các rủi ro, tai nạn lao động trong quá trình sản xuất.

- + Do đặc điểm công nghệ sản xuất và loại sản phẩm của Nhà máy đòi hỏi an toàn vệ sinh cao nên các phân xưởng sản xuất đều thiết kế xây dựng theo tiêu chuẩn GMP. Các nhà xưởng được thiết kế tường, trần, nền nhẵn phẳng, không có các khe hở, tróc lở, không giữ bụi, vật liệu trên các bề mặt dễ làm vệ sinh. Các khu vực này được vệ sinh thường xuyên, hàng ngày, do vậy lượng bụi cũng giảm đáng kể.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc như: quần áo, mũ, găng tay, khẩu trang, giày,...

+ Ngoài ra, Công ty đã lắp đặt hệ thống điều hòa công nghiệp để điều hòa không khí và lọc khí trung tâm, đảm bảo môi trường không khí ổn định, trong sạch cho công nhân làm việc.

****Biện pháp xử lý đối với khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông:***

Chủ cơ sở đã và đang áp dụng các biện pháp đã được phê duyệt trong đề án bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Đường giao thông, mặt sân bãi được trải bê tông để giảm thiểu đất cát bị cuốn bay vào không khí.

+ Tổ chức vệ sinh sạch sẽ đường đi, kho bãi chứa nguyên liệu và sản phẩm. Bố trí một cách hợp lý nhất để hạn chế đường vận chuyển.

+ Tổ chức tưới đường trong những đợt cao điểm vận chuyển có nhiều phương tiện ra vào.

+ Xe chở đúng tải trọng quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về xe lưu thông.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

+ Trồng cây xanh tạo cảnh quan, bóng mát vừa có tác dụng hạn chế bụi và các tác động khác tới môi trường.

**** Các biện pháp khác:***

Hoạt động kiểm nghiệm sản phẩm được thực hiện tại phòng thử nghiệm. Sử dụng các dung môi khác nhau cho các phép thử nghiệm. Các phép thử nghiệm có phát sinh khí, mùi được thực hiện trong 02 tủ hút. Hóa chất sử dụng cho các phép thử nghiệm rất ít (tổng khối lượng hóa chất sử dụng là 131,6kg/năm tương đương 0,42kg/ngày). Tủ hút có lắp đặt khay đựng than hoạt tính đi kèm đồng bộ với tủ hút khí thải phòng thí nghiệm (kích thước D x R x H = 410 mm x 410 mm x 50 mm) để có thể hấp phụ triệt để các khí thải có thể phát sinh không làm ảnh hưởng đến môi trường lao động của công nhân viên.

Than hoạt tính sau thời gian sử dụng khoảng 6 tháng sẽ được thay thế hoặc khi màng lọc than hoạt tính giảm khả năng hút, phần đã sử dụng đưa vào kho CTNH và xử lý theo quy định.

Lắp đặt hệ thống điều hòa cho tất cả các phòng ban để điều hòa không khí.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- *Khối lượng phát sinh:* Chất thải sinh hoạt của Công ty bao gồm thành phần chủ yếu là các loại chất thải hữu cơ (thức ăn thừa thải bỏ, hoa quả thải bỏ...); chất thải vô cơ (vỏ hộp, khay nhựa đựng thức ăn, vỏ lon nước...). Theo Báo cáo công tác bảo vệ

môi trường năm 2023 của Công ty báo cáo lên Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh năm 2023 của Công ty khoảng 23 tấn/năm tương đương 73,13kg/ngày (hiện tại cơ sở có 157 người).

Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh lớn nhất khi hoạt động hết công suất theo đề án bảo vệ môi trường (với 165 công nhân viên) là 76,86 kg/ngày tương đương 24 tấn/năm.

- Phương án thu gom và phân loại:

+ Công ty đã thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

+ Công ty đã bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nhà bếp, nhà xưởng, nhà văn phòng để thu gom các loại chất thải sau đó tập kết về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt vào cuối ngày.

- Lưu giữ và xử lý:

+ Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 25m² được bố trí phía Tây của nhà máy sát tường bao. Cạnh kho chứa CTR công nghiệp thông thường.

+ Hàng ngày có đơn vị chức năng đến thu gom theo quy định.

- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng số 12/2024/HĐKT-HTX.ĐP ngày 03/01/2024 với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt là Hợp tác xã Thành Công để thu gom, xử lý toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng phát sinh: Chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy phát sinh trong quá trình hoạt động theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 của Công ty báo cáo lên Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh năm 2023 (bao gồm chất thải rắn như bã dược liệu, xỉ than, bao bì, bì giấy).

- Khối lượng than sử dụng hiện tại tại cơ sở khoảng 300kg/ngày (hóa đơn mua than đính kèm báo cáo). Dự kiến khi hoạt động hết công suất khối lượng than sử dụng là 350kg/ngày.

+ Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh lớn nhất khi hoạt động hết công suất theo đề án bảo vệ môi trường của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 3. 6. Khối lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải rắn công nghiệp	Đơn vị	Hoạt động hết công suất
1	Bã dược liệu	kg/năm	75.000
2	Bao bì giấy, bì carton	kg/năm	8.000
3	Xỉ than	kg/năm	9.000
	Tổng cộng	kg/năm	92.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

- Phương án thu gom và phân loại:

+ Công ty đã thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, hàng năm có tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ công nhân về công tác bảo vệ môi trường tại nhà máy.

+ Công ty đã bố trí 10 thùng chứa chất thải dung tích 500 lít tại các khu vực sản xuất để phân loại và thu gom rác thải phát sinh trong quá trình sản xuất sau đó đưa về khu chứa chất thải công nghiệp thông thường để lưu giữ tạm thời.

- Lưu giữ và xử lý:

+ Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 55m² được bố trí phía Tây của nhà máy sát tường bao: Kho lưu chứa được chia các ngăn phân loại chất thải tái chế và không thể tái chế để xử lý.

+ Công ty đã ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải số 18.01.2024/CNK ngày 31/12/2023 với Công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình để thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại đúng quy định của pháp luật với tần suất 02 lần/tuần.





Hình 3. 10. Kho chứa CTR công nghiệp thông thường tại cơ sở

4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Khối lượng phát sinh:

+ CTNH phát sinh chủ yếu bao gồm: Giẻ lau, vật liệu dính chất thải nguy hại; Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải; Bóng đèn huỳnh quang thải; Bao bì thải chứa, bị nhiễm TPNH; Bùn thải từ xử lý nước thải; Hóa chất trong phòng thí nghiệm; Các loại dược phẩm thải có chứa TPNH; Chất thải có chứa các TPNH từ xử lý khí thải.

CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở theo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 của Công ty báo cáo lên Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội là 422 kg/năm.

Lượng bùn thải phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở được tính toán như sau: căn cứ vào khối lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý, bùn sau khi ép được phơi khô kiệt, lượng bùn phát sinh = tổng khối lượng keo tụ + tổng cặn tương đương 0,6kg/ngày.

Khối lượng CTNH phát sinh lớn nhất khi cơ sở hoạt động hết công suất dự kiến như sau:

Bảng 3. 7. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở (kg/năm)

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng hiện tại năm 2021	Khối lượng hiện tại năm 2022	Khối lượng hiện tại năm 2023	Khối lượng khi hoạt động hết công suất
1	Giẻ lau, vật liệu	18 02 01	61	60	66	75

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng hiện tại năm 2021	Khối lượng hiện tại năm 2022	Khối lượng hiện tại năm 2023	Khối lượng khi hoạt động hết công suất
	dính chất thải nguy hại.					
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải	17 02 04	38	40	34	40
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	21	19	22	26
4	Bao bì thải chứa, bị nhiễm TPNH	18 01 01	45	61	60	70
5	Bùn thải từ xử lý nước thải	12 06 05	64	63	64	180
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm	13 01 02	49	32	44	51
7	Các loại dược phẩm thải có chứa TPNH	13 01 05	72	40	72	84
8	Chất thải có chứa các TPNH từ xử lý khí thải	04 02 03	59	53	60	150
9	Tổng số lượng		409	368	422	676

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

- Phương án thu gom và phân loại:

+ Các loại chất thải khi có phát sinh sẽ được thu gom, phân loại và đưa về kho chứa CTNH để lưu giữ.

- Lưu giữ và xử lý:

+ Đối với kho chứa CTNH: Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, có nền cách thổ, có biển báo nguy hiểm ở nơi chứa chất thải nguy hại. Kho chứa CTNH có diện tích 15,0 m² và đã bố trí thùng chứa CTNH theo đúng quy định:

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và có thành gờ quây xung quanh, cao hơn mặt sàn để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH.

+ Các CTNH được lưu giữ trong thiết bị riêng, có nắp đậy tránh đổ tràn ra ngoài cũng như hạn chế khả năng các chất thải phản ứng với nhau.

+ Có biển dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

+ Công ty đã ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải số 18.01.2024/CNK ngày 31/12/2023 với Công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công

ngiệp Hòa Bình để thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại đúng quy định của pháp luật với tần suất 06 tháng/lần.

+ Hàng năm công ty đã lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại gửi sở Tài nguyên và môi trường theo đúng quy định.



Hình 3. 11. Hình ảnh kho chứa Chất thải nguy hại của cơ sở

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Hiện tại, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của cơ sở chủ yếu là từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào cơ sở và từ các máy sản xuất. Tiếng ồn từ nhà máy sản xuất hiện tại của cơ sở là không cao. Tuy nhiên để đảm bảo môi trường lao động an toàn nhất cho người lao động, chủ cơ sở đang áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung sau:

- Lựa chọn các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có tiếng ồn, độ rung thấp;
- Lắp đặt các thiết bị chống ồn, rung ngay khi lắp đặt máy móc, thiết bị;
- Ngăn cách nguồn phát sinh tiếng ồn: Khu vực nhà xưởng và khu vực văn phòng được bố trí riêng biệt.
- Bộ phận bảo dưỡng lập kế hoạch định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong cơ sở nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung phát sinh các nguồn gây ô nhiễm và ảnh hưởng xấu đến môi trường làm việc.

- Cam kết giảm thiểu tiếng ồn ở trong mức giới hạn tiếng ồn nhỏ hơn 50dBA trong khung giờ từ 21h-6h và nhỏ hơn 70dBA trong khoảng từ 6h-21h tại khu vực thông thường theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước.

- Chủ dự án trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như nút bịt tai, miếng che tai... cho người lao động trực tiếp phải chịu tiếng ồn;

- Bố trí hợp lý thời gian làm việc ở các phân xưởng có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn. Hạn chế người lao động tiếp xúc với tiếng ồn, độ rung trong thời gian dài;

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe định kỳ người lao động, đặc biệt là yếu tố thính lực.

- Tuyên truyền giáo dục về mức độ nguy hại của tiếng ồn, độ rung đối với sức khỏe, tổ chức các khóa huấn luyện về vấn đề an toàn và sức khỏe cho công nhân.

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông, vận tải:

+ Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ gây ra tiếng ồn và độ rung cao.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải.

+ Các phương tiện giao thông vận tải phải được tiến hành đăng kiểm theo đúng quy định của Pháp luật.

+ Yêu cầu các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố

6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó với sự cố của hệ thống xử lý nước thải, khí thải

Chủ cơ sở đã và đang áp dụng các biện pháp sau:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

+ Định kỳ sẽ kiểm tra bảo dưỡng lại hệ thống đường ống, máy móc phục vụ trong hệ thống xử lý nước thải của dự án.

+ Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ hệ thống thiết bị và khu vực xung quanh, tránh để ẩm ướt hoặc các chất lạ trong khu vực thiết bị.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi:

+ Bố trí nhân viên vận hành theo dõi kiểm tra vận hành đúng kỹ thuật.

+ Định kỳ kiểm tra chất lượng khí thải sau xử lý theo quy định.

+ Trường hợp sự cố nghiêm trọng dừng vận hành để khắc phục.

6.2. Phương án, phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Chủ cơ sở đã và đang áp dụng một số biện pháp phòng chống rò rỉ nhiên liệu, hóa

chất như sau:

- Kiểm tra nghiêm ngặt kho chứa nhiên liệu, hóa chất, kho thành phẩm và các phương tiện vận tải;

- Hóa chất trong kho được dán nhãn, sắp xếp hợp lý, gọn gàng, dễ phân biệt khi có nhiều loại; Từng lô hàng được đánh dấu và ghi bảng tên trên tường để thuận tiện cho việc kiểm tra và giám sát. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, phuy chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ;

- Thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nhiên liệu; các phương tiện vận chuyển phải có đủ tư cách pháp nhân cũng như đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật khi vận chuyển trên đường giao thông;

- Tuân thủ các quy định về quản lý an toàn hóa chất theo đúng luật hóa chất và các nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan:

- + Có người chuyên trách về an toàn hóa chất
- + Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, hướng dẫn thực hiện an toàn hóa chất cho người lao động, người quản lý trực tiếp
- + Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo đúng quy định.
- + Cập nhật, lưu trữ thông tin về các hóa chất sử dụng
- + Chấp hành các yêu cầu kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về an toàn hóa chất
- + Thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý, thải bỏ hóa chất nguy hiểm và dụng cụ chứa hóa chất đó.

6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Cơ sở đã thiết kế hoàn chỉnh hệ thống phòng cháy chữa cháy, bao gồm hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà. Hệ thống PCCC thiết kế theo các quy định, tiêu chuẩn hiện hành.

- Giao thông phục vụ chữa cháy:

Giao thông trong cơ sở: có đường chạy xung quanh các nhà xưởng của công ty. Xe chữa cháy đi lại tiếp cận các hạng mục công trình cơ sở thuận tiện.

Biện pháp phòng cháy:

- + Đối với công nhân trực tiếp sản xuất
 - . Quản lý chặt chẽ các loại nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh nhiệt, lửa. Khi sử dụng phải có biện pháp an toàn.
 - . Thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ máy móc.
 - . Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất nguyên vật liệu đúng theo quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư, thiết bị,

nguyên vật liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể gây phản ứng cháy, nổ.

+ Đối với Công ty:

. Lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên hoặc cưỡng bức, hoặc cho thêm các phụ gia tron hạn chế nồng độ lượng chất nguy hiểm cháy, nổ rơi xuống dưới hạn chế cháy, nổ tại những nơi mà trong quá trình sản xuất sinh ra khí, hơi, bụi dễ cháy, nổ.

. Bố trí các thiết bị, dây truyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

. Hạn chế để nguyên, vật liệu hàng hóa tập trung tại nơi sản xuất. Chỉ để các loại hàng hóa, vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất. Các loại vật tư, nguyên liệu chưa sử dụng đến hoặc hàng hóa đó sản xuất xong phải để ở các kho riêng biệt, các loại dễ cháy, nổ phải bảo quản cách xa khu vực có nguồn nhiệt.

. Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ trong các khu vực sản xuất.

. Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra, đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc về AT - VSLĐ – PCCC.

. Xây dựng các nội quy, quy trình vận hành máy móc thiết bị và dây chuyền công nghệ, nội quy PCCC.

. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót về PCCC.

- Biện pháp chữa cháy:

+ Khi phát hiện cháy phải báo động khẩn trương cho toàn cơ sở biết. Cắt điện khu vực cháy. Điện báo cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp theo số điện thoại 114. Triển khai lực lượng chữa cháy của cơ sở sử dụng các phương tiện tại chỗ để chữa cháy.

+ Khi cháy xảy ra tùy theo diễn biến, kiến trúc, môi trường và chất cháy có thể sử dụng các phương pháp chữa cháy sau sao cho phù hợp, hiệu quả:

+ Sử dụng phương pháp làm loãng chất tham gia phản ứng cháy bằng cách đưa vào vùng cháy những chất không tham gia phản ứng cháy như Cacbonic (CO_2), khí Nitơ (N_2),...

+ Sử dụng phương pháp cách ly hạn chế không cho oxy vào vùng cháy như bùn, cát, chặn thấm nước phủ lên bề mặt cháy.

+ Sử dụng phương pháp làm lạnh hạ nhiệt độ trong vùng cháy thấp dưới nhiệt độ bắt cháy của chất cháy bằng cách phun khí CO_2 , phun nước trực tiếp vào đám cháy và các khu vực xung quanh.

+ Sử dụng đồng thời tổng hợp các phương pháp trên.

+ Một số chú ý khi chữa cháy:

. Thường xuyên chú ý quan sát để bảo vệ an toàn cho người và phương tiện khi chữa cháy tránh các cấu kiện công trình sụp đổ rơi vào.

. Tạo các khoảng cách an toàn chống cháy nổ cháy lan sang các khu vực lân cận,

xét thấy cần thiết có thể dỡ bỏ một phần công trình chống cháy lan.

. Khi chữa cháy phải chú ý chọn hướng đứng chữa cháy cho phù hợp, không đứng sau hướng gió để chữa cháy.

. Tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ.

6.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

+ Cơ sở tổ chức thường xuyên các lớp học tập, tập huấn và tuyên truyền về pháp luật lao động nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm về an toàn lao động và kỷ luật lao động.

+ Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cần thiết để bảo vệ công nhân khi làm việc (khẩu trang, mũ, quần áo bảo hộ lao động).

+ Lắp đặt hệ thống chiếu sáng phù hợp với yêu cầu lao động và Tiêu chuẩn vệ sinh lao động;

+ Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, bảo dưỡng các máy móc thiết bị;

+ Tiến hành công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân, giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, hạn chế bệnh nghề nghiệp như cấm ăn uống, hút thuốc, tụ tập nơi có chất dễ cháy;

+ Không chế tiếng ồn đạt tiêu chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp do quá trình sản xuất gây ra.

6.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố do điện giật

+ Bố trí cán bộ kỹ thuật có chuyên môn về điện giám sát, bảo dưỡng hệ thống điện của cơ sở hàng ngày.

+ Thực hiện bảo dưỡng máy móc sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 6 tháng/lần để phát hiện các sự cố trong đó có sự cố về điện, từ đó có phương án khắc phục kịp thời.

+ Công nhân vận hành dây chuyền sản xuất sẽ được đào tạo trước khi vào làm việc chính thức.

+ Cơ sở sẽ niêm yết quy trình vận hành máy móc tại từng thiết bị để công nhân nắm rõ, hạn chế việc vận hành sai gây sự cố và ảnh hưởng đến sản xuất.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc gồm khẩu trang, quần áo bảo hộ, găng tay,...

+ Trường hợp gặp sự cố điện giật, nhanh chóng ngắt nguồn điện tổng, đưa người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm và tiến hành sơ cứu sau đó đưa nạn nhân đến trung tâm y tế gần nhất.

6.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố lò hơi

Cơ sở tiếp tục áp dụng các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố xảy ra đối với lò hơi đang sử dụng, cụ thể như sau:

*** Phòng ngừa sự cố của lò hơi**

Công nhân vận hành phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý và phát tán bụi từ các hệ thống xử lý.

Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: đinh, ốc vít, các loại đai thép bọc ống, van điều khiển, quạt hút... Đồng thời, thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

- Hệ thống xử lý khí thải đã tính toán và thiết kế ứng với trường hợp lưu lượng khí thải cao nhất.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng khí thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Đã lắp đặt dự phòng 01 nồi hơi công suất 0,5 tấn hơi/giờ và 01 hệ thống xử lý khí thải đồng bộ đi kèm công suất xử lý 4.000m³/h.

** Giải pháp ứng phó sự cố của lò hơi*

Khi xảy ra sự cố nồi hơi, phải thực hiện theo trình tự sau: Ngừng cung cấp nhiên liệu và không khí, lá chắn khói đóng gần hoàn toàn. Sau khi đã chấm dứt sự cháy thì đóng hết các cửa van và lá chắn khói lại. Đóng van cấp hơi và cho thoát hơi ra ngoài bằng cách kênh van an toàn. Cấp đầy nước vào lò (nếu sự cố cạn nước thì nghiêm cấm việc cấp nước vào lò). Để lò nguội từ từ dưới sự giám sát của người vận hành lò, tuyệt đối nghiêm cấm việc dùng nước để dập lửa trong lò.

Trong quá trình khắc phục sự cố xảy ra, để không làm gián đoạn hoạt động sản xuất trong thời gian dài (trường hợp sự cố xảy ra nghiêm trọng, thời gian khắc phục kéo dài), vận hành lò hơi dự phòng và hệ thống xử lý khí thải đồng bộ đi kèm đã lắp đặt tại cơ sở.

- Sự cố cạn nước nghiêm trọng:

Sự cố	Giải pháp phòng ngừa	Giải pháp ứng phó
Cạn nước	Theo dõi thường xuyên mức nước trong ống thủy Lắp đặt các thiết bị cảnh báo; Thiết bị bơm nước tự động	- Trước hết phải xem xét ống thủy có chảy nước không sau đó kiểm tra bằng cách gọi nước và thao tác như sau: + Đóng chặt van hơi, van nước thông ra ống thủy, tắt quạt gió. + Ngừng cấp dầu cho béc đốt. Đóng van hơi chính. + Sau khi ngừng lò có sự cố, cần để thời gian cho nồi hơi nguội từ từ. Khi áp suất giảm dưới mức làm việc bình thường,

Sự cố	Giải pháp phòng ngừa	Giải pháp ứng phó
		cần kiểm tra các bộ liên quan, đặc biệt các bề mặt tiếp nhiệt
Nút vỡ các bộ phận áp lực	Thường xuyên kiểm tra tình trạng thiết bị	Dừng quạt đẩy trước, quạt hút sau, đóng các cửa gió
Hỏng cụm van xả đáy, chảy mất nước với tốc độ nhanh	Thường xuyên kiểm tra tình trạng thiết bị Thay thế các thiết bị cũ	
Hỏng cụm van cấp nước vào lò, bơm nước không vào lò	Thường xuyên kiểm tra tình trạng thiết bị Kiểm tra hệ thống đường ống Kiểm tra chất lượng bơm	
Hỏng toàn bộ bơm cấp nước, hỏng quạt hút, quạt đẩy, băng tải cấp nước	Thường xuyên kiểm tra tình trạng thiết bị Định kỳ thay thế các thiết bị mòn hỏng	- Dừng băng tải Bơm nước vào lò, tăng cường xả bẩn, xả nhanh để hạ áp lực - Sửa chữa các thiết bị hỏng hóc
Sụt tường lò, vòm lò có nguy cơ nguy hiểm cản trở đường khói, cháy nổ lớn ở đường dẫn khói	Định kỳ dừng lò để kiểm tra tình trạng thiết bị Xử lý các kẽ hở, hỏng hóc	

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3. 8. Tóm tắt các nội dung có thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được cấp của cơ sở

TT	Nội dung phê duyệt Đề án BVMT, giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT 2014	Thực tế vận hành tại cơ sở từ 2014- hiện tại	Nội dung thay đổi	Ghi chú
1	Các hạng mục công trình chính và phụ trợ	Đã bố trí lại 1 số công trình và diện tích trong quá trình hoạt động, hoàn thành các thay đổi năm 2014, GXN hoàn thành công trình BVMT số 223/GXN-STNMT ngày 19/11/2014 cấp trong đó đã có những sự thay đổi về bố trí này (cụ thể trình bày tại bảng 1.9)	Giữ nguyên như hiện tại	Do nhu cầu sản xuất và bố trí sắp xếp các công trình cho phù hợp.
2	Quy trình sản xuất các sản phẩm	Thực hiện theo đúng đề án đã đưa ra	Làm rõ các bước thực hiện của từng quy trình sản xuất	Làm rõ quy trình sản xuất, đầu vào và đầu ra của từng bước để xác định nguồn thải
3	Khối lượng quy đổi sản phẩm: 600 tấn/năm	Với công suất giữ nguyên số lượng theo đề án. Quy đổi khối lượng của sản phẩm lại đúng thực tế khoảng 895 tấn/năm	Giữ nguyên như hiện tại.	Đính chính lại quy đổi khối lượng sản phẩm sản xuất đủ công suất là 895 tấn/năm (do định lượng ban đầu của đề án chưa chính xác).
4	Khối lượng nguyên vật liệu đầu vào khoảng 1.637.480 kg/năm.	Thống kê lại khối lượng sử dụng của một số loại nguyên liệu đúng	Giữ nguyên như hiện tại. Dự kiến khối lượng sử dụng lớn nhất khi hoạt	Do định lượng ban đầu trong đề án chưa chuẩn. Xác định lại định lượng theo thực tế cho phù

TT	Nội dung phê duyệt Đề án BVMT, giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT 2014	Thực tế vận hành tại cơ sở từ 2014- hiện tại	Nội dung thay đổi	Ghi chú
	Khối lượng than đá sử dụng cho lò hơi: 150kg/ngày	Thực tế sử dụng khoảng 1.068.750 kg/năm. Lượng than đá sử dụng cho lò hơi khoảng 300 kg/ngày.	động đủ công suất khoảng 1.275.375 kg/năm. Lượng than đá sử dụng cho lò hơi khoảng 350kg/ngày.	hợp với nhu cầu sử dụng của cơ sở.
5	Các biện pháp BVMT: Đối với khí thải lò hơi (xử lý bằng phương pháp hấp phụ)	Giữ nguyên phương pháp xử lý bằng phương pháp hấp thụ bằng dung dịch kiềm. (đính chính lại đúng tên phương pháp xử lý trong giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT).	Làm rõ quy trình công nghệ xử lý đã được xác nhận tại giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT. Đính chính lại tọa độ vị trí ống thoát khí thải	Làm rõ quy trình công nghệ xử lý, đầu vào và đầu ra của quá trình xử lý
6	Biện pháp BVMT đối với nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được xử lý bằng hệ thống XLNT công suất 60m ³ /ngày đêm của cơ sở trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN thị trấn Phùng.	Giữ nguyên công nghệ xử lý. Cụ thể hóa quy trình công nghệ xử lý đã được cơ quan chức năng xác nhận trong GXN hoàn thành các công trình BVMT. Bổ sung máy ép bùn để ép bùn từ hệ thống xử lý nước thải và phơi bùn khô để giảm trọng lượng Chất thải phát sinh.	Giữ nguyên như hiện tại. Đính chính lại tọa độ vị trí đầu nối nước thải (VN2000)	Lượng bùn thải ngày càng tăng, cơ sở đã đầu tư lắp đặt máy ép bùn để tăng hiệu quả quá trình xử lý bùn thải, giảm thời gian, xử lý bùn, giảm chi phí nhân công, bảo vệ môi trường.

TT	Nội dung phê duyệt Đề án BVMT, giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT 2014	Thực tế vận hành tại cơ sở từ 2014- hiện tại	Nội dung thay đổi	Ghi chú
	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải được hút định kỳ tại đáy bể lắng 2.			
7	Biện pháp BVMT đối với chất thải rắn, CTNH: tập trung về khu vực riêng biệt . Khối lượng phát sinh: chưa định lượng đối với CTNH. Khối lượng của CTR sinh hoạt là 74kg/ngày, CTR sản xuất là 30kg/ngày.	- Thu gom và phân loại về khu chứa chất thải diện tích 80m² (đó kho chứa CTR sinh hoạt diện tích 25m², kho chứa CTR công nghiệp thông thường diện tích 55m²). Kho CTNH diện tích 15m² có lắp đặt biển cảnh báo, các thùng chứa dán nhãn và hệ thống phòng cháy theo quy định. - Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý đúng quy định. - Định lượng lại khối lượng chất thải phát sinh theo thực tế hoạt động, nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu đầu vào	Giữ nguyên như hiện tại	Cụ thể làm rõ lại khu vực lưu chứa chất thải, biện pháp quản lý và xử lý. Định lượng lại khối lượng chất thải phát sinh nhất là CTR sản xuất do trước đây đề án nêu ra chất thải (bã dược liệu) là chất hữu cơ có thể sử dụng làm nguyên liệu đốt hoặc phân vi sinh. Tuy nhiên thực tế hoạt động công ty không sử dụng bã dược liệu, bã giấy,... làm nguyên liệu đốt mà thu gom và thuê đơn vị chức năng vận chuyển xử lý → khối lượng được định lượng lại đúng và đầy đủ.

TT	Nội dung phê duyệt Đề án BVMT, giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT 2014	Thực tế vận hành tại cơ sở từ 2014- hiện tại	Nội dung thay đổi	Ghi chú
8	Các biện pháp giảm thiểu khác, sự cố,... đã đưa ra tuy nhiên chưa đủ	Cập nhật đúng và đủ theo hiện trạng cơ sở đang áp dụng, nêu rõ tại mục 6 chương 3	Giữ nguyên như hiện tại	Bổ sung đầy đủ các biện pháp đang áp dụng theo quy định hiện hành.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung cấp phép đối với nước thải

Cơ sở nằm trong Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở và nước thải sản xuất sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải của CCN thị trấn Phùng được tiếp tục được đầu nối để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN trước khi xả ra môi trường. Căn cứ quy định tại Điều 39, Luật Bảo vệ Môi trường 2020, cơ sở không thuộc đối tượng xin cấp phép môi trường đối với nước thải.

Cơ sở đã ký Hợp đồng dịch vụ số 03/HĐ ngày 28/12/2006, phụ lục hợp đồng số 05 ngày 12/9/2012 với Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Thương mại Tân Cường về việc xử lý nước thải.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 12.000m³/giờ.

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò hơi dự phòng công suất 4.000m³/giờ.

Dòng khí thải, vị trí xả thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ nguồn số 01.

+ Vị trí xả khí thải: Khu vực ống thoát khí thải lò hơi

+ Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2333173 ; Y= 569944.

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰)

+ Lưu lượng xả bụi, khí thải tối đa: 12.000m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải phát sinh từ nguồn số 02.

+ Vị trí xả khí thải: Khu vực ống thoát khí thải lò hơi

+ Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2333173 ; Y= 569943.

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰)

+ Lưu lượng xả bụi, khí thải tối đa: 4.000m³/giờ.

- Phương thức xả thải: Gián đoạn.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo theo đúng QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, với các hệ số K_p= 1,0 (P ≤ 20.000 m³/h) và K_v = 0,9 (áp dụng với thông số: Bụi tổng, SO₂,), K_v= 1,0 (áp dụng cho thông số CO, NO_x) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối	Không thuộc đối
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1000	tương phải thực hiện	tương phải thực hiện
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
5	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	450		

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 1: Khu vực xưởng sản xuất Đông dược 1
- + Nguồn số 2: Khu vực xưởng sản xuất Đông dược 2
- + Nguồn số 3: Khu vực xưởng sản xuất Đông dược 3
- + Nguồn số 4: Khu vực xưởng mỹ phẩm
- + Nguồn số 5: Khu vực lò hơi

- **Vị trí phát sinh tiếng ồn:** (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°)

- + Nguồn số 1: Tọa độ X = 2 333 183; Y = 569 978.
- + Nguồn số 2: Tọa độ X = 2 333 090; Y = 569 975.
- + Nguồn số 3: Tọa độ X = 2 333 163; Y = 570 001.
- + Nguồn số 4: Tọa độ X = 2 333 119; Y = 569 944.
- + Nguồn số 5: Tọa độ X = 2 333 172; Y = 569 946.

- **Giá trị giới hạn:** Giới hạn đối với tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn này đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung – Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Chủ cơ sở phối hợp với Viện Kỹ thuật và Công nghệ Môi trường (Số Vmcerts 112) tiến hành quan trắc môi trường định kỳ. Cụ thể kết quả như sau:

*** Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý năm 2024 tại cơ sở như sau:**

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2024 của cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả (NT02)			QCVN 40:2011 /BTNMT Cột B
			3/2024	6/2024	9/2024	
1.	Màu	Pt/Co	85,6	85,6	88,7	150
2.	pH	-	7,8	7,8	6,9	5,5 đến 9
3.	Độ đục	NTU	69,7	69,7	52,3	-
4.	Mùi vị	-	Không mùi, vị	Không mùi, vị	Mùi không khó chịu	-
5.	TDS	mg/l	119	119	266	-
6.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	63,0	63,0	71,0	100
7.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	1,2	1,2	<0,3	10
8.	Sunfua	mg/l	0,16	0,16	0,4	0,5
9.	Tổng nitơ	mg/l	28,8	28,8	29,1	40
10.	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,1	3,1	3,9	6
11.	Coliform	MPN/100ml	3.100	3.100	4.300	5.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

- Ghi chú:

NT02: Điểm đầu nối nước thải của nhà máy vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp Tọa độ: X:2332470; Y: 0569946

+ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Nhận xét: Kết quả quan trắc định kỳ năm 2024 cho thấy, các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn theo quy định.

*** Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý năm 2023 tại cơ sở như sau:**

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2023 của cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả (NT02)				QCVN 40:2011 /BTNMT Cột B
			3/2023	6/2023	9/2023	12/2023	
1.	Màu	Pt/Co	85,6	96,3	84,4	86,6	150
2.	pH	-	7,8	7,7	7,6	7,5	5,5 - 9
3.	Độ đục	NTU	69,7	84,3	72,1	78,4	-
4.	Mùi vị	-	Không mùi, vị	Không mùi, vị	Không mùi, vị	Không mùi, vị	-
5.	TDS	mg/l	119	185	134	148	-
6.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	63,0	59,0	61,0	68,0	100
7.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	1,2	0,9	1,4	1,6	10
8.	Sunfua	mg/l	0,16	0,1	0,14	0,12	0,5
9.	Tổng nitơ	mg/l	28,8	29,1	28,3	29,6	40
10.	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,1	2,7	3,4	3,33	6
11.	Coliform	MPN/100ml	3.100	4.100	3.300	3.800	5.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

- **Nhận xét:** Kết quả quan trắc định kỳ đối với chất lượng nước thải sau xử lý năm 2023 cho thấy, các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn theo quy định.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Chủ cơ sở phối hợp với Viện Kỹ thuật và Công nghệ Môi trường (Vimcerts 112) tiến hành quan trắc môi trường không khí định kỳ, với công ty CP Tư vấn Môi trường xây dựng và thương mại Green (Vimcerts 267) quan trắc môi trường khí thải định kỳ.

*** Kết quả quan trắc môi trường không khí lấy mẫu đợt 1 ngày 21/3/2024 tại cơ sở như sau:**

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí đợt 1 năm 2024 của cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN0 5:2023/ BTNMT
			KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	
1	Nhiệt độ	°C	23,7	24,3	23,2	23,5	24,4	-
2	Độ ẩm	%	76,9	75,6	75,5	73,9	77,9	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN05:2023/ BTNMT
			KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	
3	Tốc độ gió	m/s	0,8	0,9	1,1	0,6	0,9	-
4	Áp suất khí quyển	hPa	1005,2	1005,4	1005,4	1005,2	1005,1	-
5	Độ ồn	dB	61,7	59,7	64,2	61,3	62,6	-
6	SO ₂	µg/m ³	55,8	<45	<45	<45	<45	350
7	CO	µg/m ³	<15.000	<15.000	<15.000	<15.000	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/m ³	42,1	<30	41,3	34,2	41,3	200
9	TSP	µg/m ³	125,4	128,5	131,4	150,4	119,6	300

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

- Nhận xét:

Căn cứ kết quả quan trắc cho thấy, các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn theo quy định.

*** Kết quả quan trắc môi trường không khí lấy mẫu ngày đợt 2 ngày 21/9/2024 tại cơ sở như sau:**

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí đợt 2 năm 2024 của cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN05:2023/ BTNMT
			KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	
1	Nhiệt độ	°C	29,8	30,3	30,7	31,1	31,4	-
2	Độ ẩm	%	91,4	90,3	90,7	89,9	90,1	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,2	1,1	1,3	1,0	0,9	-
4	Áp suất khí quyển	hPa	1002,9	1001,8	1001,5	1002,7	1001,5	-
5	Độ ồn	dB	61,9	60,8	61,5	60,6	61,7	-
6	SO ₂	µg/m ³	<45	<45	<45	<45	<45	350
7	CO	µg/m ³	<15.000	<15.000	<15.000	<15.000	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/m ³	<30	<30	<30	<30	<30	200
9	TSP	µg/m ³	129,6	130,4	111,1	176,4	121,7	300

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

*** Kết quả quan trắc môi trường không khí lấy mẫu ngày đợt 1 ngày 16/3/2023 tại cơ sở như sau:**

Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí đợt 1 năm 2023 của cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN05 :2013/ BTNMT
			KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	
1	Nhiệt độ	°C	28,8	29,4	29,5	27,9	31,0	-
2	Độ ẩm	%	60,3	48,4	63,2	69,4	58,1	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,1	0,1	6,5	0,2	3,9	-
4	Áp suất khí quyển	hPa	1010,9	1011,0	1011,2	1011,3	1010,8	-
5	Độ ồn	dB	58,2	62,3	55,7	73,5	73,7	-
6	SO ₂	µg/m ³	56,5	56,4	64,3	57,7	56,2	350
7	CO	µg/m ³	<15.000	<15.000	<15.000	<15.000	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/m ³	<30	<30	<30	<30	<30	200
9	TSP	µg/m ³	59,2	68	63,8	66,8	62,5	300

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

*** Kết quả quan trắc môi trường không khí lấy mẫu ngày đợt 2 ngày 19/9/2023 tại cơ sở như sau:**

Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí đợt 2 năm 2023 của cơ sở

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					QCVN05 :2023/ BTNMT
			KK1	KK2	KK3	KK4	KK5	
1	Nhiệt độ	°C	34,6	34,6	30,7	33,7	34,3	-
2	Độ ẩm	%	66,7	66,7	90,7	68,7	61,9	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,7	1,0	1,3	0,8	1,4	-
4	Áp suất khí quyển	hPa	1005,2	1005,4	1001,5	1005,4	1005,4	-
5	Độ ồn	dB	62,4	56,5	61,5	62,3	57,6	-
6	SO ₂	µg/m ³	<45	<45	<45	<45	<45	350
7	CO	µg/m ³	<15.000	<15.000	<15.000	<15.000	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/m ³	<30	<30	<30	<30	<30	200
9	TSP	µg/m ³	129,5	122,5	111,1	115,3	107,4	300

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

Ghi chú:

KK01: Khu vực đóng gói; Tọa độ: X:2333135; Y:0569984

KK02: Khu vực xưởng mỹ phẩm; Tọa độ: X:2333109; Y:0569904

KK03: Khu vực văn phòng ; Tọa độ: X:2333108; Y:0569987

KK04: Khu vực xưởng sản xuất; Tọa độ: X:2333109; Y:0569904

KK05: Khu vực nhà ăn công nhân; Tọa độ: X:2333140; Y:0570005

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh có hiệu lực từ 18/9/2023.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn .

+ "-" Không quy định; KPHT: Không phát hiện thấy

- *Nhận xét:* Căn cứ kết quả quan trắc cho thấy, các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn theo quy định.

*** Kết quả quan trắc môi trường khí thải năm 2023, 2024 như sau:**

Bảng 5. 7. Kết quả quan trắc môi trường khí thải của cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả (KT)			QCTĐHN 01:2014/BTNMT
			16/03/2023	21/9/2023	23/3/2024	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	52	40,8	34	180
2	SO ₂	mg/Nm ³	212,22	5,24	43,7	450
3	CO	mg/Nm ³	241,68	206,34	798	1.000
4	NO _x	mg/Nm ³	184,24	180,85	KPH (LRL=0)	850

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh)

Ghi chú:

KT: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi; Tọa độ: X=2333137, Y=569985

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

- *Nhận xét:* Căn cứ kết quả quan trắc cho thấy, các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn theo quy định.

Chương VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

- Đối với nước thải: nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở từ các nhà vệ sinh và nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất đưa về HT XLNT công suất 60m³/ngày đêm để xử lý, nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN thị trấn Phùng. Cụm công nghiệp thị trấn Phùng được UBND huyện Đan Phượng cấp GPMT số 255/GPMT-UBND ngày 30/8/2024, HT XLNT đang vận hành đạt hiệu quả ổn định.

- Đối với khí thải: Khí thải phát sinh tại cơ sở được xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải công suất 12.000m³/h bằng phương pháp hấp thụ.

Cơ sở đang hoạt động ổn định, các công trình BVMT của cơ sở đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận hoàn thành số 213/GXN-STNMT ngày 19/11/2014 do Sở Tài Nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4, Điều 31, Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường cơ sở đã có giấy phép môi trường thành phần, đang vận hành ổn định các công trình BVMT → cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với các công trình BVMT.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Đối với nước thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2, điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ - CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Cơ sở sau khi xử lý tại hệ thống XLNT công suất 60 m³/ngày đêm được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của CCN thị trấn Phùng).

Cơ sở thực hiện quan trắc định kỳ đối với nước thải theo thỏa thuận với chủ hạ tầng CCN thị trấn Phùng về xử lý nước thải.

Đối với khí thải:

Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có sử dụng lò hơi dùng than với công suất dưới 50.000m³/giờ; do vậy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ bụi, khí thải công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, điều 97; khoản 2 điều 98 và Phụ lục XXIX, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/2/2023 Quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở căn cứ theo Quyết định 1495/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2017 về việc ban hành bộ quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá quan trắc, phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội. (Trường hợp quan trắc theo thỏa thuận với CCN).

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất, cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong trước thời điểm lập báo cáo. Cơ sở trong thời gian hoạt động chưa xảy ra sự cố môi trường đối với hoạt động của Cơ sở; quá trình hoạt động Cơ sở thường xuyên quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, cảnh quan; tuân thủ đầy đủ các quy định theo hồ sơ môi trường đã được cấp và quy định của pháp luật.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu trên.

Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường khác có liên quan.

Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị có chứng năng để xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại, đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.

Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành.

Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm.

Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm các tác động do dự án gây ra đối với môi trường không khí, tiếng ồn.

Cam kết giảm thiểu tác động đến môi trường xã hội, an ninh trật tự và giao thông.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0101225867

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 10 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 18, ngày 27 tháng 09 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA LINH PHARMACEUTICAL
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOA LINH PHARMA CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.37676986

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN NGỌC ANH	B19-D6, đô thị Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	65.000.000.000	65,000	012983510	
2	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Lô 6A-BT1A, đô thị Mỹ Đình 2, tổ dân phố 12, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20.000.000.000	20,000	036075003608	
3	TRẦN MẠNH HÙNG	Nhà 11A, ngõ 129B, tổ 12A, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	15.000.000.000	15,000	012971759	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN NGỌC ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/03/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012983510

Ngày cấp: 28/03/2013

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B19-D6, đô thị Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: B19-D6, đô thị Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN THÙY LINH

TRƯỞNG PHÒNG ✓



NGUYỄN VĂN BÌNH
Trần Hà Thanh

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0101225867, đăng ký thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16/10/2024.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh xin trân trọng thông báo đến các quý cơ quan chức năng, đối tác, khách hàng về việc Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh kể từ ngày 16/10/2024, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thông tin cũ	Thông tin mới sau khi thay đổi	Ghi chú
1	Loại hình doanh nghiệp	Công ty TNHH	Công ty Cổ phần	Thay đổi
2	Tên công ty	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh	Thay đổi
3	Địa chỉ trụ sở	B19, D6 Khu ĐTM Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Số 56 Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Thay đổi
4	Con dấu doanh nghiệp			Thay đổi
5	Mã số thuế	0101225867	0101225867	Không đổi

(Các thông tin khác không có trong thông báo này sẽ được giữ nguyên)

Kể từ ngày 17/10/2024, đề nghị quý cơ quan chức năng, đối tác, khách hàng thực hiện giao dịch, phát hành hóa đơn tài chính cho Công ty chúng tôi theo thông tin giao dịch của Công ty như trên.



Theo quy định của pháp luật, Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh trước đây. Việc thay đổi này không ảnh hưởng đến các giao dịch, quan hệ, nghĩa vụ kinh tế cũng như việc thực hiện các Hợp đồng đã ký kết trước đây. Trong trường hợp cần thiết, Quý cơ quan chức năng, đối tác, khách hàng có thể thực hiện ký bổ sung các phụ lục hợp đồng theo tên mới này.

Vậy Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoa Linh xin thông báo để Quý cơ quan chức năng, đối tác, khách hàng được biết và phối hợp thực hiện./.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Các cơ quan chức năng, đối tác, khách hàng,...
- Lưu: VP

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOA LINH
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN NGỌC ÁNH



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0101225867

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 10 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 19, ngày 16 tháng 10 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOA LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA LINH PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOA LINH PHARMA

2. Địa chỉ trụ sở chính

56 Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.37676986

Fax:

Email: hoalinh@hoalinhpharma.com.vn

Website:

3. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN NGỌC ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 02/03/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036073024099

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 56 Trương Công Giai, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Hà Thanh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số : 01121000990

Chứng nhận, ngày 19 tháng 5 năm 2011

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Ban hành các mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh tại Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án Dự án đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng đạt tiêu chuẩn GMP ngày 27/01/2011, bổ sung hoàn chỉnh ngày 28/3/2011;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội tại Báo cáo số 543/BC-KH&ĐT ngày 11/5/2011,

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chứng nhận: Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101225867 (chuyển đổi từ đăng ký kinh doanh số 1012003656) do Phòng Đăng ký kinh doanh số 2 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần đầu ngày 18/10/2001, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 14/5/2010.

- Đại diện bởi: ông Trần Ngọc Ánh - Giám đốc.

- Sinh ngày : 02/3/1973.

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch : Việt Nam

- Chứng minh thư nhân dân số 012983510 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/6/2007.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 11A, ngõ 129B, tổ 12A, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

- Chỗ ở hiện tại: Nhà số 6, dãy B9, khu đô thị Mỹ Đình I, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau :

Điều 1. Tên dự án đầu tư: **Dự án đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng đạt tiêu chuẩn GMP.**

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

Mục tiêu đầu tư: Tạo ra những sản phẩm mới, góp phần đa dạng hoá nguồn thuốc chữa bệnh và mỹ phẩm, được phẩm cho thị trường, tạo việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách.

Quy mô đầu tư dự kiến: Công suất sản xuất trung bình đạt 109.375.000 thuốc viên các loại, 437.500 lít thuốc nước, 109.375 lít mỹ phẩm dạng nước, 46.875 kg mỹ phẩm dạng kem.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án (dự kiến): Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Tổng vốn đầu tư dự kiến: 35 tỷ đồng Việt Nam bằng nguồn vốn tự có của nhà đầu tư

Điều 5. Thời hạn hoạt động của dự án: 44 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án : Quý II đến Quý III năm 2011.

Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án : Nhà đầu tư được ưu đãi đầu tư theo quy định và làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 8. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai bản) bản gốc, nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư cấp trên cơ sở đề nghị của nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về những nội dung đã thực hiện dự án trước khi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định của pháp luật: Luật Đầu tư, Luật Dược, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy chữa cháy; các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan và các quy định của UBND Thành phố Hà Nội; thực hiện theo đúng ý kiến của các cơ quan liên quan đối với dự án.

Nhà đầu tư chỉ được thực hiện dự án sau khi hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư theo quy định. Trong quá trình thực hiện đầu tư và kinh doanh

khai thác dự án, Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật pháp liên quan; tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư và thực hiện chế độ báo cáo theo Nghị định 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính Phủ, Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ngày 20/8/2010 của UBND Thành phố Ban hành một số nội dung về quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Nghiêm cấm thực hiện việc chuyển nhượng dự án và huy động vốn không đúng quy định của pháp luật dưới mọi hình thức để triển khai dự án, trường hợp vi phạm sẽ bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

Nơi nhận:

- Như điều 8;
- Các Bộ: KH&ĐT, TN&MT, XD, TC, CT; Ngân hàng NN VN;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT Nguyễn Huy Tường;
- Các Sở: KH&ĐT(05), TN&MT, TC, CT; Cục thuế TPHN;
- UBND huyện Đan Phượng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Tường



Số: 96 /QĐ-STNMT

Hà Nội, ngày 6 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với “Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng” của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh tại Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Xác nhận vào trang phụ bìa báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-TNMT ngày 16/01/2013 về việc thành lập đoàn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với “Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng” của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh tại văn bản số 02/2012 ngày 11/7/2012 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng”;

Căn cứ biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường ngày 17/01/2013 đối với “Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng”;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng” đã được hoàn chỉnh gửi kèm văn bản số 05/DPHL ngày 25/01/2013 của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 174/TTr-CCMT ngày 5 tháng 02 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là đề án) của cơ sở "Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng" (sau đây gọi là cơ sở) được lập bởi Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh (sau đây gọi là chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô hoạt động của cơ sở:

- Vị trí cơ sở: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

- Quy mô cơ sở:

Tổng diện tích: 10.000 m².

Loại hình: Sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường. Cụ thể như sau:

- Tiếng ồn và độ rung phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Quy định về quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND Thành phố Hà Nội và Quyết định số 56/2010/QĐ-UBND ngày 17/12/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Điều 13 của Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được thu gom và xử lý đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung trong khu vực.

- Phải lập hồ sơ xin cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ; Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 và Quyết định 35/2010/QĐ-UB ngày 16/8/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc cấp phép khai thác và xả thải vào nguồn nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.4. Trong thời hạn tối đa là 03 (ba) tháng kể từ ngày ký Quyết định này phải hoàn thành việc xây dựng, thử nghiệm và nghiệm thu các biện pháp công trình bảo vệ môi trường; chỉ được phép đưa công trình bảo vệ môi trường vào hoạt động chính thức sau khi đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội kiểm tra và cấp giấy xác nhận.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nội dung hoạt động của cơ sở, nội dung của đề án có thay đổi, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

Điều 3. Ủy nhiệm Chi cục bảo vệ môi trường Hà Nội thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đan Phượng; Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Hòa Linh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - UBND thành phố (để b/c);
 - Giám đốc Sở (để b/c);
 - PGD Sở Phạm Văn Khánh;
 - Lưu: VT, CCMT
- MJS: 20801.CCMT

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh

Số: 223 /GXN-STNMT

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2014

GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH

Về việc xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường
chi tiết “Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng”
Địa điểm: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội
Chủ cơ sở: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy
định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo
vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác
nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ
môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 36/2010/QĐ-UBND ngày 16/8/2010 của UBND
Thành phố Hà Nội Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
bộ máy, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 24/5/2012 của UBND Thành
phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ký:
Quyết định thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
Xác nhận vào trang phụ bì báo cáo đánh giá tác động môi trường; Giấy xác nhận
hoàn thành việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận
hành của dự án; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác
nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết của
“Khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng” ngày 04/8/2014;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường Hà Nội tại
Tờ trình số 160 /TTr-CCMT ngày 18/11/2014;

XÁC NHẬN:

Điều 1. Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh (sau đây gọi là Chủ cơ sở)
đã hoàn thành các nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Khu sản xuất
thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng” (sau đây gọi là Cơ sở) theo Quyết định số
96/QĐ-STNMT ngày 06/02/2013 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường
Hà Nội, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Cơ sở được xử lý sơ bộ tại trạm xử lý nước thải của Công ty với công suất 60m³/ngày đêm trước khi đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp thị trấn Phùng.

- Khí thải phát sinh từ quá trình gia nhiệt cấp cho lò hơi được xử lý bằng phương pháp hấp phụ.

- Chất thải nguy hại đã được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn thông thường được thu gom và xử lý theo đúng Quy định tại Nghị định 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Quy định về quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Đã có các biện pháp phòng chống cháy nổ.

Điều 2. Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Việc vận hành các công trình trong thực tế phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành.

2. Xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất theo đúng quy trình đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột B; khí thải phát sinh từ quá trình gia nhiệt cấp cho lò hơi được xử lý đạt Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc Gia QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Quan trắc định kỳ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong quá trình hoạt động.

3. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời khi có bất kỳ sự cố môi trường hay trục trặc nào xảy ra và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở
- PGD Sở Phạm Văn Khánh;
- Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh (để thực hiện);
- Lưu: VT, CCMT(2);

MPL: 23462.CCM/1



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY**

Số: 2163 /UBND-TH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Đông, ngày 19 tháng 5 năm 2006

V/v chấp thuận Dự án đầu tư khu
sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực
phẩm bổ dưỡng của Công ty
TNHH dược phẩm NATA.

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Công nghiệp;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND huyện Đan Phượng;
- Công ty TNHH dược phẩm NATA.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã nhận Văn bản số 203 BC/KHĐT-ĐT&KTĐN ngày 09/5/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo kết quả xem xét Dự án đầu tư khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng của Công ty TNHH dược phẩm NATA (có trụ sở tại số 1 đường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội) tại Cụm CN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan về việc cho phép đầu tư Dự án đầu tư khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng của Công ty TNHH dược phẩm NATA tại Cụm CN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng với các nội dung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư khu sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng.

- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khu liên hợp sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng.

- Địa điểm: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng;

- Diện tích sử dụng đất khoảng 9.000 m².

- Vốn đầu tư: Nhà đầu tư chủ động về vốn đầu tư.

2. UBND tỉnh yêu cầu:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm: Thực hiện các thủ tục về đầu tư, kinh doanh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; có kế hoạch tuyển, sử dụng lao động tại địa phương; Không được phép vi phạm hành lang bảo vệ công trình công cộng và chỉ giới xây dựng theo quy hoạch được duyệt; Lập,

thẩm định và duyệt thiết kế cơ sở theo quy định, thực hiện đúng các quy định về thủ tục đầu tư xây dựng;

- Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục về tiêu chuẩn môi trường của dự án, bảo đảm các điều kiện về môi trường; Giải quyết các thủ tục cho thuê đất theo quy định của Pháp luật.

Các ngành, địa phương khẩn trương hoàn thành công việc theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giúp Công ty thực hiện nhanh dự án, sớm hoạt động kinh doanh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND Tỉnh;
- Công ty DIA;
- C/P VP UBND Tỉnh;
- Các tổ: CNXD(1,2), TH2, NN(1,3), KT1;
- Lưu VT, TH1. *trías*

- 25

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Đỗ Nghiêm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 17/2024/CV-TC ngày 23/5/2024 của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thương mại Tân Cương về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở "Cụm công nghiệp thị trấn Phùng" và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 587/TTr-TNMT ngày 28/8/2024 về việc đề nghị UBND huyện cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thương mại Tân Cương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thương mại Tân Cương, địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, địa chỉ: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

a) Tên cơ sở: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng.

b) Địa điểm hoạt động: thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0101182966, đăng ký lần đầu ngày 02/11/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 11/4/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

d) Mã số thuế: 0101182966.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng công nghiệp và dân dụng; Kinh doanh bất động sản.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở: 400 m³/ngày đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

a) Được phép xả nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thương mại Tân Cương có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về UBND huyện Đan Phượng, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Đan Phượng.

e) Định kỳ hàng năm thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở theo mẫu số 05.A ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo và gửi về UBND huyện Đan Phượng qua Phòng Tài nguyên và môi trường huyện.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (mười năm), kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- CT UBND huyện (để báo cáo);
- Phòng TN&MT huyện;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Chủ cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thạc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Công ty TNHH được phẩm Nata

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0102003656 ngày 27/7/2005.
Địa chỉ trụ sở chính tại: Số 1 đường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

II- Thửa đất được quyền sử dụng

- Thửa đất số: 2. Tờ bản đồ số: 00
- Địa chỉ thửa đất: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, thị trấn Phùng,
huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.
- Diện tích: 10.000 m²
Bảng chữ: (Mười nghìn mét vuông).
- Hình thức sử dụng:
+ Sử dụng riêng: 10.000 m²
+ Sử dụng chung: Không m²
- Mục đích sử dụng đất: XD Nhà máy sản xuất thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bổ dưỡng.
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 26/6/2055.
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh số: 1112/QĐ-UBND ngày 26/6/2006.
Thửa đất được trích đo đạc chính.

V- Sơ đồ thửa đất



Theo trích đo bản đồ tỷ lệ 1/500 do Sở TN & MT xác nhận ngày 25/12/2006.

Người trích đo:
Ngô Hồng Khánh

Ngày 27 tháng 12 năm 2006
TUỶ CHỨC TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Nghĩa

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T 003M

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	Ngày 06 tháng 04 năm 2023 Điều chỉnh tên người sử dụng đất từ Công ty TNHH Dược phẩm NaTa thành Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh (lý do điều chỉnh: Do có việc đổi tên và sát nhập doanh nghiệp; chuyển nhượng vốn các thành viên góp; được phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 0101225867 ngày 14/5/2010); theo Quyết định số 6888/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội. 2	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Minh Loan</i>

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



**GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Số AD 063588

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2416 /STNMT-VPĐKĐĐ

V/v: Cập nhật thông tin địa chính.

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- UBND huyện Đan Phượng;
- UBND thị trấn Phùng.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 và Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 31/03/2017 của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 6888/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận số AĐ 063588 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 27/12/2006.

Sau khi xem xét Tờ trình số 3730/TTr -VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 31/4/2023 của Văn phòng Đăng ký Đất đai Hà Nội về việc đổi tên người sử dụng đất tại Giấy chứng nhận số AĐ 063588 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 27/12/2006. Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã Đăng ký biến động vào Giấy chứng nhận số AĐ 063588, với nội dung:

“Điều chỉnh tên người sử dụng đất từ Công ty TNHH Dược phẩm NaTa thành Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh (lý do điều chỉnh: Do có việc đổi tên và sát nhập doanh nghiệp; chuyển nhượng vốn các thành viên góp; được phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 0101225867 ngày 14/5/2010); theo Quyết định số 6888/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội.”

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thông báo để UBND thị trấn Phùng, UBND huyện Đan Phượng cập nhật hồ sơ địa chính theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở; (để b/cáo)
- Lưu VT, HS;

MHS: 8096.VPĐKĐĐ(08/ISO), 14/3/2023.

KT. GIÁM ĐỐC 2
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG
Hà Nội
Nguyễn Minh Tấn

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *547* /HĐTD-STNMT-CCQLĐĐ

Hà Nội, ngày *01* tháng *9* năm 2017

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 26/6/2006 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) về việc thu hồi 10.000m² đất của Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển DIA thuộc địa giới hành chính thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng; giao cho Công ty TNHH Dược phẩm NaTa thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bổ dưỡng;

Căn cứ Quyết định số 6888/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh tên người sử dụng đất ghi tại Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 26/6/2006 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây);

Căn cứ Thông báo số 75352/TB-CT-QLĐ về điều chỉnh đơn giá thuê đất, thuê mặt nước ghi tại Quyết định số 1040/QĐ-STC ngày 28/02/2014 của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội;

Hôm nay, ngày *01* tháng *9* năm 2017, tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (địa chỉ: 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội), chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI LÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

- Người đại diện: Ông Nguyễn Minh Mười
- Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường
- Địa chỉ: 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Ánh
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: B 19, D6 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.



- Mã số thuế: 0101225867

- Số tài khoản: 12410008868888 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

III. Hai Bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê đất với các Điều, Khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê: 10.000m² đất (Mười nghìn mét vuông đất).

Tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

2. Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất được xác định tại bản trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 được UBND huyện Đan Phượng xác nhận ngày 26/5/2006; Sở Tài nguyên và Môi trường ký xác nhận ngày 07/6/2006.

Thời hạn thuê đất: 49 năm. Kể từ ngày 26/6/2006 đến ngày 26/6/2055.

Hình thức: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

3. Mục đích sử dụng đất thuê: Nhà máy sản xuất thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bổ dưỡng theo Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 26/6/2006 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây).

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá tính tiền thuê đất:

Đơn giá thuê đất ngoài chỉ giới để làm Nhà máy sản xuất thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bổ dưỡng là 22.510 đồng/m²/năm (Hai hai nghìn năm trăm mười đồng trên một mét vuông một năm).

Đơn giá tính tiền thuê đất nêu trên được áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 13/11/2018. Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất nêu trên, Bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để xác định đơn giá thuê đất cho kỳ ổn định kế tiếp; Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất theo quy định.

2. Tiền thuê đất tại khoản 1 Điều này được tính từ ngày 01/01/2015.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Mỗi năm được chia làm 02 kỳ, kỳ thứ nhất nộp tối thiểu 50% tổng số tiền thuê đất hàng năm trước ngày 31/5, kỳ thứ 2 nộp trước ngày 31/10 hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước huyện Đan Phượng.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 Hợp đồng thuê đất này và Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 26/6/2006 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây); Quyết định số 6888/QĐ-UBND ngày 14/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê phù hợp với quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê đất này.

4. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên (nếu có):
Không

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp.
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận.
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể.
4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định Hợp đồng thuê đất này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng thuê đất gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế thành phố Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế huyện Đan Phượng.

Hợp đồng thuê đất này có hiệu lực kể từ ngày ký. /



GIÁM ĐỐC
ĐS. **TRẦN NGỌC ÁNH**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Mười

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 03.2018 ngày 27/7/2018 của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh.

Người đại diện là ông/bà: Trần Ngọc Ánh - Chức danh: Giám đốc.

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TP HÀ NỘI
CHỨNG NHẬN**

Hạng mục công trình: Nhà kho - xưởng viên, nhà xưởng thực phẩm chức năng, nhà điều hành thuộc Nhà máy sản xuất thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bổ dưỡng.

Địa chỉ: Lô B3, CCN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh.

Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và phát triển thương mại C89, Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp Hòa Thịnh.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan;

- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống chữa cháy sprinkler tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, họng nhận nước từ xe chữa cháy; trang bị bình chữa cháy, phương tiện đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

- Nguồn điện ưu tiên cấp cho máy bơm chữa cháy.

Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Chỉ được phép đưa hạng mục công trình này vào sử dụng sau khi thi công đúng thiết kế đã thẩm duyệt và cấp văn bản xác nhận nghiệm thu về PCCC theo quy định./. *On*

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2018

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- C66-Bộ Công an (b/c);
- Chủ đầu tư;
- Phòng CSPC&CC số 13.
(thuộc cơ sở loại I);
- Lưu: P3.



Thiếu tướng Hoàng Quốc Định

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

[illegible]

25/17
CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 128 /PC07-CTPC

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2021

V/v nghiệm thu về PCCC

Kính gửi: Công ty TNHH được Phẩm Hoa Linh.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP Hà Nội nhận được văn bản số 06.20/HL ngày 28/12/2020 của Công ty TNHH được Phẩm Hoa Linh đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với công trình: Nhà kho- xưởng viên, nhà xưởng thực phẩm chức năng, nhà điều hành, địa chỉ: Lô B3, Cụm CN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC 834/TD-PCCC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội (cũ), biên bản kiểm tra nghiệm thu lập ngày 05/01/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an huyện Đan Phượng; sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về PCCC, văn bản số 02/2021/HL ngày 25/01/2021 của chủ đầu tư, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội đồng ý nghiệm thu về PCCC đối với:

Công trình: Nhà kho- xưởng viên, nhà xưởng thực phẩm chức năng, nhà điều hành.

Địa điểm: Lô B3, Cụm CN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH được Phẩm Hoa Linh.

Đã được nghiệm thu về PCCC gồm:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan;
- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy Spinkler tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, họng nhận nước từ xe chữa cháy, trang bị bình chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Nguồn điện ưu tiên cấp cho máy bơm chữa cháy.

Đồng thời, đề nghị Chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu tại biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, Công an huyện Đan Phượng lập ngày 05/01/2021 và các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, đồng thời phải liên hệ Công an huyện Đan Phượng để được hướng dẫn, kiểm tra, lập hồ sơ theo dõi, quản lý công tác PCCC.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và các hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Duy trì liên tục các nội dung về giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan,... và chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC đã được trang bị, lắp đặt như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về PCCC.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để được thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định.

Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định./

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- C07-Bộ Công an;
- Đ/c Giám đốc CATP;
- Đ/c Đại tá Trần Ngọc Dương - PGĐ CATP;
(để báo cáo)
- Công an huyện Đan Phượng;
(để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2_(Long).

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Phạm Trung Hiếu

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: ..XX...01.2024/CNK

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 10/01/2022.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2022.
- Căn cứ vào năng lực của Công ty Cổ phần xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay ngày 31 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

Địa chỉ : B19, D6 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy,
thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.3363 8165 Fax: 024.3363 8219

Mã số thuế : 0101225867

Người đại diện : Ông Trần Ngọc Ánh Chức vụ: Tổng Giám đốc

II. BÊN B: CÔNG TY CP XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Địa chỉ : Tổ dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại : 024.3827 4399 024.3822 1234

Tài khoản : 118000113569 Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Bắc
Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0102963031

Người đại diện : Ông Trần Triệu Kiên Chức vụ: Phó tổng Giám đốc

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại (Sau đây gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá

trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Hợp đồng sẽ tự động gia hạn thêm 1 năm nếu hai bên không có bất cứ ý kiến gì về việc chấm dứt hợp đồng

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI:

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ chất thải nguy hại của Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh.

Địa chỉ: Cụm CN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. Thời gian giao nhận: theo sự thống nhất của hai bên.

Điện thoại thường trực: 024.3822.1234 hoặc 034.982.5322

3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển

4. Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải của Bên A giao cho Bên B được vận chuyển, xử lý theo quy định và theo giấy phép xử lý chất thải của bên B.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ:

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải tính bằng tiền Việt Nam đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) được áp dụng như sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý khí thải	04 02 03	Kg	3.500
2	Các loại dược phẩm thải có chứa TPNH	13 01 05	Kg	10.000
3	Hóa chất trong phòng thí nghiệm (dung môi hữu cơ)	13 01 02	Kg	10.000
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm TPNH	18 01 01	Kg	8.000
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	03 05 08	Kg	3.500
6	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Kg	3.500
7	Giẻ lau, vật liệu dính chất thải nguy hại	18 02 01	Kg	10.000
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	16 01 06	Kg	10.000

2. Phí vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại được tính như sau (Đã bao gồm thuế GTGT):

a) Nếu chỉ phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại một cơ sở phát sinh chất thải < 6.600.000 đồng/01 lần vận chuyển (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng trên 01 lần vận chuyển) thì Bên B vẫn tính là 6.600.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng).

b) Nếu chỉ phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải tại một cơ sở phát sinh chất thải lớn hơn 6.600.000 đồng/01 lần vận chuyển (Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng trên 01 lần vận chuyển) khi nhân với đơn giá ở bảng đơn giá thì bên A phải chịu mức giá theo đơn giá bảng đơn giá trên.

3. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến lâm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bỏ sung tại phụ lục hợp đồng.
4. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.
5. Trường hợp Bên A không bàn giao chất thải cho Bên B thì Bên A vẫn phải chịu chi phí duy trì hợp đồng là 13.200.000 đồng (Mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

1. Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là: 13.200.000 đồng (Mười ba triệu, hai trăm nghìn đồng) ngay sau khi hai bên ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ khi bên B xuất hóa đơn tài chính. Bên B sẽ không hoàn lại tiền tạm ứng cho bên A khi hết hạn hợp đồng (kể cả trong trường hợp Bên A không chuyển giao chất thải).
2. Bên A thanh toán phí phát sinh theo *Điều 3 (2)* bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A:

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3 của Hợp đồng.
2. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu có).
3. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.
4. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A theo đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
5. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
6. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
7. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B:

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.
2. Bên B bố trí nhân công bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

3. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
4. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
5. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.
6. Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.
7. Cán bộ, nhân viên của Bên B khi làm việc trong phạm vi của Bên A phải thực hiện tuân thủ các nội quy, quy định đối với nhà thầu của bên A.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT:

1. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.
2. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
 - Hợp đồng hết hạn;
 - Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. **TRẦN NGỌC ANH**

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 03
(Thuộc hợp đồng số 03/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2006)

Căn cứ vào:

- Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11, ngày 29/11/2005
- Hợp đồng dịch vụ số 03/HĐ ngày 28/12/2006, ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển DIA nay là (Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Thương mại Tân Cương) và Công ty TNHH Dược phẩm NaTa nay là (Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh).
- Nhu cầu thực tế

Hôm nay, ngày 05 tháng 03 năm 2011, tại Hà Nội chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TÂN CƯƠNG

- Địa chỉ : Lô B6, Khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Điện thoại : 04.35568438 ; 04.35568439 ; Fax: 04.62512807
- Tài khoản : 0051100085007, tại Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Trần Duy Hưng, Hà Nội.
- Mã số thuế : 0101182966
- Đại diện : Bà **Đỗ Hà Xuyên**, chức vụ – Phó Tổng Giám đốc, theo giấy uỷ quyền số 05/UQ ngày 01 tháng 03 năm 2011 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Thương mại Tân Cương.

Bên B: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

- Địa chỉ : B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại : 04.37567995; Fax: 04.37569298
- Tài khoản :
- Mã số thuế : 0101225867
- Đại diện : Ông **Trần Ngọc Ánh**, chức vụ – Giám đốc

Hai bên cùng nhất trí ký kết phụ lục Hợp đồng về việc xử lý nước thải với các điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1: Phương pháp đo khối lượng nước thải, giá cả, thanh toán

1, Phương pháp đo khối lượng nước thải: Căn cứ vào đồng hồ đo nước sạch được lắp đặt tại bên B. Từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng bên A sẽ cử cán bộ theo dõi ghi lại khối lượng nước sử dụng trong tháng thể hiện trên đồng hồ, khối lượng nước thải mà bên B phải trả phí sẽ được tính bằng 70% khối lượng nước sạch.

2, Giá cả:

- Đơn giá lắp đặt và mua đồng hồ : 975.000đ (chưa có VAT)
- Đơn giá xử lý 1m³ nước thải : 8.500đ/m³ (đã bao gồm VAT)

* Đơn giá xử lý nước thải không cố định. Trong trường hợp có trượt giá mà bình quân các yếu tố đầu vào cho việc xử lý nước thải tăng từ 5% trở lên, đơn giá xử lý nước thải sẽ tăng tương ứng với điều kiện bên A phải có đủ bằng chứng, chứng minh được sự trượt giá đó.

3, Thanh toán:

- Giá mua và lắp đặt đồng hồ sẽ được thanh toán vào tháng đầu tiên phát sinh phí.
- Phí xử lý nước thải thanh toán hàng tháng
- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của các bên

1, Bên A:

- Ứng trước tiền mua và lắp đặt đồng hồ cho bên B.
- Xử lý nước thải đạt loại B theo QCVN 24:2009/BTNMT (Cột B).
- Chịu trách nhiệm ghi khối lượng nước phát sinh hàng tháng của bên B.
- Xuất hoá đơn hàng tháng cho bên B.
- Có quyền từ chối nguồn nước thải của bên B ra hệ thống nước thải chung của Cụm Công nghiệp trong trường hợp nước thải bên B không đạt tiêu chuẩn loại C theo QCVN 24:2009/BTNMT.

2, Bên B:

- Xử lý nước thải của Doanh nghiệp mình đến loại C theo QCVN 24:2009/BTNMT.
- Sau khi nhận bàn giao từ bên A, bên B có trách nhiệm bảo quản đồng hồ, nếu hỏng bên B phải thông báo cho bên A và lắp đặt đồng hồ mới, chi phí thay thế lắp đặt

do bên B chịu. Khối lượng nước thải phát sinh trong thời gian lắp đặt lại đồng hồ sẽ được tính bình quân theo tháng trước đó.

- Thanh toán tiền cho bên A hàng tháng.

Điều 3: Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của Phụ lục Hợp đồng, mọi thay đổi bổ sung sẽ được cụ thể hoá bằng văn bản và phải được hai bên thương lượng trên tinh thần hai bên cùng có lợi. Các tranh chấp không thoả thuận được sẽ đưa ra Toà án kinh tế thành phố Hà Nội, Cảnh sát môi trường Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường để giải quyết. Phán quyết của các cơ quan chức năng liên quan là cơ sở để các bên thực hiện, bên thua chịu án phí.

Điều 4: Các điều khoản khác tại Hợp đồng số 03/HĐ ngày 28/12/2006, ký giữa Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Thương mại Tân Cường và bên B được giữ nguyên, không thay đổi. Phụ lục Hợp đồng này là phần không thể tách rời của Hợp đồng số 03/HĐ ngày 28/12/2006.

Phụ lục được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản để theo dõi thực hiện.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Hà Xuyên



GIÁM ĐỐC
ĐS. TRẦN NGỌC ÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 05
(Thuộc hợp đồng số 03/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2006)

Căn cứ vào:

- Luật Bảo vệ Môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005
- Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định quy chuẩn quốc gia về nước thải Công nghiệp.
- Hợp đồng số 03/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2006 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển DIA nay là (Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Thương mại Tân Cương) và Công ty TNHH Dược phẩm NaTa nay là (Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh).
- Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 05 tháng 3 năm 2011 đã ký giữa Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Thương mại Tân Cương và Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh.

Hôm nay, ngày 17 tháng 09 năm 2012 tại nhà điều hành Ban quản lý Cụm Công nghiệp thị trấn Phùng chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CP TƯ VẤN, ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TÂN CƯƠNG

- Địa chỉ : Lô B6, Khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- Điện thoại : 04.35568438 ; 04.35568439 ; Fax: 04.62512807
- Tài khoản : 0051100085007, tại Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Trần Duy Hưng, Hà Nội.
- Mã số thuế : 0101182966
- Đại diện : Ông **Lê Thanh Bình** ; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, theo Giấy uỷ quyền số 01/UQ ngày 01 tháng 01 năm 2012 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn, Đầu tư và Thương mại Tân Cương.

BÊN B: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

- Địa chỉ : B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại : 04.37567995 ; Fax: 04.37569298
- Tài khoản :
- Mã số thuế : 0101225867
- Đại diện : Ông **Trần Ngọc Ánh**, chức vụ – Giám đốc

Hai bên cùng nhau thống nhất sửa đổi một số Điều khoản của phụ lục hợp đồng xử lý nước thải tại Cụm Công nghiệp thị trấn Phùng cụ thể như sau:

70

ĐIỀU I: Hiện nay do Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 về việc sửa đổi QCVN 24:2009/BTNMT sang QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Để thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường tại CCN thị trấn Phùng hai bên thống nhất sửa lại phụ lục hợp đồng như sau:

- QCVN trước khi sửa đổi : QCVN 24:2009/BTNMT
- QCVN thống nhất sửa đổi : QCVN 40:2011/BTNMT

ĐIỀU II: Quyền và trách nhiệm của các bên

1, Bên A:

- Xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại A theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A)
- Kiểm tra giám sát nguồn nước thải của bên B trước khi xả vào hệ thống thu gom chung của CCN.
- Có quyền từ chối nguồn nước thải của bên B xả ra hệ thống thu gom nước thải tập trung của CCN trong trường hợp nước thải của bên B không đạt tiêu chuẩn loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B).
- Xuất hóa đơn tài chính hàng tháng cho bên B.

2, Bên B:

- Chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại B theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của CCN.
- Được phép xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của CCN trong trường hợp nguồn nước thải đạt tiêu chuẩn loại B QCVN 40:2011/BTNMT
- Thanh toán đủ và đúng hạn cho bên A

ĐIỀU III: Các điều khoản khác trong Hợp đồng số 03/HĐ và Phụ lục hợp đồng số 03 được giữ nguyên không thay đổi. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 03/HĐ ký ngày 28/12/2006 và Phụ lục hợp đồng số 03 ký ngày 05/3/2011.

Phụ lục hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 02 bản để theo dõi thực hiện.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC:

Lưu Chanh Bình



GIÁM ĐỐC:

Đ. TRẦN NGỌC ANH

HỢP ĐỒNG
VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT, BÃ LÁ CÂY

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2008 và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2006.
 - Căn cứ Luật bảo vệ môi trường nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XI, kì họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2005 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2006.
 - Căn cứ vào chức năng, quyền hạn và nhu cầu thực tế của hai bên.
- Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2024, Chúng tôi gồm:**

BÊN A: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

Địa chỉ: B19D6, khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Đại diện: Ông Trần Ngọc Ánh

Chức vụ: Tổng giám đốc

Điện thoại: 0243 3683 165

Tài khoản số: 12410008868888 tại ngân hàng Đầu tư & phát triển Việt Nam- CN Hoàn Kiếm.

Mã số thuế: 0101225867

BÊN B: HỢP TÁC XÃ THÀNH CÔNG

Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Quý

Chức vụ: Phó giám đốc

Địa chỉ: Số 145 đường Hồ Mễ Trì- Nhân Chính- Thanh Xuân- Hà Nội

Điện thoại: 043 5533 592

Fax: 043 5532 552

Tài khoản số: 1913 364 063 6018. Tại ngân hàng Teccombank- CN Hoàng Quốc Việt.

Mã số thuế: 0101248670

Cùng nhau thỏa thuận và kí hợp đồng nguyên tắc với nội dung cụ thể sau:

Điều 1: Nội dung và khối lượng công việc:

- Bên B nhận vận chuyển rác thải sinh hoạt, bã lá cây cho bên A về nơi quy định của thành phố.
- Bên B không vận chuyển và xử lý rác thải độc hại và vật liệu rắn.
- Bên B phải thu dọn theo đúng thời gian quy định
- Bên A tự túc thuê dụng cụ chứa rác và để ở nơi mà xe gom hoặc xe ô tô của bên B ra vào thuận tiện.
- Bên A có trách nhiệm đổ rác đúng nơi quy định, bảo quản phương tiện thu chứa rác của bên B đặt cho bên A (nếu có), nếu làm hư hỏng mất mát thì bên B phải bồi thường cho bên A theo giá trị thực tế.

Điều 2: Giá trị hợp đồng:

Mức thu: $208.000\text{đ}/\text{m}^3 \times 22\text{m}^3 \text{ tháng} = 4.576.000\text{đ}/\text{tháng}$ đã bao gồm VAT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG SỐ

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN SỐ 21190049 NGÀY

Mã điểm đo: PD22000013884001

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;
- Căn cứ Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số: 21190049 ngày giữa Công ty Điện lực Đan Phượng và CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HOA LINH (sau đây gọi là Hợp đồng);

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN ĐIỆN (BÊN A): TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

Mã số thuế: 0100101114

Địa chỉ trụ sở chính: 69 Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản số: 2211201000222 Tại Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đan Phượng Tây Đô

Email: pcdanphuong@evnhanoi.vn; phongkinhdoanhdp@gmail.com

Số điện thoại TTCSKH: 19001288; Website: evnhanoi.vn

Đại diện là ông: Phan Đức Hiền Chức vụ: Phó Giám Đốc

Theo văn bản ủy quyền số: 1566/GUQ-PCDANPHUONG ngày 01/04/2024 của ông Nguyễn Xuân Quyền Giám đốc Công ty Điện lực Đan Phượng.

BÊN MUA ĐIỆN (BÊN B): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HOA LINH

Mã số thuế:01001225867.....

Đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp:01001225867.....

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B3, Cụm công nghiệp Phùng, thị trấn Phùng, H.Đan Phượng, TP.Hà Nội

Tài khoản số: 1241.000.886.8.888..... tại ngân hàng ...LIDV... Chi nhánh Hoàn Kiếm

Email: *hoalinh.204@gmail.com* số điện thoại *0904.029.237 1024.23632165*
Đại diện là ông (bà): *Trần Ngọc Ánh* Chức vụ: *Kiểm Giám đốc*
Số (CCCD/HC): *036073024099* Ngày cấp: *29/04/2021* Nơi cấp: *ĐC. CS QLHE và TTXH*
Theo văn bản uỷ quyền số: ngày/...../..... của ông (bà)

Hai bên thống nhất thỏa thuận ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số của Hợp đồng mua bán điện số: 21190049 ngày (sau đây gọi tắt là Hợp đồng sửa đổi, bổ sung), với các nội dung cụ thể sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Những thỏa thuận khác:

Bên B thống nhất dịch chuyển nhu cầu phụ tải sử dụng điện trong các khung giờ từ 12h-15h và từ 22h-24h hàng ngày của “Biểu đồ phụ tải điển hình một ngày đêm năm 2024” (được đính kèm và được coi là Phụ lục Hợp Đồng) sang các khung giờ khác trong ngày vào các tháng 5 (Năm), 6 (Sáu) và 7 (Bảy) năm 2024 như “Biểu đồ phụ tải điển hình một ngày đêm các tháng dịch chuyển”. Các năm tiếp theo hai Bên sẽ thỏa thuận cụ thể khi Bên A có thông báo.

Điều 2. Điều khoản thực hiện:

Bên B chủ động thực hiện dịch chuyển nhu cầu phụ tải sử dụng điện như đã thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng sửa đổi, bổ sung này trong năm 2024.

Để đảm bảo cung ứng điện và khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp triệt để tiết kiệm điện theo Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025, Bên B có trách nhiệm đăng ký “Biểu đồ phụ tải điển hình một ngày đêm năm” của năm sau. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 01 (một) tháng về nội dung thực hiện dịch chuyển nhu cầu phụ tải sử dụng điện như đã thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng sửa đổi, bổ sung này. Việc thông báo được thực hiện theo hình thức quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 21190049 ngày (gọi tắt là Hợp Đồng). Thông báo được lưu, đính kèm và trở thành Phụ lục của Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thực hiện:

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền các Bên ký chính thức và là một phần không tách rời của Hợp Đồng. Kể từ thời điểm Hợp đồng sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực, các điều khoản có liên quan của Hợp Đồng sẽ được sửa đổi, bổ sung theo các quy định của Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các điều khoản khác của Hợp Đồng vẫn giữ nguyên giá trị.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung này được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt với đầy đủ chữ ký của Các Bên, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để làm căn cứ thực hiện./.



TỔNG GIÁM ĐỐC
TS. TRẦN NGỌC ÁNH



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Đức Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 26/HĐKT

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCNVN ban hành ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006.

Căn cứ vào Luật Thương mại ban hành ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006.

Căn cứ quyết định số: 120/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch không dùng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước sạch của Hộ dùng nước và khả năng cung cấp nước sạch của Công ty TNHH Đầu tư nước sạch và môi trường Đan Phượng

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2011, tại cụm Công nghiệp TT Phùng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN A: CTY TNHH ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG ĐAN PHƯỢNG

Ông: Phạm Chí Tiên **Chức vụ:** Giám đốc
Địa chỉ: Thôn Đông Khê, xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Hà Nội
Điện thoại: 04.33637358 **Fax:**
Tài khoản số: 1220202007427
Tại: NH Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Long Biên
Mã số thuế: 0105551082

ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

Ông: Trần Ngọc Ánh **Chức vụ:** Giám đốc
Địa chỉ: B19 D6, KĐT mới Cầu Giấy, P.Dịch Vọng, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội
Điện thoại: 04. 33 638 165 **Fax:** 04. 33 638 219
Tài khoản số: 056 110 045 7007
Tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – CN Hoàng Quốc Việt
Mã số thuế: 0101225867

Sau khi bàn bạc thảo luận, hai bên đã thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế cung cấp và tiêu thụ nước sạch với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua nước sạch của bên A tại cụm Công nghiệp TT Phùng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG NƯỚC, ÁP LỰC NƯỚC VÀ THỜI GIAN CẤP NƯỚC:

- Chất lượng nước đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt do Bộ y tế ban hành mới nhất.
- Áp lực nước: Đảm bảo lên đến trần tầng 2 các nhà máy trong cụm công nghiệp.
- Thời gian cấp nước sạch liên tục 24/24 giờ, trừ trường hợp có sự cố bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, bão lụt.

- Cứ 6 tháng 1 lần bên A gửi kết quả xét nghiệm chất lượng nước cho bên B biết. Căn cứ cuối cùng để kết luận chất lượng nước là kết quả xét nghiệm nước tại điểm ngay sau đồng hồ đo nước và được kiểm định tại cơ quan độc lập có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN:

- Đơn giá nước sạch bên A bán cho bên B tại đồng hồ đo nước theo giá nước sạch do UBND thành phố Hà Nội quy định cho từng đối tượng và từng thời điểm.

- Trong giai đoạn đầu năm 2011, giá nước sạch bên A bán cho bên B là 4.500đ/m³ (bốn ngàn năm trăm đồng một mét khối) – đơn giá này chưa bao gồm thuế VAT.

(Chữ ký)

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản, từ ngày 25 – 30 hàng tháng bên A và bên B cử cán bộ đi chốt nước theo đồng hồ mà bên B đã tiêu thụ nước sạch. Bên A có trách nhiệm chuyển hóa đơn GTGT cho bên B để bên B trả tiền cho bên A.

- Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận hóa đơn, nếu bên B không trả tiền mua nước cho bên A thì bên A sẽ tạm ngừng cung cấp nước cho bên B, đến khi bên B thanh toán hết tiền cho bên A, bên A mới cấp nước trở lại.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

- Trách nhiệm của bên A:

+ Thi công lắp đặt kết cấu đường ống dẫn nước từ đại khởi thủy đến điểm lắp đặt đồng hồ bên trong tường rào của bên B(không quá 5 mét). Lắp đặt đồng hồ đo đếm nước và bàn giao cho bên B quản lý và bảo vệ.

+ Đảm bảo chất lượng nước, áp lực nước, thời gian cấp nước như quy định. Nếu bên A không đảm bảo được bất kỳ một trong các tiêu chí nêu trên mà gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của bên B thì bên A phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đã gây ra cho bên B.

+ Phải thông báo trước cho bên B thời gian ngừng cấp nước, ít nhất là 48 giờ đồng hồ, khi ngành điện dừng cấp điện cho trạm cấp nước của bên A, hoặc khi bên A bảo dưỡng đường ống, xử lý kỹ thuật, để bên B bố trí kế hoạch trữ nước sinh hoạt và kế hoạch sản xuất. Nhưng thời gian ngừng cấp nước không được quá 48 giờ.

+ Nếu có sự cố đường ống mà phải dừng cấp nước thì báo ngay cho bên B và khẩn trương khắc phục sự cố để cấp nước trở lại cho bên B trong thời gian sớm nhất nhưng cũng không được quá 48 giờ đồng hồ.

- Trách nhiệm của bên B:

+ Chịu chi phí đầu nối đường ống, phụ kiện, đồng hồ đo đếm nước, công lắp đặt từ đại khởi thủy đến đồng hồ, quản lý và bảo vệ đồng hồ. Đường ống và phụ kiện từ sau cửa ra của đồng hồ đo nước đến nơi sử dụng của bên B do bên B tự bố trí.

+ Không tự ý tháo kẹp chì, mở nắp đồng hồ đo nước và tháo dỡ, lắp đặt thêm đường ống lấy nước trước đồng hồ đo đếm nước, không tác động vào đường ống và đồng hồ. Nếu để làm thất thoát nước của bên A, thì bị phạt tiền bằng 150% mức tiêu thụ nước trung bình của ba tháng liền kề trước đó, đồng thời bên A sẽ ngừng cấp nước cho bên B.

+ Phải tiêu thụ nước sạch của bên A bằng hoặc cao hơn khối lượng nước sạch tối thiểu $3m^3/01$ ngày đêm, nếu không tiêu thụ bằng mức tối thiểu thì bên B vẫn phải trả tiền tiêu thụ nước sạch cho bên A bằng giá trị tiền tương ứng với khối lượng nước tối thiểu là $3m^3$.

+ Nếu bên B không có nhu cầu tiêu thụ nước thì phải báo cho bên A bằng văn bản trước 01 tháng để bên A tạm dừng cấp nước hoặc thanh lý hợp đồng.

+ Thanh toán tiền tiêu thụ nước sạch cho bên A đúng theo quy định.

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG:

Thời gian hợp đồng là 44 năm được ký từ ngàythángnăm 2011 đến ngày.....thángnăm 2055.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có những vấn đề gì vướng mắc hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc giải quyết để thống nhất trên tinh thần hợp tác cùng có lợi tránh gây thiệt hại cho đôi bên. Nếu tự ý làm trái hợp đồng sẽ phải bồi thường mọi thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
ĐS. TRẦN NGỌC ÁNH

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Trần Chí Tiến

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001235

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG - SỐ TK: 221201000222 - Tài NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 156794

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2000030269

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	99.600	-	203.735.400
	(kèm theo bảng kê số 1346762515 ngày 02 tháng 06 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					203.735.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			16.298.832
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			220.034.232
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi triệu không trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓
Đã ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG
PHƯƠNG
Ngày ký: 02/06/2024 12:10:04

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001235

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG - SỐ TK/ 2211201000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 197384

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD22000030289

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TRÚCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	84.300	-	175.565.800
	(kèm theo bảng kê số 1351965891 ngày 02 tháng 07 năm 2024)				
Tổng cộng hàng (Total amount):					175.565.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			14.045.264
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			189.611.064
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm mười một nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG
Ngày ký: 02/07/2024 22:05:08

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Tản trấn Phố, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯƠNG - Số TK: 2211201000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 221313

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 010121567

Địa chỉ (Address): B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2200003089

Số tài khoản (Account No): 1241000888888 Tại NH TMCPĐT và PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TÍN CREDIT

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 01-07-2024 đến ngày 31-07-2024	kWh	80.300	-	169.466.200
	(kính theo bảng kê số 1354443411 ngày 01 tháng 08 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					169.466.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			13.557.296
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			183.023.496
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi ba triệu không trăm hai nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯƠNG
Ngày ký: 01-08-2024 15:22:38

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯỢNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 95 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯỢNG - Số TK: 2211201000222 - Tại NH NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 294972

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn được phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2000093089

Số tài khoản (Account No): 1241006886888 Tại NHTMCP ĐT và PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024	kWh	60.200	-	132.986.800
	(kèm theo bảng kê số 1357419370 ngày 03 tháng 09 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					132.986.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.638.944
Tỷ giá (Exchanged rates):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			143.625.744
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯỢNG
Ngày ký: 03/09/2024 15:00:48

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Thủ trấn Phương, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG - Số TK: 2211201000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 322367

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD22000030269

Số tài khoản (Account No): 12410008868888 Tại NHTMCP ĐT và PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VNĐ

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024 (theo hóa đơn số 1362058212 ngày 02 tháng 10 năm 2024)	kWh	49.400	-	108.031.600
Tổng tiền hàng (Total amount):					108.031.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.642.528
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			116.674.128
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller):

✓
Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG
Ngày ký: 03/10/2024 13:55:01

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 95 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001235

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG - Số TK: 2211201000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PINT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 332462

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn được phẩm Hòa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2000030289

Số tài khoản (Account No): 12410008868888 Tại NH TMCP DT và

PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thu kỳ 1 tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 17/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1262094539 ngày 18 tháng 10 năm 2024)	kWh	36.200	-	79.858.600
Tổng tiền hàng (Total amount):					79.858.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			6.388.688
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			86.247.188
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG
Ngày ký: 18/10/2024 10:15:17

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 92 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phố Mới, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001285

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG - Số TK: 2211201000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Đảm bảo hiển thị của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 369662

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn được phần Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2200000269

Số tài khoản (Account No): 12410006888888 Tại NHTMCP DT và

PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2024 từ ngày 18/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1263445709 ngày 03 tháng 11 năm 2024)	kWh	38.600	-	63.961.600
Tổng tiền hàng (Total amount):					63.961.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.116.928
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			69.078.528
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi chín triệu không trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller):

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG
Ngày ký: 03/11/2024 19:19:34

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phố Mới, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001285

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG - Số TK: 2211201009222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 147590

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Lành

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19,D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2000013854

Số tài khoản (Account No): 1241000686888 Tại NHTMCP ĐT và PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 17/05/2024	kWh	68.960	-	138.279.840
	(kính theo bảng kê số 1245229102 ngày 18 tháng 05 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					138.279.840
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			11.062.387
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			149.342.227
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG
Ngày ký: 18-05-2024 15:11:44

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Tân trấn Phương, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG - Số TK: 2211201000222 - Tại NH NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 184397

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101215867

Địa chỉ (Address): B19,D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD22000013884

Số tài khoản (Account No): 1241000886888 Tại NHTMCPĐT và PT Việt Nam.

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1.	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 17/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1348489812 ngày 18 tháng 06 năm 2024)	kWh	50,560	-	106.141.440
Cộng tiền hàng (Total amount):					106.141.440
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.491.315
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			114.632.755
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười bốn triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký tên: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG
Ngày ký: 18/06/2024 12:27:42

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0160101114-034

Địa chỉ (Address): Số 91 Phố Tây Sơn, Tân trấn Phố, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG - SỐ TK: 2211201009222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 197494

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Lành

Mã số thuế (Tax code): 0101225557

Địa chỉ (Address): B19,D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2000013884

Số tài khoản (Account No): 1241000880888 Tại NH TMCP DT và

PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thu kỳ 2 tháng 6 năm 2024 từ ngày 15/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (Kèm theo bảng kê số 1349121174 ngày 02 tháng 07 năm 2024)	kWh	41.120	-	84.574.880
Cộng tiền hàng (Total amount):					84.574.880
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			6.765.990
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			91.340.870
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi một triệu ba trăm bốn mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG
Ngày ký: 02/07/2024 12:38:11

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0109181114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG - Số TK: 2213261000222 - Tại NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): HK24TBB

Số (No): 221247

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19,D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2200013884

Số tài khoản (Account No): 1241000886888 Tại NHTMCP ĐT và PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thu kỳ 1 tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 17/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1152022746 ngày 18 tháng 07 năm 2024)	kWh	43.630	-	97.421.920
Cộng tiền hàng (Total amount):					97.421.920
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.793.754
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			105.215.674
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh năm triệu hai nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG
Ngày ký: 18/07/2024 17:35:46

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0160101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG - Số TK: 2311201000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 221422

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19, D6 KĐT đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD12000013884

Số tài khoản (Account No): 12410008968888 Tại NHTMCP DT và

PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2024 từ ngày 18/07/2024 đến ngày 31/07/2024 (kính theo bảng kế số 2353062939 ngày 01 tháng 08 năm 2024)	kWh	33.920		73.368.480
Cộng tiền hàng (Total amount):					73.368.480
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.869.478
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			79.237.958
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG
Ngày ký: 01/08/2024 - 17:21:27



CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀO PHƯỢNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 91 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀO PHƯỢNG - Số TK: 2211201000222 - Tại NH. NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 258291

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19/D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD1200013884

Số tài khoản (Account No): 12410001808888 Tại NH TMCP ĐT và PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=AxE
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 17/08/2024	kWh	53.120	-	111.962.080
	(Theo theo bảng kê số 1355239813 ngày 18 tháng 08 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					111.962.080
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.956.966
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			120.919.046
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi triệu chín trăm mười chín nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓
Ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀO PHƯỢNG
Ngày ký: 18/08/2024 22:40:03

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001265

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG - Số TK: 2211201000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date): 03 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 294912

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Lish

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19,D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2000013584

Số tài khoản (Account No): 1241000886888 Tại NH TMCP ĐT và PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2024 từ ngày 18/08/2024 đến ngày 31/08/2024 (kèm theo bảng kê số 1356752808 ngày 03 tháng 09 năm 2024)	kWh	41.600	-	91.373.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					91.373.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.309.888
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			98.683.488
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi tám triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ủy quyền: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀN PHƯỢNG
Ngày ký: 03/09/2024 15:08:17

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐƠN PHƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phố Mới, Huyện Đơn Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐƠN PHƯƠNG - Số TK: 2211301000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic Invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Số hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 295359

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101215857

Địa chỉ (Address): B19,D5 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD22000013884

Số tài khoản (Account No): 12410008868883 Tại NHTMCPĐT và

PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thực kỳ 1 tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 17/09/2024 (kèm theo bảng kê số 1338461770 ngày 18 tháng 09 năm 2024)	kWh	38,560	-	83.788.640
Tổng tiền hàng (Total amount):					83.788.640
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			6.703.091
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			90.491.731
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi triệu bốn trăm chín mươi một nghìn bảy trăm ba mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller):

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐƠN
PHƯƠNG
Ngày ký: 18/09/2024 17:52:22

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG - SỐ TK: 2311301009222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 322546

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDC2000013884

Số tài khoản (Account No): 12410008868888 Tại NHTMCPĐT và

PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2024 từ ngày 18/09/2024 đến ngày 30/09/2024	kWh	38.400	-	79.091.200
	(Xem theo bảng kê số 13604/45613 ngày 01 tháng 10 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					79.091.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			6.327.296
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			85.418.496
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG
Ngày ký: 03/10/2024 13:51:56

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 95 Phố Tây Sơn, Tân Triều, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG - Số TK: 2211301000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 332474

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hòa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101223867

Địa chỉ (Address): B19, D6 Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2000013884

Số tài khoản (Account No): 12410008868888 Tại NH TMCPĐT và

PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 17/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1361094611 ngày 18 tháng 10 năm 2024)	kWh	44.640	-	92.455.840
Tổng tiền hàng (Total amount):					92.455.840
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.396.467
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			99.852.307
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi chín triệu tám trăm năm mươi hai nghìn ba trăm linh bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG
Ngày ký: 18/10/2024 09:19:13

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-034

Địa chỉ (Address): Số 93 Phố Tây Sơn, Tòa nhà Phụng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG - Số TK: 2211201000222 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Đơn thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TBB

Số (No): 369654

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hoa Linh

Mã số thuế (Tax code): 0101225867

Địa chỉ (Address): B19,D6 KĐT đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD2000013884

Số tài khoản (Account No): 1241000888888 Tại NHTMCP BT và

PT Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2024 từ ngày 18/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (kèm theo bảng kê số 1361445727 ngày 03 tháng 11 năm 2024)	kWh	33.760	-	71.030.880
Tổng tiền hàng (Total amount):					71.030.880
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.682.470
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			76.713.350
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn ba trăm năm mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐÀNG PHƯƠNG
Ngày ký: 03/11/2024 14:39:39



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 04 tháng 06 năm 2024

Mã cơ quan thuế: 00EFC2615D425249A5B25E3F51C53D60F8

Ký hiệu: 1C24TYY

Số: 63110

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG ĐAN PHƯƠNG

Địa chỉ: Thôn Đông Khê, Xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105551082 Số điện thoại: 02433637358

Số tài khoản: 19132632468010 tại Techcombank - PGD Sài Đồng

Tên khách hàng: Công Ty TNHH Dược Phẩm Hoa Linh

Mã số thuế: 0101225867

Địa chỉ: B19 D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

Mã khách hàng: DP01.106

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã DH:

Điện thoại: Từ ngày: 01/05/2024

Đến ngày: 01/06/2024

Chỉ số đầu: Chỉ số cuối:

Số hộ: 1

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng(m3)	Đơn giá(đồng)	Thành tiền(đồng)
49.888	51.471			
		1.583	16.000	25.328.000
Tổng cộng:		1.583		25.328.000
Thuế suất GTGT(%) (Vat rate): 5%		Tiền thuế GTGT (VAT A mount):		1.266.400
Phí bảo vệ môi trường với đối với nước thải sinh hoạt: 10%				0
Tổng tiền thanh toán (Total amount):				26.594.400

Số tiền bằng chữ: Hai mươi sáu triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐAN PHƯƠNG

Ngày ký: 04/06/2024 13:46:45



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 04 tháng 07 năm 2024

Mã cơ quan thuế: 00284572E7108F46AD9780475833E0FC5C

Ký hiệu: 1C24TYT

Số: 75553

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG ĐAN PHƯƠNG

Địa chỉ: Thôn Đông Khê, Xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105551082 Số điện thoại: 02433637358

Số tài khoản: 19132632468010 tại Techcombank - PGD Sài Đồng

Tên khách hàng: Công Ty TNHH Dược Phẩm Hoa Linh

Mã số thuế: 0101225867

Địa chỉ: B19 D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

Mã khách hàng: DP01.106

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã DH:

Điện thoại: Từ ngày: 01/06/2024

Đến ngày: 01/07/2024

Chỉ số đầu: Chỉ số cuối:

Số hộ: 1

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng(m3)	Đơn giá(đồng)	Thành tiền(đồng)
51.471	52.712			
		1.241	16.000	19.856.000
Tổng cộng:		1.241		19.856.000
Thuế suất GTGT(%) (Vat rate): 5%			Tiền thuế GTGT (VAT A mount):	
			992.800	
Phí bảo vệ môi trường với đối với nước thải sinh hoạt: 10%				0
Tổng tiền thanh toán (Total amount):				20.848.800

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐAN PHƯƠNG

Ngày ký: 04/07/2024 13:38:53



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 05 tháng 08 năm 2024

Mã cơ quan thuế: 009750E6B4BF0641A988C46D8047ED317D

Ký hiệu: 1C24TYY

Số: 87955

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG ĐAN PHƯƠNG

Địa chỉ: Thôn Đông Khê, Xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105551082 Số điện thoại: 02433637358

Số tài khoản: 19132632468010 tại Techcombank - PGD Sài Đồng

Tên khách hàng: Công Ty TNHH Dược Phẩm Hoa Linh

Mã số thuế: 0101225867

Địa chỉ: B19 D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

Mã khách hàng: DP01.106

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã DH:

Điện thoại: Từ ngày: 01/07/2024

Đến ngày: 01/08/2024

Chỉ số đầu: Chỉ số cuối:

Số hộ: 1

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng(m3)	Đơn giá(đồng)	Thành tiền(đồng)
52.712	54.083			
		1.371	16.000	21.936.000
Tổng cộng:		1.371		21.936.000
Thuế suất GTGT(%) (Vat rate): 5%			Tiền thuế GTGT (VAT A mount):	
			1.096.800	
Phí bảo vệ môi trường với đối với nước thải sinh hoạt: 10%				0
Tổng tiền thanh toán (Total amount):				23.032.800

Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn tám trăm đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐAN PHƯƠNG

Ngày ký: 05/08/2024 11:35:44



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 05 tháng 09 năm 2024

Mã cơ quan thuế: 00F5F9EEAF687B4503ABBE62FA173AF1B

Ký hiệu: 1C24TYT

Số: 100545

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG ĐAN PHƯƠNG

Địa chỉ: Thôn Đông Khê, Xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105551082 Số điện thoại: 02433637358

Số tài khoản: 19132632468010 tại Techcombank - PGD Sài Đồng

Tên khách hàng: Công Ty TNHH Dược Phẩm Hoa Linh

Mã số thuế: 0101225867

Địa chỉ: B19 D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

Mã khách hàng: DP01.106

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã DH:

Điện thoại: Từ ngày: 01/08/2024

Đến ngày: 01/09/2024

Chỉ số đầu: Chỉ số cuối:

Số hộ: 1

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng(m3)	Đơn giá(đồng)	Thành tiền(đồng)
54.083	55.302			
		1.219	16.000	19.504.000
Tổng cộng:		1.219		19.504.000
Thuế suất GTGT(%) (Vat rate): 5%			Tiền thuế GTGT (VAT A mount):	
			975.200	
Phí bảo vệ môi trường với đối với nước thải sinh hoạt: 10%				0
Tổng tiền thanh toán (Total amount):				20.479.200

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐAN PHƯƠNG

Ngày ký: 05/09/2024 08:46:43



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 04 tháng 10 năm 2024

Mã cơ quan thuế: 00FA195EC4AC7F4968A7B519581E1F2FBC

Ký hiệu: 1C24TYY

Số: 113212

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG ĐAN PHƯƠNG

Địa chỉ: Thôn Đông Khê, Xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105551082 Số điện thoại: 02433637358

Số tài khoản: 19132632468010 tại Techcombank - PGD Sài Đồng

Tên khách hàng: Công Ty TNHH Dược Phẩm Hoa Linh

Mã số thuế: 0101225867

Địa chỉ: B19 D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

Mã khách hàng: DP01.106

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã DH:

Điện thoại: Từ ngày: 01/09/2024

Đến ngày: 01/10/2024

Chỉ số đầu: Chỉ số cuối:

Số hộ: 1

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng(m3)	Đơn giá(đồng)	Thành tiền(đồng)
55.302	56.474			
		1.172	16.000	18.752.000
Tổng cộng:		1.172		18.752.000
Thuế suất GTGT(%) (Vat rate): 5%			Tiền thuế GTGT (VAT A mount):	
			937.600	
Phí bảo vệ môi trường với đối với nước thải sinh hoạt: 10%				0
Tổng tiền thanh toán (Total amount):				19.689.600

Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐAN PHƯƠNG

Ngày ký: 04/10/2024 16:15:40



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(TIỀN NƯỚC)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 05 tháng 11 năm 2024

Mã cơ quan thuế: 00BE41C090C51F40FA947CE4D0C2E856A4

Ký hiệu: 1C24TTY

Số: 125623

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG ĐAN PHƯƠNG

Địa chỉ: Thôn Đông Khê, Xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0105551082 Số điện thoại: 02433637358

Số tài khoản: 19132632468010 tại Techcombank - PGD Sài Đồng

Tên khách hàng: Công Ty TNHH Dược Phẩm Hoa Linh

Mã số thuế: 0101225867

Địa chỉ: B19 D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội

Mã khách hàng: DP01.106

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã DH:

Điện thoại: Từ ngày: 01/10/2024

Đến ngày: 01/11/2024

Chỉ số đầu: Chỉ số cuối:

Số hộ: 1

Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khối lượng(m3)	Đơn giá(đồng)	Thành tiền(đồng)
56.474	57.974			
		1.500	16.000	24.000.000
Tổng cộng:		1.500		24.000.000
Thuế suất GTGT(%) (Vat rate): 5%			Tiền thuế GTGT (VAT A mount):	
			1.200.000	
Phí bảo vệ môi trường với đối với nước thải sinh hoạt: 10%				0
Tổng tiền thanh toán (Total amount):				25.200.000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐAN PHƯƠNG

Ngày ký: 05/11/2024 08:49:47

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TÂN CƯỜNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0101182966
Số tài khoản:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 26 tháng 06 năm 2024

Mã cơ quan thuế cấp: 00BE1F5E98754B474FBCE2E949DA8D439E

Ký hiệu: 1C24TTC
Số: 222

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH**

Địa chỉ: B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101225867

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

[illegible]

Cộng tiền hàng:	31.197.430
------------------------	-------------------

Thuế suất GTGT:	8%	Tiền thuế GTGT:	2.495.794
------------------------	-----------	------------------------	------------------

Tổng cộng tiền thanh toán:	33.693.224
-----------------------------------	-------------------

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI
TÂN CƯỜNG

Ký ngày: 29/06/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn: 23 W5E 31A 2L6 81L A8Y

Tra cứu tại: <https://einvoice.fast.com.vn>

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty Cổ phần Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp FAST, MST: 0100727825 (www.fast.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TÂN CƯỜNG**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0101182966
Số tài khoản:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 29 tháng 07 năm 2024
Mã cơ quan thuế cấp: 003D5D47722C9C4244824FCFDA86756DFD

Ký hiệu: 1C24TTC
Số: **256**

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH**

Địa chỉ: B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101225867

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí xử lý nước thải từ 25/6/2024 đến 26/7/2024	m3	976	27.830	27.162.080

Cộng tiền hàng: 27.162.080**Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT: 2.172.966****Tổng cộng tiền thanh toán: 29.335.046**

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi chín triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi sáu đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN,
ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI
TÂN CƯỜNG**

Ký ngày: 29/07/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TÂN CƯỜNG**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0101182966
Số tài khoản:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 27 tháng 08 năm 2024
Mã cơ quan thuế cấp: 00DF7419FC508046788D949715DB843A4F

Ký hiệu: 1C24TTC
Số: **285**

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH**

Địa chỉ: B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101225867

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí xử lý nước thải từ 26/7/2024 đến 26/8/2024	m3	950	27.830	26.438.500

Cộng tiền hàng: 26.438.500**Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT: 2.115.080****Tổng cộng tiền thanh toán: 28.553.580**

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN,
ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI
TÂN CƯỜNG**

Ký ngày: 27/08/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TÂN CƯỜNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0101182966
Số tài khoản:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 27 tháng 09 năm 2024

Mã cơ quan thuế cấp: 00014CD291E5654764AFF5B726BF349BC0

Ký hiệu: 1C24TTC
Số: 344

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH**

Địa chỉ: B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101225867

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

[illegible]

Cộng tiền hàng:	26.661.140
------------------------	-------------------

Thuế suất GTGT:	8%	Tiền thuế GTGT:	2.132.891
------------------------	-----------	------------------------	------------------

Tổng cộng tiền thanh toán:	28.794.031
-----------------------------------	-------------------

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, không trăm ba mươi một đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI
TÂN CƯỜNG

Ký ngày: 27/09/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN, ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TÂN CƯỜNG**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0101182966
Số tài khoản:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 10 năm 2024
Mã cơ quan thuế cấp: 00B2558607FF894A7FA5C055FF35F73CFF

Ký hiệu: 1C24TTC
Số: **375**

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN DUỘC PHẨM HOA LINH**

Địa chỉ: Số 56 Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101225867

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí xử lý nước thải từ 26/9/2024 đến 25/10/2024	m3	1.090	27.830	30.334.700

Cộng tiền hàng: 30.334.700**Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT: 2.426.776****Tổng cộng tiền thanh toán: 32.761.476**

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN,
ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI
TÂN CƯỜNG**

Ký ngày: 28/10/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Lào Hào Lũt

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC GIANG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...3.0.6.3.../2024/218/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÀI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP PHÓA BÌNH
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ cơ sở đại lý: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Mã số QLCTNH: 218/GPMT-BTNMT
ĐT: 02438 274 399
ĐT: 02043 604 420

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở đại lý:

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH
Địa chỉ văn phòng: B19, D6, KĐT mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô B3, CCN thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.00590.T
ĐT: 0243.767.6986
ĐT: 0243.363.8165

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ²
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, vật liệu dính chất thải nguy hại	x			18 02 01	29	TD
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	15	Chung cất - TC - TD
3	Đóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	08	Nghiền - Hấp phụ - Hóa rắn
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm TPNH	x			18 01 01	32	TD
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	30	HR
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm		x		13 01 02	20	TD
7	Các loại dược phẩm thải có chứa TPNH	x			13 01 03	28	TD
8	Chất thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý khí thải	x			04 02 03	34	TD

² Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); XLNT (Xử lý nước thải); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-841.47

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Xuân Hùng Ký: Ngày: 29/06/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. NGUYỄN THÀNH TRUNG

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 29 tháng 07 năm 2024
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Kiên

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: (Ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC GIANG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 5226/2023/1-2-3-4-5-6.014.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP PHÒA BÌNH
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ cơ sở đại lý: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX
ĐT: 02438 221 234
ĐT: 02043 604 420

2. Chủ CS DV XL CTNH:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở đại lý:

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM HOA LINH
Địa chỉ văn phòng: B19, D6, KĐT mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô B3, CCN thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.00590.T
ĐT: 0243.767.6986
ĐT: 0243.767.6986

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, vật liệu dính chất thải nguy hại	x			18 02 01	32	TD
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	16	Chưng cất - TC - TD
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	12	Nghiên - Hấp phụ - Hóa rắn
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm TPNH	x			18 01 01	27	TD
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	34	HR
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm		x		13 01 02	26	TD
7	Các loại được phẩm thải có chứa TPNH	x			13 01 05	52	TD
8	Chất thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý khí thải	x			04 02 03	28	TD

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); XLNT (Xử lý nước thải); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Biện pháp phòng ngừa: Ngày xuất cảnh: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30T-1041

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phùng Văn Hoàng Ký: *Phùng Văn Hoàng* Ngày: 05/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS NGUYỄN THÀNH TRUNG

@Liên số: 10 - 20 - 30 - 40

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2023
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Kiên

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC GIANG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2254/2023/1-2-3-4-5-6.014.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÀI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP PHÓA BÌNH

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 64 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

ĐT: 02438 274 399

Địa chỉ cơ sở đại lý: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

ĐT: 02043 604 420

2. Chủ CS DV XL CTNH:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở đại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

Mã số QLCTNH: 01.00590.T

Địa chỉ văn phòng: B19, D6, KĐT mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

ĐT: 0243.767.6986

Địa chỉ cơ sở: Lô B3, CCN thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

ĐT: 0243.767.6986

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, vật liệu dính chất thải nguy hại	x			18 02 01	34	TD
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	18	CC - TC - TD
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	10	Nghiên - Hấp phụ - Hòa rắn
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm TPNH	x			18 01 01	33	TD
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	30	HR
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm		x		13 01 02	18	TD
7	Các loại dược phẩm thải có chứa TPNH	x			13 01 05	20	TD
8	Chất thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý khí thải	x			04 02 03	32	TD

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đông kết); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); XLNT (Xử lý nước thải); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

Số nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30T-1041

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phùng Văn Hoàng Ký: Hoàng Ngày: 10/07/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. NGUYỄN THÀNH TRUNG

8. Chủ xử lý CTNH (nếu có) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 27 tháng 07 năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Tiên

Liên số: 10 - 20 - 30 - 40

TỈNH/THÀNH PHỐ
HÀ NỘI

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 01/2021/01.00590.T

1. Chủ quản đầu: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH
Địa chỉ văn phòng: B10, D6 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Nhà máy sản xuất - Lô H3, Cụm công nghiệp Đại Từ Phố, huyện Đan Phượng, Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.00590.T
ĐT: 024.37674986
ĐT: 024.33638165

2. Chủ hành nghề QLCTNH 1: CÔNG TY CP XỬ LÝ TÀI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
Địa chỉ văn phòng: 64 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Hà Đông, Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Nhà máy xử lý chất thải, tái chế phế liệu - Xã Xuân Sơn, huyện Yên Dũng, Bắc Giang

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6-014.VX
ĐT: 024.38274399
ĐT: 0204.3604420

3. Chủ hành nghề QLCTNH 2:

Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở:

Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng (thẩm trung) phụ lục cho bằng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Thạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (khai thác sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Hơi			
1	Gai inox, vật liệu dính chất thải nguy hại	x			18.02.01	28	TD
2	Tổn động cơ hộp số và bôi trơn chất lỏng		x		17.02.04	20	CC-TC-TD
3	Hồng dầu hướng quang và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	x			16.01.06	10	Nghiên-Hấp phụ-Hòa tan
4	Bùn thải có chứa hoặc bị nhiễm thành phần nguy hại	x			18.01.01	20	TD
5	Hình thái vi hạt tổng hợp (vật liệu thải)			x	03.05.08	30	HƯ
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm (dạng muối kim loại)		x		13.01.02	25	TE
7	Các loại dược phẩm thải có chứa thành phần nguy hại	x			13.01.05	32	TD
8	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	x			04.02.03	25	TD

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân tạo tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại bỏ tính); Oxi (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐN (Đốt xử lý); TD (Thuận tiện); HƯ (Hủy diệt); CL (Cắt lát/đóng gói); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cơ quan nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất khẩu:

Cơ quan xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kế khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1: Lý Hồng Phúc Ký: Phúc Ngày: 15/6/2021

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (nếu tái sử dụng): _____ Ký: _____ Ngày: _____

6. Chủ quản đầu xác nhận để thống nhất kế khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ hành nghề QLCTNH (nếu cũng) xác nhận để hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kế khai ở mục 4 (hoặc chủ tài sử dụng xác nhận để tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

(Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2021)

Bắc Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2021



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. NGUYỄN THÀNH TRUNG
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Nguyễn Văn Thắng

Tiền số: 1□ - 2□ - 2^o□ - 2^o□ - 3□ - 3^o□ - 3^o□ - 4^o□ - 5□

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 02/2021/01.00590.T					
1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH		Mã số QLCTNH: 01.00590.T					
Địa chỉ văn phòng: B19, D6 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội		ĐT: 024.37676986					
Địa chỉ cơ sở: Nhà máy sản xuất - Lô B3, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội		ĐT: 024.33638165					
2. Chủ hành nghề QLCTNH 1: CÔNG TY CP XỬ LÝ TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX					
Địa chỉ văn phòng: 64 Phạm Huy Thông, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội		ĐT: 024.38274399					
Địa chỉ cơ sở: Nhà máy xử lý chất thải, tái chế phế liệu - Xi Nham Sơn, huyện Yên Dũng, Bắc Giang		ĐT: 0204.3694420					
3. Chủ hành nghề QLCTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ⁴
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, vật liệu dính chất thải nguy hại	x			18 02 01	33	TD
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải khác		x		17 02 04	18	TD
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	x			16 01 06	11	Nghiên - Hấp phụ - Hóa rắn
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm thành phần nguy hại	x			18 01 01	25	TD
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			x	03 05 08	34	HR
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm (dùng môi hữu cơ)		x		13 01 02	24	TD
7	Các loại dược phẩm thải có chứa thành phần nguy hại	x			13 01 05	40	TD
8	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	x			04 02 03	30	TD
⁴ Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại kết tủa); Oxi (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đóng gói); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kết); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 1:				Trình Xuân Hùng		Ký: Ngày: 03/12/2021	
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tài sử dụng):				Ký:		Ngày:	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tài sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)			
Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2021  PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐS. NGUYỄN THÀNH TRUNG (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				Bắc Giang, ngày 15 tháng 12 năm 2021  GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Thắng (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
*Liên số: 1□ - 2□ - 2 ^o □ - 2 ^o □ - 3□ - 3 ^o □ - 3 ^o □ - 4□ - 5□							

TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: HOALINH/01/2022/1-2-3-4-5-6.014.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH Địa chỉ văn phòng: Số 64 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội Địa chỉ cơ sở/dại lý: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX ĐT: 02438 274 399 ĐT: 02043 604 420					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng: Địa chỉ cơ sở/dại lý:		Mã số QLCTNH: ĐT: ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH Địa chỉ văn phòng: B19, D6, KĐT mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội Địa chỉ cơ sở: Lô B3, CCN thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội		Mã số QLCTNH: 01.00590.T ĐT: 0243.767.6986 ĐT: 0243.767.6986					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, vật liệu chính chất thải nguy hại	x			18 02 01	28	TD
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	20	CC - TC - TD
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	08	Nghiên - Hấp phụ - Hóa rắn
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm TPNH	x			18 01 01	30	TD
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	x			03 05 08	30	HR
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm	x			13 01 02	12	TD
7	Các loại dược phẩm thải có chứa TPNH	x			13 01 05	25	TD
8	Chất thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý khí thải	x			04 02 03	20	TD
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); XLNT (Xử lý nước thải); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
6. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4.				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29X-8394			
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Bùi Việt Đức				Ký: Ngày: 06/06/2022			
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký: Ngày:			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2022 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐS. NGUYỄN THÀNH TRUNG				8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bắc Giang, ngày 17 tháng 6 năm 2022 (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC Nguyễn Văn Trường			
*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□							

TỈNH/THÀNH PHỐ
HÀ NỘI

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: HOALINH/02/2022/1-2-3-4-5-6.014.VX

1. Chủ SDVXLCTNH1: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
Địa chỉ văn phòng: Số 64 Phạm Huy Thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX
ĐT: 02438 274 399
ĐT: 02043 604 420

2. Chủ SDVXLCTNH2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở/dại lý:
Mã số QLCTNH:
ĐT:
ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DUỢC PHẨM HOA LINH
Địa chỉ văn phòng: B19, D6, KĐT mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô B3, CCN thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Mã số QLCTNH: 01.00590.T
ĐT: 0243.767.6986
ĐT: 0243.767.6986

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Gieo, lau, vật liệu chính chất thải nguy hại	x			18 02 01	32	TĐ
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	20	Chung cất - TC - TĐ
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	11	Nghiên - Hấp phụ - Hóa rắn
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm TPNH	x			18 01 01	31	TĐ
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			x	03 05 08	33	HR
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm	x			13 01 02	20	TĐ
7	Các loại dược phẩm thải có chứa TPNH	x			13 01 05	15	TĐ
8	Chất thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý khí thải	x			04 02 03	33	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chắt/lọc/kết tụ); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sử chế); XLNT (Xử lý nước thải); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

6. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29X-8394

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Trịnh Xuân Hùng Ký: Ngày: 15/12/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2022
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS NGUYỄN THÀNH TRUNG

8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 2.12 tháng 12 năm 2022



GIÁM ĐỐC

Dương Xuân Anh

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC GIANG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 5226/2023/1-2-3-4-5-6.014.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biễn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Tổ dân phố Đồng Hương, thị trấn Nham Biễn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX

ĐT: 02438 221 234

ĐT: 02043 604 420

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở/dại lý:

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH
Địa chỉ văn phòng: B19, D6, KĐT mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa chỉ cơ sở: Lô B3, CCN thị trấn Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

Mã số QLCTNH: 01.00590.T

ĐT: 0243.767.6986

ĐT: 0243.767.6986

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	Giẻ lau, vật liệu dính chất thải nguy hại	x			18 02 01	32	TĐ
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải		x		17 02 04	16	Chung cất - TC - TĐ
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	12	Nghiền - Hấp phụ - Hóa rắn
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm TPNH	x			18 01 01	27	TĐ
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	34	HR
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm		x		13 01 02	26	TĐ
7	Các loại dược phẩm thải có chứa TPNH	x			13 01 05	52	TĐ
8	Chất thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý khí thải	x			04 02 03	28	TĐ

^a Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); XLNT (Xử lý nước thải); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. Số hiệu phương tiện vận chuyển: 30T-1041

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phùng Văn Hoàng Ký: *Phùng Văn Hoàng* Ngày: 05/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐS. NGUYỄN THÀNH TRUNG

8. Chủ xử lý CTNH (vuốt cứng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Triệu Kiên

*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C24TYY
Số (Invoice No.): 00000096

Ngày (day) 15 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Mã của Cơ quan thuế: 00FB74882A90A249088356ACD39A191EE1

Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KHOÁNG SẢN PHAN ANH
MST (Tax Code): 0110041802
Địa chỉ (Address): 2A Trần Thánh Tông, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
STK (Account No.): 111002915579 tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội
6488666888 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH
MST (Tax Code): 0101225867
Địa chỉ (Address): B19-D6 khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
HTTT (Pay. method): Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Than cục xô	Tấn	36,685	6,750.000	246.948.750

Cộng tiền hàng (Sub total):		246.948.750
Thuế suất GTGT (Tax rate): 10%	Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):	24.694.875
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		271.643.625

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bảy mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
KHOÁNG SẢN PHAN ANH
Ngày: 15/05/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quán Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.62817366 – 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1580323

Khách hàng: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ: KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc: Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu: Không khí xung quanh
Số lượng mẫu: 01
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN: 16/03/2023
Thời gian thử nghiệm: 16/03/2023-23/03/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK01	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,8	-
2	Độ ẩm	%		60,3	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,1	-
4	Áp suất khí quyển	hPa		1010,9	-
5	Độ ồn	dB	TCVN 7878-2:2010	58,2	-
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	56,5	350
7	CO	µg/m ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP	µg/m ³	TCVN 5067:1995	59,2	300

Ghi chú:

- Vị trí:

KK01: Khu vực đóng gói của nhà máy (X:2332309; Y:570091)

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



VIỆN TRƯỞNG
Đặng Xuân Trường

BM.7.8.01

Lần ban hành: 03

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ Thuật và Công Nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà thầu phụ thuộc cung cấp

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) thực hiện bởi phương pháp nội bộ

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.62817366 - 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1590323

Khách hàng	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ	KCN Phùng - Thị trấn Phùng - Huyện Đan Phượng - Hà Nội
Địa chỉ quan trắc	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc	Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu	Không khí xung quanh
Số lượng mẫu	01
Tình trạng mẫu	Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN	16/03/2023
Thời gian thử nghiệm	16/03/2023-23/03/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,4	-
2	Độ ẩm	%		48,4	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,1	-
4	Áp suất khí quyển	hPa		1011,0	-
5	Độ ồn	dB	TCVN 7878-2:2010	62,3	-
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	56,4	350
7	CO	µg/m ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP	µg/m ³	TCVN 5067:1995	68,0	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK02: Khu vực xưởng mỹ phẩm (X:2332320; Y:570128)

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



VIỆN TRƯỞNG
Dặng Xuân Trường

BM.7.8.01

Lần ban hành: 03

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) thực hiện bởi phương pháp nội bộ

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.62817366 – 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1600323

Khách hàng: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ: KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc: Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu: Không khí xung quanh
Số lượng mẫu: 01
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN: 16/03/2023
Thời gian thử nghiệm: 16/03/2023-23/03/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK03	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,5	-
2	Độ ẩm	%		63,2	-
3	Tốc độ gió	m/s		6,5	-
4	Áp suất khí quyển	hPa		1011,2	-
5	Độ ồn	dB	TCVN 7878-2:2010	55,7	-
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	64,3	350
7	CO	µg/m ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP	µg/m ³	TCVN 5067:1995	63,8	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK03: Khu vực văn phòng. (X:2333122; Y:569982)

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



VIỆN TRƯỞNG
Dặng Xuân Trường

BM.7.8.01

Lần ban hành: 03

Trang:...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) thực hiện bởi phương pháp nội bộ

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1610323

Khách hàng: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ: KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc: Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu: Không khí xung quanh
Số lượng mẫu: 01
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN: 16/03/2023
Thời gian thử nghiệm: 16/03/2023-23/03/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK04	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	27,9	-
2	Độ ẩm	%		69,4	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,2	-
4	Áp suất khí quyển	hPa		1011,3	-
5	Độ ồn	dB	TCVN 7878-2:2010	73,5	-
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	57,7	350
7	CO	µg/m ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP	µg/m ³	TCVN 5067:1995	66,8	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK04: Khu vực xưởng sản xuất. (X:2333118; Y:569980)

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



VIỆN TRƯỞNG
Lặng Xuân Trường

BM.7.8.01

Lần ban hành: 03

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà thầu phụ thuộc cung cấp

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) thực hiện bởi phương pháp nội bộ

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.62817366 – 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1620323

Khách hàng

Địa chỉ

Địa chỉ quan trắc

Người quan trắc

Loại mẫu

Số lượng mẫu

Tình trạng mẫu

Thời gian nhận mẫu tại PTN

Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường

Không khí xung quanh

01

Bảo quản lạnh

16/03/2023

16/03/2023-23/03/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2013/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK05	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,0	-
2	Độ ẩm	%		58,1	-
3	Tốc độ gió	m/s		3,9	-
4	Áp suất khí quyển	hPa		1010,8	-
5	Độ ồn	dB	TCVN 7878-2:2010	73,7	-
6	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	56,2	350
7	CO	µg/m ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP	µg/m ³	TCVN 5067:1995	62,5	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK05: Khu vực nhà ăn công nhân. (X:2333154; Y:570019)

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



VIỆN TRƯỞNG
Lặng Xuân Trường

BM.7.8.01

Lần ban hành:03

Trang:...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà đầu tư phân tích cung cấp

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) thực hiện bởi phương pháp nội bộ

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.2214/27.03.2023

Khách hàng : VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ : Số 3, ngách 52/3, phố Quan Nhân, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh – Cụm công nghiệp TT Phùng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội.
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 16/03/2023 Thời gian thử nghiệm : 16/03/2023 - 27/03/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				KT01	
1	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	212,22	500
2	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	241,68	1.000
3	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	184,24	850
4	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	52	200

- Vị trí lấy mẫu:

- KT01: Khu vực lò hơi.

Tọa độ: X = 2133176, Y = 569942

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Khí thải Công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Bùi Minh Nguyệt

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1630323

Khách hàng: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa Chỉ: KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc: Cán bộ Viện kỹ thuật và Công Nghệ Môi Trường
Loại mẫu: Nước thải sản xuất sau xử lý
Số lượng mẫu: 01
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN: 16/03/2023
Thời gian thử nghiệm: 16/03/2023-23/03/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT02	
1.	Màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	135,6	150
2.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,5	5,5 đến 9
3.	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130B:2017	90,3	-
4.	Mùi vị	-	Cảm quan	Không mùi, vị	-
5.	TDS	mg/l	TCVN 6625:2000	109	-
6.	Chất rắn lơ lửng ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	63	100
7.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,3	10
8.	Sunfua ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-S2- F:2017	0,1	0,5
9.	Tổng nitơ ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	31,9	40
10.	Tổng photpho (tính theo P) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,6	6
11.	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	4.300	5000

Ghi chú:

- **Vị trí:** NT02: Điểm đầu nổi nước thải của nhà máy vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp (X:2332470; Y:569946)
- **Quy chuẩn so sánh:** QCVN 40:2011: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG PTCLMT
P. TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2023

VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



VIỆN TRƯỞNG

Dặng Xuân Trường

Trang:...

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp
6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ
7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- **Quy chuẩn so sánh:** QCVN 40:2011: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

**PHÒNG PTCLMT
P. TRƯỞNG PHÒNG**



ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2023
**VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG
TS. Nguyễn Phú Duyên**



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.62817366 – 024.6566 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6370923

Khách hàng	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ	KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc	Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu	Không khí xung quanh
Số lượng mẫu	01
Tình trạng mẫu	Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN	19/9/2023
Thời gian thử nghiệm	19/9/2023-26/9/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK02	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	34,6	-
2	Độ ẩm	%		66,7	-
3	Tốc độ gió	m/s		1,0	-
4	Áp suất khí quyển	hPa		1005,4	-
5	Độ ồn	dB	TCVN 7878-2:2010	56,5	-
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	122,5	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK02: Khu vực xưởng mỹ phẩm.

Tọa độ: X:2332320; Y:0570128

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

**PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG**

TAS. Nguyễn Văn Phiến

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2023
**VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG**



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao bản gốc này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà sản phẩm/cung cấp

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) thực hiện bởi phương pháp nội bộ

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VLAT-1.0419, VINCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.62817366 – 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6360923

Khách hàng	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ	KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc	Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu	Không khí xung quanh
Số lượng mẫu	01
Tình trạng mẫu	Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN	19/9/2023
Thời gian thử nghiệm	19/9/2023-26/9/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK01	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,9	-
2	Độ ẩm	%		69,0	-
3	Tốc độ gió	m/s		1,3	-
4	Áp suất khí quyển	hPa		1005,6	-
5	Độ ồn	dB	TCVN 7878-2:2010	54,9	-
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	134,8	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK01: Khu vực đóng gói của nhà máy

Tọa độ: X:2332309; Y:0570091

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2023
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả thử nghiệm ghi trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà thầu phụ và cung cấp

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) thực hiện bởi phương pháp nội bộ

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

D/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.62817366 – 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6390923

Khách hàng: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ: KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc: Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu: Không khí xung quanh
Số lượng mẫu: 01
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN: 19/9/2023
Thời gian thử nghiệm: 19/9/2023-26/9/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK04	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,7	-
2	Độ ẩm	%		68,7	-
3	Tốc độ gió	m/s		0,8	-
4	Áp suất khí quyển	hPa		1005,4	-
5	Độ ồn	dB	TCVN 7878-2:2010	62,3	-
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	115,3	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK04: Khu vực xưởng sản xuất.

Tọa độ: X:2333118; Y:0569980

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2023
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà đầu tư/phụ nhà cung cấp

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) thực hiện bởi phương pháp nội bộ

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6400923

Khách hàng Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu Không khí xung quanh
Số lượng mẫu 01
Tình trạng mẫu Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN 19/9/2023
Thời gian thử nghiệm 19/9/2023-26/9/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK05	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	34,3	-
2	Độ ẩm	%		61,9	-
3	Tốc độ gió	m/s		1,4	-
4	Áp suất khí quyển	hPa		1005,4	-
5	Độ ồn	dB	TCVN 7878-2:2010	57,6	-
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	107,4	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK05: Khu vực nhà ăn công nhân.

Tọa độ: X:2333154; Y:0570019

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2023
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

T.S. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành:04

Trang:...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) thực hiện bởi phương pháp nội bộ

5. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN

Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vincerts 267 - Valas 058

Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02463.263.610

Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 2427-2023-KQPT/KT.01-02

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Địa chỉ : Số 3, ngõ 52/3 – Quan Nhân - Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Tên mẫu : Khí thải Mã mẫu : KT-HL.230921
Ngày lấy mẫu : 21/09/2023 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 22/09/2023 Ngày hoàn thành phân tích : 30/09/2023

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT
				KT	
1	Bụi tổng*	mg/Nm ³	US EPA Method 5	40,8	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	GREEN/SOP- QTHT- KT05	5,24	500
3	CO	mg/Nm ³	GREEN/SOP- QTHT- KT05	206,34	1.000
4	NO _x	mg/Nm ³	GREEN/SOP- QTHT- KT05	180,85	850

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT: Mẫu khí thải tại ống khói lò hơi.

X= 2333137, Y= 569985

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH


Đỗ Thị Ngọc Ánh

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2023


Vũ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích,
- PTN không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu;
- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau kết quả phân tích không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTTXD và TM Green

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (T): Thông số chưa được công nhận trong Vincerts 267 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6410923

Khách hàng

Địa chỉ

Địa chỉ quan trắc

Người quan trắc

Loại mẫu

Số lượng mẫu

Tình trạng mẫu

Thời gian nhận mẫu tại PTN

Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

Cán bộ Viện kỹ thuật và Công Nghệ Môi Trường

Nước thải sản xuất sau xử lý

01

Bảo quản lạnh

19/9/2023

19/9/2023-26/9/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT02	
1.	Màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	84,4	150
2.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,6	5,5 đến 9
3.	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130B:2017	72,1	-
4.	Mùi vị ^(a)	-	Cảm quan	Không mùi, vị	-
5.	TDS ^(b)	mg/l	ITET/HD.HT/01	134	-
6.	Chất rắn lơ lửng ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	61,0	100
7.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,4	10
8.	Sunfua ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-S2- F:2017	0,14	0,5
9.	Tổng nito ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	28,3	40
10.	Tổng photpho (tính theo P) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,4	6
11.	Coliform ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	3.300	5.000

Ghi chú:

- Vị trí:

NT02: Điểm đầu nối nước thải của nhà máy vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp
Tọa độ: X:2332470; Y: 0569946

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

BM.7.8.01

Lần ban hành:04

Trang:...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG PTCLMT
P. TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2023
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
TS. Nguyễn Phú Duyệt



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 8741223

Khách hàng
Địa chỉ
Địa chỉ quan trắc
Người quan trắc
Loại mẫu
Số lượng mẫu
Tình trạng mẫu
Thời gian nhận mẫu tại PTN
Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Cán bộ Viện kỹ thuật và Công Nghệ Môi Trường
Nước thải sản xuất sau xử lý
01
Bảo quản lạnh
06/12/2023
06/12/2023-14/12/2023

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT02	
1.	Màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	86,6	150
2.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,5	5,5 đến 9
3.	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130B:2017	78,4	-
4.	Mùi vị ^(a)	-	Cảm quan	Không mùi, vị	-
5.	TDS ^(b)	mg/l	ITET/HD.HT/01	148	-
6.	Chất rắn lơ lửng ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	68,0	100
7.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,6	10
8.	Sunfua ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-S2- F:2017	0,12	0,5
9.	Tổng nitơ ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	29,6	40
10.	Tổng phốt pho (tính theo P) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,33	6
11.	Coliform ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	3.800	5.000

Ghi chú:

- Vị trí:

NT02: Điểm đầu nối nước thải của nhà máy vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp
Tọa độ: X:2332470; Y: 0569946

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

BM.7.8.01

Lần ban hành:04

Trang:...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao chép kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017,

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112.

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà điều tra phụ/nhà cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG PTCLMT
P. TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2023
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN
Phòng thử nghiệm Kỹ thuật Phân tích Môi trường - Vincerts 267 - Valas 058
Địa chỉ: DV5, E14, Khu B, dịch vụ Yên Nghĩa, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 02463.263.610 Email: Phantichgreen@gmail.com

Số: 0222-2024-KQPT/KT.071

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh
Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy sản xuất Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ : Lô B3, cụm Công nghiệp Thị Trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tên mẫu : Khí thải Mã mẫu : 071/L.KT.240323
Ngày lấy mẫu : 23/03/2024 Số mẫu : 01
Thời gian phân tích : 23/03/2024 Ngày hoàn thành phân tích : 31/03/2024

II. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014/BTNMT (Kp=1)
				071/L.KT.240323	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	EPA Method 5	34	140 ⁽¹⁾
2	CO	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT02	798	800 ⁽²⁾
3	SO ₂	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT02	43,7	350 ⁽¹⁾
4	NO ₂	mg/Nm ³	GREEN/SOP-QTHT-KT02	KPH (LRL=0)	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 071/L.KT.240323: Mẫu khí thải tại vị trí khu vực lò hơi của công ty.

X= 2333172, Y=569947

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

⁽¹⁾ Bảng 3: Hệ số vùng K_v=0,7

⁽²⁾ Bảng 4: Hệ số vùng K_v=0,8

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

Đỗ Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2024

Vũ Chí Linh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- (KPH): Không phát hiện; - (MDL): Giới hạn phát hiện của phương pháp
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
- (H): Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và được công nhận theo QĐ số 1546/SYT-NVTY ngày 06/04/2024 về việc đủ điều kiện tham gia trắc môi trường lao động
- (H): Thông số không được quy định trong các văn bản pháp luật và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty CP tư vấn MTXD và TM Green
Đan hành: 04



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.62817366 – 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1940324

Khách hàng
Địa chỉ
Địa chỉ quan trắc
Người quan trắc
Loại mẫu
Số lượng mẫu
Tình trạng mẫu
Thời gian nhận mẫu tại PTN
Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Không khí xung quanh
01
Bảo quản lạnh
21/03/2024
21/03/2024-29/03/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK01	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	23,7	-
2	Độ ẩm ^(b)	%		76,9	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s		0,8	-
4	Áp suất khí quyển ^(b)	hPa		1005,2	-
5	Độ ồn ^(b)	dB	TCVN 7878-2:2010	61,7	-
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	55,8	350
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	42,1	200
9	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	125,4	300

Ghi chú:

- Vị trí:

KK01: Khu vực đóng gói của nhà máy

Tọa độ: X:2333135; Y:0569984

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiến

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



THO VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Không được trích, sao lại kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ Thuật và Công Nghệ Môi Trường.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vimecert 112
- Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ thuộc cung cấp
- Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.62817366 – 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1950324

Khách hàng

Địa chỉ

Địa chỉ quan trắc

Người quan trắc

Loại mẫu

Số lượng mẫu

Tình trạng mẫu

Thời gian nhận mẫu tại PTN

Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường

Không khí xung quanh

01

Bảo quản lạnh

21/03/2024

21/03/2024-29/03/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK02	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	24,3	-
2	Độ ẩm ^(b)	%		75,6	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s		0,9	-
4	Áp suất khí quyển ^(b)	hPa		1005,4	-
5	Độ ồn ^(b)	dB	TCVN 7878-2:2010	59,7	-
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	128,5	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK02: Khu vực xưởng mỹ phẩm.

Tọa độ: X:2333109; Y:0569904

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.62817366 – 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1960324

Khách hàng	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ	KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc	Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu	Không khí xung quanh
Số lượng mẫu	01
Tình trạng mẫu	Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN	21/03/2024
Thời gian thử nghiệm	21/03/2024-29/03/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK03	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	23,2	-
2	Độ ẩm ^(b)	%		75,5	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s		1,1	-
4	Áp suất khí quyển ^(b)	hPa		1005,4	-
5	Độ ồn ^(b)	dB	TCVN 7878-2:2010	64,2	-
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	41,3	200
9	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	131,4	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK03: Khu vực văn phòng.

Tọa độ: X:2333108; Y:0569987

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112.

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp.

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ.

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.62817366 – 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1970324

Khách hàng: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ: KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Địa chỉ quan trắc: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc: Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu: Không khí xung quanh
Số lượng mẫu: 01
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN: 21/03/2024
Thời gian thử nghiệm: 21/03/2024-29/03/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK04	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	23,5	-
2	Độ ẩm ^(b)	%		73,9	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s		0,6	-
4	Áp suất khí quyển ^(b)	hPa		1005,2	-
5	Độ ồn ^(b)	dB	TCVN 7878-2:2010	61,3	-
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	34,2	200
9	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	150,4	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK04: Khu vực xưởng sản xuất.

Tọa độ: X:2333122; Y:0569979

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang:...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincerti 112.

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp.

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ.

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1980324

Khách hàng

Địa chỉ

Địa chỉ quan trắc

Người quan trắc

Loại mẫu

Số lượng mẫu

Tình trạng mẫu

Thời gian nhận mẫu tại PTN

Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường

Không khí xung quanh

01

Bảo quản lạnh

21/03/2024

21/03/2024-29/03/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK05	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	24,4	-
2	Độ ẩm ^(b)	%		77,9	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s		0,9	-
4	Áp suất khí quyển ^(b)	hPa		1005,1	-
5	Độ ồn ^(b)	dB	TCVN 7878-2:2010	62,6	-
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	41,3	200
9	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	119,6	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK05: Khu vực nhà ăn công nhân.

Tọa độ: X:2333140; Y:0570005

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kê kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ Thuật và Công Nghệ Môi Trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincerti 112

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ nhà cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1990324

Khách hàng
Địa Chỉ
Địa chỉ quan trắc
Người quan trắc
Loại mẫu
Số lượng mẫu
Tình trạng mẫu
Thời gian nhận mẫu tại PTN
Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Cán bộ Viện kỹ thuật và Công Nghệ Môi Trường
Nước thải sản xuất sau xử lý
01
Bảo quản lạnh
21/03/2024
21/03/2024-29/03/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT02	
1.	Màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	85,6	150
2.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,8	5,5 đến 9
3.	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130B:2017	69,7	-
4.	Mùi vị ^(a)	-	Cảm quan	Không mùi, vị	-
5.	TDS ^(b)	mg/l	ITET/HD.HT/01	119	-
6.	Chất rắn lơ lửng ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	63,0	100
7.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,2	10
8.	Sunfua ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-S2- F:2017	0,16	0,5
9.	Tổng nito ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	28,8	40
10.	Tổng photpho (tính theo P) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,1	6
11.	Coliform ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	3.100	5.000

Ghi chú:

- Vị trí:

NT02: Điểm đầu nối nước thải của nhà máy vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp
Tọa độ: X:2333200; Y: 0569957

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

BM.7.8.01

Lần ban hành:04

Trang:...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vuncert 112

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG PTCLMT
P. TRƯỜNG PHÒNG

ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 5080624

Khách hàng
 Địa chỉ
 Địa chỉ quan trắc
 Người quan trắc
 Loại mẫu
 Số lượng mẫu
 Tình trạng mẫu
 Thời gian nhận mẫu tại PTN
 Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
 KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội
 Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
 Cán bộ Viện kỹ thuật và Công Nghệ Môi Trường
 Nước thải sản xuất sau xử lý
 01
 Bảo quản lạnh
 28/6/2024
 28/6/2024-10/7/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT02	
1.	Màu ^(h)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	70,7	150
2.	pH ^(h)	-	TCVN 6492:2011	7,4	5,5 đến 9
3.	Độ đục ^(b)	NTU	SMEWW 2130B:2017	69,4	-
4.	Mùi vị ^(a)	-	Cảm quan	Không mùi, vị	-
5.	TDS ^(b)	mg/l	ITET/HD.HT/01	132	-
6.	Chất rắn lơ lửng ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	72,0	100
7.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,4	10
8.	Sunfua ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-S2- F:2017	0,09	0,5
9.	Tổng nitơ ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	28,0	40
10.	Tổng photpho (tính theo P) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6202:2008	4,18	6
11.	Coliform ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	3.800	5.000

Ghi chú:

- Vị trí:

NT02: Điểm đầu nối nước thải của nhà máy vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp
 Tọa độ: X:2332470; Y: 0569946

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG PTCLMT
P. TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Văn Phiên

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Dương

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp
6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ
7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6640924

Khách hàng

Địa Chỉ

Địa chỉ quan trắc

Người quan trắc

Loại mẫu

Số lượng mẫu

Tình trạng mẫu

Thời gian nhận mẫu tại PTN

Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

Cán bộ Viện kỹ thuật và Công Nghệ Môi Trường

Nước thải sản xuất sau xử lý

01

Bảo quản lạnh

21/9/2024

21/9/2024-30/9/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT01	
1.	Màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	88,7	150
2.	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,9	5,5 đến 9
3.	Độ đục ^(b)	NTU	US EPA Method 180.1	52,3	-
4.	Mùi vị ^(a)	-	Cảm quan	Mùi không khó chịu	-
5.	TDS ^(b)	mg/l	ITET/HD.HT/01	266	-
6.	Chất rắn lơ lửng ^(a,b)	mg/l	TCVN 6625:2000	71,0	100
7.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	<0,3	10
8.	Sunfua ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-S2-F:2017	0,4	0,5
9.	Tổng nitơ ^(b)	mg/l	TCVN 6638:2000	29,1	40
10.	Tổng phốt pho (tính theo P) ^(a,b)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,9	6
11.	Coliform ^(b)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	4.300	5.000

Ghi chú:

- Vị trí:

NT01: Điểm đầu nối nước thải của nhà máy vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp
Tọa độ: X: 2333206; Y: 569957.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PHÒNG PTCLMT
P. TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thu

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trung: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Viascert 112
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp
6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ
7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6590924

Khách hàng

Địa chỉ

Địa chỉ quan trắc

Người quan trắc

Loại mẫu

Số lượng mẫu

Tình trạng mẫu

Thời gian nhận mẫu tại PTN

Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường

Không khí xung quanh

01

Bảo quản lạnh

21/9/2024

21/9/2024-30/9/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK01	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,8	-
2	Độ ẩm ^(b)	%		91,4	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s		1,2	-
4	Áp suất khí quyển ^(b)	hPa		1002,9	-
5	Độ ồn ^(b)	dB	TCVN 7878-2:2010	61,9	-
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	ITET,HDPT,CO	<15.000	30.000
8	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	129,6	300

Ghi chú:

- Vị trí:

KK01: Khu vực đóng gói của nhà máy

Tọa độ: X:2333135; Y:0569984

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

**PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Thu

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024
**VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG**



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng



VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

(VLAT-1.0419, VIMCERTS 112)

Đ/c: Số 3, Ngõ 52/3 Quan Nhân, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.62817366 - 024.6666 2032

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6620924

Khách hàng: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ: KCN Phùng - Thị trấn Phùng - Huyện Đan Phượng - Hà Nội
Địa chỉ quan trắc: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Người quan trắc: Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường
Loại mẫu: Không khí xung quanh
Số lượng mẫu: 01
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh
Thời gian nhận mẫu tại PTN: 21/9/2024
Thời gian thử nghiệm: 21/9/2024-30/9/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK04	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,1	-
2	Độ ẩm ^(b)	%		89,9	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s		1,0	-
4	Áp suất khí quyển ^(b)	hPa		1002,7	-
5	Độ ồn ^(b)	dB	TCVN 7878-2:2010	60,6	-
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	176,4	300

Ghi chú:

- Vị Trí:

KK04: Khu vực xưởng sản xuất.

Tọa độ: X:2333130; Y:569928

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thu

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyên

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincert 112.

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ/nhà cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6630924

Khách hàng

Địa chỉ

Địa chỉ quan trắc

Người quan trắc

Loại mẫu

Số lượng mẫu

Tình trạng mẫu

Thời gian nhận mẫu tại PTN

Thời gian thử nghiệm

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

KCN Phùng – Thị trấn Phùng – Huyện Đan Phượng – Hà Nội

Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh

Cán bộ Viện kỹ thuật và công nghệ môi trường

Không khí xung quanh

01

Bảo quản lạnh

21/9/2024

21/9/2024-30/9/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT (Trung bình 1 giờ)
				KK05	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,4	-
2	Độ ẩm ^(b)	%		90,1	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s		0,9	-
4	Áp suất khí quyển ^(b)	hPa		1001,5	-
5	Độ ồn ^(b)	dB	TCVN 7878-2:2010	61,7	-
6	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<45	350
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	ITET.HDPT.CO	<15.000	30.000
8	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<30	200
9	TSP ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	121,7	300

Ghi chú:

- Vị trí:

KK05: Khu vực nhà ăn công nhân.

Tọa độ: X:2333151; Y:570011.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh

PHÒNG PTCLMT
P.TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thu

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Nguyễn Phú Duyệt

BM.7.8.01

Lần ban hành: 04

Trang: ...

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kỹ thuật và Công nghệ môi trường.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) là chỉ tiêu được công nhận Vincerts 112

5. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) thực hiện bởi nhà thầu phụ thuộc cung cấp

6. Các chỉ tiêu đánh dấu (d) thực hiện theo phương pháp nội bộ

7. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM
HOA LINH**

Số: 01 / BCMT-HL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đan Phượng, ngày 09 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ Môi trường Thành phố Hà Nội

Phần 1. THÔNG TIN CHUNG

- Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
- Địa chỉ: B19, D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024.37676986 - 024.33638165
- Người đại diện: Ông Trần Ngọc Ánh – Chức vụ: Tổng giám đốc
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Công suất: từ 600-900 tấn sản phẩm/năm, hoạt động thường xuyên.
- Mã số thuế: 0101225867 - Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh: 0101225867-005
- Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số: 223/GXN-STNMT cấp ngày 19 tháng 11 năm 2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp.
- Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã: 01.000590T
- Cơ sở sản xuất: Nhà máy sản xuất Dược phẩm Hoa Linh
- Địa chỉ: Lô B3, cụm công nghiệp thị trấn Phùng – Đan Phượng – Hà Nội.
- Khối lượng sản phẩm của năm 2023 khoảng = 750 tấn.
- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo).
- + Lượng điện năng tiêu thụ năm 2023 = 1.419.120 kwh. (Điện năng tiêu thụ năm 2022 = 1.831.920 kwh).

+ Lượng nước sạch tiêu thụ năm 2023 = 13.022 m³ (Nước sạch tiêu thụ năm 2022 = 16.585m³).

+ Lượng than đá tiêu thụ năm 2023 = 70.000 kg. (Lượng than đá tiêu thụ năm 2022 = 85.000 kg).

Phần 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

- Cơ sở có 01 hệ thống xử lý nước thải nằm trong khuôn viên nhà máy.

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2023 khoảng = 2.200 m³.

(Lượng nước thải sinh hoạt năm 2022 khoảng =2800 m³).

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh trong năm 2023 khoảng = 8.217m³ (Lượng nước thải năm 2022 khoảng =10.468 m³).

- Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp) được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống nước thải tập trung của cụm công nghiệp. Cơ sở có hợp đồng xử lý nước thải với đơn vị quản lý cụm công nghiệp và có 01 điểm đầu nối duy nhất vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm để cụm công nghiệp xử lý tiếp trước khi xả ra môi trường.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ

1.2.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của cơ sở đầu chung vào hệ thống nước thải sản xuất nên sẽ là mẫu quan trắc chung với mẫu nước thải công nghiệp.

- Thời gian quan trắc: Đợt 1 ngày 16/03/2023; đợt 2 ngày 26/06/2023; đợt 3 ngày 19/09/2023; đợt 4 ngày 06/12/2023.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần, 04 lần/năm

- Vị trí các điểm quan trắc: Tại 01 điểm xả đầu nối vào hệ thống nước thải tập trung của cụm công nghiệp

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: TCVN 6492:2011, TCVN 6625:2000, TCVN 6638:2000, TCVN 6202:2008, SMEWW 2120C:2017, SMEWW 2130B:2017, SMEWW 5520B&F:2017, SMEWW 4500-S2-F:2017, SMEWW 9221B:2017.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B-QCVN 40:2011/BTNMT
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Viện Kỹ thuật và Công nghệ Môi trường. Số Vimcerts: 112.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có
- Kết quả quan trắc chi tiết của 04 đợt quan trắc được gửi kèm theo báo cáo này.

1.2.2 Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp:

- Đây cũng là các mẫu nước quan trắc chung với mẫu nước thải sinh hoạt do chung một hệ thống xử lý và tại điểm xả đầu nổi duy nhất của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp.

- Thời gian quan trắc: Đợt 1 ngày 16/03/2023; đợt 2 ngày 26/06/2023; đợt 3 ngày 19/09/2023; đợt 4 ngày 06/12/2023.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần; 04 lần/năm

- Vị trí các điểm quan trắc: tại 01 điểm xả đầu nổi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 04 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: TCVN 6492:2011, TCVN 6625:2000, TCVN 6638:2000, TCVN 6202:2008, SMEWW 2120C:2017, SMEWW 2130B:2017, SMEWW 5520B&F:2017, SMEWW 4500-S2-F:2017, SMEWW 9221B:2017.

- Quy chuẩn so sánh: cột B-QCVN 40:2011/BTNMT

- Đơn vị thực hiện quan trắc Viện Kỹ thuật và Công nghệ Môi trường. Số Vimcerts: 112

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có

- Kết quả quan trắc chi tiết của 04 đợt quan trắc được gửi kèm theo báo cáo này.

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

- Cơ sở có 02 hệ thống (một hệ thống chính và một hệ thống dự phòng) xử lý khí thải lò hơi đốt than bằng phương pháp hấp phụ và khử bụi ướt.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ:

- Thời gian quan trắc: Đợt 1 ngày 16/03/2023; đợt 2 ngày 19/09/2023

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần, 02 lần/năm

- Vị trí các điểm quan trắc:

- + Điểm quan trắc 01: KT01- khu vực lò hơi (tọa độ X=2333176, Y=569942)
- + Điểm quan trắc 02: KK01 - Khu vực đóng gói (tọa độ X=2332309, Y=570091).
- + Điểm quan trắc 03 - Khu vực xưởng Mỹ phẩm (tọa độ X=2332320, Y=570128).
- + Điểm quan trắc 04 - Khu vực văn phòng (tọa độ X=2333122, Y=569982).
- + Điểm quan trắc 05 - Khu vực xưởng sản xuất (tọa độ X=2333118, Y=569980).
- + Điểm quan trắc 06 - Khu vực nhà ăn công nhân (tọa độ X=2333154, Y=570019).
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 06 mẫu.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:
 - + QCVN 46:2012/BTNMT, TCVN 7878-2:2010, TCVN 5971:1995, ITET.HDPT.CO, TCVN 6137:2009, TCVN 5067:1995
 - + CEC.QTMT.KT-06, US EPA Method 5.
- Quy chuẩn so sánh: + QCTĐHN 01:2014/BTNMT
- + QCVN 05:2013/BTNMT.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Viện Kỹ thuật và Công nghệ Môi trường.
- Số Vimcerts: 112
- Công ty Cổ phần Tư vấn Môi trường Xây dựng và Thương mại Green. Số Vimcert: 267- Valas 058
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không có
- Kết quả quan trắc chi tiết của các kỳ được gửi kèm theo báo cáo này.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thông kê chất thải phát sinh:

Thông kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	23	Hợp tác xã Thành Công	25
	Tổng cộng	23		25

Thống kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chất thải phải xử lý (Bã lá cây)	12.500	Hợp tác xã Thành Công	13.000
2	Tái sử dụng (Bao bì giấy, bìa các tông)	2.200	Trả lại cho các nhà cung cấp để tái sử dụng	2.300
3	Xi than	2.800	Tận dụng làm vật liệu xây dựng	3.000
	Tổng cộng	17.500		18.300

4. Về quản lý chất thải nguy hại:

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
1. Giẻ lau, vật liệu dính chất thải nguy hại.	18 02 01	64	TĐ	Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.014.VX	60
2. Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải	17 02 04	34	CC-TC-TĐ		40
3. Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	22	Nghiên-Hấp phụ-Hóa rắn		19
4. Bao bì thải chứa, bị nhiễm TPNH	18 01 01	60	TĐ	Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.014.VX	61
5. Bùn thải từ xử lý nước thải	12 06 05	64	HR		63

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
6.Hóa chất trong phòng thí nghiệm	13 01 02	44	TĐ		31
7.Các loại dược phẩm thải có chứa TPNH	13 01 05	72	TĐ		40
8.Chất thải có chứa các TPNH từ xử lý khí thải	04 02 03	60	TĐ		53
Tổng số lượng		420			367

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới: Nhà máy sản xuất Dược phẩm Hoa Linh tăng cường công tác phân loại chất thải nguy hại tại các công đoạn có phát sinh chất thải nguy hại, kiểm soát chặt chẽ lượng chất thải nguy hại lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại của nhà máy trong thời gian chờ tới kỳ vận chuyển (06 tháng /01 lần) đem tới nơi xử lý của đơn vị có đủ chức năng mà cơ sở đã ký hợp đồng.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

- Công ty đã mở các khóa huấn luyện cho các bộ phận toàn công ty để phòng ngừa các sự cố mất an toàn nói chung cũng như về sự cố môi trường như: Tập huấn về an toàn vệ sinh lao động, tập huấn và diễn tập về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, huấn luyện sơ cấp cứu tai nạn lao động hàng năm...

- Công ty đã lập các phương án, kế hoạch ứng phó sự cố về môi trường cũng như ra các quyết định phân công trách nhiệm tới từng bộ phận khi có sự cố xảy ra như: Sự cố xảy ra với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải....

5.2. Việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

- Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở:

+ Định kỳ lên kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải, xử lý nước thải để các hệ thống luôn hoạt động ổn định, đảm bảo các chỉ

tiêu, thông số đạt quy định trong Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

+ Lập dự trù kinh phí cho các hạng mục, đầu việc trong kế hoạch đã xây dựng trong công tác bảo vệ môi trường của Công ty.

- Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở:

+ Khi xảy ra sự cố về môi trường: Trước mắt ngừng sản xuất tại các khu vực nơi xảy ra sự cố, nơi có các hoạt động phát sinh ra nước thải, khí thải. Huy động nhân lực, vật lực nhanh chóng khắc phục sự cố, cố gắng giảm thiểu tác hại mà sự cố gây ra cho môi trường xung quanh.

+ Sau khi khắc phục xong sự cố sẽ tiến hành khoanh vùng, thau rửa khu vực ô nhiễm, chỉ khi nào khắc phục xong, triệt tiêu hoàn toàn ảnh hưởng xấu của sự cố gây ra đối với môi trường mới được tiếp tục sản xuất.

6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

6.1. Thông tin về chủng loại và khối lượng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm đang được sản xuất, sử dụng:

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy (bao gồm các chất POP) và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm	Mã CAS	Thời điểm nhập khẩu	Khối lượng nhập khẩu	Nồng độ chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa thiết bị chứa chất ô nhiễm (nếu biết)	Khối lượng đã sử dụng	Khối lượng còn lưu giữ tại kho	Kết quả đánh giá sự phù hợp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	0	0	0	0	0	0	0

6.2. Ước tính chất ô nhiễm phát thải vào môi trường tại Cơ sở

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Tổng khối lượng phát thải (kg/năm)	Phương pháp tính toán/ước tính (<i>Quan trắc, tính toán, ước tính</i>)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phát thải vào môi trường nước	0	0
2	Phát thải vào môi trường không khí	0	0
3	Phát thải vào môi trường đất	0	0
4	Chuyển giao vào bùn thải hệ thống x.l nước thải	0	0
5	Chuyển giao vào chất thải rắn nguy hại	0	0
5.1	Trong cơ sở	0	0
5.2	Cơ sở tái chế	0	0
5.3	Thải bỏ	0	0

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu: VT, NM

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM HOA LINH**



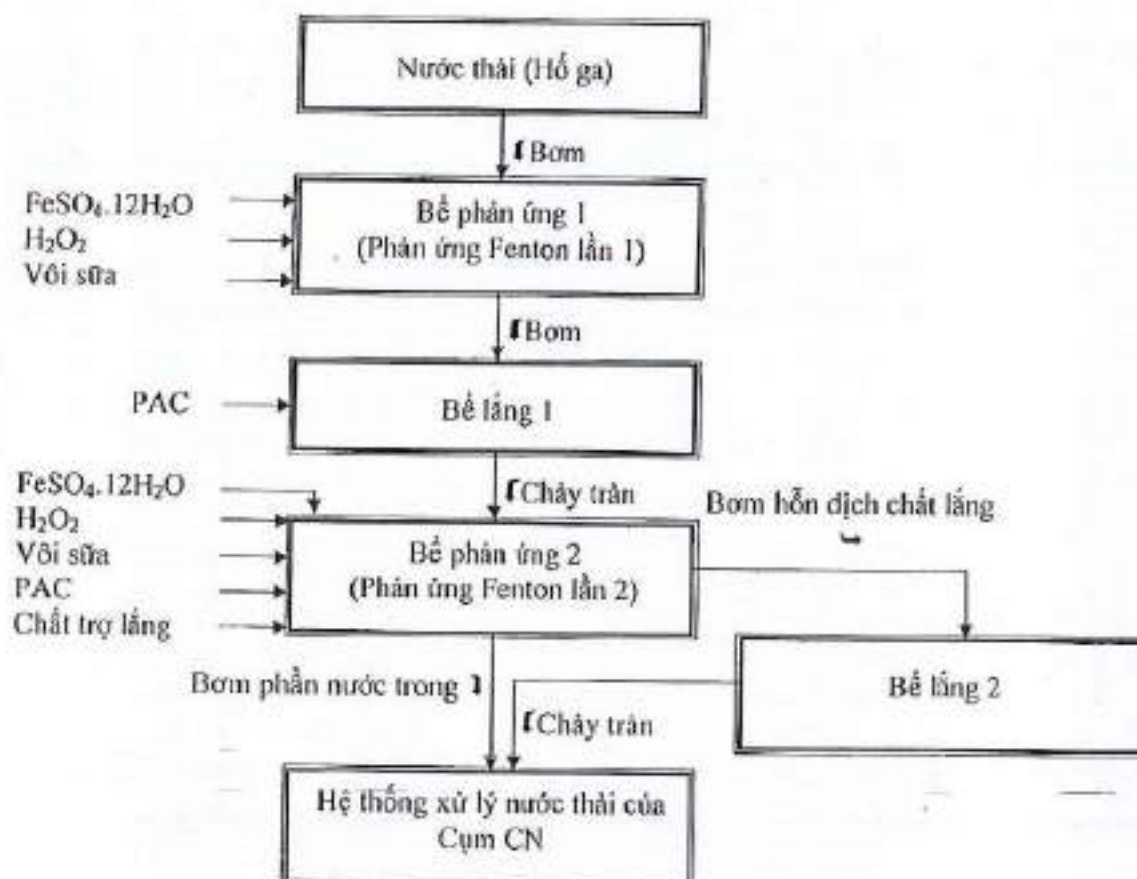
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM HOA LINH



HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Trích từ S.O.P. số CD04NT01.40)

1. Sơ đồ quy trình



2. Diễn giải quy trình

Bước 1: Bơm nước từ hố ga lên Bể phản ứng 1.

Bước 2: Bật máy nén khí để khuấy đều nước trong bể, vãi hóa chất $\text{FeSO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$ vào bể (3 kg $\text{FeSO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$ cho 10 m^3 nước trong bể phản ứng).

Bước 3: Khoảng 5 phút sau khi cho $\text{FeSO}_4 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$, đổ dung dịch H_2O_2 50% vào bể (3 lít H_2O_2 cho 10 m^3 nước trong bể phản ứng).

Bước 4: Tối thiểu 30 phút sau khi cho H_2O_2 , cho sữa vôi vào bể cho đến khi nước trong bể làm giấy quỳ chuyển sang màu xanh.

Bước 5: Bơm nước từ bể phản ứng 1 sang Bể lắng 1, đồng thời bơm dung dịch PAC 5% vào bể, duy trì tốc độ bơm nước từ bể phản ứng 1 sao cho mực nước trong thùng phản ứng keo tụ vừa ngập ống dẫn xuống bể lắng 1 và tốc độ bơm dung dịch PAC đạt 20 lít/giờ.

Trong quá trình bơm, vẫn duy trì khuấy trộn dung dịch tại bể phản ứng 1 bằng máy nén khí. Sau khi bơm nước từ bể phản ứng 1 sang bể lắng 1, một lượng nước tương ứng được đẩy tràn từ bể lắng 1 sang bể phản ứng 2. Dừng bơm khi nước trong bể phản ứng 1 hết hoặc bể phản ứng 2 đầy.

Bước 6: Bật cánh khuấy tại Bể phản ứng 2, lặp lại các bước từ Bước 2 đến Bước 4 đối với nước trong bể phản ứng 2.

Bước 7: Đổ dung dịch PAC 5% vào bể phản ứng 2 (20 lít PAC 5% cho 10 m^3 nước trong bể).

Bước 8: Hòa tan chất trợ lắng Polyacrylamid vào 20 lít nước sinh hoạt (20 g chất trợ lắng cho 10 m^3 nước trong bể phản ứng 2), đổ xuống bể phản ứng 2. Duy trì cánh khuấy quay tiếp 5 phút.

Bước 9: 15 phút sau khi ngừng khuấy, bơm phần nước trong từ bể phản ứng 2 ra đường ống dẫn về Hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp.

Bước 10: Bơm phần hỗn dịch chất lắng còn lại trong bể phản ứng 1 sang Bể lắng 2, một lượng nước tương ứng được đẩy tràn từ bể lắng 2 vào đường ống dẫn về Hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp.

Bước 11: Ghi nhật ký vận hành hệ thống.

Hà Nội, ngày .../... tháng .../... năm 2021

PHÓ GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY



DS. Nguyễn Quốc Triển



Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2010

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 01.000590.T

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Linh
Địa chỉ văn phòng: B19-D6 Khu Đô thị mới Cầu Giấy — Dịch Vọng — Cầu Giấy — Hà Nội
Điện thoại: 043 76 76986 Fax: 043.3638219
Tài khoản số: 0561100457007 tại: Ngân hàng CP Quân đội — Chi nhánh Hoàng Quốc Việt
Giấy chứng nhận đăng kinh doanh số: 0101225867 ngày cấp: 15/5/2010
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
Tên cơ sở phát sinh CTNH: Nhà máy sản xuất thuốc và mỹ phẩm
Loại hình cơ sở: Công ty TNHH
Địa chỉ cơ sở: Lô B3 — cụm công nghiệp Phùng - Đan Phượng — Hà Nội

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội Danh sách chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở và Danh sách chất thải khác phát sinh tại cơ sở (phụ lục kèm theo gồm 01 trang).

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
3. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Mục 1 Phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Sử dụng chứng từ CTNH đúng quy định, nộp liên 6 đến Chi cục BVMT; Định kỳ 6 tháng/lần lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý CTNH gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/6 và 15/12 hàng năm...).
4. Thực hiện đúng cam kết về việc lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại.

IV. Thời hạn và hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực đến khi cần điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng CTNH đã đăng ký.
- Thay đổi một trong các thông tin về địa điểm cơ sở hoặc chủ nguồn thải.

Khi chấm dứt hoạt động phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh

PHỤ LỤC

(kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.000590.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 23 tháng 12 năm 2010)

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại cơ sở:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng kg	Mã CTNH
1	Giẻ lau, vật liệu dính chất thải nguy hại	Bùn	5	18 02 01
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	3	17 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại chất thải khác có chứa thủy ngân	Rắn	2	16 01 06
4	Bao bì thải có chứa hoặc bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	5	18 01 01
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	5	03 05 08
6	Hóa chất trong phòng thí nghiệm (dung môi hữu cơ)	Rắn/Lỏng	5	13 01 02
7	Các loại dược phẩm thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	10	13 01 05
8	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	5	04 02 03
	Tổng		40	

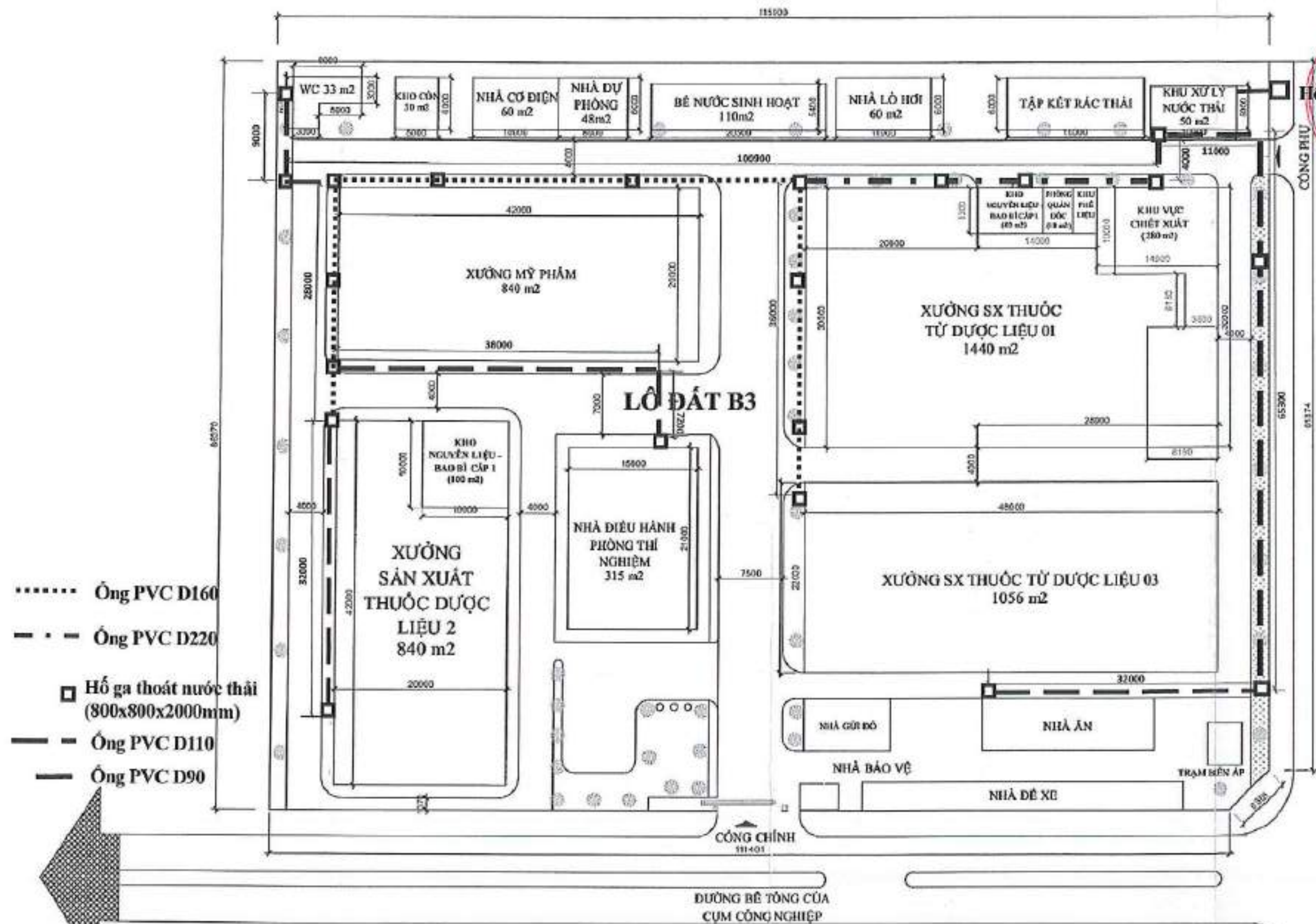
2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại cơ sở:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)
1	Bao bì, bìa carton, giấy vụn	Rắn	300
2	Xi than	Rắn	250
3	Bã dược liệu, rác thải sinh hoạt	Rắn	4000
	Tổng số lượng		4550

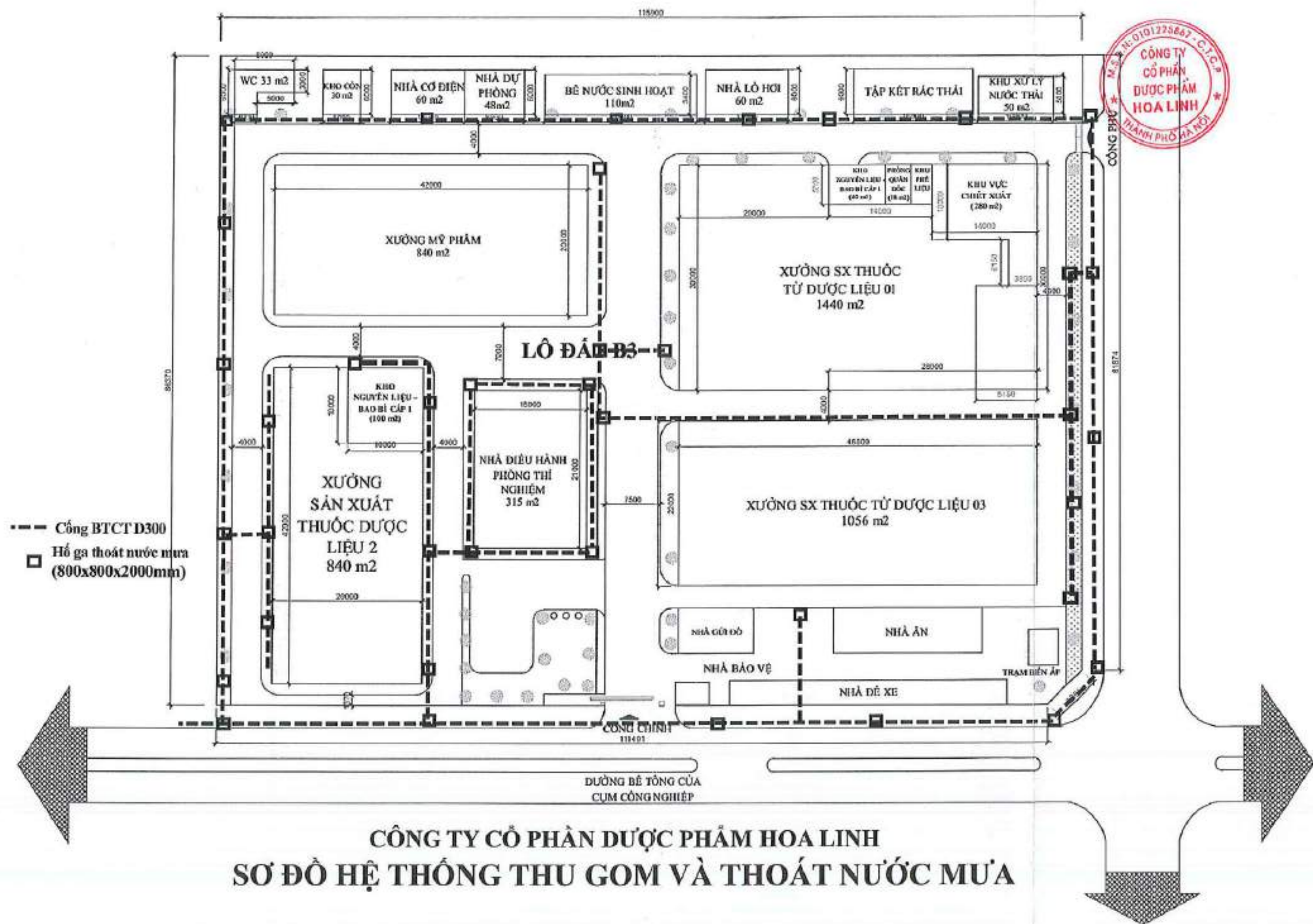
3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH:

(Bộ phận không tách rời của Giấy phép này)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101225867 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15/5/2010 (thay đổi lần 11).
- Cam kết lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại và thực hiện thủ tục pháp lý về môi trường khi có hướng dẫn mới Bộ Tài nguyên và Môi trường của Công ty;
- Quy trình quản lý chất thải nguy hại.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOA LINH
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH :

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHÙNG - ĐAN PHƯỢNG - HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH



GIÁM ĐỐC
ĐS. **TRẦN NGỌC ANH**

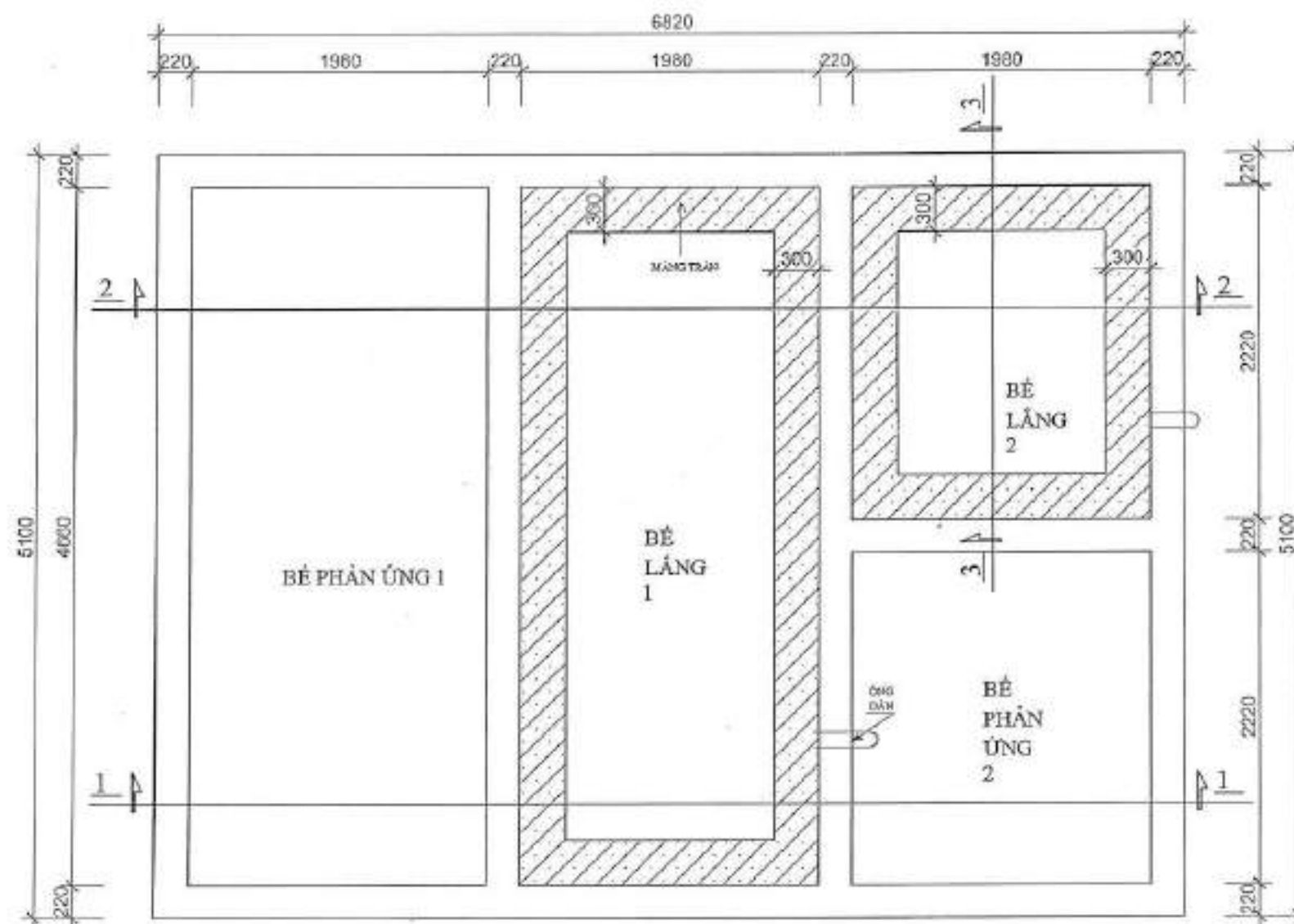
ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH
THĂNG LONG



GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Anh

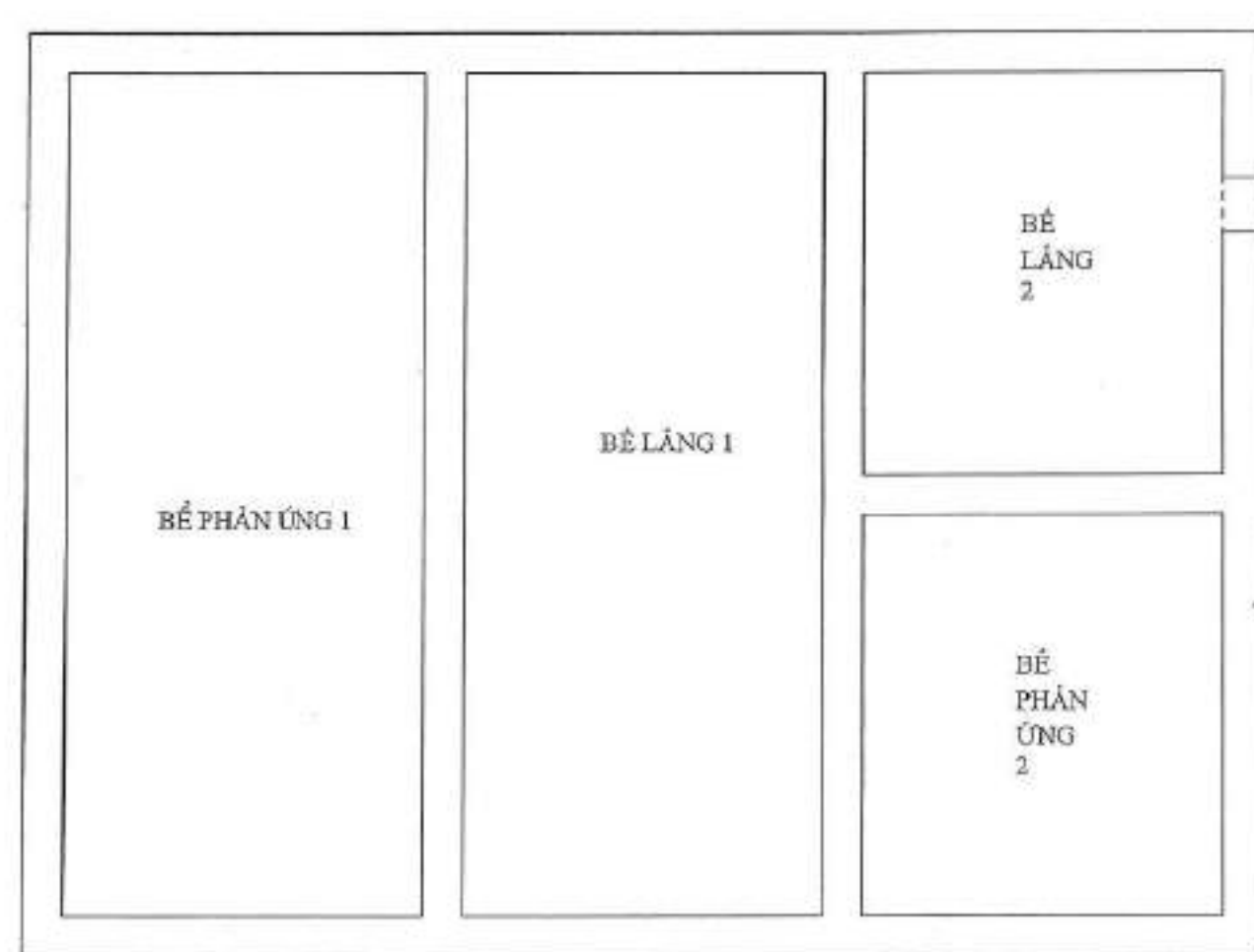
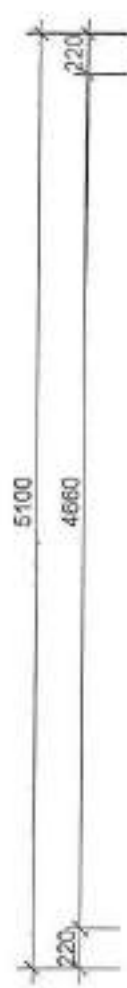
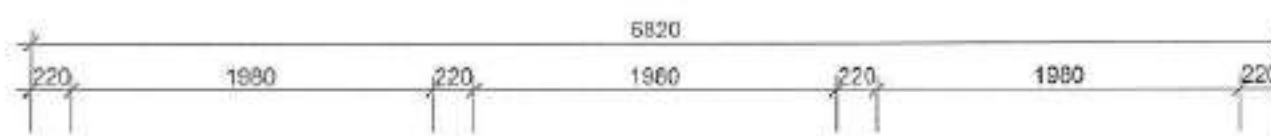
HÀ NỘI, THÁNG..03.. NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày.....tháng.....năm 20....	
GIÁM SÁT THI CÔNG	ĐƠN VỊ THI CÔNG
	NGƯỜI LẬP
<i>Tiến Anh Tú</i>	<i>Đặng Ngọc Anh</i>
	GIÁM ĐỐC
	<i>Phạm Ngọc Anh</i>



MẶT BẰNG MÁNG TRẦN BỂ 04 NGĂN

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY ĐÃ	NỘI DUNG	CHẤP NHẬN
1			
2			
3			
GHI CHÚ - LEGEND:			
CHỈ DẪN - INDEX:			
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM HÒA LĨNH			
TRƯỜNG MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG			
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG - LOC (M²): LỖ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHƯỜNG - ĐÀN PHƯỢNG - HÀ NỘI			
HẠNG MỤC - ITEM: XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT			
ĐƠN VỊ THI CÔNG - DESIGNED BY: CÔNG TY CỔ PHẦN TU VẤN & THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VIỆT NAM - VCCC VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT, JSC - VCCC			
Địa chỉ: Room 805 - CT3 RODACON Building Nguyen Trai - Thanh Xuân - Hanoi Tel: (+84) 4 628 63 173 Fax: (+84) 4 628 63 173 Email: vccc2007@gmail.com			
TỔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR ĐẶNG BACH-DUONG			
CHỦ NHA - CHIEF OWNER TRẦN NGỌC ANH			
CHỦ ĐẦU TƯ - HEAD OF WORK LÊ HỒNG SON			
THIẾT KẾ - DESIGNER NGUYỄN THÁI THƯỜNG			
THIẾT KẾ - DESIGNER			
Kiểm tra - CHECK BY LÊ HỒNG SON			
PHIÊN BẢN THỰC HIỆN - STAGE: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE: MẶT BẰNG: MÁNG TRẦN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI 04 NGĂN			
Tỷ lệ - SCALE: 1/100		Số dự phòng - CONFIRMATION: ...HDKT	
Ngày hoàn thành - DATE: ...		Ngày vẽ - DRAWING NO: NT - 01	



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG

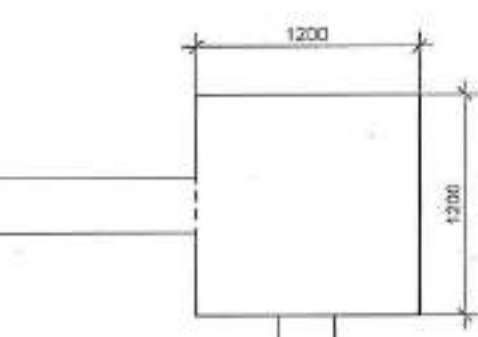
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày: ... tháng: ... năm 20...

GIÁM SÁT THI CÔNG

NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Anh



Đường hố ga nước thải chung của cụm công nghiệp

MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 04 NGĂN

SỬA ĐỔI - REVISION

Lần số	Ngày	Nội dung	Chấp thuận
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT

TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

LÔ K3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHƯỜNG - ĐAN PHƯỢNG - HÀ NỘI

HẠNG MỤC - ITEM:

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY:

VIỆT NAM - VCCC

VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT, JSC - VCCC

Add: Room 805 - CTS RODACON Building
Nguyen Trãi - Thanh Xuân - Hanoi

Tel: +84-4-626-69-199

Fax: +84-4-626-69-173

Email: vccc30@gmail.com

GIÁM SÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR

CHỦ NHIỆM - CHIEF DESIGNER

CHỈ THẠCH HEAD OF SECTION

LÊ HỒNG SON

THIẾT KẾ - DESIGNER

THIẾT KẾ - DESIGNER

Kiểm tra - CHECK BY

LÊ HỒNG SON

CHẠY BỐ LẠC THỰC HIỆN - STAGE:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG: BỂ CHỨA TRUNG HÒA

TỶ LỆ - SCALE:

1/...

SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO.:

...HOKT

HOÀN THIỆN - ISSUE DATE:

...

BẢNG SỐ - DRAWING NO.:

NT - 02

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày.....tháng.....năm 20....	
GIÁM SÁT THI CÔNG	ĐƠN VỊ THI CÔNG
NGƯỜI LẬP	NGƯỜI CHẤM ĐÓNG
<i>Tiến Anh Tú</i>	<i>Phạm Ngọc Anh</i>
	
GIÁM ĐỐC	

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY ĐÃ	NỘI DUNG	CHẤP THUẬN
NO	DATE	CONTENT	APPROVED
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:



TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

LÔ 83 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHÙNG - ĐÀN PHƯỢNG - HÀ NỘI

HẠNG MỤC - ITEM:

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VIỆT NAM - VCCC
VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT, JSC - VCCC

VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT, JSC - VCCC

Add: Room 805 - CTI EODACON Building
Nguyen Trãi - Thanh Xuân - Hanoi
Tel: (+84) 4 628 65 173
Fax: (+84) 4 628 65 175
Email: vccc@vccc.vn

KINH BẢO ĐỐC - SENIOR DIRECTOR	
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	
CHỦ ĐẦU TƯ - CHIEF DESIGNER	
TRẦN NGỌC ANH	
CHỦ ĐẦU TƯ - CHIEF OF DESIGN	
LÊ HỒNG SƠN	
THIẾT KẾ - DESIGNER	
NGUYỄN THÁI THƯỜNG	
THIẾT KẾ - DESIGNER	
LÊ HỒNG SƠN	

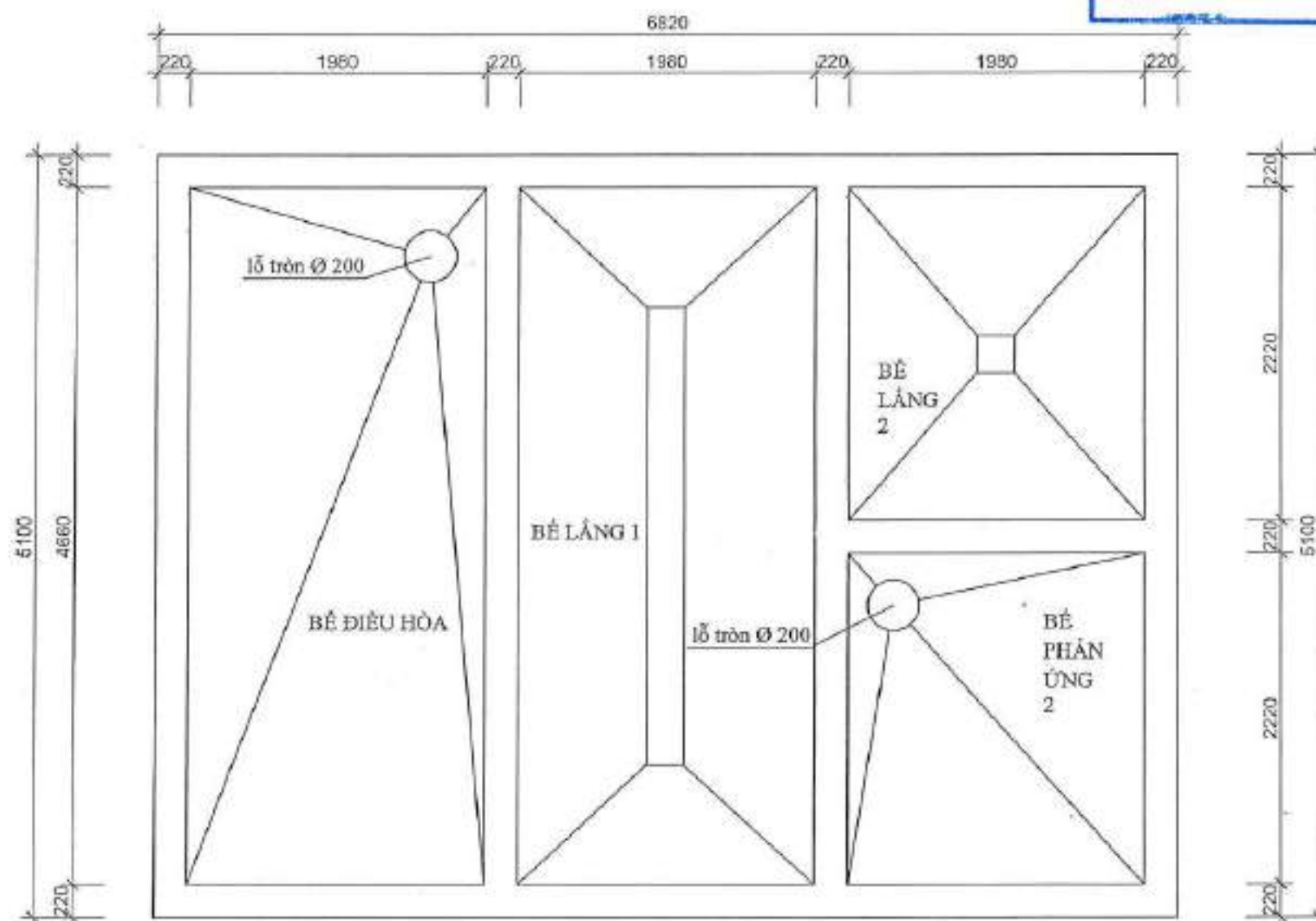
GIẢI DẠY THỰC HIỆN - SAGE:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

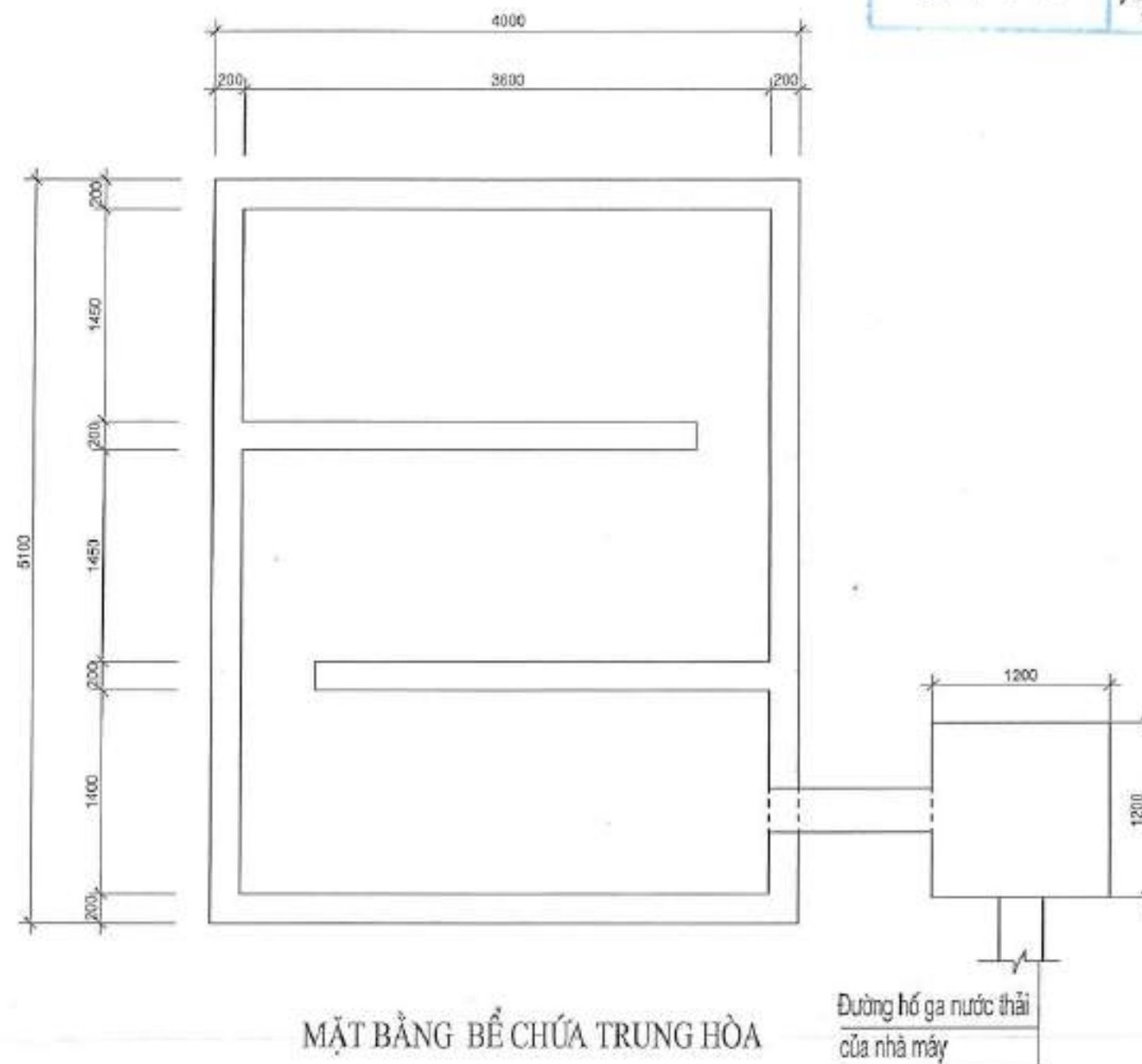
YÊN BÀN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG VÁT BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 04 NGĂN

TỶ LỆ - SCALE:	SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO.:
1/...	...HKT
HỌ TÊN NHÀ - CLIENT NAME:	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO.:
...	NT - 03



MẶT BẰNG VÁT ĐÁY BỂ 04 NGĂN



MẶT BẰNG BỂ CHỨA TRUNG HÒA

Đường hố ga nước thải
của nhà máy

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG	
BẢN VẼ THI CÔNG	
KÝ ỨNG: HỌ TÊN: _____ NGÀY: ____/____/____	
GIÁM SÁT THI CÔNG	NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Anh

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY	NỘI DUNG	CHẤU THUYẾT
NO	DATE	CONTENT	APPROVED
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:



TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION: LÔ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHÙNG - DAN PHƯỢNG - HÀ NỘI

HẠNG MỤC - ITEM: XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



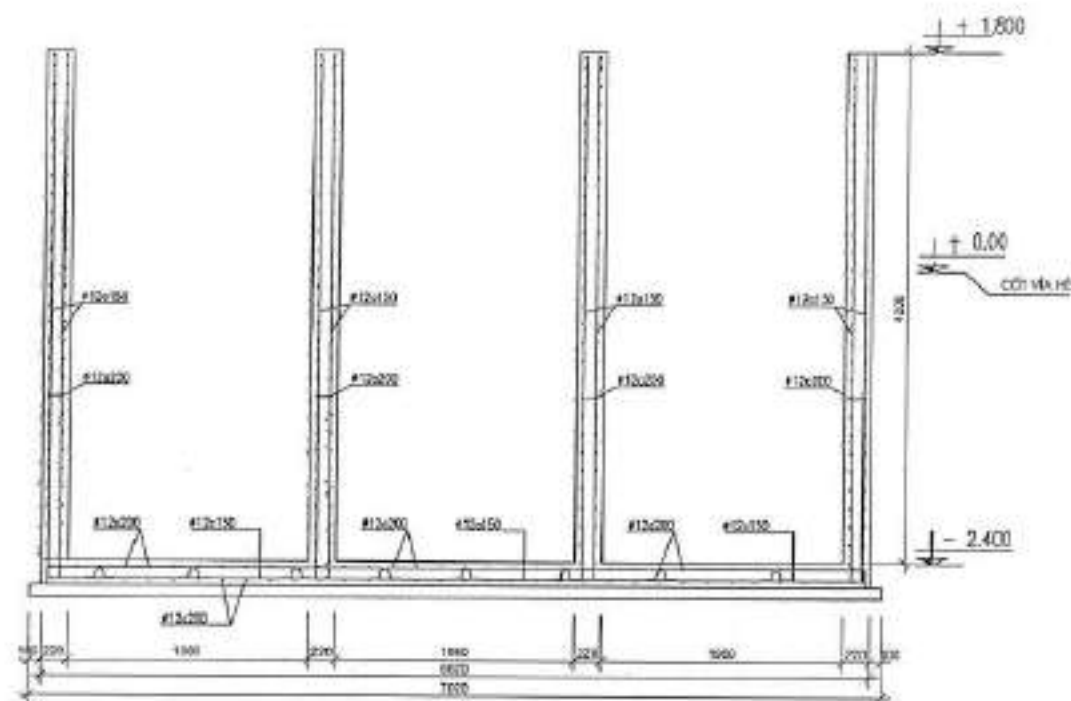
VIỆT NAM - VCCC
VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT JSC - VCCC
Add: Room 805 - C13 POUACON Building
Nguyen Trai - Thanh Xuan - Hanoi
Tel: (+84) 4 625 63 173
Fax: (+84) 4 625 63 173
Email: vccc.jsc@gmail.com

Chủ đầu tư - OWNER	
Thiết kế - DESIGNER	
Thẩm định - CHECKER	
Phê duyệt - APPROVED	
Giám sát - SUPERVISOR	
Đầu tư - INVESTOR	
Chủ trì - CHIEF	
Chủ trì - CHIEF	

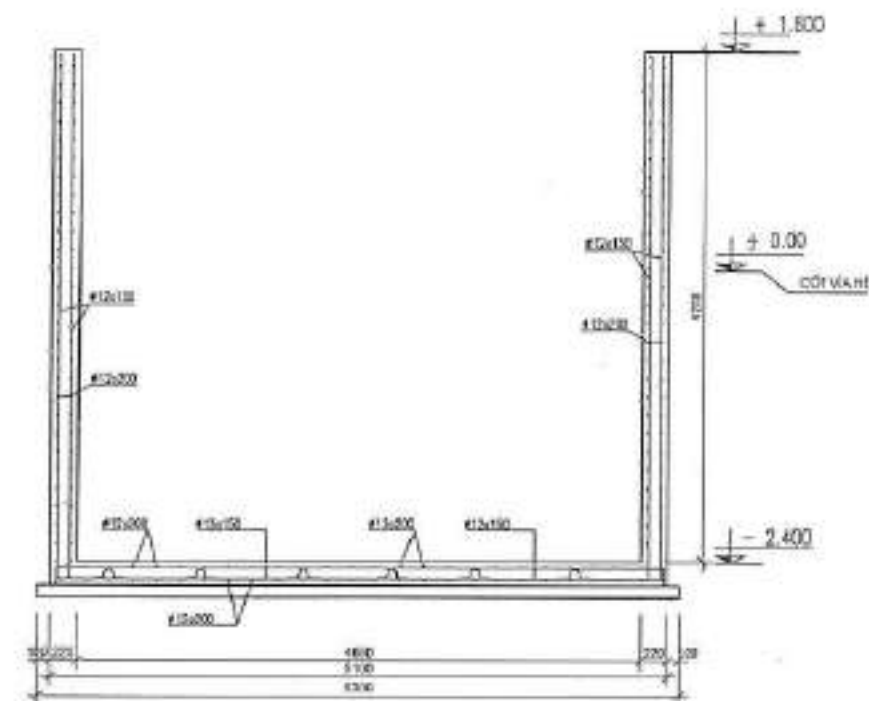
ĐƠN VỊ THI CÔNG: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE: MẶT BẰNG BỂ CHỨA TRUNG HÒA

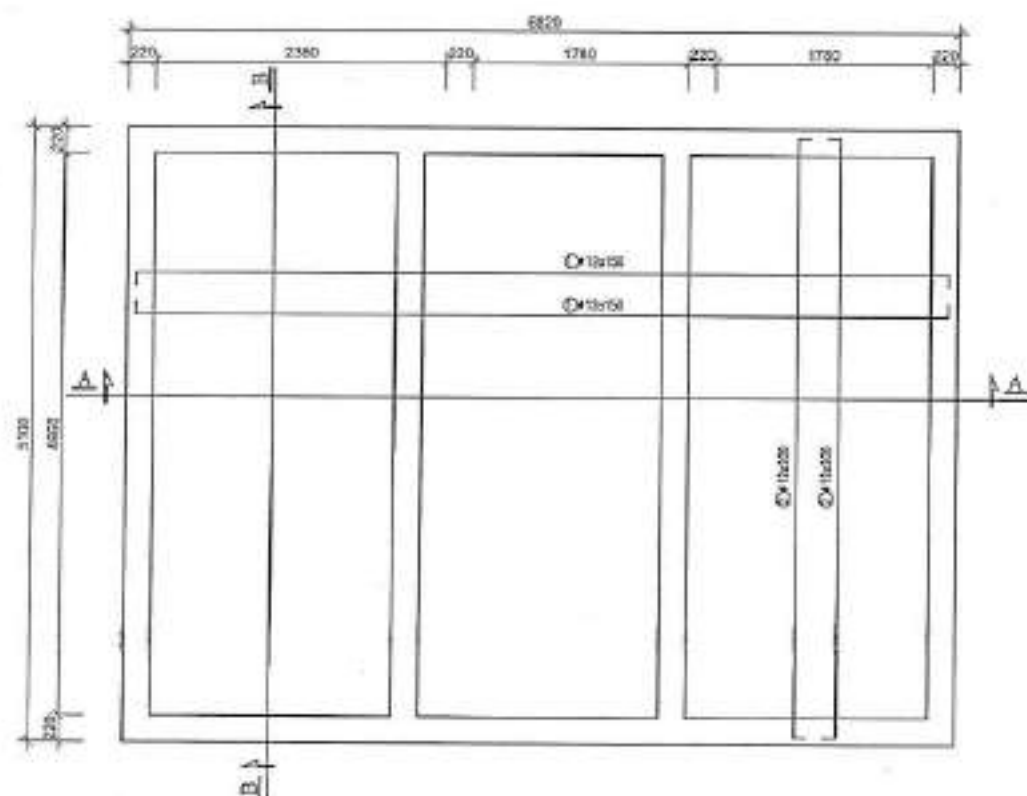
THẺ - SHEET: 1/...	SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO: ...HKT
HOÀN THIỆN - COMPLETED: ...	SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO: NT - 04



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



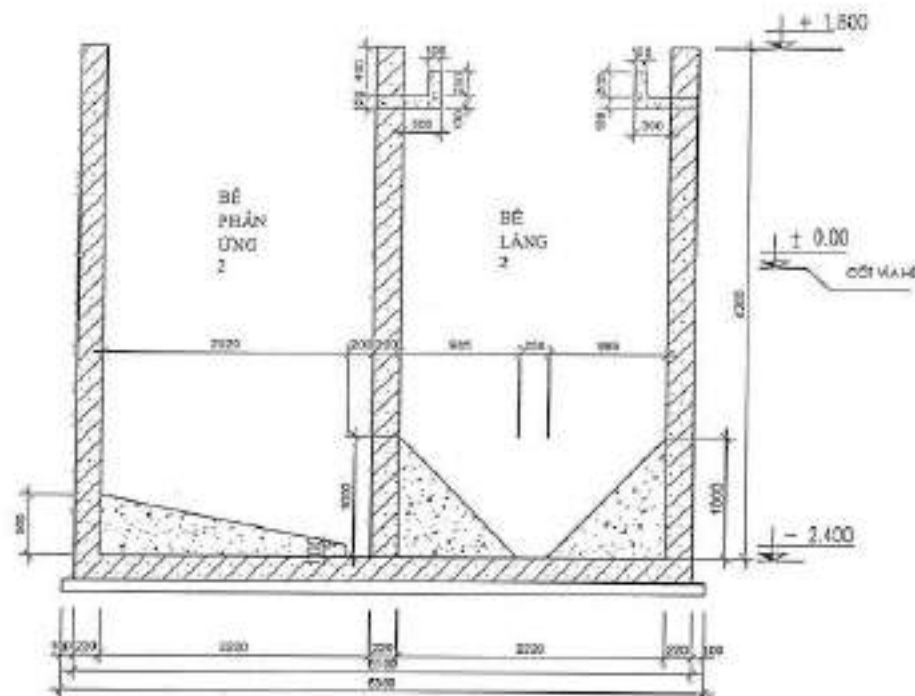
MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày.....tháng.....năm 20....	
GIÁM SÁT THI CÔNG	ĐƠN VỊ THI CÔNG
	NGƯỜI LẬP
 Trần Anh Tú	 Đặng Ngọc Khanh
	 CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG
 Trần Ngọc Anh	
 CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG	
 Lê Hồng Sơn	
 Nguyễn Thái Thương	
 Lê Hồng Sơn	

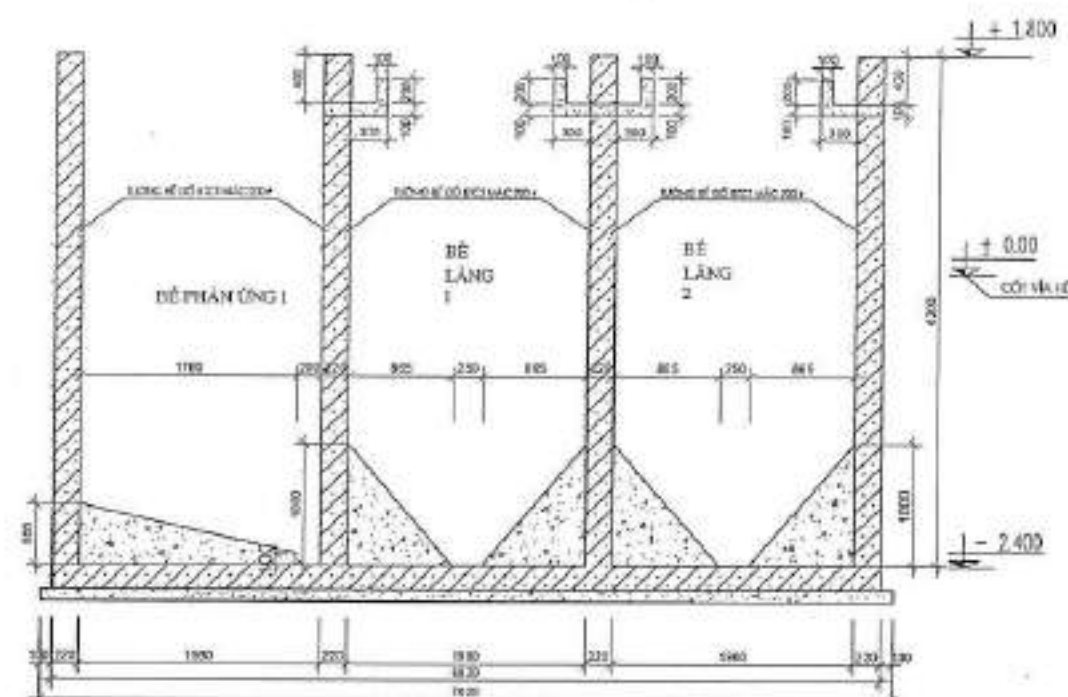
- Ghi chú:

- Cốt thép $\phi > 10$ dùng A2 gai
- Cốt thép $\phi < 10$ dùng thép trơn

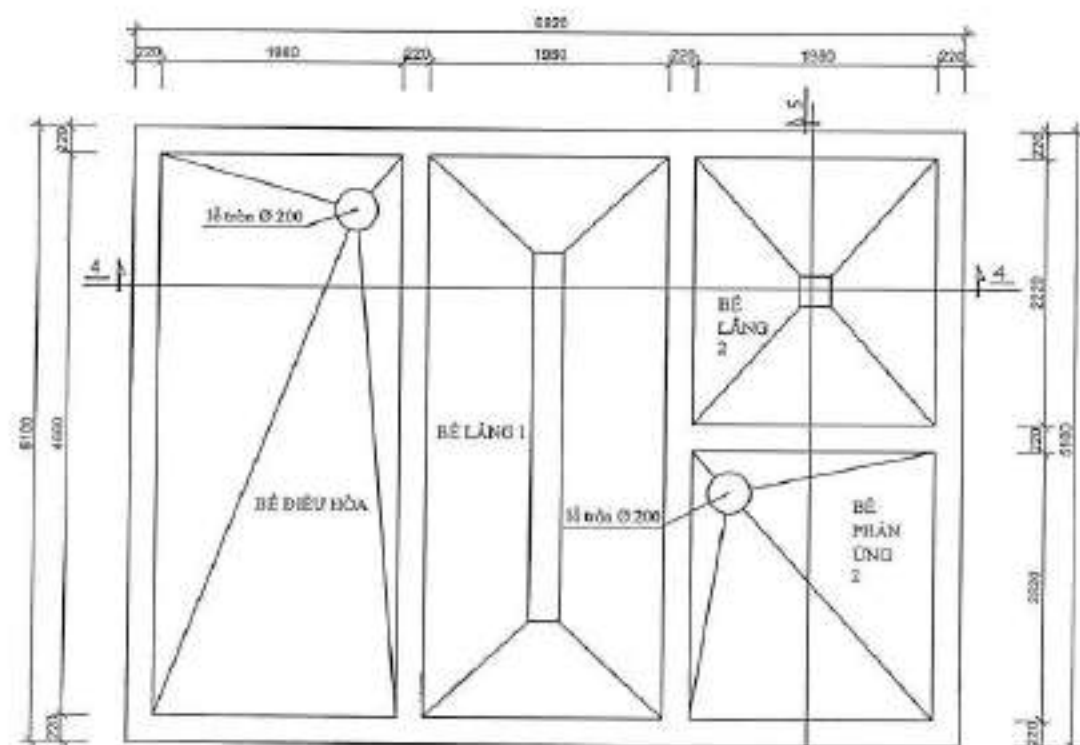
SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP THUẬN APPROVED
1			
2			
3			
GHI CHÚ - LEGEND:			
CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH			
THẠC CÔNG TRÌNH - DESIGNER: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THUỐC, NỖ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION: LÔ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHÙNG - ĐAN PHƯỢNG - HÀ NỘI			
HẠNG MỤC - ITEM: XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT			
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VIỆT NAM - VCCC VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT, JSC - VCCC Add: Room 805 - CT3 HOAGACON Building Nguyen Trai - Thanh Xuan - Hanoi Tel: 0-84 4 020 63 173 Fax: 0-84 4 626 63 173 Email: vccc.jsc@gmail.com			
CÔNG BỐ ĐỌC - REVIEWER: ĐỒNG MỤC HỒ SƠ CHẾ NHẬN - CHECKER: TRẦN NGỌC ANH CHỈ THỊ - HEAD OF SECTION: LÊ HỒNG SƠN HỒ SƠ - DESIGN: NGUYỄN THÁI THƯƠNG HỒ SƠ - DESIGN: LÊ HỒNG SƠN			
GIAO DAN THỰC HIỆN - STAGE: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE: MẶT CẮT CỐT THÉP BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 04 NGĂN			
TỶ LỆ - SCALE: 1/...		SỐ HỌP ĐỒNG - DRAWING NO: ...HDKT	
HỌ TÊN - SIGNATURE: ...		SỐ QUÂN SỐ - DRAWING NO: NT - 05	



MẶT CẮT 5-5



MẶT CẮT 4-4



MẶT BẰNG VÁT ĐÁY BỂ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....thángnăm 20....

GIÁM SÁT THI CÔNG	ĐƠN VỊ THI CÔNG
	NGƯỜI LẬP
 Trần Anh Tú	 Đặng Ngọc Khanh
	 Đặng Ngọc Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY DATE	NỘI DUNG COMMENT	CHỮ CHỮA APPROVED
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:

CHỈ DẪN TỰ - CỤM

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHẨM CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM HÓA LĨNH

EX CÔNG TRÌNH - PROJECT:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TRƯỚC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

QUY ĐỊNH XÂY DỰNG - LOCATION:

LÔ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHÙNG - DAN PHƯỜNG - HÀ NỘI

KHẠNG MỤC - ITEM:

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VIỆT NAM - VCCC
 VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT, JSC - VCCC

Địa chỉ: Room 805 - C3 POCACON Building
 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
 Tel: (+84) 4 628 63 173
 Fax: (+84) 4 628 63 173
 Email: vccc.jsc@gmail.com

ĐỒNG CHỨC - GENERAL DIRECTOR	
TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	
CHỈ HUY - CHIEF ENGINEER	
TRƯỞNG MỤC AN	
CHỈ HUY - CHIEF OF SECTION	
LE HỒNG SƠN	
HỘI KẾ - CHIEF	
NGUYỄN THỊ TRƯỞNG	
HỘI KẾ - CHIEF	
KẾ TOÁN - CHECKER	
LE HỒNG SƠN	

SƠ ĐỒ THỰC HIỆN - STAGE:

THIẾT KẾ BẢN VẼ TH CÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT CẮT VÁT ĐÁY BỂ 04 NGĂN

TỶ LỆ - SCALE:	SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO.:
1/...	...HKT
HỌA TƯỢNG - DRAWING NO.:	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO.:
...	NT - 06



GHI CHÚ - LEGEND:



YEN CONG MINH - PROJECT

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

LỖ 83 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN
PHÙNG - ĐÀN PHƯỢNG - HẢ NỘI

HANG MUC-TEM :

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

STANDARD DESIGN BY:

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ
THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG
VIỆT NAM - VCC
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN & THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG
VIỆT NAM - VCC

VIETNAM CONSTRUCTION TRAINING
AND CONSULTANT, JSC-VCC

Add: Room 808-CTD FOOD&DRUG Building
Nguyen Tri-Thanh, Tuan-Hoai
Tel: (+84) 4 628 65 175
Fax: (+84) 4 628 63 173
Email: vooc@tdcmail.com

KHÔNG GIẢI ĐỐC - GENERAL DIRECTOR	
ĐƯỜNG MẠCH ĐỒNG	
CHỦ BIÊN/PM - CH. DESIGNER	
THÀNH NGUYỄN ANH	
CHỦ TỊCH/HQD OF SECTION	
LE HỒNG SƠN	
BIÊN TẬP - DESIGNER	
NGUYỄN THỊ THU THƯƠNG	
BIÊN TẬP - DESIGNER	
TRẦN - CHECKER	
LE HỒNG SƠN	

CHƯƠNG TRÌNH - PAGE 1

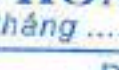
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

ENDING VE-DRAWING TILE

MẶT CẮT: MĂNG TRẦN
BỀ DẠY: 04 NGĂN

HỌ TÊN:	SỐ HỒ SƠ - CÔNG VIỆC:
1/...	...HĐKT
HỌ TÊN - SỐ QUÂN:	SỐ QUÂN - ĐƠN VỊ:
...	NT - 07



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày.....tháng.....năm 20....	
GIÁM SÁT THI CÔNG	ĐƠN VỊ THI CÔNG
 Trần Anh Tú	 Đông Ngọc Khanh
	
	

GHI CHÚ - LEGEND:



TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

LỖ 13 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN
PHÙNG - ĐẠN PHƯƠNG - HÀ NỘI

HANG MUC - IFU

XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

DESIGNED BY:

CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN VÀ
MẠI XÂY DỰNG
T NAM CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN & THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG
VIỆT NAM - VCCC

VIETNAM CONSTRUCTION TRADING
AND CONSULTANT, JSC - VCC

Add: Room 605 - CTS FOA/CON Building
Nguyen Trãi - Thanh Xuân - Hanoi
Tel: (+84) 4 628 63 173
Fax: (+84) 4 628 63 173
Email: www.jan@janmail.com

HÔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR	
HÔNG MẠCH DẪN	
CHỦ NHIỆM - CH. DESIGNER	
THÀNH VIÊN C. ANH	
CHỦ BIÊN - HEAD OF SECTION	
LÊ HỒNG BORN	
HỆ THẾ - DESIGNER	
NGUYỄN THÁI TRƯỜNG	
HỆ THẾ - DESIGNER	
Kiểm tra - CHECK BY	
LÊ HỒNG BORN	

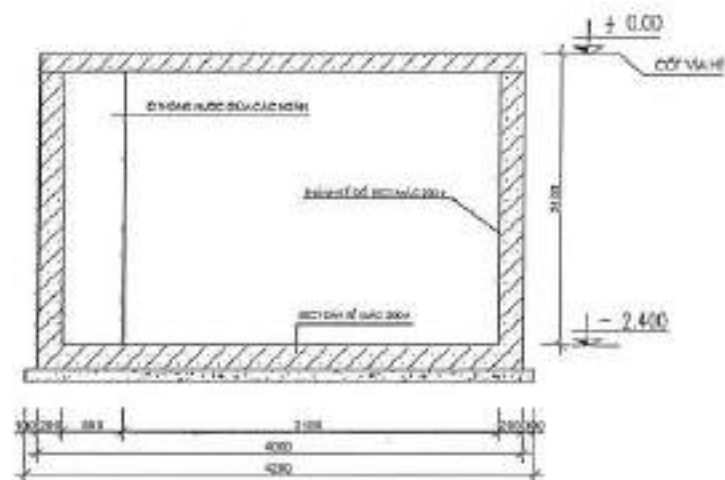
QUANTRUTHCHEN-STAGE:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

EN BÀN VÉ: DƯNG VỚI TÔI:

MẬT CẮT GIÀN THAO TẮC

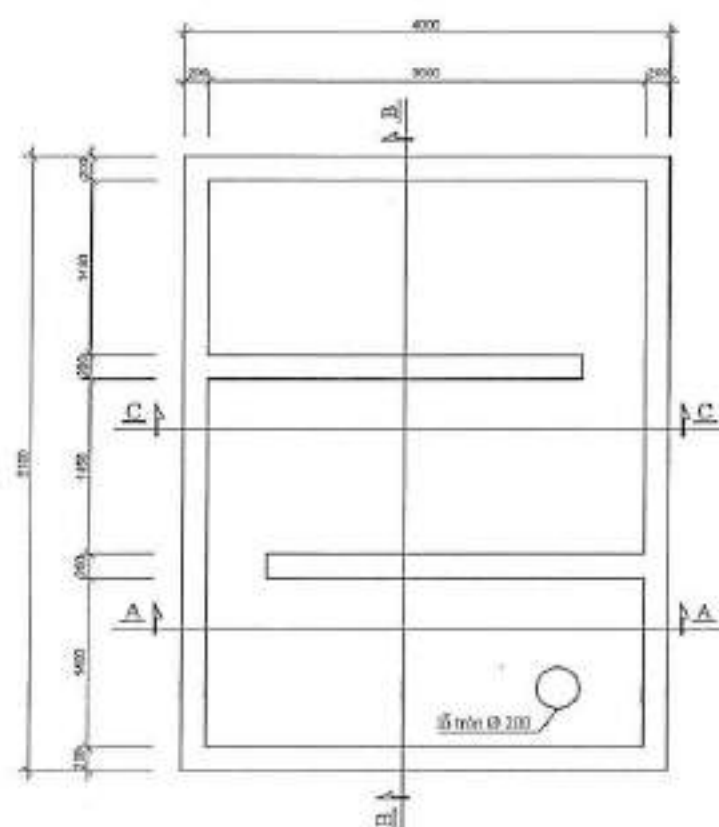
THẺ SCALE:	SỐNG CÔNG - CONTRAST NO:
1/...	...HDKT
HOÀN THÀNH - COMPLETED:	SỐNG SỐ - DRAWING NO:
...	NT - 08



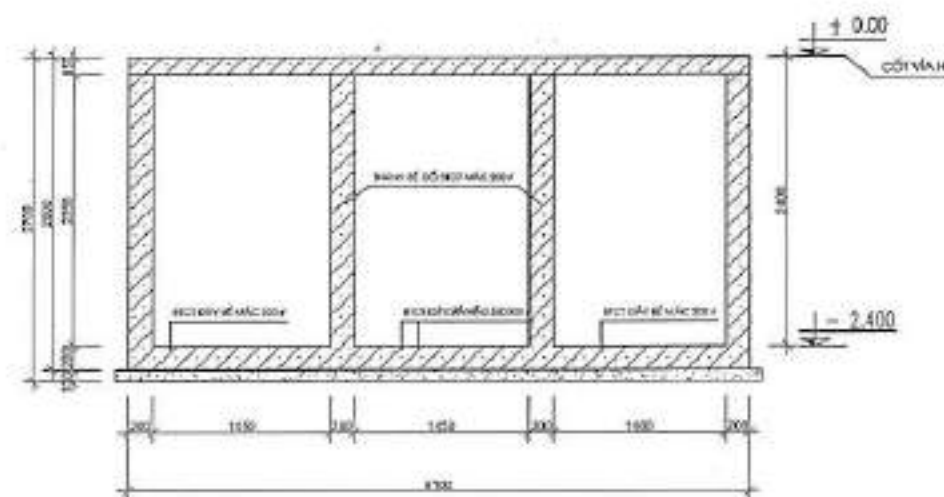
MẶT CẮT A - A



MẶT CẮT C - C



MẶT BẰNG THÀNH BỂ



MẶT CẮT B - B

Ghi chú:

- Bể nước thải đổ bằng bê tông mác 200# đá 1x2
- bê tông lót đáy bể mác 100# đá 2x4
- xung quanh (trong + ngoài)
- và đáy bể trát vữa xi măng mác 150# dày 20mm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....thángnăm 20....

GIÁM SÁT THI CÔNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG

NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG XANH
THĂNG LONG
HÀ NỘI - TP. HÀ NỘI

Phạm Ngọc Anh

SỬA ĐỔI - REVISION

STT	NO	DATE	CONTENT	APPROVED
1				
2				
3				

GHI CHÚ - LEGEND:



NHÀ MÁY SẢN XUẤT
THUỐC, NỖ PHẨM & THỰC PHẨM DỖ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
LÔ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP PHỊ THÂN
PHÙNG - ĐẠN PHƯỢNG - HÀ NỘI

HẠNG M, C - ITEM:
XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



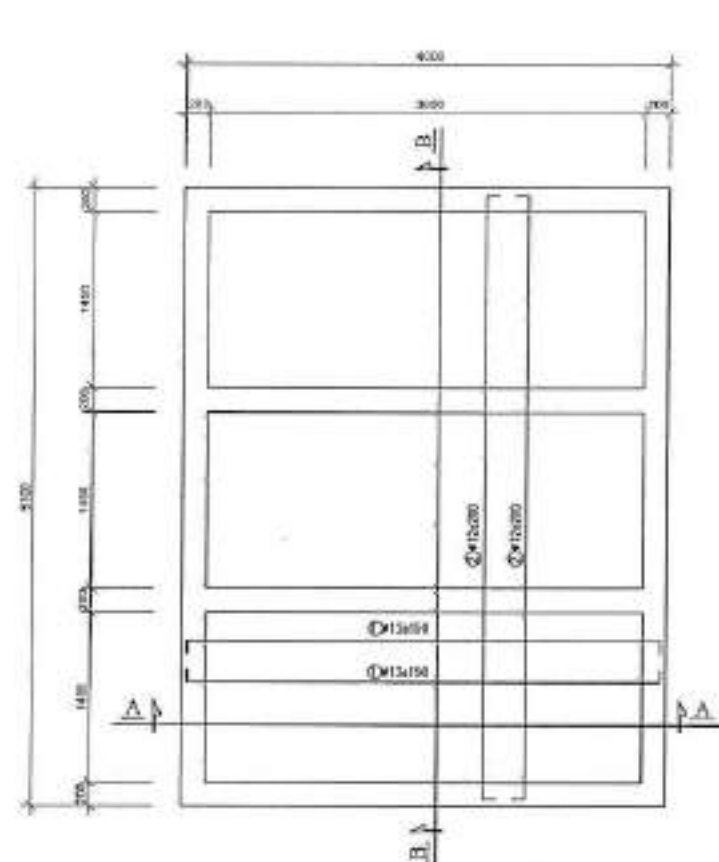
VIỆT NAM - VCCC
VIETNAM CONSTRUCTION TRADING
AND CONSULTANT, JSC - VCCC
Add: Room 605 - CT3 FOCACON Building
Nguyen Bai - Thanh Xuan - Hanoi
Tel: (+84) 4 628 63 173
Fax: (+84) 4 628 63 173
Email: vccc.jsc@gmail.com

Thiết kế: DESIGNER	Đánh giá: CHECKER
Trần Ngọc Anh	Đánh giá: CHECKER
Chủ trì: HEAD OF SECTION	Chủ trì: HEAD OF SECTION
Le Hong Son	Chủ trì: HEAD OF SECTION
Thiết kế: DESIGNER	Thiết kế: DESIGNER
Nguyễn Thái Trường	Thiết kế: DESIGNER
Thiết kế: DESIGNER	Thiết kế: DESIGNER
Nguyễn Thái Trường	Thiết kế: DESIGNER
Thiết kế: DESIGNER	Thiết kế: DESIGNER
Le Hong Son	Thiết kế: DESIGNER

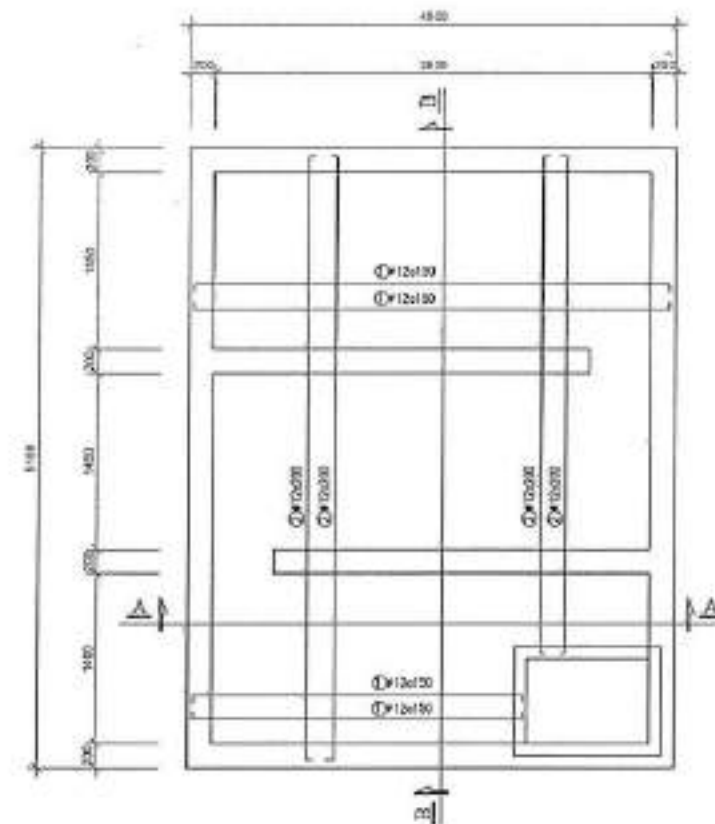
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: XỬ LÝ
NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

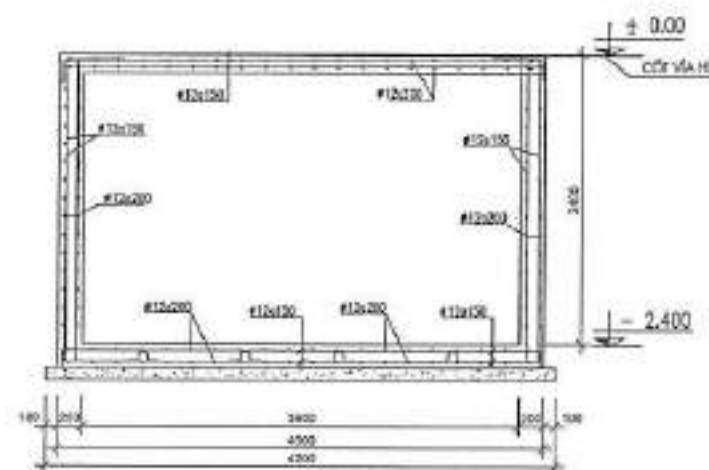
THIẾT KẾ: DESIGNER	SỐ HỌ ĐƠN: CONTRACT NO.
1/...	...HDKT
HỌ TÊN: SURNAME	SỐ QUÂN: DRAWING NO.
...	NT - 09



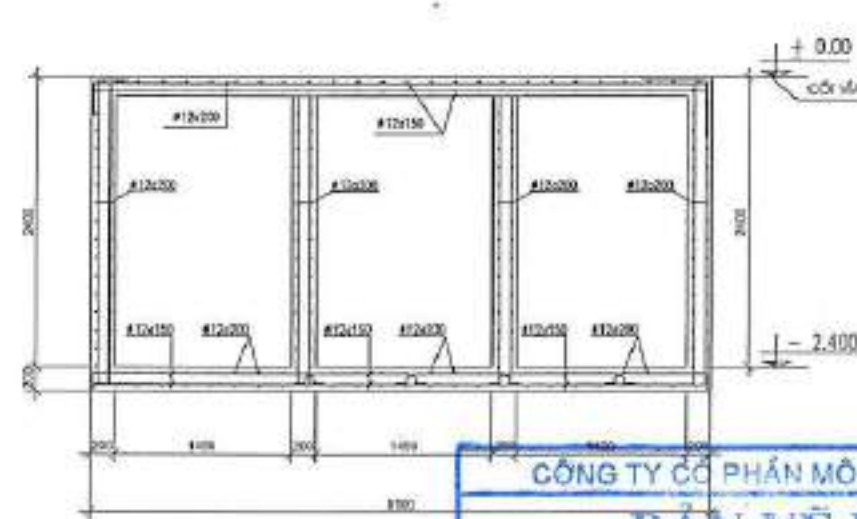
MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ



MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

- Ghi chú:

- Cốt thép $\phi > 10$ dùng A2 gai
- Cốt thép $\phi < 10$ dùng thép trơn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20....

GIÁM SÁT THI CÔNG	ĐƠN VỊ THI CÔNG
NGƯỜI LẬP	GIÁM ĐỐC
<i>Đỗ Anh Tú</i>	<i>Phạm Ngọc Anh</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG

THĂNG LONG

GIÁM ĐỐC

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY	NỘI DUNG	CHẤP THUẬN
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:



TRUYỀN CÔNG SỞ - TRUYỀN

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM DỒ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
LÔ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHÙNG - DAN PHƯỚC - HÀ NỘI

HẠNG MỤC - ITEM:
XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT



VIỆT NAM - VCCC
VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT, JSC - VCCC

Add: Room 805 - CTS FIDACON building
Nguyen Trai - Thanh Xuan - Hanoi
Tel: 046 4 028 63 173
Fax: 046 4 028 63 173
Email: vccc.ho@gmail.com

ĐỒNG CHỨC - DIRECTOR	
ĐỒNG CHỦ ĐÓNG	
CHỦ MỆNH DẠ - CHECKER	
TRẦN NGUYỄN ANH	
CHỦ BÀN - HEAD OF SECTION	
LE HỒNG SƠN	
THIẾT KẾ - DESIGNER	
NGUYỄN THÁI TRƯỜNG	
THIẾT KẾ - DESIGNER	
LE HỒNG SƠN	

GIẤY ĐOẠN THỰC HIỆN - STAGE:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:
MẶT BẰNG: CỐT THÉP BỂ TRUNG HÒA

THIẾT KẾ - DESIGNER	SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO:
1/...	...HDKT
HỌ TÊN - NAME	BẢN VẼ - DRAWING NO:
...	NT - 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC:

XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHÙNG - ĐAN PHƯỢNG - HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH



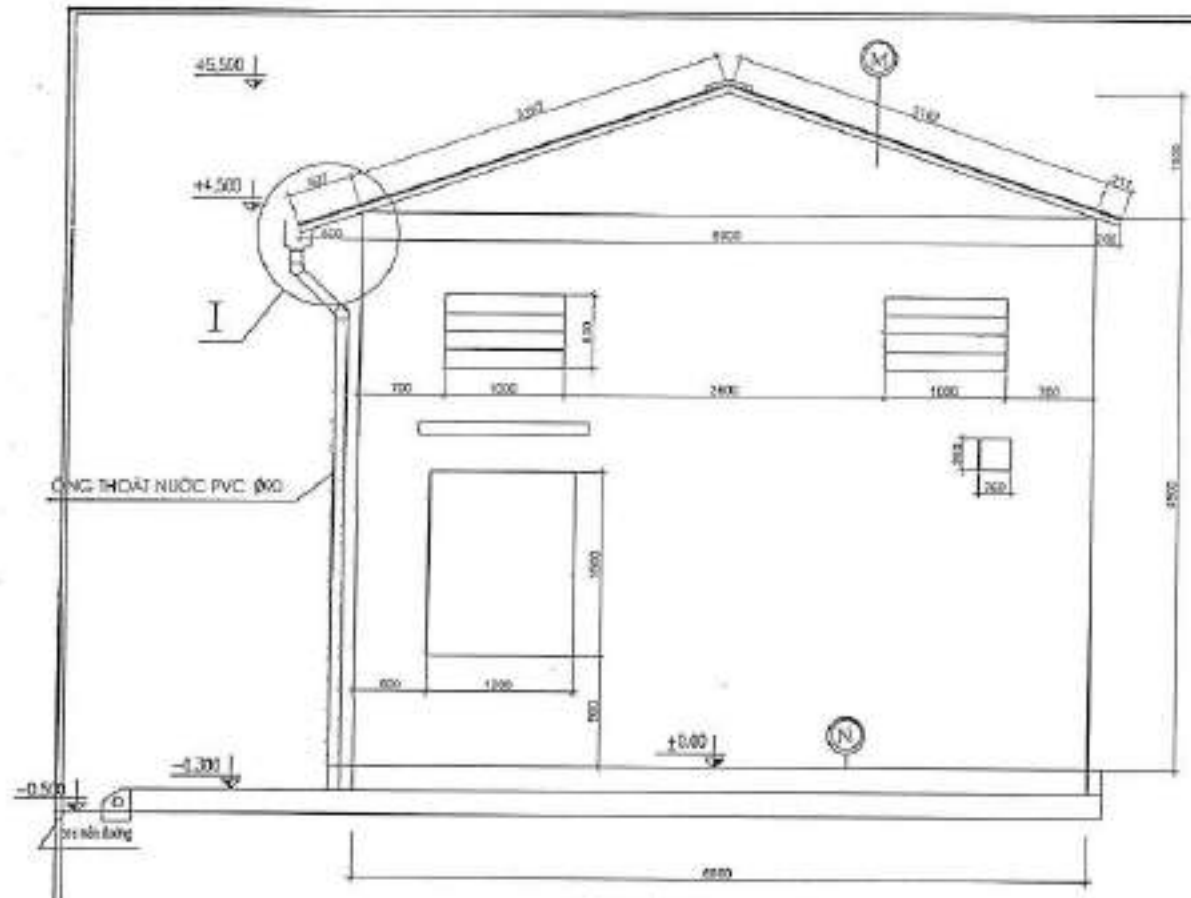
GIÁM ĐỐC
ĐS. **TRẦN NGỌC ÁNH**

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH
THĂNG LONG

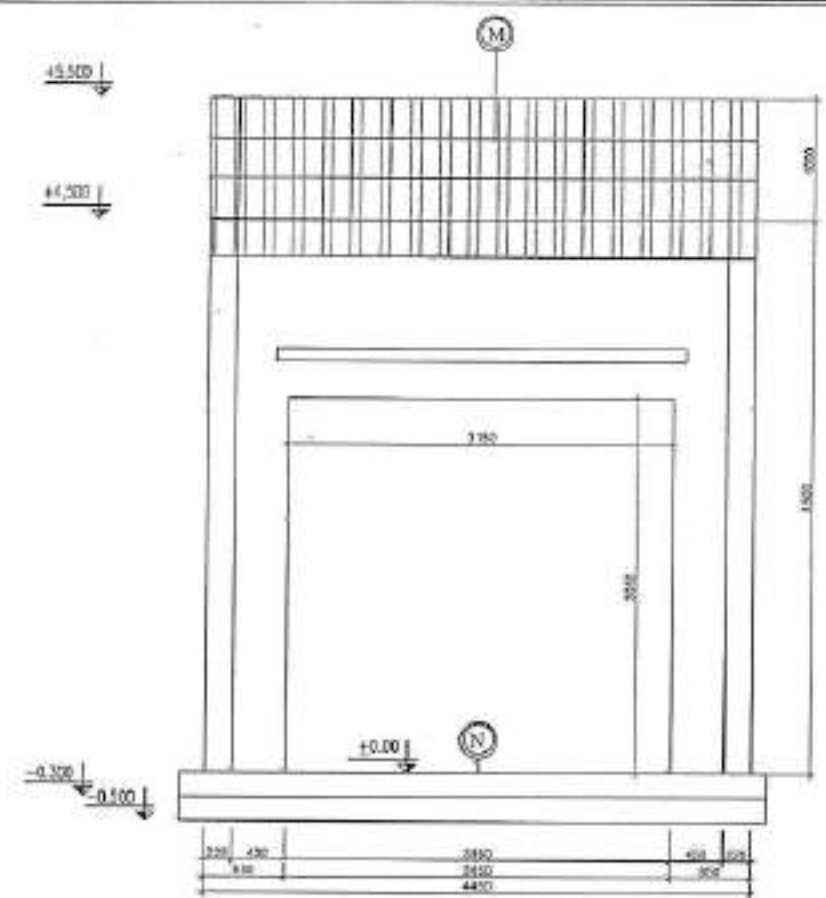


GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Anh

HÀ NỘI, THÁNG..03.. NĂM 2013

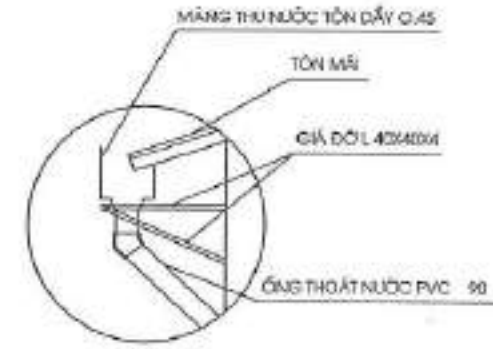


MẶT ĐÚNG TRỰC 1-2-3

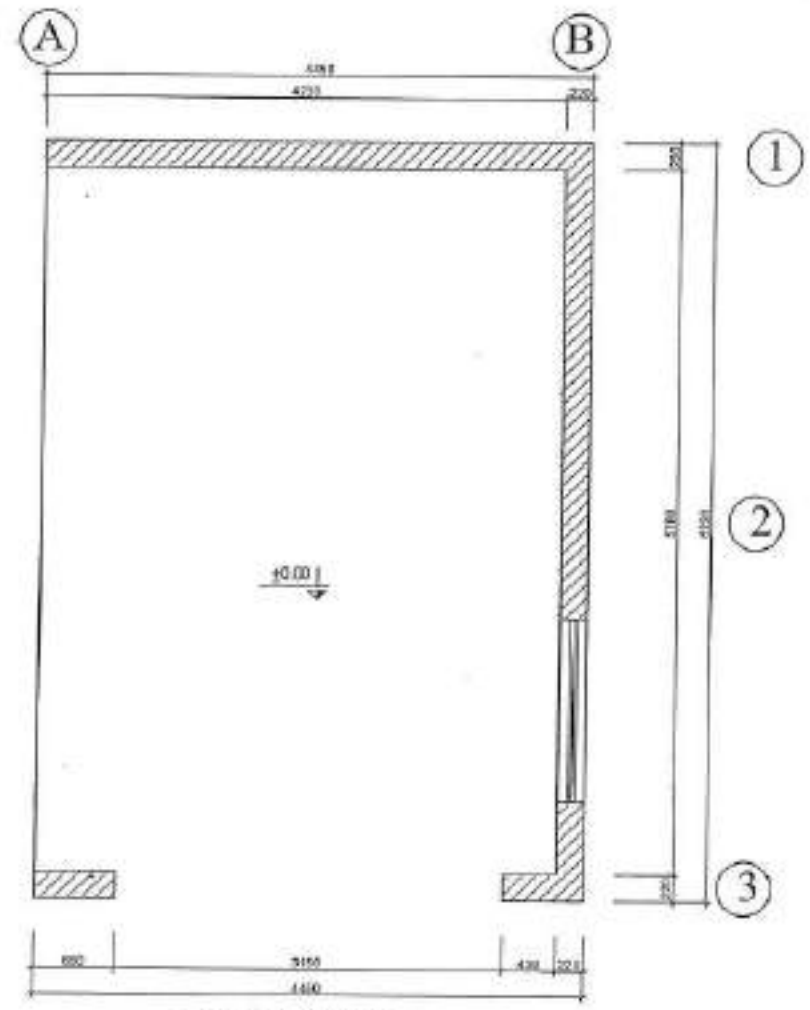


MẶT ĐÚNG TRỰC A-B

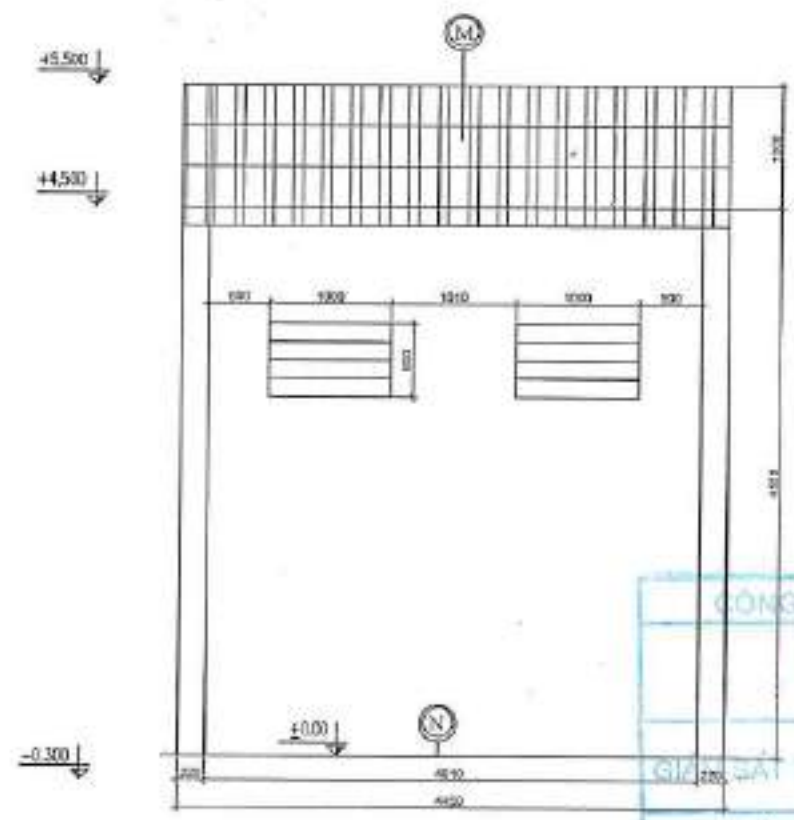
- TÔN LỢP LIÊN DOANH DÂY 0.40 MM
- XÀ GỖ THÉP V4 DUNG DỌC MÃI
- XÀ GỖ THÉP V5 DUNG XÀ NGANG
- KHUNG THÉP HỘP 20*20
- BÊ TÔNG NỀN ĐÁ 1*2 MẮC 200# DÂY 100
- BÊ TÔNG LÁT ĐÁ 1*2 MẮC 100# DÂY 100
- CÁT TON NỀN ĐÁM CHẶT K=90
- ĐẤT TỰ NHIÊN



CHI TIẾT 1



MẶT BẰNG XÂY TƯỜNG



MẶT ĐÚNG TRỰC B-A

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THẮNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20....

GIỚI THIỆU THI CÔNG

NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC

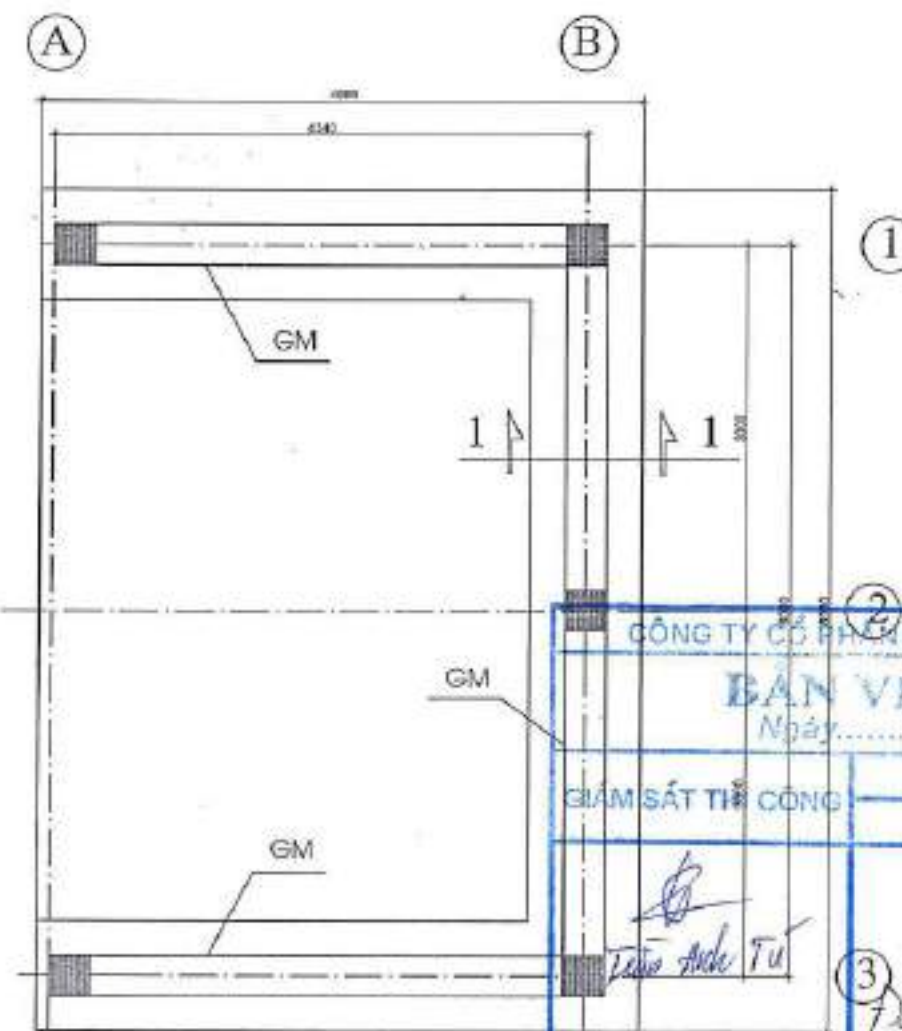
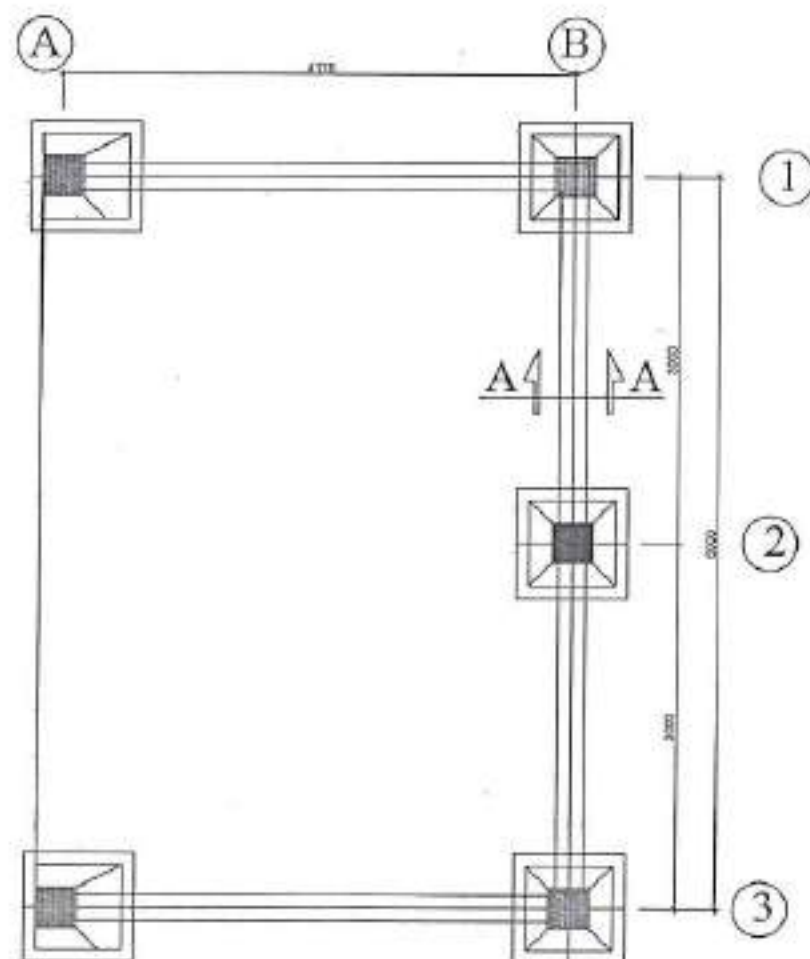
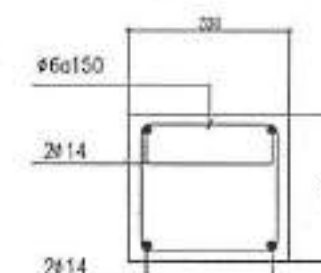
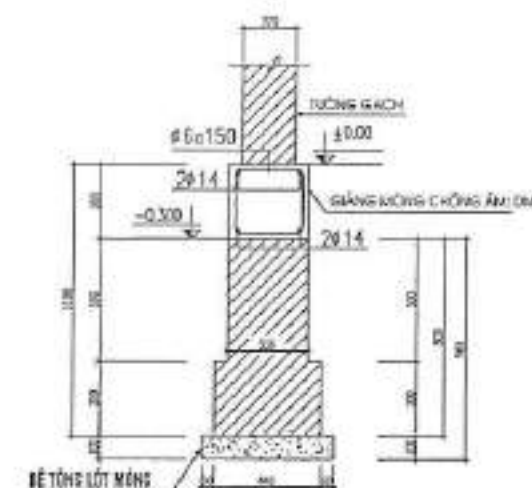
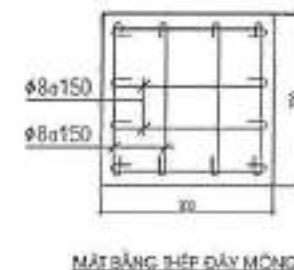
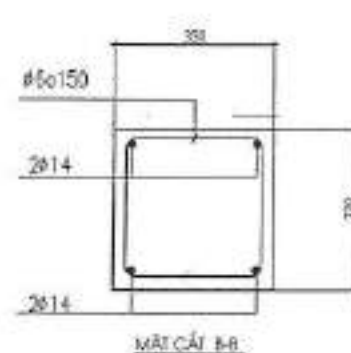
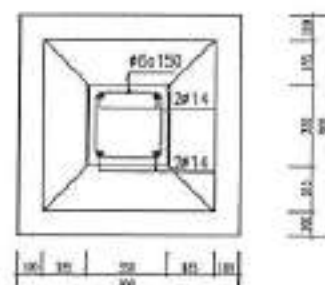
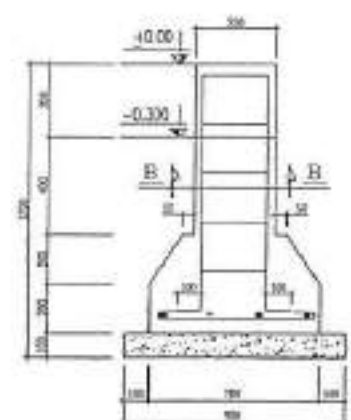
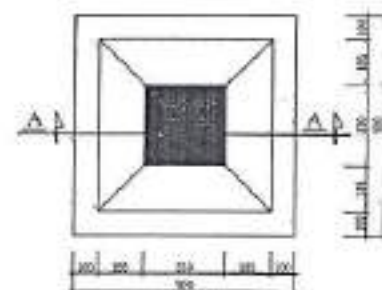
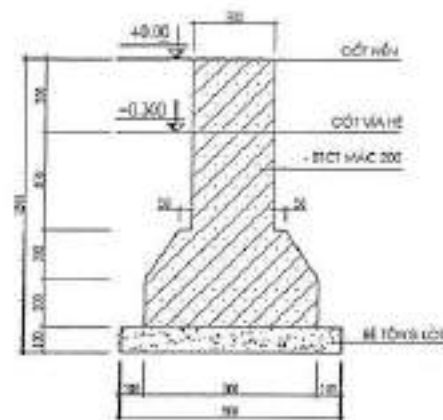
Trần Anh Tú

Phạm Ngọc Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THẮNG LONG

ĐỒNG ANH - TP. HÀ NỘI

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY	NỘI DUNG	CHẤP THUẬN
1			
2			
3			
GHI CHÚ - LEGEND:			
CHỈ DẪN - GUIDE			
TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT:			
NHÀ MÁY SẢN XUẤT THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:			
LÔ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHƯỜNG - ĐÀN PHƯỢNG - HÀ NỘI			
HẠNG MỤC ITEM:			
XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI DỐT THAN			
THIẾT KẾ - DESIGN TƯ VẤN & THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG VIỆT NAM - VCCC VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT, JSC - VCCC Add: Room 605 - CTD PODACON Building Nguyen Trai - Thanh Xuan - Hanoi Tel: (+84) 4 620 63 173 Fax: (+84) 4 620 63 173 Email: vccc.jc@gmail.com			
ÔNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR			
ÔNG CHỦ ĐẦU TƯ			
CHỦ NHÀ - CHIEF			
TRẦN NGỌC ANH			
CHỦ ĐẦU TƯ - HEAD OF SECTION			
LÊ HỒNG SƠN			
THIẾT KẾ - DESIGN			
NGUYỄN THÁI TRƯỜNG			
THIẾT KẾ - DESIGN			
LÊ HỒNG SƠN			
GIÁM ĐỐC THỰC HIỆN - STAGE:			
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:			
MẶT CẮT NHÀ LÒ HƠI			
THẺ - SCALE:		SỐ HẸP DÙNG - CONSTRUCTION:	
1/...		...HKT	
TỶ LỆ BẢN VẼ - SCALE:		SỐ HẸP DÙNG - DRAWING NO:	
1/...		KHT - 01	



MẶT BẰNG MÓNG

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY ĐÃ	NỘI DUNG	CHẤP THUẬN
	ĐIỀU	CHỈNH	ÁP
1			
2			
3			

GHI CHŨ - LEGEND:



TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT :

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT
THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG**

Địa điểm xây dựng - Location:

LỖ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN
PHÙNG - ĐÀN PHƯƠNG - HÀ NỘI

HANG MUC-STEM:

XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN

VIETNAM CONSTRUCTION TRADING
AND CONSULTANT - JSC - VCCC

Add: Room 805 - CTD FOCACON Building
Nguyen Trai - Thanh Xuan - Hanoi
Tel: (+84) 4 525 63 170
Fax: (+84) 4 625 63 171
Email: vooc@focon.com

[illegible]

DEJONGH AND DEJONGH

CHỦ NHẬN: CHD/CĐ

TRẦN NGỌC ANH

© 2000 Blackwell Science Ltd

Soft of. pyroclasts

NGUYỄN THÁI TRU

Số: 0230499

© 2000 Blackwell Science Ltd, *Journal of Internal Medicine* 247: 391–397

800-368-DECK-IT

LE HONG SON

CAN DO ANYTHING

THẾT KẾ

the end of the day

1000

MẬT CẮ

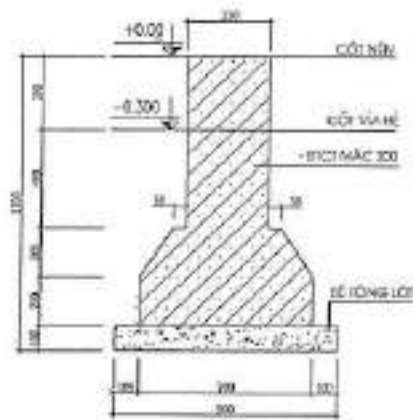
2

TIME SCALE:

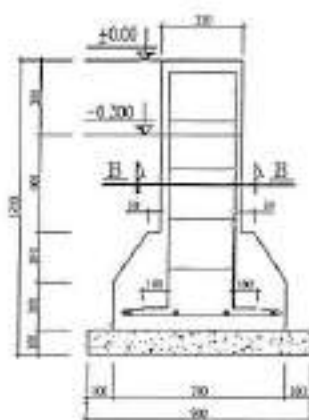
 V_{max}

HOÀN TÀI - ĐỂ DẠ

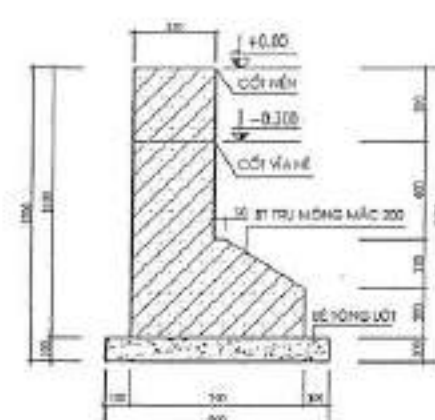
1998



MẶT CẮT TRỤ MÓNG A-A



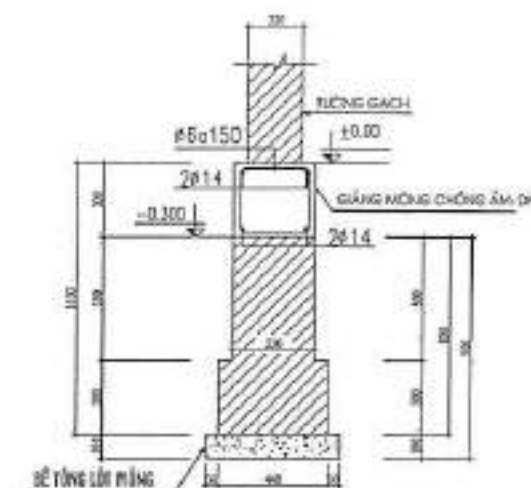
MẶT CẮT BỐ TRÍ THÉP TRỤ MÓNG



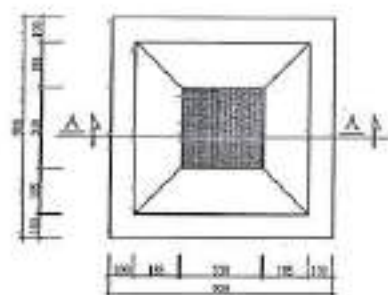
MẶT CẮT TRỤ MÓNG A-A



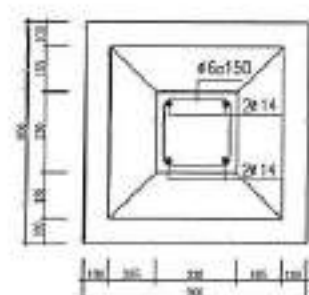
MẶT CẮT BỐ TRÍ THÉP TRỤ MÓNG



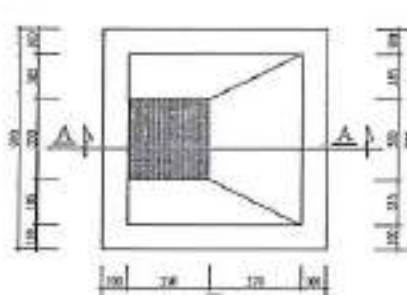
MẶT CẮT 1-1 - CHI TIẾT MÓNG GẠCH



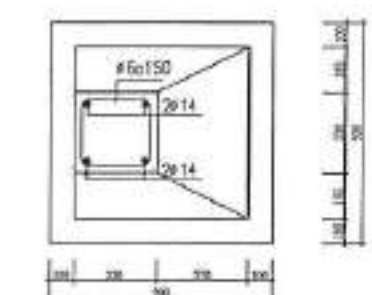
MẶT BẰNG TRỤ MÓNG-1



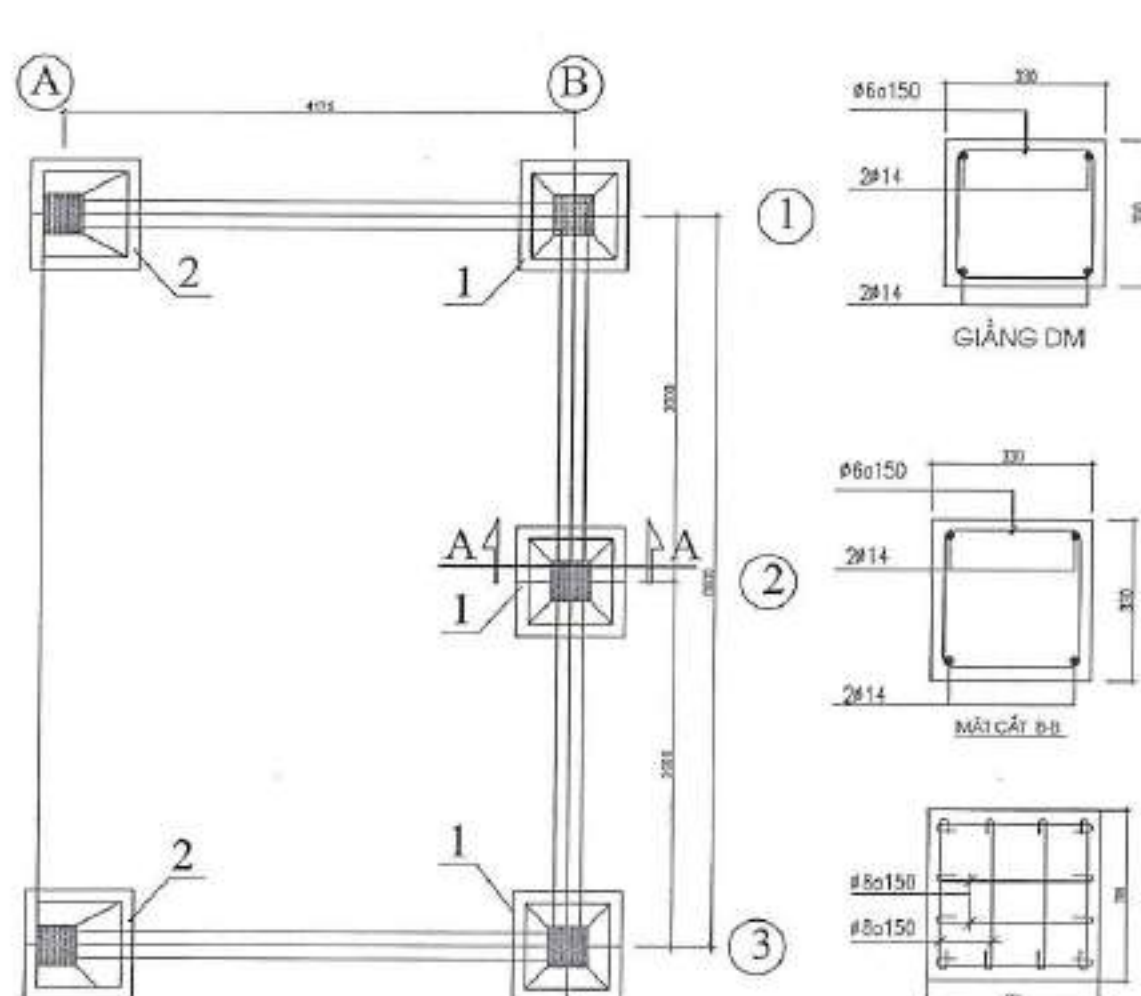
MẶT BẰNG TRỤ MÓNG-2



MẶT BẰNG TRỤ MÓNG-3



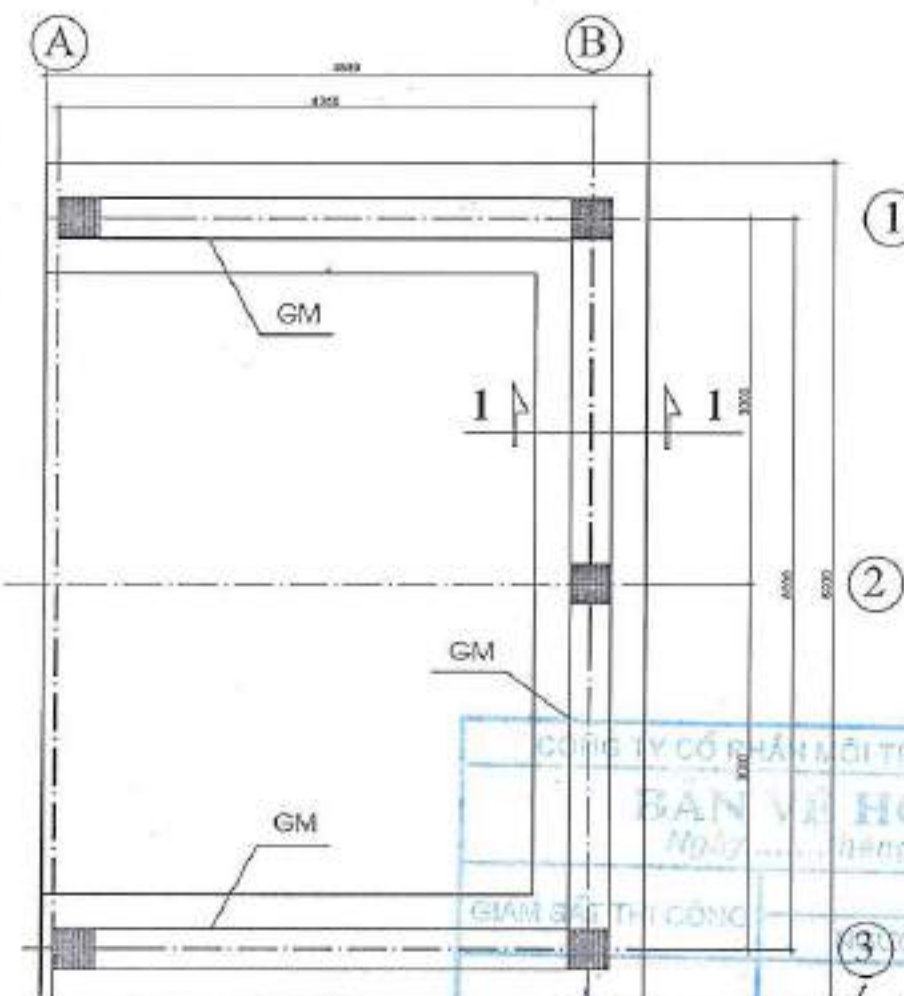
MẶT BẰNG TRỤ MÓNG-4



MẶT BẰNG TRỤ MÓNG



MẶT BẰNG TIẾP DÂY MÓNG



MẶT BẰNG MÓNG

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY	NỘI DUNG	CHẤP NHẬN
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:



TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT
TRƯỚC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:
LÔ 13 - CỤM CÔNG NGHIỆP THÁI TRẦN
PHÚNG - DAN PHƯỢNG - HÀ NỘI

HẠNG MỤC - ITEM:
XỬ LÝ KHÍ THẢI LÔ HƠI ĐỐT THAN

THIẾT KẾ - DESIGNED BY:
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG
VIỆT NAM - VCCC
VIETNAM CONSTRUCTION TRADING
AND CONSULTANT, JSC - VCCC

Địa chỉ: Room 805 - CT3 POCACON Building
Nguyen Trai - Thanh Xuân - Hà Nội
Tel: 0-84 4 628 63 170
Fax: (84) 4 628 63 173
Email: vccc.vn@gmail.com

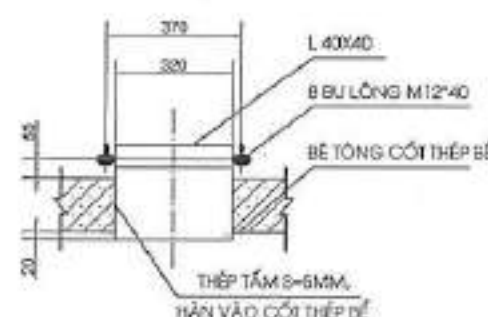
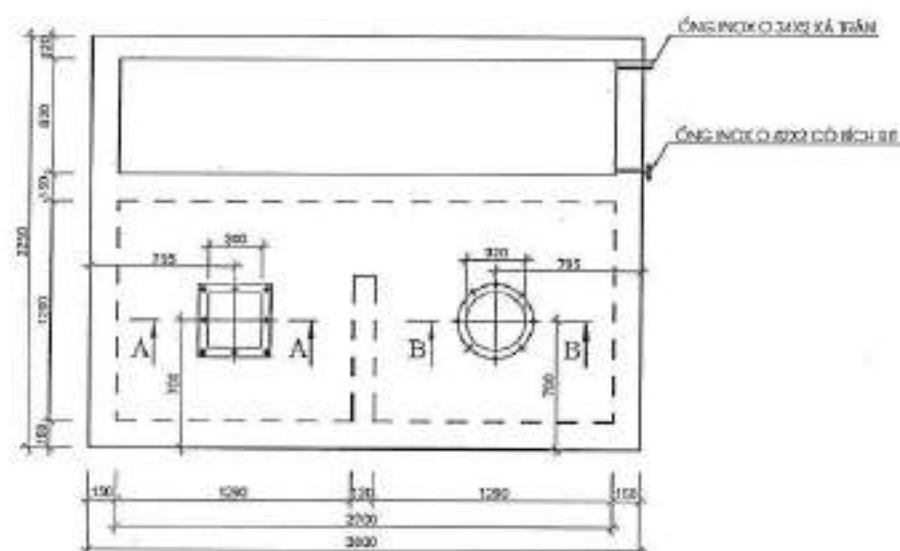
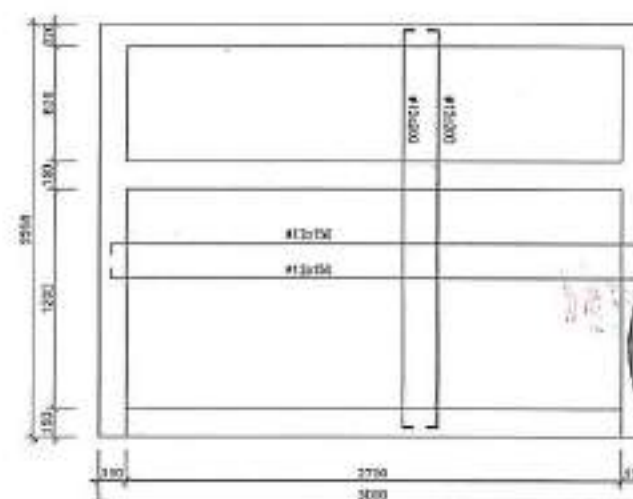
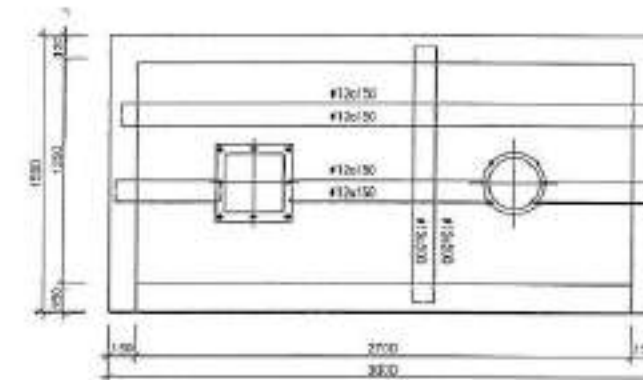
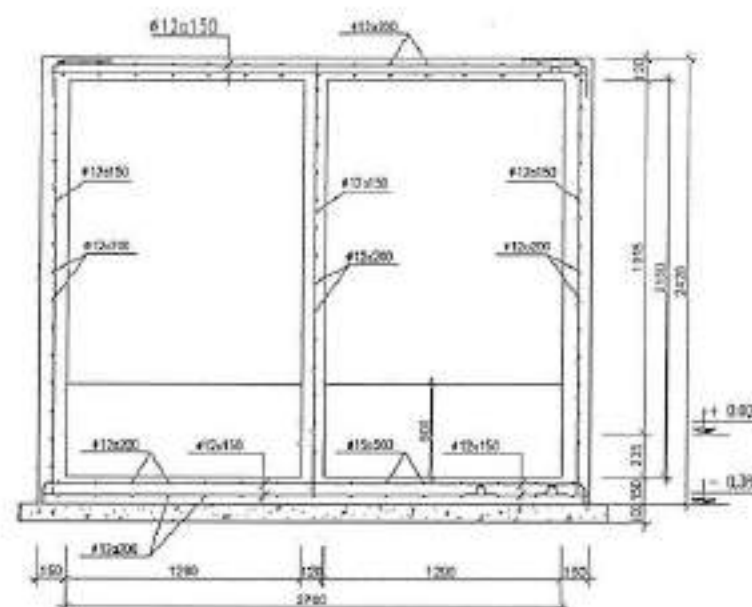
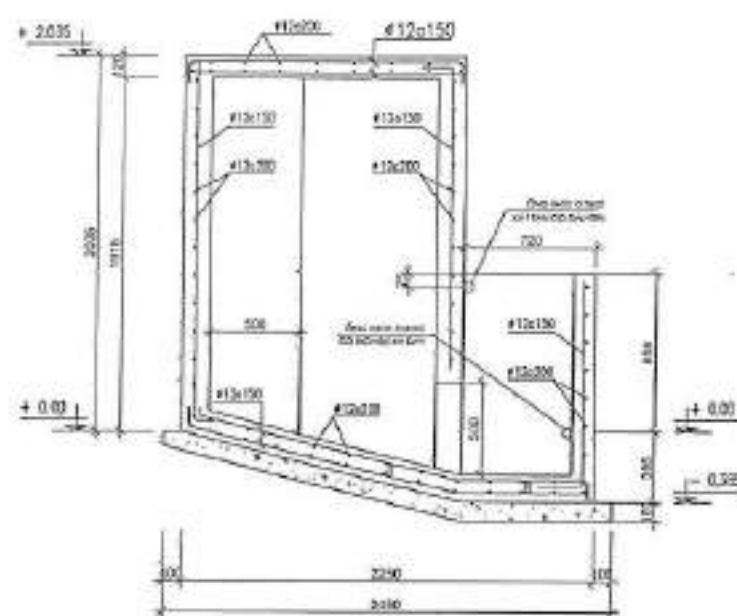
Chủ đầu tư - GENERAL DIRECTOR	
Thiết kế - DESIGNER	
Trên hồ sơ - CHIEF DESIGNER	
Trên hồ sơ - HEAD OF SECTION	
Trên hồ sơ - MOUNTAIN TRAIL TRUCK	
Trên hồ sơ - MOUNTAIN TRAIL TRUCK	
Trên hồ sơ - MOUNTAIN TRAIL TRUCK	
Trên hồ sơ - MOUNTAIN TRAIL TRUCK	
Trên hồ sơ - MOUNTAIN TRAIL TRUCK	
Trên hồ sơ - MOUNTAIN TRAIL TRUCK	

QUẢN LÝ THI CÔNG - STAGE:
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:
MẶT CẮT: TRỤ MÓNG

TỶ LỆ - SCALE:	SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO.
1/...	...HKT
HỌ TÊN - FULL NAME:	SỐ QUÂN - SERVICE NO.:
KHT - 03	





Ghi chú

- Bể khử bụi đổ bằng bê tông mác 200# đá 1x2
 - bê tông lót đáy bể mác 100# đá 2x4
 - xung quanh (trong + ngoài)
- và đáy bể trát vữa xi măng mác 150# dày 20mm

SỬA ĐỔI - REVISION			
STT	NGÀY	NỘI DUNG	CHỮ CHỮ
NO	DATE	CONTENT	APPROVE
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:



TIN CÔNG NGHỆ-PROJECT

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
 THUỐC, NỖ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

DATA	DESCRIPTION	LOCATION
1	1.1	1.1
2	2.1	2.1
3	3.1	3.1
4	4.1	4.1
5	5.1	5.1
6	6.1	6.1
7	7.1	7.1
8	8.1	8.1
9	9.1	9.1
10	10.1	10.1
11	11.1	11.1
12	12.1	12.1
13	13.1	13.1
14	14.1	14.1
15	15.1	15.1
16	16.1	16.1
17	17.1	17.1
18	18.1	18.1
19	19.1	19.1
20	20.1	20.1
21	21.1	21.1
22	22.1	22.1
23	23.1	23.1
24	24.1	24.1
25	25.1	25.1
26	26.1	26.1
27	27.1	27.1
28	28.1	28.1
29	29.1	29.1
30	30.1	30.1
31	31.1	31.1
32	32.1	32.1
33	33.1	33.1
34	34.1	34.1
35	35.1	35.1
36	36.1	36.1
37	37.1	37.1
38	38.1	38.1
39	39.1	39.1
40	40.1	40.1
41	41.1	41.1
42	42.1	42.1
43	43.1	43.1
44	44.1	44.1
45	45.1	45.1
46	46.1	46.1
47	47.1	47.1
48	48.1	48.1
49	49.1	49.1
50	50.1	50.1
51	51.1	51.1
52	52.1	52.1
53	53.1	53.1
54	54.1	54.1
55	55.1	55.1
56	56.1	56.1
57	57.1	57.1
58	58.1	58.1
59	59.1	59.1
60	60.1	60.1
61	61.1	61.1
62	62.1	62.1
63	63.1	63.1
64	64.1	64.1
65	65.1	65.1
66	66.1	66.1
67	67.1	67.1
68	68.1	68.1
69	69.1	69.1
70	70.1	70.1
71	71.1	71.1
72	72.1	72.1
73	73.1	73.1
74	74.1	74.1
75	75.1	75.1
76	76.1	76.1
77	77.1	77.1
78	78.1	78.1
79	79.1	79.1
80	80.1	80.1
81	81.1	81.1
82	82.1	82.1
83	83.1	83.1
84	84.1	84.1
85	85.1	85.1
86	86.1	86.1
87	87.1	87.1
88	88.1	88.1
89	89.1	89.1
90	90.1	90.1
91	91.1	91.1
92	92.1	92.1
93	93.1	93.1
94	94.1	94.1
95	95.1	95.1
96	96.1	96.1
97	97.1	97.1
98	98.1	98.1
99	99.1	99.1
100	100.1	100.1

LỘ B - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN
PHÙNG - ĐÀN PHƯỢNG - HẢ NỎI

HANG MJC - IBM

XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN

CONVERTIBLE DESIGNED BY:

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ
THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG
VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN & THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG

VIETNAM CONSTRUCTION TRADING
AND CONSULTANT JSC, VDCG

Add: Room 805 - CTG FOODCON Building
 Nguyen Trãi - Thanh Xuân - Hanoi
 Tel: (+84) 4 628 63 173
 Fax: (+84) 4 628 63 173
 E-mail: vncc@vncc.com

[illegible]

ĐỒNG HẠCH ĐÔNG

ĐỒ THIẾU - CHỈ ĐẠO

[illegible]

CHIEF OF POLICE: HEAD OF SECTION

HONG SUN	07
ref of receipt	

NGUYỄN THÁI TRƯỞNG

பெயர்-பெயர்	
-------------	--

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

MEM CREDIT BY	<i>hmn</i>
---------------	------------

Ngày tháng năm	2017
----------------	------

CHUYÊN TẬP - STAGE 1

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

THE NE BOND, THE GONG

TITLE - DRAWING TITLE:

2. $\frac{1}{2} \pi$ after passing each pole

MẶT CỐT THÉP BÊ XƯ

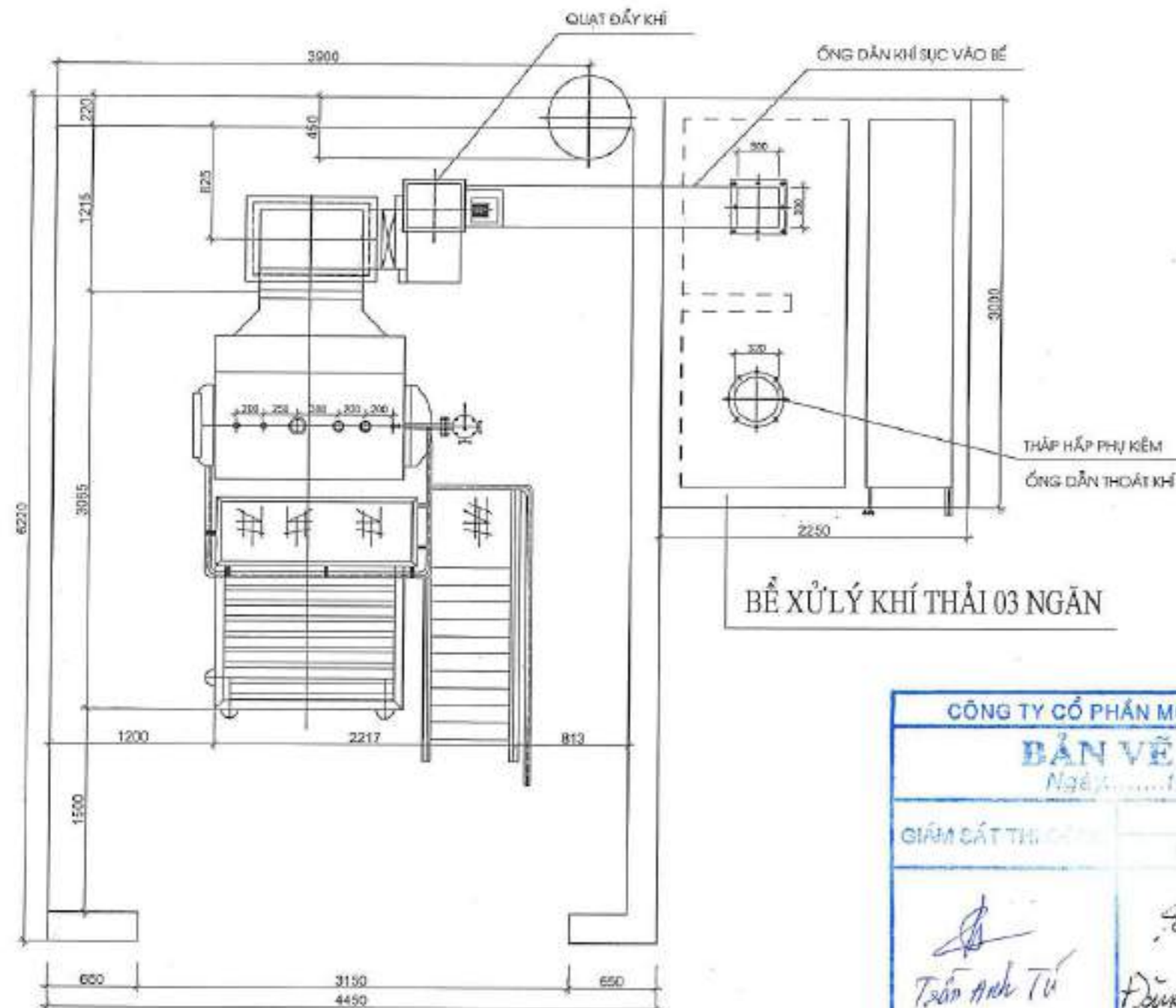
LY KHI THAI

THIẾT KẾ:	SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO:
-----------	----------------------------

1/...	...HDKT
-------	---------

HOÀN THÀNH - DONE DATE :	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO :
--------------------------	--------------------------

2017	KHT - 04
------	----------



MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI



SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP NHẬN APPROVED
1			
2			
3			

GHI CHÚ - LEGEND:



TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

LÔ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHÙNG - ĐẠM PHƯỢNG - HÀ NỘI

HẠNG MỤC - ITEM:

XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN

DESIGNED BY:



VIETNAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT JSC - VCCC

Address: Room 605 - C13 POCACON Building
Nguyen Tat Thanh Xuan - Hanoi
Tel: (+84) 4 628 63 173
Fax: (+84) 4 628 63 173
Email: vccc.jsc@gmail.com

CHỨC VỤ - POSITION:

CHỨC VỤ - POSITION	
CHỨC VỤ - POSITION	
CHỨC VỤ - POSITION	
CHỨC VỤ - POSITION	
CHỨC VỤ - POSITION	
CHỨC VỤ - POSITION	
CHỨC VỤ - POSITION	
CHỨC VỤ - POSITION	
CHỨC VỤ - POSITION	

CHỨC VỤ - POSITION:

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN

TỶ LỆ - SCALE:

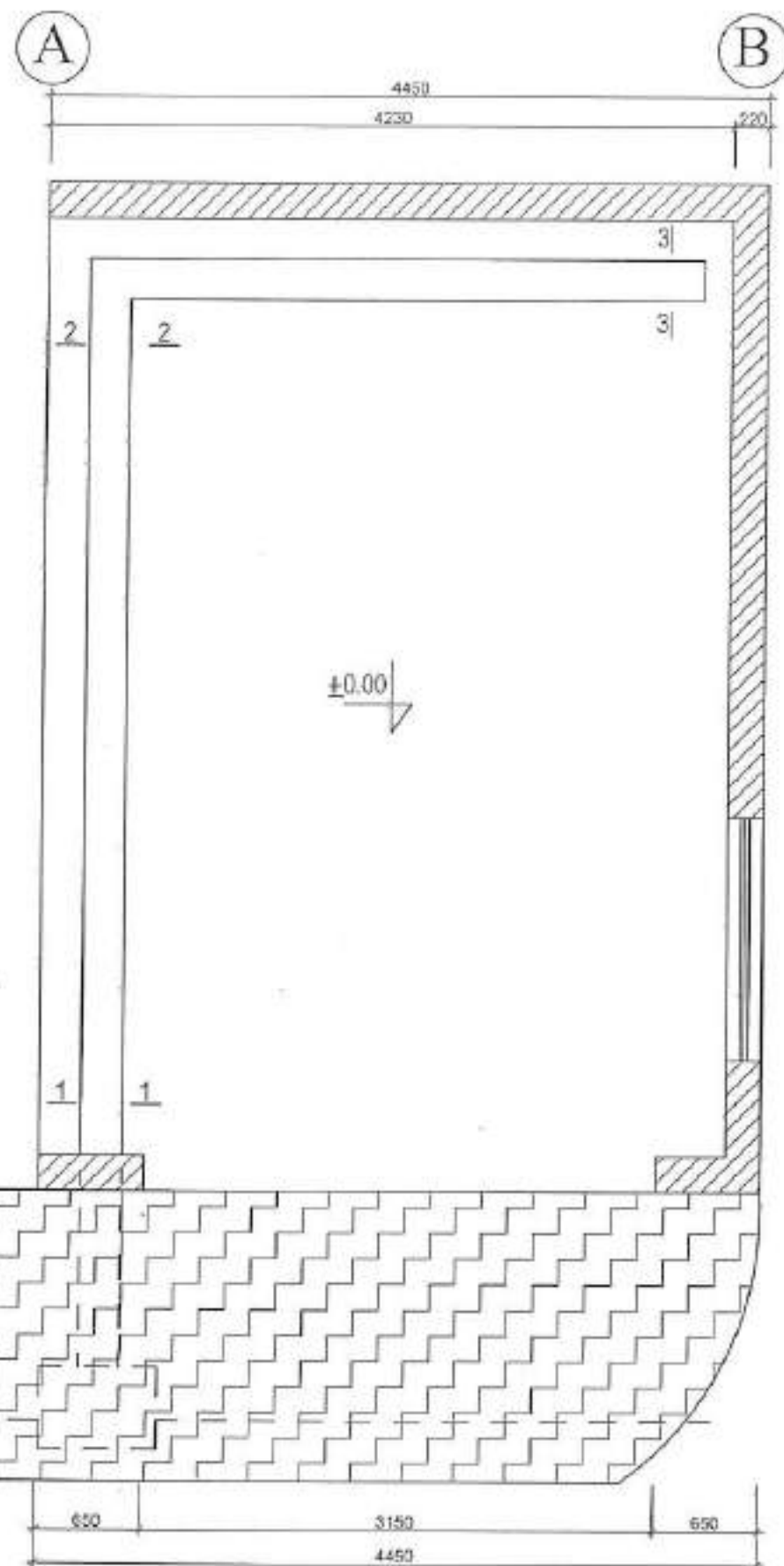
1/...

SO SÁNH - COMPARISON:

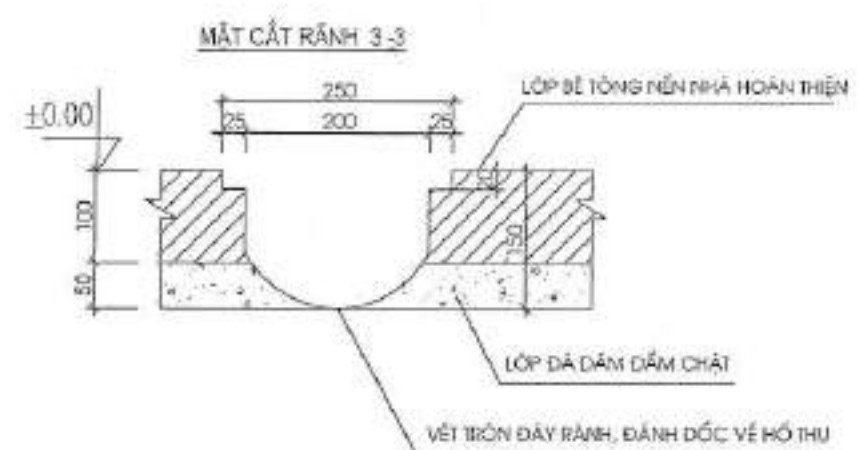
...HDKT

...HDKT

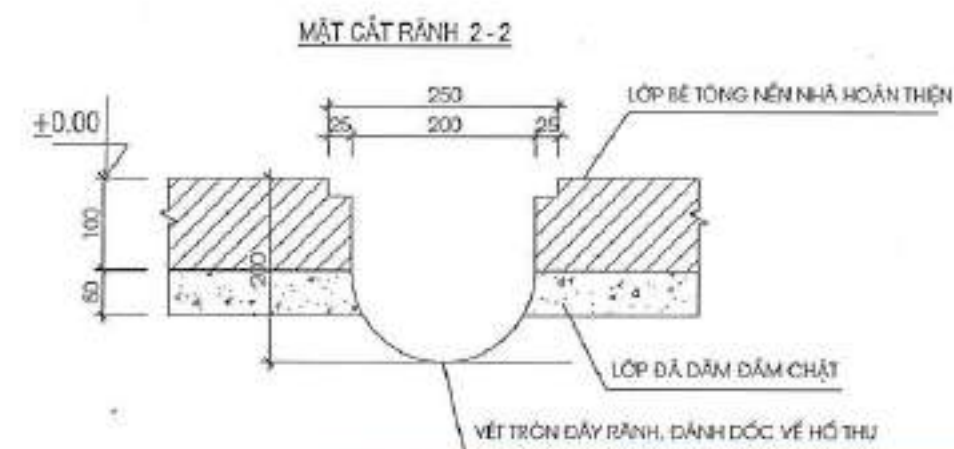
KHT - 06



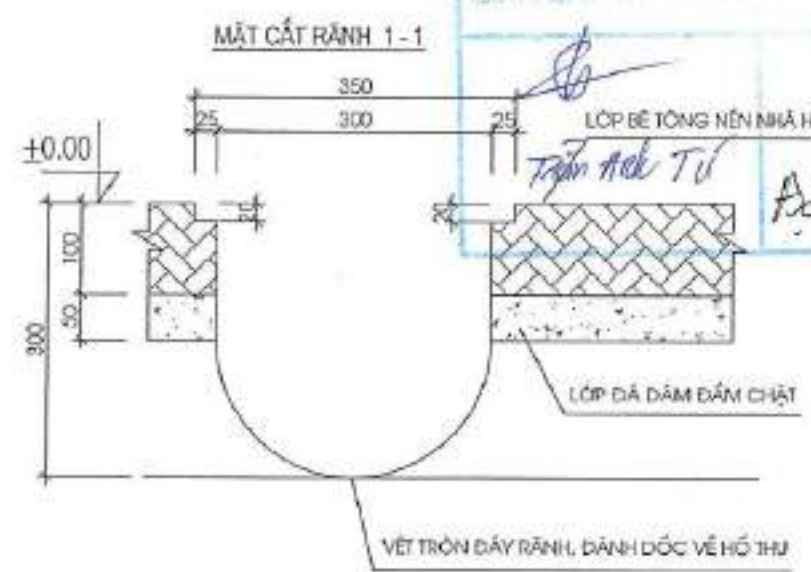
MẶT BẰNG XÂY Rãnh THOÁT NƯỚC



MẶT CẮT Rãnh 3-3



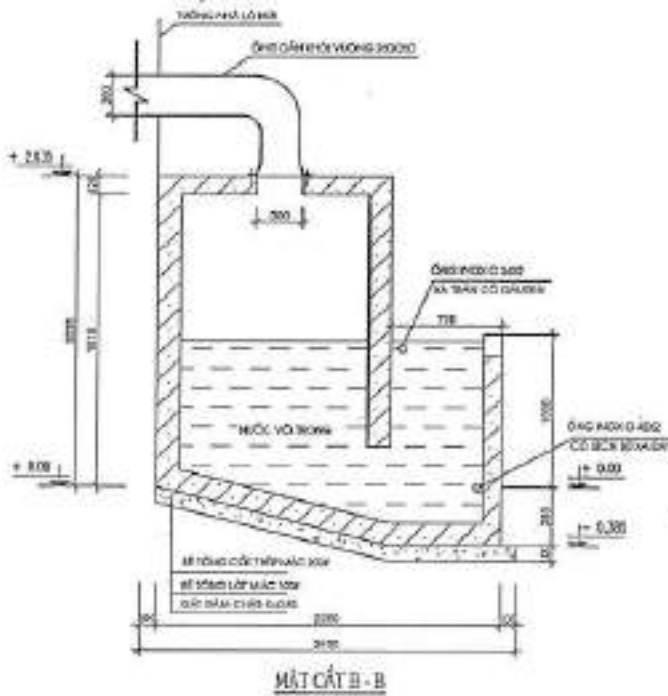
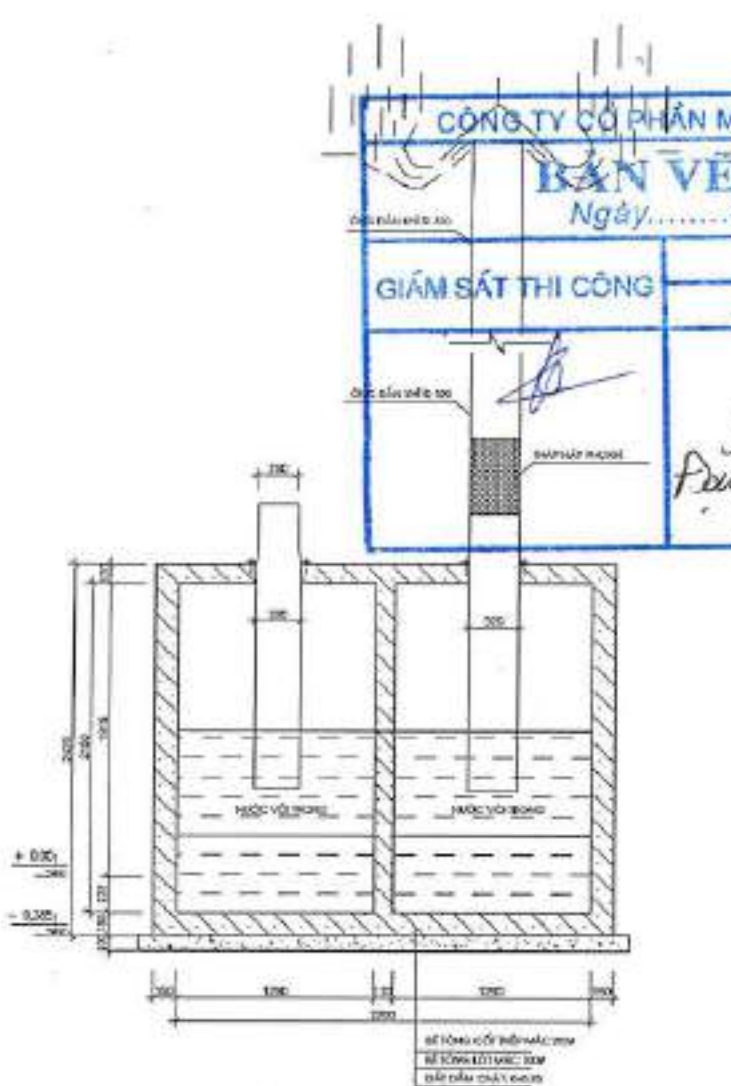
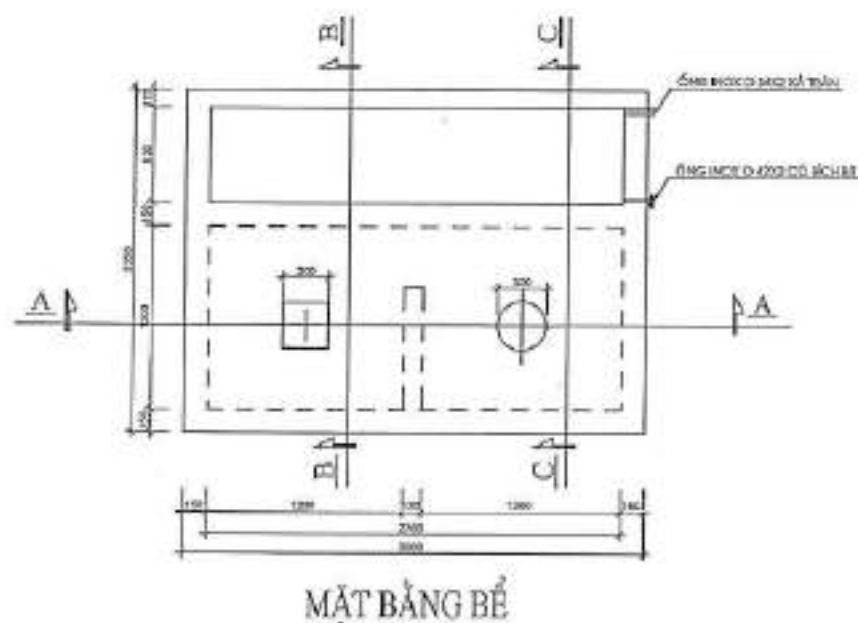
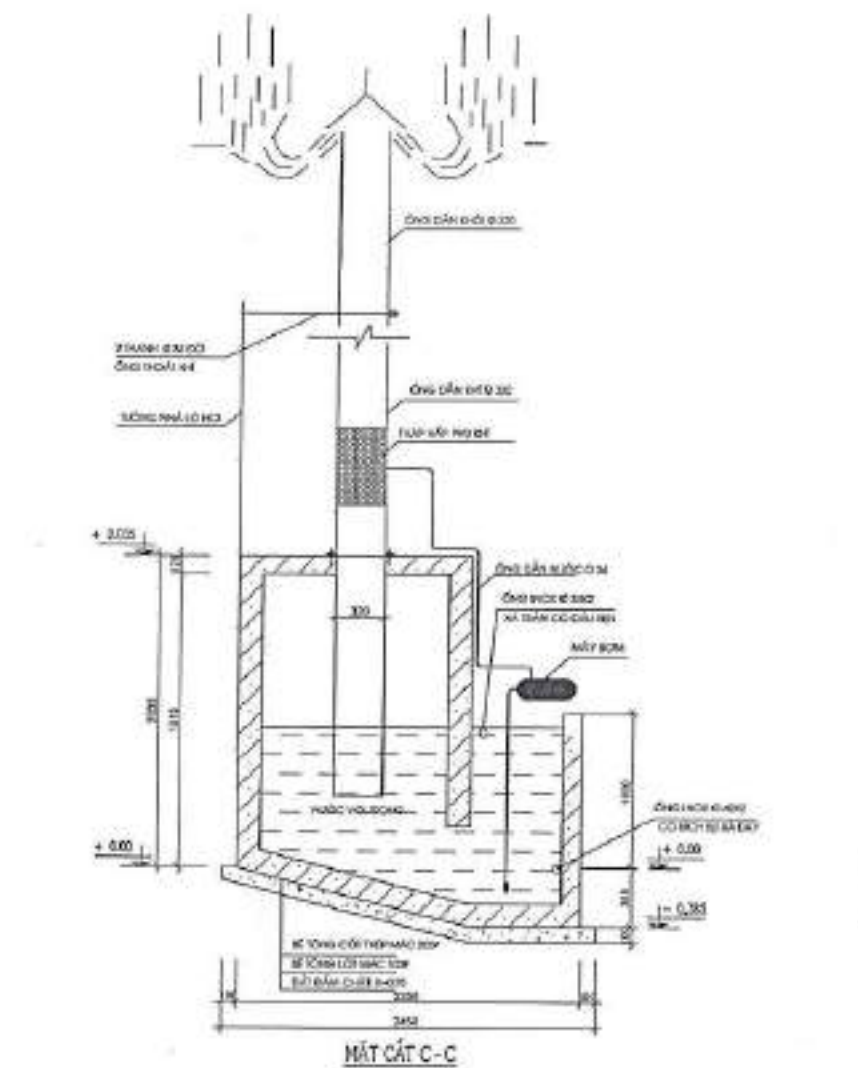
MẶT CẮT Rãnh 2-2



MẶT CẮT Rãnh 1-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LỘC
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 GIẤY SÁT TH...
 CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LỘC
 HỒ SƠ THI CÔNG
 PHẠM NGỌC ANH
 GIÁM ĐỐC

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẬP THỦM APPROVED
1			
2			
3			
GHI CHÚ - LEGEND			
CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER <			



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THẮNG LONG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20....

GIÁM SÁT THI CÔNG	ĐƠN VỊ THI CÔNG
NGƯỜI LẬP	NGƯỜI LẬP
NGƯỜI LẬP	NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY	NỘI DUNG	CHẤP THUẬN
1			
2			
3			

CHỈ CHỮ - LEGEND:



ÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT

THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM BỔ DƯỠNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

LÔ B3 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN

PHƯỜNG - ĐƠN PHƯỜNG - HÀ NỘI

KHẠNG MỤC - ITEM:

XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THIẾT KẾ

VIỆT NAM - VCCC

VIỆT NAM CONSTRUCTION TRADING AND CONSULTANT, JSC - VCCC

Địa chỉ: Room 805 - CT3 FOCVACON Building

Nguyen Trãi - Thanh Xuân - Hanoi

Tel: (+84) 4 628 65 373

Fax: (+84) 4 628 63 173

Email: vccc.jsc@gmail.com

ĐỒNG GIÁM ĐỐC - GENERAL DIRECTOR	
ĐỒNG GIÁM ĐỐC	
CHIEF ENGINEER - CHIEF ENGINEER	
TRẦN NGỌC ANH	
CHIEF ENGINEER - CHIEF ENGINEER	
LE HỒNG SƠN	
ĐỒNG GIÁM ĐỐC	
NGUYỄN THÁI TRƯỜNG	
ĐỒNG GIÁM ĐỐC	
LE HỒNG SƠN	

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN - STAGE:

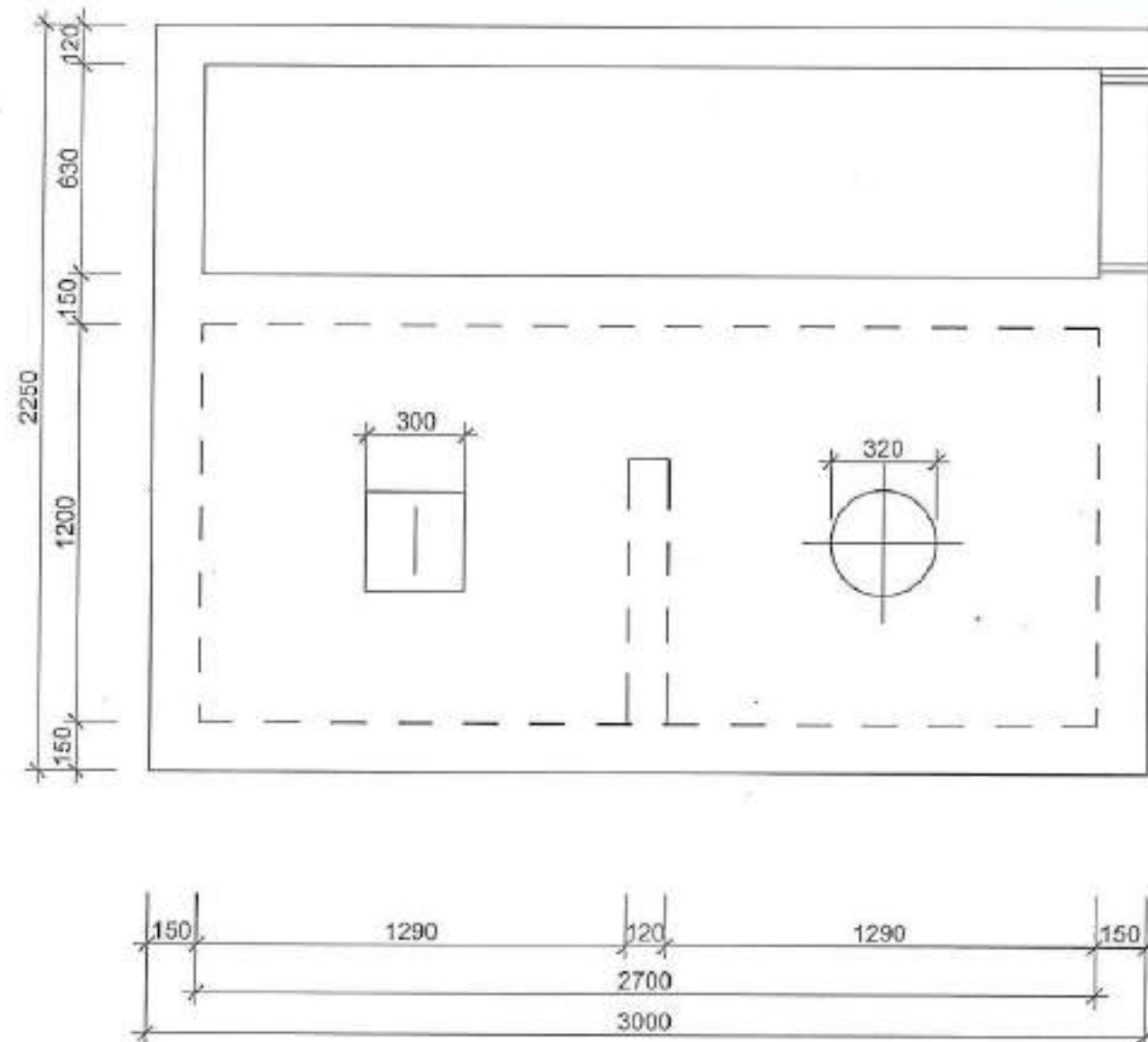
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

ÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:

MẬT CẮT: BỂ XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỈ LỆ - SCALE:	SỐ HỢP ĐỒNG - CONTRACT NO.:
1/...	...HDKT
HOÀN THÀNH - DATE:	ĐƠN VỊ - DRAWING NO.:
...	KHT - 08

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH THĂNG LONG	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày: tháng năm 20.....	
GIÁM SÁT THI CÔNG	NGƯỜI LẬP
	ĐỐC
	GIÁM ĐỐC



- ỐNG THOÁT KHÍ
- ỐNG DẪN KHÍ SỤC VÀO BỂ

MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ KHÍ 03 NGĂN

SỬA ĐỔI - REVISION			
LẦN SỐ	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT	CHẤP PHÉP APPROVED
1			
2			
3			
GHI CHÚ - LEGEND:			
TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT:			
NHÀ MÁY SẢN XUẤT THUỐC, MỸ PHẨM & THỰC PHẨM DỒ DƯỠNG			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:			
LÔ 53 - CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHƯỜNG - ĐAN PHƯỢNG - HÀ NỘI			
HẠNG MỤC - ITEM:			
XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN			
CÔNG TY THIẾT KẾ - DESIGNED BY:			
Add: Room 805 - CTS POCACON Building Nguyen Loc - Thanh Xuan - Hanoi Tel: (+84) 4 628 63 173 Fax: (+84) 4 628 63 173 Email: vccc.jo@gmail.com			
KINH QUẢN ĐỐC - GENERAL DIRECTOR			
CHỦ NHIỆM - CHIEF DESIGNER			
TRẦN NGỌC ANH			
CHỦ PHẢI - HEAD OF SECTION			
LE HỒNG SƠN			
THIẾT KẾ - DESIGNER			
NGUYỄN THÁI TRUNG			
THIẾT KẾ - DESIGNER			
CHẤM - CHECKER			
LE HỒNG SƠN			
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN - STAGE:			
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			
BÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:			
MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ KHÍ THẢI 03 NGĂN			
THẺ - SCALE:	SỐ HỌ ĐỒNG - CONSTRUCTION NO.		
1/...	...HDKT		
HỌ TÊN - ISSUE DATE:	SỐ VẼ - DRAWING NO.		
...	KHT - 09		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC

: KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI

CHỦ ĐẦU TƯ

: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

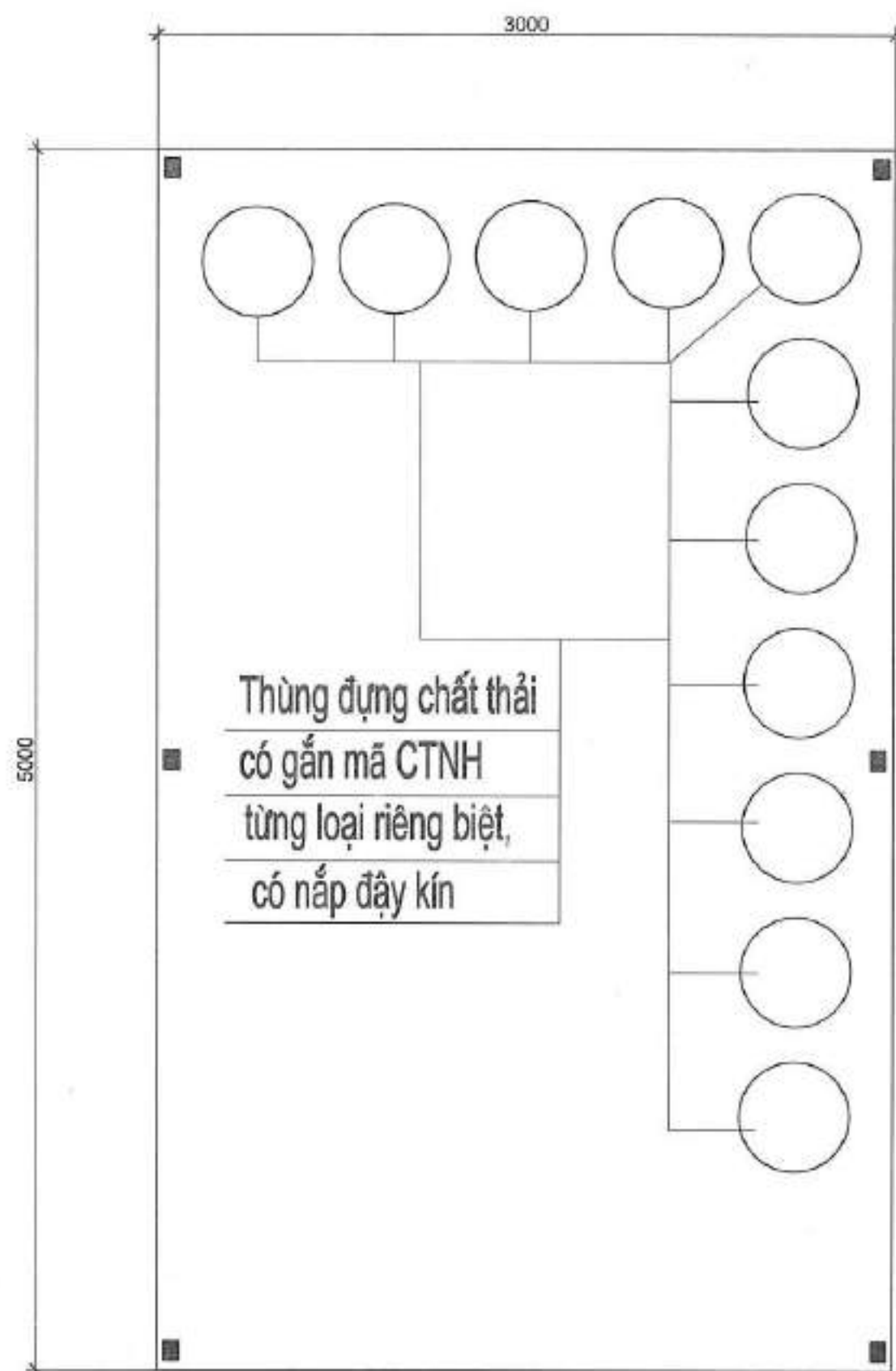
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

: CỤM CÔNG NGHIỆP THỊ TRẤN PHÙNG - ĐAN PHƯỢNG - HÀ NỘI

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH


PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐS. NGUYỄN THÀNH TRUNG

HÀ NỘI, THÁNG..03.. NĂM 2013



MẶT BẰNG KHO ĐỰNG CHẤT THẢI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

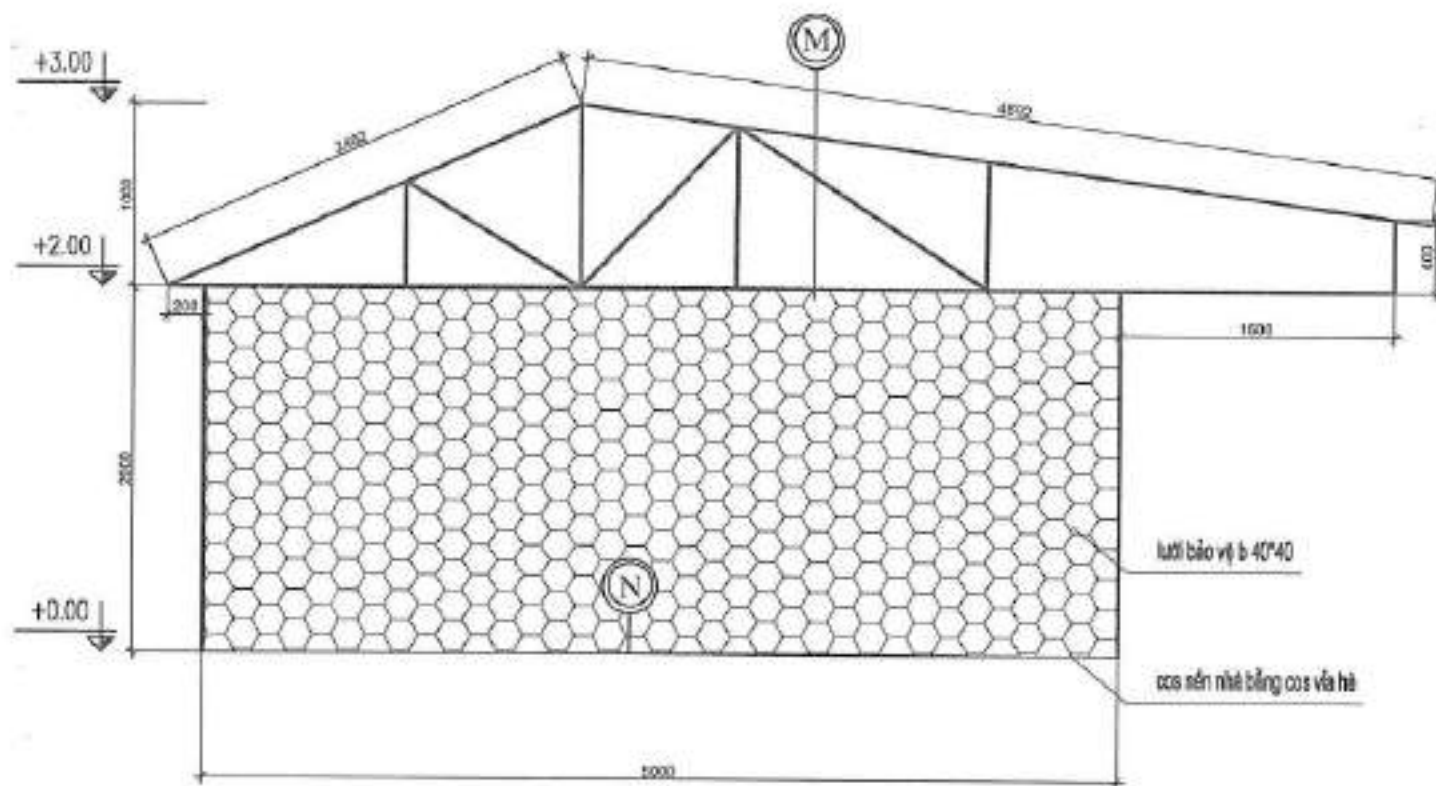
CÔNG TRÌNH: XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

MẶT BẰNG: KHO ĐỰNG CHẤT THẢI

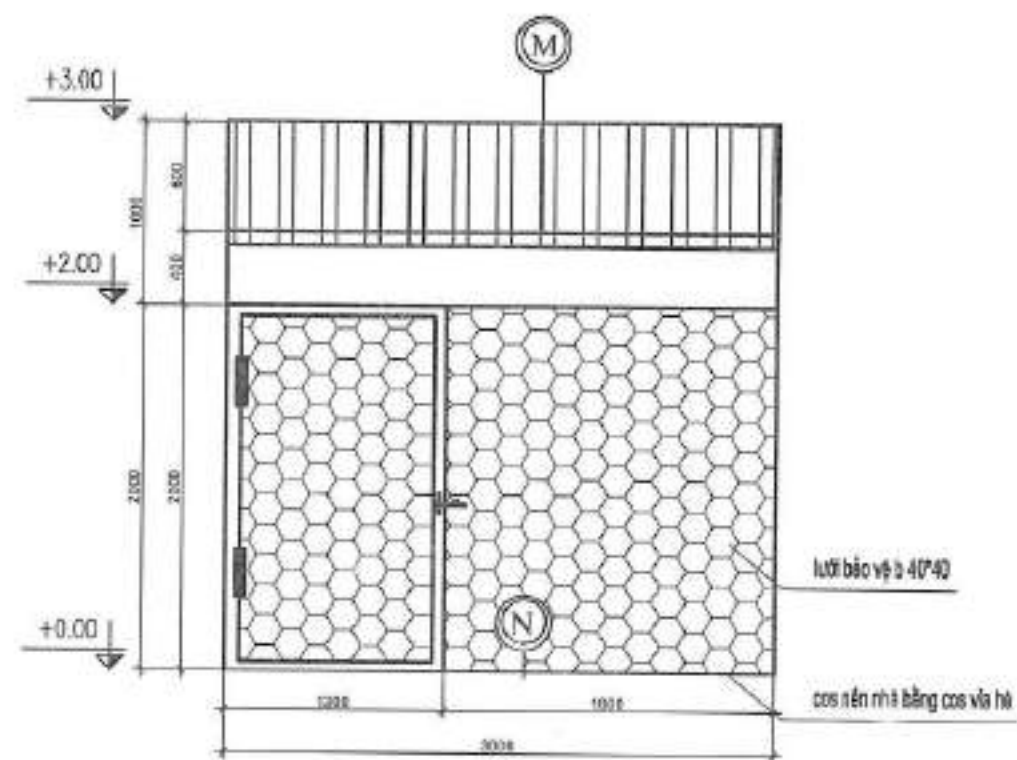
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH



PRO GIÁM ĐỐC
ĐS. NGUYỄN THÀNH TRUNG



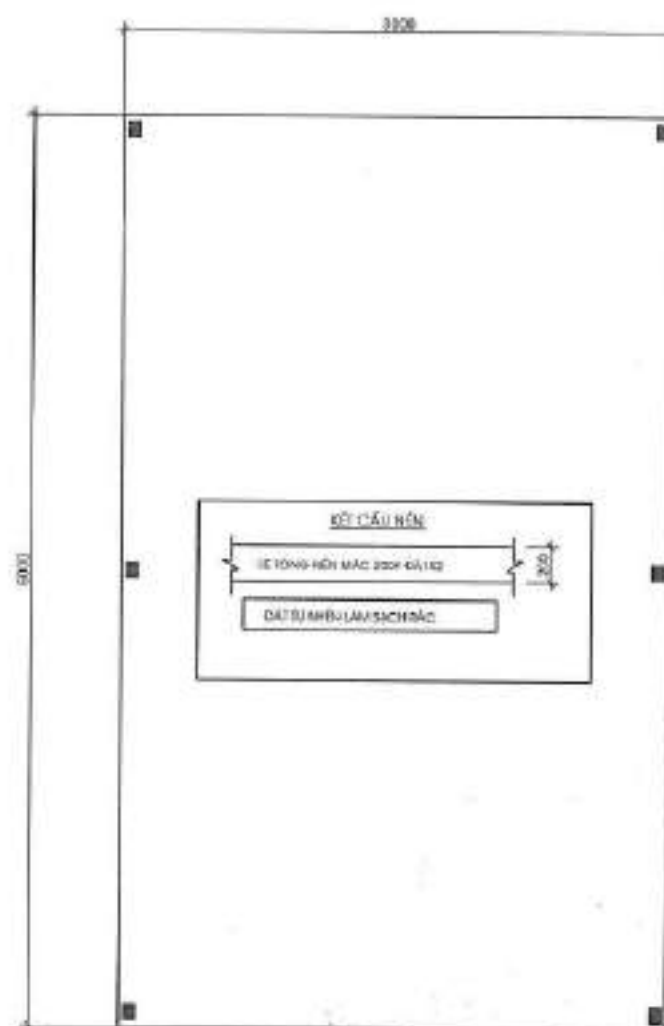
MẶT ĐỨNG TRỰC NGANG



MẶT ĐỨNG TRỰC TRƯỚC

- (M)
- TÔN LỢP LIÊN DOANH DÂY Ø.40 MM
 - XÃ GỖ THÉP V4 DUNG DỌC MÃI
 - XÃ GỖ THÉP V6 DUNG XÃ NGANG
 - LƯỚI B 40*40

- (N)
- BÊ TÔNG NỀN ĐÁ 1*2 MẮC 200# DÂY 200
 - CÁT TÔN NỀN ĐÁM CHẶT K=90
 - ĐẤT TỰ NHIÊN



MẶT BẰNG KẾT CẤU NỀN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN

MẶT ĐỨNG: TRỤC KHO ĐUNG CHẤT THẢI

CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LINH

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DƯỢC PHẨM
HOA LINH
ĐO CẤU GIẤY PHỎNG GIÁM ĐỐC
ĐS. NGUYỄN THÀNH TRUNG